

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

huongmaitruongxua.v

9

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - HÀ NỘI

<https://tieulun.hopto.org>

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

LỚP CHÍN — TẬP II

(Tái bản lần thứ mười hai)

Chính lý bổ sung năm 1972

thuongmaitruongxua.vn



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC — HÀ NỘI 1975

<https://tieulun.hopto.org>

CHƯƠNG V

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN 1930

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC SỬ

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Sau khi căn bản đánh bại phong trào Cần vương vào cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp tiến hành khai thác nước ta một cách quấy mô làm cho nền kinh tế thay đổi và xã hội cũng biến chuyển theo. Nhiều giai cấp mới xuất hiện. Mỗi giai cấp có một thái độ chính trị riêng.

Để củng cố địa vị thống trị của chúng, ngoài việc tiếp tục dùng bộ máy đàn áp, giai đoạn này thực dân Pháp chú trọng nhiều đến công cụ văn hóa. Dùng văn hóa, một mặt để làm cho người dân thuộc địa khâm phục nền văn minh nước Pháp và cam chịu đời nô lệ, một mặt giả danh khai hóa để lừa bịp và đầu độc dân bản xứ.

Bất chấp mọi sự lừa bịp và đàn áp, nhân dân ta vẫn liên tục đứng dậy chống ách thực dân. Phong trào có khi lên, khi xuống, nhưng hướng chung vẫn là ngày càng vững mạnh. Cho đến năm 1930, thì sự lãnh đạo cách mạng chuyển sang tay giai cấp công nhân và Đảng cộng sản Đông dương chính thức thành lập.

TÌNH HÌNH VĂN HỌC

Trong hoàn cảnh xã hội ngày càng biến đổi, từ một xã hội phong kiến đến một xã hội thực dân nửa phong kiến bị kìm chặt dưới gót sắt đế quốc, trong hoàn cảnh cuộc đấu tranh gian nan, nhưng vô cùng anh dũng giữa nhân dân ta và bọn cướp nước cùng tay sai, văn học phát triển một cách khó khăn và có nhiều nét đặc biệt. Trong đó, sự thống trị của đế quốc là một cản trở hết sức lớn.

VIỆC ĐỔI MỚI VĂN HỌC TRONG GIAI ĐOẠN NÀY

Trước những nhu cầu của xã hội mới, khả năng của văn học thời trước không còn đủ và hợp thời nữa. Phải đổi mới và bổ sung.

Trước hết là vấn đề quốc ngữ.

Chữ quốc ngữ, dùng về mặt chữ mà xét, là một cách viết tiếng Việt do các giáo sĩ đạo Gia-tô đặt ra để phục vụ mục đích truyền đạo. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đem truyền bá ở Nam bộ. Đến đầu thế kỷ XX này chúng cũng làm như thế ở Trung bộ và Bắc bộ. Việc làm đó không có mục đích nào khác là phục vụ âm mưu nô dịch của chúng. Các nhà cách mạng Việt nam lại nhìn vấn đề một cách khác. Họ thấy chữ quốc ngữ rất tiện lợi và có một vai trò hết sức quan trọng trong việc đề cao tiếng Việt và phục vụ sự nghiệp cách mạng. Họ thiết tha kêu gọi học chữ quốc ngữ:

Chữ quốc ngữ là hồn trong nước,

Phải đem ra tình trước dân ta.

Sách các nước, sách Chi-na,

Chữ nào nghĩa nấy dịch ra tỏ tường.

...Một người đọc, muôn người đều biết,

Trí ta khôn, muôn việc đều hay.
Lợi quyền nắm được vào tay,
Có cơ tiến hóa, có ngày văn minh.

(Cổ động học mới — Đông kinh nghĩa thư)

Dưới ách thống trị của đế quốc, cố nhiên, nguyện vọng của họ không được thực hiện đầy đủ. Cho nên, mãi đến Cách mạng tháng Tám, dân tộc ta được giải phóng, chữ quốc ngữ với tiếng Việt mới thật sự có địa vị xứng đáng của nó.

Vấn đề chữ quốc ngữ gắn liền với vấn đề văn xuôi. Dưới thời phong kiến, văn học bằng tiếng Việt căn bản chưa có văn xuôi. Cuối thế kỷ trước, ở Nam bộ đã có người bắt đầu viết văn xuôi, nhưng hãy còn hết sức vụng về. Đến nay, việc xây dựng văn xuôi thành vấn đề cấp thiết. Một mặt phải lo làm giàu kho từ vựng để đáp ứng nhu cầu hoạt động ngày càng phức tạp của xã hội. Mặt khác phải lo xây dựng câu văn xuôi thành công cụ diễn đạt hoàn bị. Việc này có nhiều khó khăn. Phải trải qua một thời gian khá lâu mới dần dần trút bỏ được câu văn lẻ thê, thiếu rành mạch hoặc nặng nề, khó hiểu vì dùng nhiều từ Hán — Việt, để đi đến một câu văn giản dị, sáng sủa, chặt chẽ. Mãi đến cuối giai đoạn văn học này, câu văn xuôi mới gọi là ít nhiều được thử thách và có một trình độ trưởng thành nhất định.

Một vấn đề cần bổ sung nữa cho nền văn học cũ là vấn đề loại thể. Tiểu thuyết, kịch là những loại thể phổ biến trong các nền văn học hiện đại. Trước kia ta mới có truyện nôm và tiểu thuyết bằng chữ Hán, nay phải thêm tiểu thuyết tiếng Việt viết theo lối mới. Trước kia ta mới chỉ có tuồng, chèo, nay cần thêm thể loại nghệ thuật sân khấu mới như kịch nói. Các thể nghiên cứu, phê bình, nghị luận trước kia viết bằng chữ Hán, nay phải dùng tiếng Việt và đổi mới về phương pháp. Trong

công việc bổ sung này cũng như việc xây dựng văn xuôi, phần lớn mới có công sức của những người hoạt động trên văn đàn công khai.

Đáng chú ý là bấy giờ nền văn học mới còn đang xây dựng, phần lớn tác phẩm sáng tác còn đang ít, cho nên báo chí, dịch thuật chiếm một phần quan trọng trong hoạt động văn học và có tác dụng khá lớn trong việc góp phần xây dựng nền văn học mới.

**VĂN HỌC GIAI ĐOẠN NÀY GỒM BA BỘ PHẬN:
VĂN HỌC NÔ DỊCH; VĂN HỌC BƯỚC ĐẦU
CÓ XU HƯỚNG LÃNG MẠN HOẶC XU HƯỚNG
HIỆN THỰC PHÊ PHÁN; VĂN HỌC CÁCH MẠNG.**

Do tình hình của nước ta, văn học giai đoạn này có một bộ phận văn học nô dịch. Mầm mống của nó đã có từ giai đoạn trước. Đó là văn học của bọn tay sai thực dân viết theo chỉ thị các quan thầy trên văn đàn công khai. Tính chất chung của thứ văn học ấy là phản dân tộc. Hai tên tay sai đặc lực và nguy hại nhất là Nguyễn Văn Vĩnh với tờ *Đông dương tạp chí* (1913 — 1917) và Phạm Quỳnh với tờ *Nam phong* (1917 — 1934).

Cùng phát triển trên văn đàn công khai còn có bộ phận văn học bước đầu có xu hướng lãng mạn hoặc xu hướng hiện thực phê phán. Nó đã bắt đầu nảy nở ở Nam bộ vào cuối thế kỷ trước. Đến cuối giai đoạn này nó đã đạt một số thành tựu đáng kể, mặc dù ít ỏi. Tiểu thuyết mới đã ra đời: *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1925), *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật (1925), *Tỉnh mộng* của Hồ Biểu Chánh (1926). Phạm Duy Tồn đã có một truyện ngắn thành công: *Sống chết mặc bay* (1918). Về kịch đã có *Chén thuốc độc* của Vũ Đình Long (1921). Một hình thức sân khấu mới hình thành là cải

lương, nhưng chưa có những vở thành công về mặt văn học. Về thơ, có thơ Tản Đà.

Dòng văn học này bị sự thống trị của thực dân chi phối một cách nặng nề. Tuy nhiên, nội dung cũng có hai nét tích cực: một là phơi bày một số hiện thực xấu xa về mặt đạo đức trong xã hội bấy giờ; hai là bày tỏ một ý thức yêu nước trùu tượng và mờ nhạt. Phần tiêu cực tập trung nhiều nhất ở tinh thần ủy mị trốn tránh cuộc đời.

Thành tựu đáng kể nhất là ở mặt hình thức nghệ thuật. Mặc dù còn rất nhiều non nớt, phần văn học này đã góp phần đổi mới loại thể tiểu thuyết trong văn học dân tộc và du nhập một loại thể mới hẳn là kịch nói. Trong thơ bắt đầu có xu hướng quay về với hình thức lục bát và đàn ca để tìm tòi con đường đổi mới, báo hiệu cho phong trào thơ mới trong giai đoạn văn học tiếp theo. Trên hết có lẽ là thành công của việc xây dựng văn xuôi, làm đà cho sự phát triển của văn học về sau. Cũng ở giai đoạn này, về nghiên cứu, phê bình, sưu tầm văn học đã có một vài đại biểu: Phan Kế Bính, Nguyễn Văn Ngọc...

Thứ ba là văn học cách mạng. Văn học cách mạng tiếp tục truyền thống chống Pháp của văn học yêu nước thế kỷ trước và theo sát các phong trào cách mạng. Trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất là văn thơ thuộc các phong trào *Đông du*, *Duy tân*, *Việt nam quang phục hội*. Có tiếng nhất là văn thơ của Phan Bội Châu (1867 — 1940), Phan Châu Trinh (1872 — 1926), Nguyễn Thượng Hiền (1866 — 1926), Huỳnh Thúc Kháng (1875 — 1947), Đông kinh nghĩa thực (1907). Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, một đảng là văn thơ của những người theo xu hướng cách mạng tư sản, trong đó có người của thế hệ trước còn sót lại, đảng khác là

văn học theo xu hướng cách mạng vô sản mà tiêu biểu là những tác phẩm của cụ Nguyễn Ái Quốc.

Đây là bộ phận văn thơ mà thực dân rất căm ghét và tìm hết cách khủng bố. Cho nên thường là nó lưu hành bí mật, có khi xuất hiện từ nhà tù, hoặc từ nước ngoài, nhưng đặc biệt nó được nhân dân quý trọng và bảo vệ.

Đặc điểm nổi bật của văn học cách mạng thời kỳ này là gắn liền với công cuộc vận động chính trị, tức là không lúc nào nó xa rời mục tiêu chống Pháp, giải phóng dân tộc. Nó bao hàm hai mặt : một mặt tố cáo mọi tội ác của thực dân để gây căm thù, mặt khác đề cao truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc để kêu gọi lòng tự hào, tự tin, nêu rõ nỗi khổ của dân chúng để kích thích chí phấn đấu, đề cao gương hy sinh dũng cảm để động viên, khuyến khích. Nói chung, đặc điểm tư tưởng của văn thơ cách mạng là tinh thần yêu nước cao độ, là nhân sinh quan tiến bộ, lành mạnh và tinh thần chiến đấu cương quyết, bền bỉ.

Vì hoàn cảnh đặc biệt, thơ văn cách mạng không phát triển một cách đầy đủ, mặc dù nó được viết theo gần đủ các loại thể. Nghệ thuật không phải luôn luôn thành công, nhưng nhiệt tình sôi nổi và cảm xúc chân thực của người sáng tác thường vẫn làm cho thơ vẫn có sức sống và do đó có sức gợi cảm mạnh mẽ. Văn thơ cách mạng vì thế đến nay vẫn còn là những bài học nóng hổi về tinh thần chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

Văn học cuối thế kỷ XIX và các thế kỷ trước đã để lại những truyền thống tốt đẹp mà giai đoạn này tiếp tục phát huy, nhưng đồng thời cũng bộc lộ nhiều nhược điểm mà giai đoạn này cần phải khắc phục mới đáp ứng được với tình hình. Do đó, trong lịch sử văn học dân tộc từ đầu thế kỷ này trở đi, giai đoạn này

đánh dấu một bước chuyển biến, một sự đổi mới. Riêng trong việc đổi mới hình thức văn học, dòng văn học cách mạng là dòng văn học tiêu biểu nhất cho dân tộc, vì bị thực dân Pháp ngăn chặn cho nên chưa phát huy được đầy đủ tác dụng của mình. Đó là một sự thiệt thòi rất lớn. Tuy nhiên, văn học giai đoạn này đã ghi được một số thành tích đáng kể và đã sửa soạn cho sự tiến bước mạnh mẽ của giai đoạn sau.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Những sự kiện lịch sử nào đã tác động nhiều đến sự phát triển của văn học thời kỳ này ?
2. So với giai đoạn trước, văn học giai đoạn này đã có những nét gì đổi mới và bổ sung thêm ?
3. Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời và phát triển của từng bộ phận văn học trong thời kỳ này ?
Đặc điểm của từng bộ phận văn học ?

PHAN BỘI CHÂU
(1867 — 1940)

I — TIỂU SỬ

Phan Bội Châu, biệt hiệu Sào Nam, sinh năm 1867 tại làng Đan nhiệm, huyện Nam đàn, tỉnh Nghệ an. Gia đình mấy đời đều là nhà nho nghèo. Đặc biệt ở ông lòng yêu nước nảy nở rất sớm. Năm 1900, ông đỗ giải nguyên và từ đó hiến thân cho sự nghiệp cứu nước. Năm 1905, ông bí mật ra nước ngoài và hoạt động ở Nhật, ở Thái lan, lâu nhất ở Trung quốc. Năm 1925, ông bị thực dân Pháp bắt ở Thượng hải đem về định giết rồi sau đưa vào giam lỏng ở Huế. Ông mất ở đây ngày 29 tháng 10 năm 1940.

Theo ông, suốt đời chỉ có vài năm hoạt động ở Nhật là thời kỳ « đặc ý » còn toàn là thất bại. Nhưng lịch sử đã công nhận ông là một trong những nhà cách mạng lỗi lạc nhất hồi đầu thế kỷ này và đời ông là một tấm gương hy sinh cao cả cho dân tộc.

Tác phẩm chính của ông gồm có :

Hải ngoại huyết thư (Bức thư viết bằng máu từ nước ngoài gửi về, 1906), *Trùng quang tâm sử* (Lịch sử những tấm lòng yêu nước ở trại Trùng quang), *Ngục trung thư* (Sách trong tù, 1913), *Phan Bội Châu niên biểu* (Cuộc đời Phan Bội Châu ghi theo năm tháng, 1940).

II—THƠ VĂN PHAN BỘI CHÂU LÀ NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT CHỨA CHAN LÒNG YÊU NƯỚC

Từ nhỏ theo học đạo Nho, ông đã tiếp thu sâu sắc tinh thần vì nghĩa quên mình. Đến khi lớn lên, tình cảnh nước mất nhà tan đã in vào trái tim khối óc ông một ấn tượng không bao giờ phai. Ông viết trong *Ngục trung thư* : “*Than ôi ! Trời long đất lở, lúc này là lúc nào đây ? Làm thân nam nhi đội trời đạp đất, trước cảnh non sông như thế, ai mà trơ như gỗ đá cho đành ?*”. Bầu máu nóng vì dân vì nước ấy sẽ sôi nổi suốt đời nhà chí sĩ.

Nó xuất phát từ nhận thức ngày càng sâu sắc về nỗi khổ nhục của người dân nô lệ dưới ách thống trị của bọn cướp nước. Từ sự nhận thức ấy, nhiệt tình yêu nước đã khơi lên một ngọn lửa căm thù mãnh liệt đối với lũ thực dân và tay sai. Nhân dân Việt nam đói khổ không thể sống được là vì sưu thuế của đế quốc. Nhân dân Việt nam có cơ bị tiêu diệt, là vì chính sách tàn sát khủng bố của đế quốc. Đối với nhân dân Việt nam, đế quốc khinh khi bạc đãi thậm tệ. Cho nên, đối với quân

cướp nước ấy, dứt khoát chỉ có một thái độ : không đội trời chung :

*Hồn máu nóng chất quanh đây ruột,
Anh em ơi ! xin tuốt gươm ra.*

(*Hải ngoại huyết thư*)

Cũng như đối với bọn vua quan bán nước là lũ “*Cống hồ làm hại người nhà. Thế thời quyết hẳn không tha*” (*Hải ngoại huyết thư*).

Đó là một tinh thần chống bọn xâm lược và bè lũ tay sai hết sức mạnh mẽ.

Phan Bội Châu nhận thức rằng công việc cứu nước vô cùng khó khăn, nhưng lòng tin của ông vào lòng yêu nước của mọi người, vào tương lai dân tộc thật là mãnh liệt. Ông lập luận là: hễ là người thì biết phải trái, yêu nước là việc phải, cho nên ai cũng yêu nước và yêu nước là phải cứu nước. Từ đó, ông đặt lòng tin vào rất nhiều hàng người và kêu gọi họ đoàn kết phục vụ sự nghiệp chung. Đặc biệt, ông tha thiết với nhiệt tình của thanh niên và nhìn thấy vai trò của phụ nữ, nên đã dành cho họ rất nhiều lời khuyên nhủ tâm huyết :

*Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi
Cởi lột xưa mà tu dưỡng lấy tinh thần,
Chẳng thêm chơi, chẳng thêm mặc, chẳng thêm ăn
Đúc gan sắt để dờn non lấp bề.
Xối máu nóng rửa vết dơ nô lệ...*

(*Bài ca chúc Tết thanh niên*)

Mặt khác, cũng vì có lòng tin sâu sắc ở tương lai nước nhà, nên những khi thất bại, ông vẫn rất lạc quan :

*Vẫn là hào kiệt vẫn phong lưu,
Chạy mỗi chân thì hăng ở tù.*

(*Ngồi tù ở Quảng đông*)

Cho đến khi chết, *Lời cảm tạ cuối cùng* của ông vẫn là lời thống thiết của một tấm lòng suốt đời thiết tha vì nước vì nhà.

III—THƠ VĂN PHAN BỘI CHÂU LÀ VỮ KHÍ TUYÊN TRUYỀN VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG ĐẦY NHIỆT TÌNH

Phan Bội Châu vào đời không phải để làm văn mà để chiến đấu cách mạng. Nhưng nhiệm vụ bắt ông phải cầm bút. Nhà văn và người chiến sĩ ở ông là một. Vì chiến đấu mà viết và viết để chiến đấu. Văn thơ nhằm một mục đích duy nhất: phục vụ nhiệm vụ chính trị của cách mạng; hơn nữa văn thơ ấy phải lớn là văn thơ tuyên truyền; cả cuốn tiểu thuyết *Trùng quang tâm sử* cũng là một tác phẩm tuyên truyền đường lối cách mạng của tác giả.

Tuy nhiên, một phần không nhỏ tác phẩm của ông đã đạt đến giá trị của công trình nghệ thuật. Chính là vì nhà chiến sĩ đã có trái tim dồi dào cảm xúc và ngòi bút điêu luyện của nghệ sĩ. Ngòi bút ông chưa xốt, cảm hờn mỗi khi phản ánh những hiện thực đau thương của nhân dân ta. Điều đó khiến cho những hiện thực ấy càng được phơi bày một cách sắc sảo. Khi nhiệt tình cách mạng của ông bị kích thích đến cao độ thì lời văn chuyển thành giọng hùng hồn thống thiết có sức lôi cuốn thuyết phục rất mạnh. Đoạn sau đây trong *Ngục trung thư* có thể xem là một đoạn tiêu biểu:

«Chiếc bóng chân trời, đèn tàn trước gió, nhỏ giọt lệ còn sót lại trong vại chực năm nay, góp lịch sử một đời tôi, hòa lẫn máu mà viết ra. Ba mươi triệu đồng bào rất thân yêu của tôi viết cho lòng tôi chẳng? Buộc tôi cho tôi chẳng? Đọc cuốn sách này của tôi, sẽ thấy cái đỏ tàn của máu con đồ quyền vẫn còn làm ly trên mặt giấy».

∴

Phan Bội Châu tiêu biểu cho phong trào chống Pháp của dân tộc ta hồi đầu thế kỷ này. Văn thơ của ông còn ghi lại nhiều chủ trương tiến bộ so với đương thời, nhưng điều quý báu nhất vẫn là nhiệt tình yêu nước không bờ bến của ông. Chính nguồn tình cảm phong phú đó đã truyền cho thơ văn ông một hơi nóng kỳ diệu đến nay vẫn còn nung nấu được lòng người. Thêm vào đó, những lời thơ, câu văn giàu hình ảnh cụ thể, sinh động, những nhân vật chưa phải là những điển hình đặc sắc, nhưng cũng gây được những ấn tượng tốt đối với người đọc, tác phẩm của Phan Bội Châu là những công trình nghệ thuật có giá trị.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu lòng yêu nước và những quan điểm chính trị của Phan Bội Châu.
2. Ở Phan Bội Châu, văn nghệ và tuyên truyền, nhiệm vụ nhà văn và hoạt động chính trị đã được kết hợp với nhau một cách chặt chẽ như thế nào?
3. Nêu những đặc điểm chính của thơ văn Phan Bội Châu.

TRÙNG QUANG TÂM SỬ⁽¹⁾

TỎ MẶT ANH THƯ

Chập tối, chim bay về tổ, cành lá la đà, ngọn đèn to lớn kia đã lơ lửng trên bầu trời, tỏa ánh trắng sáng xuống mặt sàn sơn trại. Chốc lát, các bạn đồng chí đều lục tục đến họp.

Mãi đến gần nửa đêm, điểm danh thì các hội viên đều có mặt, chỉ thiếu anh Phấn. Mọi người chờ có hơn tiếng đồng hồ, thì ở ngoài cửa trại nghe có tiếng chân thình thịch. Bỗng thấy bóng hai người hiện ra, đi trước là một chàng thanh niên vạm vỡ, theo sau là một cô gái đẹp, trạc chừng 18, 19 tuổi, lưng thưng bước vào. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, trông kỹ lại thì ra anh Phấn.

Thấy thế ông Khoách giận lắm, la rằng :

— Anh em chờ chú đến mới cả mặt, nay chú lại kèm thêm cô ả này đến nữa à !

Chú phải biết cuộc hội họp của anh em hôm nay là quan trọng như thế nào chứ ?

Phấn chưa kịp đáp, thì Kiên đã xen vào nói rằng :

— Xin các ông hãy bình tĩnh. Phấn nó thà chịu tù tội quyết không quỳ lạy dưới giày giặc Ngô², chắc không phải hạng mê sắc đến hỏng việc đâu. Hãy xin hỏi cô này là ai, vì sao mà đến đây đây.

Mọi người đều bực lắm, kẻ cười, kẻ mắng, kẻ mỉa mai, xôn xao cả hội trường, làm cho chim rừng hoảng sợ, bay kêu lung tung. Tiếng người, tiếng chim huyền ảo không phân biệt rõ. Chỉ Kiên và Xi không nói gì và mời cô kia ngồi. Kiên nói rằng :

— Cô đừng trách anh em chúng tôi lỗ mãng. Vì buổi hội họp của bọn chúng tôi đêm nay rất là quan trọng, không thể cho một người khách lạ nào nghe được, huống hồ gì cô lại là con gái. Nhưng Phấn là một người sắt đá. Người mà anh ấy đã tin, thì chúng tôi đều tin. Nay xin cô cho biết qua lai lịch của cô và ý định tới đây, để cho mọi người khỏi nghi ngờ, ấy là điều anh em chúng tôi muốn nghe.

Cô thiếu nữ tức đỏ cả mặt, nói rằng :

— Tôi vẫn tưởng trong đời này, không có ai là người đáng làm bạn. Nghe nói các ông đây đều là anh hùng,

tôi cho rằng con mắt hẳn không kém, nên tôi mới đánh bạo đến đây. Nay đã vậy, thì tôi xin chết ở đây. Đàn người lúc nhúc kia đều là tôi tớ của chó Ngô, tôi còn biết sống với ai nữa.

Liền đập đầu vào đá.

Xi vội đứng dậy cứu, thì máu trên đầu đã chảy lai láng, nhưng may chưa hề gì.

Khi ấy mọi người đều hết giận, cuộc họp rất là nghiêm trang. Cô gái lặng lẽ, không nói nửa lời. Mọi người đều giục Phấn nói.

Phấn nói :

— Tôi đâu có nói, anh em chưa chắc đã tin. Tâm sự của cô, cứ để cô tự nói ra là hơn. Nhưng theo ý riêng của tôi, thì hai chữ anh hùng không phải chỉ để dành riêng cho bạn trai chúng ta. Anh em chớ vội lấy con mắt hạt đậu mà xem người vậy.

Kiên và Xi đứng dậy xin lỗi cô và xin cô trả lời.

Cô nói :

— Khi tôi mới gặp anh Phấn, thì anh Phấn cũng như các ông ngày nay. Việc đời nhân đời bừa thì khó giữ lời mà trước quá dễ dãi thì sau ắt nhiều khó khăn. Các ông làm việc, không khinh suất để cho người ngoài biết, cái đó tôi rất phục. Nhưng lịch sử và tâm sự của tôi chỉ một mình tôi tự biết, nếu có nói ra đây, các ông cũng khó mà tin được. Thôi xin các ông cứ hỏi anh Phấn.

Khi ấy mọi người đều xúm lại tranh nhau hỏi anh Phấn.

Phấn nói :

— Hôm nay tôi đưa cô lại đây, là đem lại cho anh em thêm một kiện tướng. Nguyên khi tôi mới ở tù ra được vài ngày, hai anh Kiên và Xi gởi tôi ở nhà một bác phường sản làng Mạc điền. Lúc ấy tôi là một tên tù vượt ngục, nên không dám đi ra nhiều, thường thường

chỉ đóng cửa ngồi một mình. Một hôm bỗng có người con gái ăn mày gõ cửa. Tôi trông người ấy mắt sáng, mày sắc, nét mặt lộ rõ khi phách phi thường. Tuy vậy nhìn kỹ thì dung nhan buồn rầu. Duy cái dáng buồn thắm vẫn không che được cái vẻ linh lợi, hoạt bát. Tôi thăm lấy làm lạ nên không dám đối đãi như với người ăn xin thường. Tôi gọi vào, lấy ghế mời ngồi. Người ấy ngồi rất tự nhiên, không có vẻ rụt rè. Khi ấy tinh thần tôi rất là luống cuống. Không giấu gì các bạn, bình sinh ở trong óc tôi chỉ chứa có hình ảnh anh hùng và đàn bà đẹp mà thôi. Nay thấy người như hoa như ngọc thế này lại ngấm có cái tinh thần lăm liết như sương, rục rờ như mặt trời thế kia, thì làm sao mà khiến tôi chả rung động được. Tôi mới dần dà hỏi cô :

— Cô muốn gì ?

— Cái tôi định xin rất là quý, nhưng ngay bây giờ thì khó nói với anh quá.

— Tiền phải không ?

— Không.

— Lúa gạo phải không ?

— Không.

— Quần áo phải không ?

— Không.

Tôi cười và nói rằng :

— Cô đi xin, mà những thứ tôi vừa nói, những thứ cần cho người xin cả, thì cô đều không cần. Vậy tôi biết lấy gì cho cô bây giờ ?

Cô ngồi ngẩn người ra như gỗ hồi lâu. Tôi chỉ lẳng lặng ngồi chờ nghe câu trả lời trên môi người ngọc. Dáng điệu cô lại rất trang nghiêm, không phải dễ dàng lả lơi, tôi càng sốt ruột, nhưng cũng không dám hỏi lại. Hồi lâu, cô bỗng buột miệng nói :

— Tôi nói thật với anh, Cái tôi muốn xin, trong nhà anh không có.

Tôi hỏi ngay :

— Cái gì ?

— Cái đầu Thừa tuyên sứ³ giặc Ngô.

Tôi hết hồn. Lạ quá ! Lạ quá ! Câu nói này, sao lại phát ra được ở miệng một người nữ lưu ? Nhưng sự vật trong trời đất biết bao nhiêu điều lạ. Tôi ngẫm nghĩ là cần phải nghiên cứu kỹ nữa.

Tôi nói nhỏ rằng :

— Câu nói của cô làm tôi mất cả hồn vía. May trong nhà này không có ai, nếu vách có tai thì tôi với cô sẽ chết cả họ.

Cô ấy nói :

— Tôi đây xem chết như chơi, nên mới nói vậy. Sao anh lại lấy chết mà dọa tôi ?

Lúc ấy tôi không trả lời được, tự nghĩ rằng chắc trong câu chuyện còn có nhiều thú vị, thì hăng từ từ chờ xem. Bèn sắp xếp một chiếc giường riêng, mời cô nằm nghỉ. Đến cơm tối mới ăn, dần dà tôi mới hỏi rằng :

— Sao cô biết tôi ? Và biết tôi là người thế nào ?

Cô nói :

— Tôi làm sao biết được anh ? Chính đôi giày của giặc Ngô treo ở cổng chợ đã giới thiệu anh với tôi. Tôi là con gái ông Tam, chủ tiệm rượu ở thành Nghệ an. Thừa tuyên sứ nước Ngô thường đến uống rượu ở nhà tôi, thấy tôi có chút nhan sắc, liền bắt cha tôi dâng cho nó làm thị tỳ. Nó bảo thế lực người Ngô hơn thế lực người Nam thì nó muốn gì là phải như ý. Gươm giáo của chúng là thánh thần. Tuy vậy, nói thì dễ, chứ sự thật có phải dễ như nó tưởng đâu. Cha tôi tuy là người buồn, nhưng rất hiểu đại nghĩa chủng tộc. Con gái của người thị dân lương thiện há chịu làm tỳ thiếp cho giặc

Ngô sao? Thừa tuyên sứ đã nhiều lần đến hỏi. Nhưng cha tôi nhất định không chịu. Nó bèn lấy tội rượu lâu vu cho cha tôi⁴, rồi bắt ông cù bỏ tù, bảo có đưa con gái đến dâng thì tha cho, không thì sẽ giết. Tôi sốt ruột, toan nhận lời để cứu cha tôi, nhưng cha tôi biết bụng tôi, liền thắt cổ chết trong lao để ngăn lòng tôi.

Than ôi! Cha tôi muốn cho con gái được làm một người dân tự do, nên mới liều mình như thế. Thật là đau đớn. Tôi khi ấy rất buồn nản, chỉ muốn chết ngay cho xong. Nhưng lại nghĩ, thù cha chưa trả, thì dầu có chết cũng uổng mà thôi. Nên tôi định giết được thằng giặc Ngô thì chết mới nhắm mắt. Nhưng tự xét, tấm thân yếu đuối, một mình vô võ, làm sao mà giết chúng nó bằng võ lực được. Đêm ngày lo nghĩ, chưa có kế gì. Mà dã tâm của giặc Ngô thì vẫn chưa chán. Nó vẫn cho người ép tôi, quyết bắt tôi làm tỳ thiếp thì nó mới vừa lòng. Vì thế tôi mới bỏ nhà, ăn mặc rách rưới, giả làm ăn mày đi khắp tỉnh, chỉ mong tìm được người «đồng cừ»⁵, thì thù cha tôi mới rửa được. Nhưng khắp tỉnh này đầy những tụi chó săn chim mồi; ngoài ra, thật là vắng vẻ không có một ai. Phong trần lặn lội, biết tìm đâu cho thấy anh hùng!

Năm ngoái, sau khi giặc Ngô hạ cái «lệnh lay giày» tôi rất mừng thầm là sẽ có lối tìm người. Than ôi! Giặc Ngô làm nhục người Nam ta đến thế là cùng, mà người Nam ta hèn hạ đến thế cũng là hết chỗ nói! Địa vị chủ nhà với trâu ngựa, còn biết nói sao? Nếu cả nước An nam này không có một người trai vĩ đại nào nữa, thì nền độc lập của non sông còn mong gì có ngày về? Nếu có mà không xuất hiện hồi này, thì còn đợi hồi nào nữa!

Chẳng bao lâu, nghe có ba người bị tội «ngạo hải» mà anh là một. Từ đó, tôi chu⁶ làm người trinh thám

đò các anh. Ngày đêm khấn trời, nghĩ rằng nếu thần ngục có thiêng, thì tất không vui dấp giống tự do của chúng ta. Các anh vào tù, tôi cũng bồi bác cho một mảy dơ bẩn, ăn mặc rách rưới, lần quất trước cửa ngục luôn luôn, thỉnh thoảng đến xin trước cửa nhà tù một vài đồng tiền. Phàm cách đã đề tiện, mặt mũi lại nhem nhuốc, ai còn để ý. Các anh ở tù một ngày, là tôi cũng ăn mảy trước cửa ngục một ngày, chỉ khao khát muốn biết kết quả của các anh. Tôi nghĩ rằng, các anh còn đó, thì thân tôi tức là thân các anh.

Đêm hôm lễ đại khánh⁷, có một chàng trai thấp nhỏ mạnh khỏe, cùng ngục tốt uống rượu, nhân lúc say mà cướp anh đi. Từ đó, tôi luôn luôn theo sát anh, chỉ mong anh lần này đi được trót lọt. Nhưng lại nghĩ trong lúc anh đang lo thoát nạn, việc không nên để người ngoài biết, thì tôi lại không muốn làm cho anh sợ, nên đành xa anh một đoạn đường. Khi vào làng này, thì mất dấu anh, nhưng chắc là anh vẫn ở đây. Sao tôi lại biết được thế? Vì tôi thấy anh chàng thấp nhỏ hôm trước vẫn thường đi lại ở đây luôn. Tôi chắc rằng anh vẫn còn nấp nấu dầu gần đây thôi, cho nên tôi cứ ăn mảy miết ở làng này. Quả nhiên, trước đây vài hôm, tôi trông thấy anh ở trước cửa nhà người phường săn này. Mũi dùi của Mao Toại⁸ lâu nay vẫn muốn thoát ra ngoài. Tôi muốn gõ cửa, nhưng lại hiềm hình thù bẩn thỉu, phải tắm rửa chút đã, mới dám ra mắt. Hôm nay anh ở nhà một mình, tôi mới lấy bộ mặt đura gái ăn mảy, đến thử mắt anh. Tôi nói thật với anh, cái tôi muốn xin ở anh, trừ cái đầu chó Ngô ra, không gì khác nữa. Anh có ừ không?

Tôi ngần ngừ chưa kịp trả lời. Trong não tôi lúc này hiện ra một tâm trạng muốn tin mà cũng muốn ngờ, có lười không nói ra được, có bứt không vẽ ra được. Nghĩ rằng nếu người này quả là thật, mà chốc lát mất đi, thì

minh thực là đồ tồi. Nếu không thế, đây chỉ là quán quỉ quái tinh ranh, đến đánh lừa mình, mà mình mắc phải, thì thật là quá ngu. Nhưng tôi xét kỹ lại, quyết không phải người thường. Song muốn trọng lời ừ của mình, nên chưa thể hứa ngay. Trước phải điều tra cái thâm kích cô ta vừa nói có đúng không đã. Ấy là vấn đề thứ nhất mà tôi phải làm. Tôi suy tính xong, bèn trả lời rằng:

— Lời cô vừa nói, tôi rất cảm phục, nhưng trước khi ừ, cho tôi nghĩ kỹ chút đã. Vì kẻ đại trượng phu⁹ đã hứa với ai một lời rồi, thì dầu óc tinh mệnh đều không tiếc nữa. Dầu dám dễ dàng mở miệng. Nay mới cô ở đây, tôi sẽ có ngày phơi gan bày ruột để đáp lại nghĩa của cô.

Cô ấy nói:

— Phải lắm.

Hôm sau, tôi từ giả cô ta, nói để đi săn xa, ít hôm mới về. Nhưng kỳ thực tôi lên về tỉnh để điều tra căn trạng¹⁰ cha con cô con gái quán rượu như thế nào. Người ta bảo tôi rằng:

— Rất đáng thương cho nhà ấy, cha thất cô chết ở ngục, con gái đi mất tích, nhà cửa hoang phế, tai vạ mới phát ra năm sáu tháng nay thôi.

Tôi hỏi ai gây ra chuyện ấy.

Người ta đáp:

— Người gico vạ cho nhà này là Thừa tuyên sứ mà cô con gái là cái mầm tai vạ. Cô kia nếu chịu làm thì tỳ cho quan Ngô, thì chẳng những không phải vạ mà lại còn được nhiều phúc phận không ngờ nữa. Ông Tam thì chết rồi, chẳng nói làm gì, chỉ thương cô con gái, đẹp mà khôn, bây giờ không biết đi đâu. Mà Thừa tuyên sứ thì vẫn cho người đi lùng. Con bé thiệt là người thiếu phúc¹¹.

Tôi hỏi cô ấy tên gì? Người ta mắng tôi rằng:

— Khắp cả tỉnh này ai chả biết tên cô Chí. Chứ sao ngờ ngần vậy?

Tôi nói:

— Tôi cả đời ít đi lên tỉnh, nên tiếng tăm lừng lẫy của cô ấy hôm nay tôi mới được nghe là lần đầu.

Tôi đã biết được sự thực, nghĩ lại lời nói của cô, nên bao nhiêu lòng ngờ vực trước, nay biến thành lòng kính mến. Tôi nghĩ một cô gái xinh đẹp, mà lỗi lạc đến thế, thời câu chuyện Bà Trưng, Bà Triệu quyết cũng không phải nhà làm sử vẽ vời thêm thắt ra đâu.

Tôi vội vàng về nhà ngụ, thì trời đã xẩm tối. Cô ấy đón vào.

Tôi nói:

— Cùng ở đã mấy hôm mà chưa biết tên cô, cô tên là gì nhỉ?

Cô đáp:

— Tôi thường có tật diện, hay mắng người ta, nên người ta quen gọi là cô Chí Diện. Cô Chí chính là tên thật của tôi.

Tôi mừng lắm. Mời cô ngồi lên, rồi xụp xuống làm lễ hai tay, xin kết chị nuôi. Tôi bảo chị rằng:

— Đồng bào ta, phân dân ta, ai là không thù ghét giặc Ngô. Chúng nó giày xéo lên trên quyền tự do của đồng bào chúng ta, như bánh xe lăn trên bùn. Những hoa tươi rực rỡ, tiền nhân ta để lại cho chúng ta, thì tay chúng bẻ, những quả đẹp ngon lành, tiền nhân ta dành lại cho chúng ta, thì miệng chúng ăn. Những của tinh hoa quý báu chúng đều cướp làm của chúng. Còn nhân dân chúng ta thì chỉ làm bò kéo xe chở phân dọn rác cho chúng mà thôi. Điều đáng căm thù ở trên thế gian này, còn gì hơn thế này. Chị nói thù nhà, hãy còn nghĩa hẹp. Lúc đã rửa được, thì đồng thời sẽ rửa hết cả, xin

chị chớ lo. Nếu biết giữ được cái trời đã phủ cho, tất trời sẽ giúp. Trời đã đến rồi.

Đó là việc tối hôm qua. Tôi thấy đêm đã khuya, vội đi hội nghị. Tôi bèn nói :

— Thôi chị đi nghỉ, tôi có việc phải đi ngay.

Tôi khoác áo ra đi, ngoảnh bảo chị tôi gài cửa tắt đèn, hẹn đến sáng sớm sẽ về.

Đến sáng tôi về, vừa đến cửa, thấy cửa không đóng, đèn sáng litiu litiu, rọi ra ngoài cửa. Khi vào nhà thấy chị tôi ngồi trên giường buồn thiu không nói một tiếng. Tôi lại hỏi rằng :

— Chị dậy làm gì sớm vậy ?

Chị tôi nói :

— Chưa hề ngủ, làm gì có dậy ?

Tôi hỏi lý do, chị tôi nói :

— Các anh có kế hoạch lớn như thế, mà bỏ tôi ra ngoài, tôi không phải người sao? Cái lòng thương nước giữ nòi có phải là độc quyền của nam giới đâu ?

Tôi rất lạ lùng thưa rằng :

— Có gì đâu!

Chị tôi nói :

— Anh thiệt là dối người quá lắm. Mấy bữa nay, tôi thấy thần sắc anh, biết anh thế nào cũng có việc gì. Tối hôm qua, thấy anh vội vội vàng vàng đi ra, tôi đoán thế nào cũng có cuộc đại hội, nên lúc anh ra, tôi liền lên đi theo. Những câu các anh chỉ trời vạc đất nói ở trong trại, đều văng vẳng bên tai tôi. Lúc ấy tôi ngồi núp lắng nghe ngoài trại, như người gác cho các anh. Tôi không muốn vội vàng nhớ chuyện các anh, nên nín không dám nói. Khi hội sắp tan, tôi lên về trước. Bóng tôi và hình anh xa nhau chẳng là bao, anh có biết không? Cả một trang nhật ký trong bụng tôi còn có thể giở ra cho anh đọc.

Tôi nghe đến đấy, không thể không phơi bày gan phổi được, những việc đảng ta định làm, tôi đều đã cho chị biết. Cuộc họp đêm nay, lúc đầu tôi định đi một mình, cố ý trì trệ, đợi chị ngủ, rồi mới ra đi, nhưng chị tôi đòi đi theo. Chị tôi nói rằng :

— Nếu các anh đều là anh hùng, thì hẳn không bỏ tôi. Nếu cho tôi là đồ đàn bà mà gạt ra, thì tôi cũng xin cảm ơn các anh, tôi cứ tự làm theo chí tôi thôi, thế không làm nhỡ việc các anh.

Phấn nói đến đấy, Tinh và Lực đều đứng dậy, vỗ tay kêu lớn rằng :

— Xin mời vào đảng ! Xin mời vào đảng ! Chúng ta kết giao, chỉ cốt thần hồn, không cần sắc tướng¹². Nếu ai tán thành đánh giặc tức là anh em rất yêu rất kính của chúng ta. Xin anh em nhất trí.

Mọi người đều đồng thanh nói :

— Nhất trí ! Nhất trí ! Nhất trí !

Đứng dậy bắt tay cô kia, xin mời vào đảng và tạ lỗi vừa rồi.

Cô Chi đáp tạ rằng :

— Anh em trước đây nhao nhao phản kháng, bây giờ vui cười, nếu trước không có hoài nghi, thì sau cả tin là giả.

Khi ấy, anh em dự hội tất cả có 50 người, lại ngồi bàn nốt những công việc đêm trước còn chưa bàn xong.

Trùng quang tâm sử
TRẦN LÊ HỮU dịch

<https://tieulun.hopto.org>

CHÚ THÍCH

1) *Trùng quang tâm sử* là một cuốn tiểu thuyết bằng chữ Hán Phan Bội Châu viết hồi đầu thế kỷ này. Nội dung là câu chuyện một số người yêu nước lẩn lạc vùng Nghệ an tập hợp nhau lại ở trại Trùng quang, tôn Trần Quý Khoáng làm minh chủ tổ chức khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh, giành được nhiều thắng lợi nhưng cuối cùng thất bại. Câu chuyện xảy ra vào cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV. Tuy vậy, tác giả đã đem vào sách nhiều sự việc xảy ra trong xã hội ta hồi đầu thế kỷ này, dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Mục đích của tác giả là mượn chuyện xưa để nói chuyện nay, cốt nêu bật lòng yêu nước căm thù cao độ và ý chí kiên quyết hy sinh cứu nước của dân tộc ta, thể hiện ở đủ hạng người, từ người đồng dãi nhà vua đến người nông dân nghèo khổ, từ nam giới đến phụ nữ. Theo quan niệm của tác giả thì công cuộc cứu nước khỏi ách ngoại xâm phải là sự nghiệp chung của toàn dân đoàn kết. Đó là một quan niệm mới mẻ thời bấy giờ. Chính trên ý nghĩa này ông Đặng Thai Mai nói *Trùng quang tâm sử* là « một tiểu thuyết có ý nghĩa luận đề, một luận đề về cách mạng Việt nam ».

Tổ mặt anh thư : anh thư : người con gái tài giỏi ; tổ mặt anh thư : tỏ ra là một người con gái tài giỏi. 2) *Quí lạy dưới giày giặc* : Ngô : trong *Trùng quang tâm sử* có kể chuyện tên cầm đầu giặc Minh ở thành Nghệ an cho treo ở cửa chợ một đôi giày, buộc ai đi qua phải lạy, nếu không thì bị khép vào tội làm giặc. Anh Phấn là một trong những người không chịu tuân theo lệnh ấy. 3) *Thừa tuyên sứ* : chức của tên giặc Minh cai trị thành Nghệ an. 4) *Nó bèn lấy tội rượu lậu vu cho cha tôi* : thời Pháp thuộc, chính quyền thực dân cho bọn tư bản Pháp giữ độc quyền nấu rượu, dân ta hễ ai nấu, chúng cho là nấu rượu lậu phải tù tội. Bọn cường hào thường vu cho nhân dân nấu rượu lậu để cướp tiền, cướp của. Ở đây, tác giả kể chuyện đời Trần như kể chuyện thời Pháp thuộc. 5) *Đồng cừu* : cùng một mối thù. 6) *Ngạo hải* : có thái độ ngạo mạn trước đôi giày ; tức không chịu tuân lệnh lạy giày của giặc (*hải* : giày). 7) *Đại khánh* : vui mừng lớn. 8) *Mũi dùi của Mao Tọa* : người đời Chiến quốc (một thời đại Trung cổ Trung quốc) nói với Bình Nguyên Quân rằng người anh hùng cũng như cái dùi nhọn đề trong túi, thế nào rồi cũng đâm thủng túi mà thoát ra. *Mũi dùi Mao Tọa* lâu nay vẫn muốn thoát ra ngoài : ý nói : muốn thoát lộ chỉ khi anh hùng. 9) *Kẻ đại trượng phu* : kẻ có chí khí hơn người. 10) *Cận trạng* : tình trạng gần đây. 11) *Thiêu phúc* : ít phúc. 12) *Sắc tướng* : vẻ bên ngoài.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Đọc tác phẩm, tóm tắt cốt truyện và tìm hiểu chủ đề của tác phẩm.
2. Qua câu chuyện cô Chi trong đoạn văn trích này, quan niệm về người anh hùng của Phan Bội Châu đã có những gì đổi mới?
3. Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện và xây dựng tính cách nhân vật của tác giả ở đây.

ĐỌC THÊM VỀ TRÙNG QUANG TÂM SỬ

HÀO KIẾT ẨM THỀ

Tính, Lực và Phấn ra khỏi nhà tù, thì liền tới gặp Kiên và Xi. Hai ông này càng thêm vững lòng, bền hện với các hảo kiệt mở cuộc đại hội ở trên núi Cát ngan để lo việc khởi nghĩa.

Hôm đó vào khoảng 16, 17 tháng Tám, mảnh trăng thu vắng vặc giữa trời, sàn sáng như ban ngày. Vừa lúc chim rừng về tổ, vượn núi múa lượn, bóng cây lẫn bóng người tha thướt trước gió. Mỏ bò bày rượu, miệng uống tay gấp, thi nhau tỏ bày can đảm, rất là vui vẻ.

Xi đứng dậy nói rằng: « Hồ hết ở chốn lục lâm chẳng qua là công việc tạm thời của chúng mình thôi. Chớ bây giờ đồng bào ta đang bị dị tộc giày xéo, dân chúng lầm than, thì mục đích cuối cùng của kẻ đại trượng phu là làm cách mạng. Ai tán thành thì xin giơ một ngón tay lên ». Lúc ấy mọi người đều đồng thanh nói « tán thành » rồi đều giơ tay lên hết.

Kiên đứng dậy nói rằng: « Thừa các bạn, xin ăn thề ». Mọi người đều nói « Phải », và đều đứng dậy. Kiên chỉ

tay lên trời mà thề rằng : « Tất cả những người trong hội này, nếu đũa nào cam tâm làm tôi tớ giặc Ngô thì trời tru đất diệt tuyệt hết giống nòi. Đũa nào về hòa với giặc Ngô, hãm hại đồng bào lương thiện, trời tru đất diệt tuyệt hết giống nòi. Từ hôm nay trở đi, chúng ta ở đây là anh em chí thân, chí mật với nhau. Một lòng, một sức, hèn giết hết giặc Ngô mới thôi. Dầu chết, lòng này không đổi. Ai trái với lời thề này, trời tru đất diệt tuyệt hết giống nòi ».

Tất cả anh em đều hô to lên rằng : « Phải ». Và mọi người lặp lại lời thề một lần nữa.

Người lớn tuổi nhất trong buổi họp này là ông Khoáng, đứng lên đồng ý nói rằng : « Thề đã xong, xin làm sổ ghi tên ».

Kiên nói : « Chớ ! Phàm đảng Cách mạng, thì chỉ nên nhớ trong lòng, không nên chép ra giấy, vì viết ra như vậy không lợi cho các đồng chí. Và tên họ chúng ta cũng cùng với Tổ quốc chúng ta mà còn mất. Nước Việt nam chúng ta đang còn thì không cần biên tên họ chúng ta làm gì. Chúng ta gọi nhau cứ nhớ trong bụng. Đó là danh sách vĩnh viễn không phai mờ được, hà tất phải dùng giấy mực ».

Mọi người đều cho là rất phải. Lần lượt bắt tay nhau chỉ vào từng người gọi tên. Gọi đến ai thì người ấy thưa : Có ! Tổng cộng 49 người.

Đoạn mọi người lại ngồi xuống, Xí nói với mọi người rằng : « Chúng ta muốn được làm người có nước, còn đợi ngày sau. Nay tạm lấy sơn trại này làm nước tự do lâm thời. Những điều tuyên bố ở đây tức là phép nước ».

Mọi người đồng ý.

Kiên nói : « Anh em chúng ta bắt đầu từ hôm nay đều nhất luật bình đẳng. Chỉ bàn công tội, không phân biệt sang hèn ».

Mọi người đều tán thành.

Kiên nói : « Anh em chúng ta ai phụ trách công việc gì đều do công chúng ủy nhiệm. Ai không xứng chức làm công việc, thì mọi người trong anh em đều có quyền trách phạt ».

Mọi người đều nói : « Phải ».

Khi ấy, Xí rất vui vẻ, hăng hái, giơ cánh tay lên nói rằng : « Buổi họp tối nay của chúng ta, không có một ngọn đèn, may mắn trăng sáng trên trời còn là của chúng ta. Quyền lợi cố hữu của chúng ta từ xưa, giặc Ngô không thể cướp được. Chỉ còn chừng ấy. Anh em chúng ta hãy cố gắng, từ nay về sau càng phải cố gắng, từ trong tay giặc Ngô, thu hồi quyền lợi của nhân dân nước ta trọn vẹn như vàng trắng sáng kia ».

Mọi người đều hô to « Cố gắng ! Cố gắng ! »

Rượu ngà ngà say. Bóng trăng đã xế. Xa xa tiếng kèn của tiểu phu, tiếng sáo của mục đồng theo gió thu văng lại.

Xí đứng lên nói rằng : « Việc chúng ta muốn bàn còn nhiều, đêm nay chưa thể nói xong được mà bọn tiểu, mục cũng đã sắp đi qua. Thôi đến tối mai chúng ta sẽ lại họp ở đây ». Mọi người đồng ý. Bắt tay ra về, đều nói : « Tối mai ! Tối mai ! ».

PHAN BỘI CHÂU
(Trích *Trùng quang tâm sử*)

VĂN TẾ PHAN CHÂU TRINH 1

Than ôi !

1. Tuồng thiên diễn mưa Âu gió Mỹ², cuộc nợ kém thua hơn được, ngó non sông nên nhờ bậc tiên tri ;

Dấu địa linh³ con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau không, kinh sấm sét hời đau lòng hậu bối⁴.

2. Vẫn biết tinh thần đi tạo hóa⁵, sống là còn thác cũng như còn;

Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rủi nay càng thêm rủi.

3. Lấy ai đây nối gót nghìn thu?

Vậy ta phải kêu người chín suối.

Nhớ tiên sinh xưa:

4. Tú dục Nam châu⁶;

Linh chung Đà hải⁷.

5. Nghiệp thừa gia, cung kiếm cũng pha đường⁸;

Nền tác thánh⁹, thi thư từng thuộc lối.

6. Gan to tày bề, sức xông pha nào kể ước muôn người;

Mắt sáng hơn đèn, tài lanh lợi từ khi năm bảy tuổi.

7. Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sĩ, còn lòng dâu áo mũ xanh xang:

Thói nhà chăm nghiệp bút nghiên, giấu mặt hào hùng, khi tam cũng khoa trường theo đuổi.

Song le,

8. Khí vẫn chanh vanh¹⁰;

Chí càng viên đại.

9. Tài mã ni¹¹ đương chứa sức hô hào;

Tuồng Lỗ-dịch¹² quyết ra tay đào thải.

10. Đội tiên phong đầu tá, gió duy tân từ Đông hải thổi vào;

Gương ngoại quốc kia là, sóng cách mạng bởi Âu châu dồn tới.

11. Dọc ngang trời đất, rục rế văn minh;

Tức tối nước nhà, cam đường hủ bại.

12. Cá châu chim lồng vơ vẩn thế, áng công danh thôi vất lối tầm thường.

Rồng mây cợp gió lạ lòng gì, miễn thanh khí thử hồ người trung ngoại.

13. Cây tân học dẫn dò phương tự chủ, Lư Thoa, Mạnh Đức¹³ so sánh người xưa.

Mượn đông du thăm hỏi bạn đồng tâm, Hương cảng, Hoàn tân¹⁴ lỗi len đường mới.

14. Ba tấc lưỡi mà gươm mà súng, nhà cường quyền trông gió cũng gai ghê;

Một ngôi lông vừa trống vừa chiêng, cửa dân chủ kêu đèn thêm sáng chói.

Phỏng khiến:

15. Trình độ dân ta cao,

Trí thức dân ta giỏi;

16. Khi dân ta ngày một dồi dào;

Sức dân ta ngày càng cứng cỏi;

17. Một tiếng xướng có muôn tiếng họa, thần tự do nên đứng đỉnh về đây;

Bạn người Việt với thầy người Tây^{*}, ma chuyên chế dám dùng dằng ở mãi!

Nào hay:

18. Trời đã éo le;

Người càng quỉ quái.

19. Chứa chan máu cuộc, nước vẫn vơ hồn;

Xao xác tiếng gà, trời mù mịt tối.

20. Trường nô lệ chung quanh là rắn rết, vẫn cứ thời khen khéo gây oan¹⁵;

Ồ đã man ngao ngán những hùm beo, miệng ái quốc hóa nên buộc tội¹⁶.

21. Thành Hà nội ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lánh mình, nào người chống thuế, chữ âm mưu tô vẽ đủ trăm đường;

* Có bản chép: Triệu người Việt với nghìn người Tây. E không đúng với tư tưởng Phan Châu Trinh.

Đảo Côn lôn rực rực lửa oán cừu, thấy người yêu nước, thấy kẻ thương dân, tơ xương loạn dệt thêu ra một mối¹⁷.

22. Mưa dồn gió đập, thương khách lưu ly;

Biển thăm trời xa, xót ông chìm nổi.

23. Thân, Dầu, Tuất¹⁸, bấy nhiêu năm tân khổ, khi đào cây, khi lượm đá, giữa biển trần gió bụi vẫn thung dung;

Đặng, Hoàng, Ngô¹⁹, ba bốn bác hàn huyền, lúc uống rượu, lúc ngâm thơ, ngoài cửa ngục lăm than mà khảng khái.

24. Hội đen may cũng lần lừa.

Lòng đỏ vẫn còn hăng hái.

25. Quay đầu lại giả ơn tù đảo, tắm thân già còn nặng gánh giang san; Bước chân đi tìm bạn Âu châu, đôi tay trắng tuyết phát cò xã hội²⁰.

26. Ân tãi phạm vì lời thông Đức, đá sắt vàng thêm thử lại thêm bền;

Thư thất điều đón giá như Tây, uy sấm chớp chẳng kinh cùng chẳng hãi²¹.

27. Gương vĩ nhân treo những bao giờ;

Hồn cố quốc vừa về năm ngoái²².

28. Trước mặt nào ai hơn hở, thấy ngựa xe luống ngẩn ngơ chiều. Bên tai những tiếng kêu van, nghe sưu thuế càng ngao ngán nổi.

29. Dưới miệng cộp gửi đàn con đỏ, phúc trùng lai thêm bận dạ tha hương²³;

Trên quyền người giữ giống da vàng, lòng cảm tử quyết lừa quân hậu đội²⁴.

30. Ước những chuông đều trống nhịp, khắp ba kỳ cho vang tiếng reo hò;

Mới là anh trước em sau, dắt một lũ đề đồng bào găng gỏi,

31. Khéo vô tình trời chẳng chiều người;

Nên bất hạnh mừng mà hóa tủi.

32. Tiệc hoan nghênh mới đỏ, náo nùng rượu chưa phai mùi;

Hội truy điệu liền đây, thấp thoáng hương đà bén khói. Anh em ta:

33. Đất rẽ đôi đường,

Tình chung một khối.

34. Gánh tồn vong ai cũng nặng nề;

Nghĩa chung thủy lòng càng bối rối.

35. Sóng gió một con thuyền chung chạ, mái chèo đương lúc cheo leo;

Mây mù muôn dặm đất xa khơi; dẫu ngựa nhờ ai rong ruổi.

36. Ngai nghiêng thay, người ngọc mũi sa!

Ngao ngán nhẽ, giọt châu mưa xối!

Thương ôi!

37. Bề bạc còn tro;

Trời xanh khó hỏi.

38. Nghìn vàng khôn chuộc được anh hào;

Tắc dạ dám thề cùng sông núi.

39. Trước đã giới thời sau nên giới nữa, dẫu cộng hòa xin ráng sức theo đòi.

Thác còn thiêng thì sống phải thiêng hơn, thang độc lập quyết ra tay xin với.

40. Lời này ông có xét chẳng!

Lòng ấy trời đã soi rọi.

PHAN BỘI CHÂU (1926)

CHÚ THÍCH

1) Ngày 24 tháng ba năm 1926, Phan Châu Trinh (★) mất ở Sài Gòn. Tin ấy truyền đi, từ Nam chí Bắc, đâu đâu cũng tỏ lòng thương tiếc, làm câu đối phúng, tổ chức truy điệu, đề tang gây thành một phong trào sôi nổi đầy tinh chất yêu nước. Bấy giờ Phan Bội Châu mới vừa được thả và đưa về giam lỏng ở Huế. Hay tin Phan Châu Trinh mất, ông thay mặt đồng bào Huế thảo bài văn tế này. 2) *Tưởng thiên diễm*: Sự tiến hóa trong trời đất diễn ra như một tấn tuồng. Đây là lấy chữ *thiên diễm* trong sách. *Thiên diễm luận* của Hơ-xlây, một cuốn sách được các chí sĩ bấy giờ ham chuộng. *Mưa Âu gió Mỹ*: từ ngữ thường dùng khoảng đầu thế kỷ XX, lúc các nhà chí sĩ của ta tiếp xúc với tư tưởng cách mạng tư sản Âu châu và thấy được sức mạnh của các nước Âu Mỹ. *Tưởng thiên... gió Mỹ*: ý nói: các nước đế quốc Âu Mỹ chủ động làm cho thế giới biến chuyển. 3) *Địa linh nhân kiệt*: theo thuật phong thủy xưa thì chỗ đất linh thiêng tất sinh người tài giỏi. 4) *Hậu bối*: những người sau. 5) *Tinh thần di tạo hóa*: tinh thần gợi (để lại) tạo hóa, nên chết cũng như sống, vẫn còn. 6), 7) *Tứ dục Nam châu*: vẻ đẹp tốt un đúc đất Quảng nam. *Linh chương Đà hải*: Khi thiêng chung đúc bề Đà (bề ở Đà Nẵng). *Tứ dục... Đà hải*: ý nói: núi sông Quảng nam là nơi chung đúc khi thiêng: vẻ đẹp (để sinh ra người tài giỏi như ông). 8) Thân phụ Phan Châu Trinh làm quan võ, nên lúc nhỏ, ông có nối nghiệp nhà theo học nghề võ. 9) *Tác thánh*: học giỏi làm đến bậc thánh. Ý nói: học theo đạo nho. 10) *Tranh vanh*: cao và dốc ngược. *Khi vũ tranh vanh*: ý nói, khi phách cao như núi. 11) *Mã ni*: viết tắt Mã-chi-ni (Mazzinni) tên một nhà ái quốc nước Ý thế kỷ XIX. Trong bài tựa quyền *Phan Tây Hồ di thảo* của Ngô Đức Kế, Phan Bội Châu có nhắc lời Phan Châu Trinh nói với ông lúc chia tay ở Nhật bản: « Nay tôi về tôi làm Mã-chi-ni, còn bác ở ngoài làm Gia-lý-ba-đích (Garibaldi), chia ra hai đường mà cùng đi tới, chúng ta lấy cái chết mà thế cùng nhau có thủy có chung ». Mã và Gia là hai người có công lớn trong việc thống nhất nước Ý hồi thế kỷ XIX. 12) *Lữ Dịch*: chỉ vua Luy XVI ở Pháp bị cách mạng 1789 lật đổ và xử tử. 13) *Lư Thoa*: Rút-xô; *Mạnh Đức*: Mông-tét-ski-ơ, hai nhà tư tưởng tiền bộ Pháp thế kỷ XVIII.

(★) Xem chú thích về Phan Châu Trinh ở bài *Thư đưa chính phủ Đông dương*.

14) *Hoành tân*: Đô-cô-ha-ma, một hải cảng ở Nhật. 15), 16) Âm chỉ việc Phan Châu Trinh gửi thư cho toàn quyền Bô. Đó là văn cứu thời, do mệnh yêu nước nói ra nhưng thực dân (hùm beo) và tay sai (rắn rết) lại gây oan đề buộc tội. 17) Năm 1908, ở Trung kỳ có phong trào đòi miễn sưu giảm thuế, ở Hà nội xảy ra vụ đấu độc binh lính Pháp. Nhân đó, chính quyền Pháp khủng bố các nhà chí sĩ « yêu nước », « thương dân », ghép họ vào tội « bội quốc », « đề xướng dân quyền » và âm mưu làm loạn rồi đẩy ra Côn lôn. Phan Châu Trinh ở trong số người ấy. 18) Thân, Dậu, Tuất: 1908; 1909; 1910 những năm Phan Châu Trinh ở Côn lôn. 19) *Đặng nguyên Càn, Huỳnh (Hoàng) Thúc Kháng, Ngô Đức Kế* ba người này cũng bị đẩy ra Côn đảo lúc bấy giờ. 20) Phan Châu Trinh nhờ được hội Nhân quyền can thiệp nên được tha và 1911 thì đi Pháp. 21) Trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất: ông bị nghi là mưu thông với Đức nên bị bắt giam mấy tháng (1915). Năm 1922, Khải Định sang Pháp dự cuộc đấu xảo thuộc địa. Ông viết bức thư kể bảy tội của Khải Định (thứ thất điều: 1. Tôn bậy quân quyền — 2. Lạm dụng việc thưởng phạt — 3. Thích chuộng sự quỳ lạy — 4. Xa xỉ quá độ — 5. Ăn bận không phải lối — 6. Chơi bời vô độ — 7. Chuyển này đi Pháp có việc ám muội). 22) Phan Châu Trinh về nước năm 1925. 23) *Trông lại*: trở về quê hương. Cả câu ý nói: Phan Châu Trinh muốn dựa vào Pháp (cóp) để làm lợi cho dân (con đỏ) nên nay được về nước là một điều hạnh phúc nhưng ông còn băn khoăn một chút là hãy chưa về được quê nhà mà còn phải ở tha hương tức là còn ở Nam kỳ. 24) Phan Châu Trinh lấy dân quyền làm gốc đề cứu vớt giống nòi, nên lòng hăng hái, chí cương quyết thúc đẩy (lùa) hậu sinh (hậu đội) lên đường tranh đấu.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Đọc kết hợp tra cứu phần chú thích, tìm hiểu nghĩa của từng câu.
2. Trong bài văn tế này, tác giả đã ca ngợi những công đức gì của Phan Châu Trinh? Thái độ ca ngợi của tác giả ra sao?
3. Qua hình tượng nhân vật Phan Châu Trinh trong bài văn tế này, tác giả đã xây dựng nên một quan niệm về người anh hùng của thời đại lúc bấy giờ như thế nào?
4. Tìm hiểu nghệ thuật vận dụng hình ảnh để tạo thêm không khí hùng tráng cho bài văn tế của tác giả.

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI SẮP CHẾT¹

« Con chim sắp chết thì tiếng kêu thương, con người sắp chết thì lời nói phải². Tôi nói phải chăng, nào tôi có biết? Song là lời nói của con người sắp chết thì đích thực như thế.

Mùa đông năm Quý Sửu (1913) tôi ngụ ở Dương thành (Quảng châu). Viên toàn quyền Pháp ở Đông dương tới Quảng châu đề nghị cải án người đầu đảng cách mạng Việt nam, rồi yêu cầu chính phủ Quảng đông giao tôi cho viên ấy. Tổng đốc Quảng đông Long Tế Quang theo lời xin đó, 8 ngày trước đêm 30 Tết, bắt tôi giam vào ngục, lại bảo sớm muộn sẽ giao trả tôi cho người Pháp.

Tôi biết đầu tôi lìa khỏi cổ tất chỉ ở sớm tối, song cũng rất vui. Than ôi! Bao năm bôn tẩu, trăm việc không thành được một, tôi nặng lời đây, còn tiếc gì sống nữa! Song có chỗ không thể không nói những câu đau thương một lần sau chót. Biết cho lòng tôi chăng? Buộc tội cho tôi chăng? Tôi muốn trong một phút chốc trước khi nằm xuống huyết, nói cho hết.

Chiếc bóng chân trời, đèn tàn trước gió, nhỏ giọt lệ còn sót lại trong vại chực năm nay, góp lịch sử một đời tôi, hòa lẫn máu mà viết ra. Ba mươi triệu đồng bào rất thân rất yêu của tôi biết lòng cho tôi chăng? Buộc tội cho tôi chăng? Đọc cuốn sách này của tôi, sẽ thấy cái đồ tàn của máu con đồ quyền³ vẫn còn lam li trên mặt giấy.

Nước ta, triều Tự Đức năm thứ 15, năm Nhâm Tuất (1862), quân Pháp chiếm xứ Nam kỳ của ta. Nam kỳ là thiên phủ⁴ của nước ta, cửa bể Sài Gòn thực là cội hòng của nước ta, nay đã vào tay người Pháp, thời sự ta chưa mất hết cả nước cũng là việc trong thời gian chóng chầy nữa mà thôi. Âu vàng⁵ đã bị đổ, nhà lớn

sắp ra tro, thương thay cho tôi, ra đời chính vào lúc đó. Tôi sinh năm Đinh Mão (1867), niên hiệu Tự Đức thứ 20, là lúc Nam kỳ bị mất đã 6 năm rồi. Trẻ thơ nào đã biết gì, chưa đời khỏi tay ôm ẵm, mà cái kịch trường núi gào biển khóc đã sắp quăng người vào trong cái thảm cảnh đó. Trời xanh dằng dặc, thực nỡ lòng nào!

Năm tôi 17 tuổi là năm Quý Mùi (1883) niên hiệu Tự Đức thứ 36, quân Pháp chiếm Hà nội và các tỉnh Bắc kỳ. Năm tôi 19 tuổi là năm Ất Dậu (1885) niên hiệu Hàm Nghi năm đầu, quân Pháp chiếm kinh thành Thuận hóa, vua Hàm Nghi phải chạy, cố cung hoang phế, quạ đậu, hươu chơi, tấn kịch mất nước đến tháng bảy năm đó (Hàm Nghi nguyên niên) là lúc bế mạc.

Than ôi, trời long đất lở, lúc này là lúc nào đây! Tắm thân nam nhi dội trời đập đất, ai nỡ đối với non sông như thế mà trở như gỗ đá sao được? Tôi được trời phú cho bầu máu nóng cũng không đến nỗi ít, lúc còn bé đọc sách của cha tôi, mỗi khi đến những chỗ nói người xưa chịu chết để thành đạo nhân, nước mắt lại đầm đìa rỏ xuống ướt đầm cả giấy. Ông Trương Định vì Nam kỳ mà tuần tiết, ông Nguyễn Tri Phương vì Hà nội mà tuần tiết⁶, chuyện đó tôi thường bàn đến, lại nắm tay dấm ngực xấu hổ phải lùi sau hai ông, vì cái bản tính của tôi như thế không thể che giấu được.

Gặp lúc bấy giờ Pháp đem đại binh hạ thành Nghệ an, thừa thắng tiến cướp các phủ huyện, đi đâu đốt phá giết chóc đến đấy, đất thành trắng mà đồng thành đỏ. Đội quân của tôi tổ chức, lương thực khí giới đều không có, phút chốc đã tan tác, tôi cũng phải lẫn lút vào trong đám nạn dân. Ngày nay hồi tưởng lại việc làm đó của tôi thực là trò trẻ con dựng cái nhà bằng giấy, không đáng để thức giả biết đến. Song tôi cứ chép ra đây, là vì cái hy vọng đánh kẻ thù báo ơn nước của tôi chính

nảy mầm ra từ việc này. Cuộc bày tuy giả, song tình thì rất thực, tôi không dám che giấu chỗ kém của tôi.

Bấy giờ nhà tôi bị quân giặc đốt, cha tôi ở trong vòng hoạn nạn, bị mắc bệnh nặng. Tôi đã không có mẹ, lại chẳng có anh em, không dám bỏ cha mà làm việc khác. Tôi phải ở núp nấu dạy học, hầu hạ cha ốm trong chín năm trời. Song trong chín năm đó, tấm lòng lo nghĩ về việc gây lòng nuôi cánh không từng lúc nào trễ nhác. Tôi cùng bọn Vương Thúc Quý (cha khởi nghĩa, họp hương binh đánh giặc bị chết) và Hà Văn Mỹ (một kiện viên⁷ thuộc bộ hạ⁸ ông Phan Đình Phùng, sau bị quan lại Pháp bắt tự tử chết), ngầm tính việc giết giặc, hễ gặp ngày người Pháp kỷ niệm cộng hòa, bọn tôi lại bí mật họp cả ở dưới thành. Tuy quân giặc phòng bị cẩn thận, không thể giết được, song dám giang hồ du hiệp⁹ phần nhiều là nhờ việc đó mà kết giao với nhau, cũng là bước đầu để đưa tôi đến con đường hoạt động sau này.

Tôi nghĩ công việc tôi mưu tính nếu được bọn quan trường giúp sức, tất dễ hành động. Song lại nghĩ bọn giả áo túi cơm đáng bỉ đó khó mà cùng mưu tính được, nếu mưu tính không ổn, vạ tất đến liền. Tuy nhiên bọn tôi đã hiến thân thờ nước, dầu lâu tính mệnh có thể hy sinh được hết, thì con đường họa phúc lợi hại sao trừ trừ mà tránh được nữa chẳng? Tôi bèn thử vận động.

Bấy giờ tiếng tăm về văn chương của tôi đã nổi dậy khắp chốn kinh đô, các quan to đều muốn vờ. Tôi bèn viết một cuốn sách nhan đề là *Lưu cầu huyết lệ tân thư*, trong kể những cái thảm trạng về thành tan nước mất, về những cái sỉ nhục chủ tụt xuống làm đầy tớ, lại nói cả việc nên gấp mở mang dân trí, bồi đắp dân khí, để làm nền tảng cho cuộc cứu nước rửa nhục.

Hoặc giả có người nói: trong tay không có một tác phẩm, đất không có một tác, anh chàng yếu đuối tay không

mặt trắng¹⁰, chống chọi cùng đàn hồ báo nhẩn nanh giờ vuốt; người biết tôi thì cho là lớn mặt, người buộc tôi thì cho là ngu lạ! Nói thật ra, hạng ngu lạ trong thế gian không có ai như tôi, mà thực không có ai như tôi, khiến tôi mà thành hạng tội sắp chết đến nơi như ngày nay, đặt tên hèm¹¹ cho là ngu lạ, không thể đòi được nữa. Song muôn một mà tôi không chết, thời biết đâu trông thấy loài hồ báo chắc chắn là không thể chống chọi được ư? Mong quốc dân ta nên lấy tôi làm gương.

Viết tại nhà ngục ở Quảng đông
bấy giờ là ngày thứ ba sau khi bị giam
PHAN BỘI CHÂU (Trích Ngục trung thư)
PHÙNG TRIỀN dịch

CHÚ THÍCH

- 1) Theo yêu cầu của thực dân Pháp ở Đông dương, bọn quân phiệt tỉnh Quảng đông (Trung quốc) bắt giam Phan Bội Châu từ đầu năm 1914 đến đầu năm 1917. Trong khi ở ngục, Phan Bội Châu nghĩ thế nào cũng không thoát chết nên đã tìm cách ghi lại quãng đời hoạt động cách mạng của mình, mong để lại kinh nghiệm cho đời sau. Thiên hồi ký ấy mang tên là *Ngục trung thư* (sách trong tù). Tác giả đã trút hết nhiệt tình vì nước của mình vào đó, cho nên, ngoài giá trị sử liệu, tác phẩm này còn có giá trị văn học đáng kể. Đoạn trích ở đây thuộc phần đầu của *Ngục trung thư*. Tuy là văn dịch vẫn có thể thấy được giọng văn thống thiết hùng hồn của tác giả.
- 2) *Con chim sắp chết thì tiếng kêu thương, con người sắp chết thì lời nói phải*: câu này dịch một câu trích trong sách *Luận ngữ*, một trong bốn cuốn sách kinh điển của nhà nho ngày xưa: *Luận ngữ*, *Mạnh tử*, *Đại học*, *Trung dung* gọi chung là tứ thư, nói lên một nhận xét đúng đắn và một hiện tượng thông thường của đời sống. Thực dân Pháp coi Phan Bội Châu là người đầu đảng cách mạng Việt Nam.
- 3) *Máu con đồ quyền*: thần thoại Trung quốc kể chuyện vua Thục mất nước, buồn mà chết, nhưng nhớ nước không nguôi nên hóa thành con đồ quyền, đêm đêm cứ kêu khóc không ngớt; máu con đồ quyền có ý nghĩa là máu của người nhớ thương nước không nguôi.
- 4) *Thiên phủ*: kho của trời, ý nói: nơi đất đai màu mỡ, sản

vật giàu có. 5) *Ấu vàng*: trong văn thơ xưa thường ví nước nhà như cái chậu (ấu: cái chậu) bằng vàng. *Ấu vàng bị đổ* ý nói: nước nhà bị giặc xâm lăng. 6) *Tuần tiết*: vì tiết nghĩa mà hy sinh. 7) *Kiến viên*: người khỏe mạnh, dũng cảm. 8) *Bộ hạ*: chỉ những kẻ thuộc quyền điều khiển của một ông quan, ông tướng ngày xưa. 9) *Giang hồ du hiệp*: chỉ những người thoát ly cuộc sống gia đình bình thường, bốn ba đây đó làm việc nghĩa (đây là việc đánh Pháp cứu nước). 10) *Mặt trăng*: chỉ người học trò. 11) *Tên hèm*: tên cha mẹ đặt cho lúc mới sinh.

BÀI CA CHÚC TẾT THANH NIÊN 1

Dậy ! Dậy ! Dậy !

Bên án² một tiếng gà vừa gáy,

Chim trên cây liền ngỏ ý chào mừng.

Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chăng ?

Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng.

Hai mươi năm lẻ³ đã từng bao chưa với sốt !

Trời đất may còn thân sống sót.

Tháng ngày khuây khỏa lũ đầu xanh.

Thưa các cô, các cậu lại các anh :

Trời đã mới, người càng nên đời mới.

Mở mắt thấy rõ ràng tân vận hội⁴,

Ghé vai vào xóc vác cự giang sơn.

Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan,

Dây đoàn thể quyết ghe phen thành nghiệp lại.

Ai hữu chi từ nay xin gắng gỏi.

Cởi lột xưa mà tu dưỡng lấy tinh thần.

Chẳng thềm chơi, chẳng thềm mặc, chẳng thềm ăn,

Đúc gan sắt để đời non lấp bề.

Xối máu nóng rửa vết dơ nô lệ,

Mới thể này là mới hội chư quân⁵

Chữ rằng : nhật nhật tân, hựu nhật tân⁶.

PHAN BỘI CHÂU

CHÚ THÍCH

1) Bài này, Phan Bội Châu viết trong thời gian bị thực dân Pháp giam lỏng ở Huế. Cùng với nhiều tập thơ ca khác, bài này nhằm thúc tỉnh thanh niên rời bỏ đời sống đua ăn đua mặc tầm thường, rèn gan luyện chí để « gánh vác giang san », « đời non lấp bề ». « Gánh vác giang san », « đời non lấp bề », theo cách nói của tác giả hồi này, tức là cứu nước. 2) *Ấn*: bàn đề sách. 3) *Hai mươi năm lẻ*: thời gian Phan Bội Châu hoạt động cách mạng ở nước ngoài, từ năm 1905 đến năm 1925. 4) *Tân vận hội*: một giai đoạn mới mở ra một khả năng biến chuyển mới có lợi cho nước nhà. 5) *Chư quân*: các người. 6) *Nhật nhật tân, hựu nhật tân*: theo sách Đại học (xem chú thích ở bài « Tiếng nói của người sắp chết », trên chậu tắm của vua Thang thời xưa bên Trung quốc có khắc câu: « Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân », nghĩa là: Nên ngày một mới, ngày một mới, lại ngày một mới. Ở đây ý nói: năm mới đến phải làm sao cho đầu óc thanh niên ngày mỗi đời mới.

LIU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG

(Xuất dương lưu biệt)

Làm trai phải lạ ở trên đời.

Hà để càn khôn tự chuyển dời.

Trong khoảng trăm năm, cần có tớ,

Sau này muôn thuở, há không ai ?

Non sông đã chết, sống thêm nhục,

Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài !

Muốn vượt bể Đông theo cánh gió

Muôn trùng sóng bạc tiến ra khơi

PHAN BỘI CHÂU

(Tôn Quang Phiệt dịch)

CẨM TÁC TRONG NHÀ TÙ QUẢNG ĐÔNG 1

I

Vẫn là hào kiệt vẫn phong lưu,
Chạy mỗi chân thì hăng ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn bề,
Lại người có tội giữa năm châu ².
Giang tay ôm chặt bồ kinh tế ³
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.

II

Nếu chết xong đi cái cũng hay,
Gòn ta, ta lại tính cho mày.
Trời đâu có ngục chôn thân thánh,
Đất hà không đường ruổi gió mây.
Tát cạn bể đông chèo tác lưới ⁴,
Phá tan rừng bắc vẫy đôi tay ⁵.
Anh em ai nấy xin thêm gắng,
Công nghiệp nghìn thu nhẹ một ngày.

PHAN BỘI CHÂU

(Trích Phan Bội Châu niên biểu)

CHÚ THÍCH

1) Năm 1913, Long Tế Quang, tổng đốc Quảng đông có ý định đem Phan Bội Châu làm món quà tặng nếu thực dân Pháp cho hãn mượn đường xe lửa Hà nội — Vân nam để lên đánh bọn Đường Kế Nghiêu. Hai bài này Phan Bội Châu làm trong lúc bị bắt giam. 2) Có ý nói làm cách mạng bị bỏ tù. Tù là tội. 3) Kinh tế: Kinh bang tế thế, nghĩa là trị nước cứu đời. Chữ kinh tế ngày nay dùng với nội dung khác. 4, 5) Dùng ngôn ngữ và văn tự mà cô đọng, tuyên truyền.

HẢI NGOẠI HUYẾT THU 1

I

Thử ngồi suy trước nghĩ sau,
Cốt rằng người nước cùng nhau một lòng.
Bởi lúc trước của chung không giữ,
Đến bây giờ sức chữa làm xong;
Sao cho cái sức đến cùng,
Sức cùng là bởi cái lòng cùng nhau.
Hai mươi triệu đồng bào đua sức,
Năm mươi nghìn giống khác được bao;
Cùng nhau bền ít bền nhiều,
Lọ là gươm sắc súng kêu mời là.
Cốt trong nước người ta một bụng,
Nghìn muôn người cùng giống một người;
Phòng khi sưu thuế đến nơi,
Bảo nhau không đóng nó đòi được chăng?
Gọi đến lính không thắng nào chịu,
Bắt một người ta kéo muôn người;
Bấy giờ có lẽ giết ai,
Hắn thôi nó cũng chịu lui nước mình.
Việc gì phải bài binh dụng kế,
Cứ thi gan kiện lý cho già;
Của nhà ta phải giả ta,
Dầu tham muốn nuốt ắt là chẳng trôi!
Song trong nước mỗi người một khác,
Vốn cùng nhau xung khắc bất hòa;
Nhưng là ta lại hại ta.
Cầu thân dị chủng mà xa đồng bào.
Quắc đã diệt, ngu sao còn vẹn? ²
Vạ đồng căn ³ lửa bén dây dưa;
Người ta ai chẳng biết lo
Cùng nhau sao vẫn thờ ơ cái lòng.

Nỗi ngu đại nói không kể xiết,
 Lại ngờ nhau chẳng biết tin nhau ;
 Coi nhau như thể quân thù,
 Thù mong nhau hại, ghét cầu nhau h
 Bụng có hợp thì nhà mới hợp
 Lòng đã tan thì nước cũng tan ;
 Bắp nay tay mỗi, chân chồn,
 Còn hơi còn thở, may còn sống lâu.
 Nếu chẳng biết bảo nhau nghĩa ấy
 Tổ tôn mình chắc cậy nhờ ai ?
 Thương ôi « Trăm sự tại người,
 Chữ « đồng » ai dám ngăn rời chữ « tâm » ?
 Thôi chẳng kể sự trăm năm trước,
 Xin từ đây cả nước một niềm :
 Người kiếm củi, kẻ đun cơm,
 Này anh xẻ gỗ, này em đắp đường.
 Việc dầu nằng, chia mang cũng nôi,
 Xúm tay vào, kéo lại non sông,
 Làm cho sáng rõ tổ tông,
 Tôi xin kể hết cách dùng như sau :
 Nào là kẻ phú hào trong nước,
 Nào là người quan tước thế gia,
 Nào là sĩ tịch⁴ dân ta,
 Nào là lính tập, nào là Gia-tô,
 Nào những kẻ côn đồ nghịch tử,
 Nào những người nhi nữ, anh si⁵,
 Bếp bồi, thông kỹ chi chi,
 Cừu gia tử đệ nào thì những ai ?
 Ấy kể bao số người trong nước,
 Còn người đi du học mọi nơi ;
 Người trong cho đến người ngoài,
 Chữ « tâm » cốt phải ai ai cũng « đồng »

PHAN BỘI CHÂU
 (Trích Hải ngoại huyết thư)

CHÚ THÍCH

1) « Hải ngoại huyết thư » (Bức thư viết bằng máu ở nước ngoài) viết năm 1906, gồm hai phần sơ biên và tục biên, được Lê Đại dịch ra Việt văn (748 câu) và Đông kinh nghĩa thực đem phổ biến sâu rộng trong quần chúng. Phần sơ biên, lột trần chính sách thâm độc của giặc Pháp. Phần tục biên vạch rõ nguyên nhân mất nước, động viên tư tưởng yêu nước ghét thù của đồng bào và kêu gọi cả nước phải đồng tâm.

Đoạn trích trên đây thuộc phần tục biên của bức huyết thư.

2) Quắc và Ngụ đều là những nước nhỏ ở đời Xuân thu. Ngụ cho vua nước Tấn mượn đường để đi đánh nước Quắc, khi đã diệt Quắc rồi, Tấn liền quay lại diệt nốt nước Ngụ. 3) Cùng chung một gốc. 4) Người thuộc hàng ngũ sĩ phu. 5) Hạng phụ nữ trẻ trung ngây thơ.

THƠ ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

CHIÊU HỒN NƯỚC

Hồn xưa dòng dõi Lạc long,
 Con nhà Nam Việt người trong giống vàng.
 Chi-na² chung một họ hàng,
 Xiêm la, Nhật bản cùng làng Á đông.
 Trời Nam một dải non sông,
 Ngàn năm cơ nghiệp cha ông hãy còn.
 Từ khi đá lở sóng cồn,
 Nước non trơ đó, nào hồn ở đâu ?
 Chốc là đã bấy nhiêu lâu,
 Bơ vơ như thể bỏ câu lạc đàn.
 Xịch đâu một cuộc doanh hoàn³,
 Ngàn đông nổi gió, sóng tràn biển Nam⁴
 Người đi gọi, kẻ đi tìm,
 Biết đâu dài mùa⁵ mà đem hồn về ?

15. Mấy lần mưa ẩm mây che,
 Bằng khuâng như tỉnh như mê nửa phần.
 Hay là ở đám thôn dân,
 Hồn còn tranh cạnh nơi ăn chốn ngồi ?
 Hay là ở đám rong chơi,
 20. Hồn còn ham muốn cuộc vui li bi ?
 Hay là ở chốn sơn khê,
 Hồn còn ngơ ngẩn chưa nghe chuyện gì ?
 Hay là ở đám khoa thi,
 Hồn còn mãi miết giữ nghề văn chương ?
 25. Hay là ở đám quan trường,
 Hồn còn tấp tễnh toan đường tìm ra ?
 Hỏi xem hồn ở gần xa,
 Gọi ra cho tỉnh, tỉnh ra thì về.
 Xin hồn hãy tỉnh đừng mê,
 30. Tỉnh ra rồi sẽ liệu bề khuyên nhau.
 Khuyên nhau lấy chữ đồng bào,
 Lấy câu lịch quốc, lấy điều lợi dân.
 Đường bảo chúng, nghĩa hợp quần,
 Tự cường thế ấy, duy tân thế nào ?
 35. Sự học ta lấy làm đầu,
 Công thương mọi việc liệu sao tinh dần.
 Cùng trong một bọn quốc dân,
 Gánh giang san cũng một phần trên vai.
 Than ôi ! Hồn nước ta ơi !
 Tỉnh nghe ta gọi mấy lời đồng tâm.

ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

CHÚ THÍCH

1) *Đông kinh nghĩa thực*: (trường tư dạy không lấy tiền ở Đông kinh, tức ở Hà nội) thành lập tháng 3 năm 1907 ở Hà nội, do một nhóm sĩ phu tiến bộ, các ông Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Hoàng Tăng Bí, v.v... đứng ra chủ trương.

Mục đích chính là nâng cao dân trí, gọi lòng yêu nước, đoàn kết đấu tranh, đả phá các tư tưởng phong kiến lạc hậu đang ngăn cản cuộc tiến hóa của dân tộc, truyền bá những tư tưởng mới của phái duy tân Nhật bản và Trung quốc, của cách mạng tư sản phương Tây.

Chương trình học bỏ tứ thư, ngũ kinh của đạo nho, thay vào đó những kiến thức phổ thông về địa lý, lịch sử, khoa học thường thức.

Ban sáng tác và tuyên truyền của nhà trường đã biết lợi dụng khéo léo chữ quốc ngữ và truyền thống văn học truyền miệng của dân tộc.

Nhà trường đã soạn được nhiều sách: Văn minh tân học sách, Quốc dân độc bản, Nam quốc vĩ nhân, Nam quốc giai sự, v.v... Song những bài có ảnh hưởng nhiều, có tác dụng tốt, vẫn là những bài văn vần hô hào lòng yêu nước và khuyến khích tư tưởng duy tân. Những bài này thường gọi chung là *Văn thơ Đông kinh nghĩa thực* nhưng thực ra là do cá nhân làm và được ban sáng tác thông qua. Cũng có khi là văn thơ của những nhà ái quốc ở ngoài nhà trường như bài *Hải ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu, *Thiết tiễn ca* của Nguyễn Phan Lang, *Đề tỉnh quốc dân ca* tức bài *Ái tế á ca* hiện chưa biết của ai, nhưng lại được nhà trường đem ra giảng dạy hoặc phổ biến rộng rãi.

Bài *Chiêu hồn nước* trên đây là của Lê Đại, nhưng vẫn coi là văn của tập thể, nên có người trích ra, lúc thì đề là của Nguyễn Quyền, lúc thì đề là khuyết danh. 2) *Chi-na*: Trung quốc, phiên âm theo tiếng Anh. 3) *Doanh hoàn*: thời cực trên cả thế giới. 4) *Ngàn đông nổi gió, sóng tràn biển Nam*: ý nói: phong trào duy tân ở Nhật bản (ngàn đông nổi gió) tràn sang Việt nam. 5) *Đài múa*: dịch chữ Hán « vũ đài » danh từ này rất hay dùng hồi đó để chỉ nơi thế giới cạnh tranh.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Ý nghĩa tượng trưng của « Hồn nước » dùng ở đây là gì?
2. Phân tích nội dung tuyên truyền cổ động của bài thơ. Bài thơ nhằm phê phán những cái gì? Tuyên truyền vận động gì?
3. Tại sao tác giả lại dùng hình thức « chiêu hồn » ở đây? Phân tích tác dụng của hình thức cổ động ấy đối với tâm lý người đọc lúc bấy giờ?

PHAN CHÂU TRINH

TIỂU SỬ

Phan Châu Trinh biệt hiệu Tây Hồ hay Hy Mã, sinh năm 1872 ở làng Tây lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Cha làm một chức quan võ hạng nhỏ. Năm 1901 ông đỗ phó bảng, được bổ làm thừa biện bộ Lễ... Chịu ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng tư sản qua các sách người Trung quốc dịch của văn sĩ Âu châu, ông bỏ quan đi liên lạc với các nhà yêu nước. Năm 1905 ông sang Nhật gặp Phan Bội Châu, nhưng hai người có những ý kiến bất đồng. Ông trở về nước, công khai hoạt động, gửi thư cho chính phủ Pháp ở Đông dương, diễn thuyết ở Đông kinh nghĩa thực, hô hào duy tân. Trong cuộc khủng bố cách mạng năm 1908, ông bị bắt đày đi Côn lôn. Nhờ hội Nhân quyền can thiệp, năm 1911 ông được tha và sang ở bên Pháp. Trong đại chiến thứ nhất, ông bị nghi là mưu thông với Đức nên bị bắt giam mấy tháng. Năm 1922, Khải Định sang Pháp, ông gửi thư kẻ tội y. Năm 1925, ông về nước, bắt tay vào hoạt động lại thì bị bệnh mất ngày 24 tháng 3 năm 1926 ở Sài Gòn.

Tác phẩm : chữ Hán : các bài nghị luận chính trị như : *Thư đưa cho chính phủ Đông dương* (1906). *Thư gửi cho Khải Định* (1922).

Tiếng Việt : *Thơ văn làm ở Côn lôn*, ở nhà ngục Xăng-tê tập hợp thành *Xăng-tê thi tập* và *Tây Hồ thi tập*. Các bài diễn thuyết : *Luận lý và đạo đức Đông Tây, Quân trị và dân trị* (1925).

THƯ ĐƯA CHÍNH PHỦ ĐÔNG DƯƠNG (1906)

Phan Châu Trinh, thư trước tác hậu bộ ⁽¹⁾, tỏ bày cái tình trạng ở nước Việt nam :

Trộm xét từ khi Pháp sang bảo hộ nước Nam đến nay những việc bắc cầu, đắp đê, sửa sang đường sá, xe lửa, tàu thủy chạy khắp mọi nơi, cũng là lập ra sở bưu chính để thông báo tin tức, đều là có lợi ích cho nước Nam,

người ta ai cũng thấy cả. Nhưng có nhiều việc không thể nhìn đi mà không nói, là các thói tệ hại ở trong quan trường, các sự tật khổ ở chốn dân gian, những sự hư hỏng về nền phong hóa, cũng là những cái có quan hệ đến số mệnh nước Nam, thì chính phủ đều gác để một bên, mặc kệ cho hư nát mà không thêm hỏi đến.

Trong khoảng vài mươi năm nay, các bậc đại thần ăn dầm nằm dĩa ² ở chốn triều đình, chỉ biết chiếu lệ cho xong việc, quan lại ở các tỉnh thì chỉ lo cho vững thân thể mà hà hiếp bóp nặn ở chốn hương thôn, đám sĩ phu thì ganh đua nhau vào con đường lươn cúi hót nịnh, không biết liêm sỉ là gì? Bọn cùng dân bị nặn bóp mãi mà máu mủ một ngày một khô, không còn đường kinh tế nữa. Đến bây giờ thì sự thế hư hỏng, nhân dân lìa tan, phong tục suy đồi, lễ nghĩa bại hoại, một khu đất hơn bốn triệu thước vuông ³, một dân tộc hơn hai mươi triệu người lại sắp sửa ở cái địa vị bán khai mà quay về với cái địa vị dã man.

Những người trí thức thấy cái thảm trạng như thế, lo đến nơi giống tiêu diệt, cũng muốn rung chuông gõ mõ đánh thức nhau dậy để lo phương cứu vớt lấy nhau, nhưng mà kẻ mạnh bạo thì trốn tránh ra nước ngoài, chỉ kêu gào than khóc mà không dám về, kẻ nhút nhát thì chịu vùi đầu ở chỗ hương thôn, đành giả dui giả diếc mà không dám bàn nói đến. Chưa từng có người nào dám đến trước cửa quan Bảo hộ phơi gan rỏ máu, kể rõ cái thủ đoạn tàn ngược của quan trường, cũng là cái tình trạng thảm khổ của cùng dân, khiến cho cái tội ác của quan lại và cái khổ cảnh của quốc dân trong mấy năm nay, lọt vào trong tai các quan Bảo hộ. Đến nỗi nước Nam bây giờ gần thành như một người ốm nặng gần chết, khó có thuốc mà cứu chữa được nữa, đó thật là tội tại sĩ phu nước Nam, mà gây nên tội ấy thì cũng bởi hiệu lầm rằng chính phủ Bảo hộ dùng cái chính

sách ngược đãi người Nam làm cái chính sách hay nhất, tốt nhất.

Tôi cáo quan đã mấy năm nay, đi khắp trong Nam ngoài Bắc, tình trạng nhân dân khốn khổ, quan lại tham tàn, đều được mắt thấy tai nghe, và dư luận ở dân gian về cái cách chính phủ đối đãi người Nam và người Nam đối đãi chính phủ, cũng đều đề tai nghe và ghi vào dạ cả. Tôi không dám nhút nhát, xin cứ thực bày tỏ ra sau này, các quan Bảo hộ nghe thấy chắc cũng xót ruột đau lòng, cho làm phải mà không nỡ cự tuyệt.

Hiện nay những người Nam trừ những người ở trong quan trường không kể, còn ra thì không luận người khôn, người ngu, trăm miệng một lời, đều nói rằng chính phủ ngược đãi người Việt nam, rằng chính phủ không lấy loài người đãi người Việt nam⁴. Thấy quan lại nước Nam không săn sóc tới việc dân mà lại tàn ngược với dân thì lại nói rằng đó là chính phủ có ý dung túng khiến cho cần nuốt lẫn nhau cho nội giống mòn mỏi, đó tức là kẻ thực dân của chính phủ. Trong mấy năm nay, suốt cả trong Nam ngoài Bắc, khắp thành thị cho đến hương thôn, ý tưởng của nhân dân đều như thế cả. Lại xét biết trí mình không đủ sống được, sức mình không đủ chống lại được, thì lại nghiêng cổ⁵, giương mắt trông mong các nước mạnh ở đâu đâu họa may họ đến cứu mình chẳng. Chao ôi ! Một dân tộc đến hai mươi triệu người, kẻ có học thức cũng đến vài mươi vạn, mà tối tăm mù mịt, mềm yếu ươn hèn, không đủ sức bênh vực được nhau, để liệu cách sinh tồn, lại ù ù cạc cạc, không biết rằng mình ở vào cái thế giới cường quyền thịnh hành «hơn được, kém thua» này, mà còn cái mơ tưởng hão huyền như thế, dân trí thực cũng đáng thương vậy !... Nhưng đã bao nhiêu năm nay người Nam ở dưới bóng cờ nước Bảo hộ, mà đến bây giờ nội giống ngày một yếu hèn, không còn có kế gì cứu vớt lấy nhau, đến nỗi

nóng nảy điên cuồng, theo cái kế sách đề mạt, chỉ trông mong vào nước khác, thế thì vì ai mà nên nổi thế ? Tưởng các quan Bảo hộ cũng nên suy xét kỹ càng vậy.

Các nguyên nhân sinh ra cái tệ ấy có ba điều :

Một là tại chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại Việt nam thành ra cái tệ «cô tức»⁶. Xưa nay chính phủ Bảo hộ đối với nước ở dưới quyền thống trị của mình, thường thường chỉ đặt một vài vị quan to cùng với chính phủ bản xứ cầm cái đại cương về việc chính trị, còn các quan lại ở các địa phương, thì tuy có đặt quan Bảo hộ, nhưng cũng phải dùng người bản xứ để coi việc và trị dân. Việc làm giỏi hay không, dân được yên hay không, thì cốt nhờ về cái tài năng của người bản xứ thế nào. Nước Nam độ bốn mươi năm nay, vận nước một ngày một suy, suốt từ trên xuống dưới, chỉ biết chuyện lười biếng vui chơi. Pháp luật, chế độ không còn có cái gì ra trò, nhân tài cũng tiêu diệt đi mất cả. Người trên thì làm lâu được thăng trật chẳng qua như sống lâu lên lão làng, người dưới thì đem của mua quan, thật là tiền bạc phá lệ luật. Người này làm người kia bắt chước, lâu rồi thành ra thói quen. Những người đỗ đạt muốn cầu bổng lộc⁷ thì hót nịnh luồn cúi ở các nhà quyền quý ; những người ở nhà thì ý thần, cậy thế, hà hiếp bóp nặn ở trong làng, ngoài việc trai gái, ăn uống thì không còn biết việc gì. Những người làm ăn phát đạt, lắm bạc, nhiều tiền thì chỉ tìm cách ăn chơi cho sung sướng. Suốt cả thành thị cho đến hương thôn, đả gian-giảo thì như ma như quỷ, lừa gạt, bóc lột, cái gì mà chẳng dám làm ; đả hèn yếu thì như lợn như bò, giẫm cổ đè đầu, cũng không dám ho he một tiếng. Cả mấy mươi triệu người, như một đàn ruồi lũ kiến, không còn một chút nhân cách nào, đó là thảm trạng ở trước mắt, ai cũng trông thấy, không phải tôi dám nói quá lời, để vu cho người cả một nước đâu.

Nay cứ xem cái nhân cách của người Nam tồi mạt như thế, không kể là quan hay dân, hay là hạng người nào, thì tất phải lập ra hình phạt, phòng giữ cho nghiêm, dùng pháp luật mà ràng buộc rồi sau mới dắt diu nhau lên con đường tiến hóa, thì cuộc trị an mới mong duy trì được lâu. Chính phủ Bảo hộ ở nước Nam đã lâu, không phải là không biết rõ như thế, lại hiểu rằng: tục nước Nam không thể đổi ngay được, người nước Nam không thể dùng làm gì được, chỉ phải cầm lấy quyền lớn trong nước mà lại cứ để chính phủ Nam triều, cứ dùng quan lại nước Nam, để lấy người sai khiến, làm việc sưu thuế. Còn việc nước Nam, dân nước Nam thì không cần hỏi đến; trong ý cũng nói rằng ta dùng người Việt nam để trị nước Việt nam mà thôi. Cũng có đôi khi thay đổi một vài ông đại thần, hoặc là thăng giáng một vài viên quan lại, cái người bị đuổi đi đã đành không làm được việc, mà cái người thay chân ấy cũng có phải là người làm được việc đâu, cái người bị cách vẫn là gian tham, mà cái người được bổ cũng không phải là người liêm khiết! Phương chi hôm nay bị giáng, bị cách ngày mai lại được thăng, được thưởng; ở nơi này «can khoản»⁸ thì lại đổi đi nơi kia, thì tuy có phạm tội tham, mang tiếng xấu, cũng có hại gì đâu! Quan lại nước Nam thấy chính phủ có ý dung túng như thế, cho là việc thưởng, lâu rồi quen đi, dữa can rõ lại càng can rõ, chỉ lo đem tiền đi mua quan, dữa biếng lười lại càng biếng lười, chỉ biết khóa miệng cho yên việc. Áo mũ thùng thình, ngựa xe rộn rịp, hỏi quan chức thì ông này là đại thần trong triều, ông kia là đại lại các tỉnh, chỉ biết có một việc là ngày đi hội thương⁹ hay là ra công đường xử kiện, còn hỏi đến việc lợi bệnh¹⁰ trong nước, hay là trong một tỉnh, thì mơ màng chẳng hiểu một chút gì; ông này là quan phủ ở phủ này, ông kia là quan huyện ở huyện kia; chỉ biết

việc bắt phu thu thuế cũng là đi đón đi tiễn các quý quan, còn hỏi đến việc nên làm, nên bỏ ở trong phủ trong huyện, cũng mơ màng mà chẳng hiểu chút nào cả. Còn đến việc đút lót người trên, sách nhiễu kẻ dưới, thì không cứ là quan to quan nhỏ, đều công nhiên cho là cái quyền lợi của người làm quan đáng được, đâu có ai bàn nói đến cũng không kể vào đâu.

Than ôi! Nước Nam nhân cách tuy rằng tồi mạt, dân trí tuy rằng lú lấp¹¹, nhưng nếu vài trăm năm nay cứ đổi bại mãi như thế, thì nòi giống tất phải tan nát những bao giờ rồi, có thể nào độc lập được đến hơn nghìn năm, nghiêm nhiên là một nước lớn ở phương Nam, số người vẫn cứ sinh sôi nảy nở ngày thêm nhiều ra, đến bây giờ thành ra một dân tộc lớn ở trong thế giới. Thuộc địa của nước Pháp, khắp cả năm châu, nơi nào cũng có, phỏng khiến cách cai trị thuộc địa nơi nào cũng như thế cả, thì còn ai vui lòng yêu mến nữa?

Than ôi! Pháp luật của nước Nam tuy vẫn là không công bằng nhưng mà thuộc về cái mặt ngăn cấm quan lại thì thật nên dùng để trị quan lại đời này. Bây giờ chính phủ lại chỉ dùng cái hình luật rất là thảm khốc ác độc để trói buộc bọn dân ngu, mà đối với quan lại thì pháp luật rất là sơ sài, đến nỗi như dê vỡ nước tràn, tung tóe ra mà không thể nào ngăn cản được nữa, thế thì lỗi tại chính phủ dung túng quan lại mà thành ra cái tệ ấy đó.

Hai là chính phủ khinh rẻ sĩ dân Việt nam thành ra cái tệ xa cách. Người Pháp ở nước Nam đã lâu, thấy người Nam quan lại thì gian tham, sĩ dân thì ngu xuẩn, phong tục thì đổi bại, ghét rằng người Nam không có cái tư cách quốc dân, cho nên phạm những bài đăng ở trên các tờ báo, cho đến những khi bàn bạc chuyện trò đều tỏ ý ghét người Nam, khinh người Nam cho là người Mọi, vì với lợn bò, không muốn diu dắt lên cho

ngang với mình, mà lại còn sợ đến gần mình làm nhóp bần nữa. Vài mươi năm nay, không cứ hạng người nào, không cứ có tội hay là không có tội, nếu xúc nộ¹² quan tây, thì đều bị kỳ nhục¹³. Những người nghèo đi làm thuê, những dân phu đi làm việc quan, bị người Tây đánh đau hay là đập chết, cũng thường thấy luôn. Những việc ấy đồn thổi đi khắp trong Nam ngoài Bắc, ai nghe cũng phải kinh hãi tức giận, cho là người Tây dãi mình như muông chim, coi mình như gỗ đá, nhưng chỉ cảm tức mà không dám nói ra. Những người nhà quê ngu khờ, sợ uy khiếp thế, xem người Tây như sấm như sét, chỉ lo tránh cho xa; những kẻ sĩ phu hơi có liêm sỉ, thì đều sợ cái đường làm quan mà không dám ba men đến. Chỉ có những người ham lợi lộc hay là cấp bách¹⁴ về việc ấm no trong nhà, cực chẳng đã phải dầm đầu vào trường nô lệ. Khi đêm hôm thanh vắng một mình, nghĩ đến những cách khinh rẻ của người Tây dãi mình cũng biết tức giận, biết xấu xa, mà mình lại phàn nàn với mình, chỉ vì mình ở trong vòng, không làm thế nào được, cũng phải cảm hơi nín tiếng cho xong việc đi, chứ có phải bọn ấy toàn là đồ vô sỉ, vui thích những sự ô nhục thế đâu. Hiện bây giờ, quan lại nước Nam, không cứ quan lớn, quan nhỏ, khi tiếp kiến quan Tây, đều là run sợ rụt rè, chỉ sợ thừa thốt sai lầm làm cho quan Tây nổi giận. Ở các chốn hương thôn, những kẻ thân sĩ, khi đi ở ngoài đường ngẫu nhiên gặp người Tây, không cứ là Tây quan, Tây lính hay là Tây buôn, thì phải cúi đầu cụp tai rảo bước mà đi cho mau, chỉ sợ tránh không xa mà bị nhục.

Nay hai nước cùng ở một xứ, mà tình ý xa cách nhau như thế, cho nên những người cầu làm quan thì ngày ngày đến chực ở trước cửa các quan Bảo hộ, mà những người có kiến thức ở trong nước thì không ai dám đến trước sân; những người kiện cáo thì đôi khi được thấy

mặt quan công sứ, mà cái tiếng sâu khổ ở các chốn nhân gian thì không bao giờ được lọt vào tai quan công sứ.

Than ôi! Lấy cái tội gian tham vô sỉ buộc cho người Việt nam thì thật không chối cãi được. Nhưng mà cả một dân tộc đến hai mươi triệu người há lại không có một vài người có thể bàn nói đến việc lợi bệnh có ích lợi cho Nhà nước, mà chính phủ Bảo hộ nhất thiết khinh rẻ đi, tôi sợ rằng ở với nhau càng lâu lại càng xa nhau, khó lòng mà mong được hai bên tình ý đều thông với nhau được. Mới đây *Đại Việt tân báo* có nói rằng số người Việt nam ở Nhật bản hiện nay có chừng hai mươi người. Trong số hai mươi người ấy há lại không có một vài người hơi biết cái hiện trạng cùng khốn của nước Việt nam bây giờ ư? Và từ chỗ những người ấy ở mà đi đến dinh quan Bảo hộ tỉnh mình, xa thì độ một ngày, gần thì độ vài ba giờ, thế mà dân nước Nam xưa kia chưa từng bước chân ra khỏi cửa, nay thì chịu bỏ mồ mả, lia vợ con, vượt bể ra khơi, mầy mò đến một nước mầy nghìn năm nay không quen biết bao giờ, kêu gào khóc lóc, để thổ lộ cái khí uất ức bất bình, chứ quyết không chịu đến cửa quan Bảo hộ mà bày tỏ những sự đau đôn ở trong lòng; thế là tại chính phủ Bảo hộ khinh rẻ người Việt nam, thành ra cái tệ xa cách mà sinh ra thế.

Ba là tại các quan lại Việt nam nhân cái sự xa cách ấy mà thành ra cái tệ hà hiếp dân. Chính phủ Bảo hộ với người Việt nam tình ý không thông, mà quan lại làm cán làm bậy trên kia đã kể qua rồi. Nhưng phỏng khiến không có người đứng giữa ngăn cản hai bên, ngộ có một ngày kia các quan Bảo hộ vì ở lâu mà hiểu rõ được tình ý người Việt nam, hoặc là người trong nước không chịu nổi, mà phải bày tỏ các mối tệ của quan lại ra, người Pháp người Nam thông hiểu được nhau, thì

quan lại còn thò ngón gian vào đâu được nữa. Quan lại có muốn như thế đâu, tất phải tìm cách để lia xa ra. Họ biết rằng sưu thuế thu nạp cho thanh thỏa là điều chính phủ thích, gàn trở¹⁵ việc quan, hay là hợp đảng mưu toan bạo động, là điều chính phủ ghét. Cái điều chính phủ thích thì họ hết lòng hết sức làm cho được việc, tuy lột da dân, hút máu dân, chẻ xương dân cũng không cần. Các quan tỉnh, quan phủ, quan huyện, ý quyền thế để dọa nạt dân ngu và dè nén sĩ phu, lại sợ sĩ dân hoặc có tức giận mà chống cự lại chẳng, họ lại nhân điều chính phủ ghét mà vu oan, hoặc là nói rằng cây già có làm ngăn trở việc quan, hoặc là nói rằng hợp tập thân sĩ, sợ có ý gì khác chẳng... Mấy câu mơ hồ, không có chứng cứ gì cả. Chính phủ không hiểu cái mưu gian của họ, lại cứ tin họ, vì thế mà có người phải lụy đến thân gia, mắc vào tù tội.

Cũng có khi chính phủ biết là bọn quan lại nói dối, nhưng lại cho là họ làm được việc quan, rồi cũng làm thịnh mà không trị tội. Bởi thế dân tình càng cách, sĩ khí càng suy, quan quyền càng thịnh. Các quan phủ huyện chen thẳng dân nào béo thì ăn, từ việc kiện cáo, việc trộm cướp, việc án mạng, cho đến các việc vặt khác, việc gì cũng bóp nặn lấy tiền; còn như là chính phủ sức hỏi trong hạt mình có bao nhiêu trường học, dân lĩnh giống tằm về nuôi, cùng là nhà làm ruộng mang thóc gạo đi đâu xảo, số đình, số điền bao nhiêu, cùng là quan Tây đi khám, thầy thuốc đi giồng đậu, và những việc vận tải đồ đạc. Chính phủ thì cho là việc thường, không có gì nhiều dân cho lắm, mà quan lại thì cứ nói rằng đó là việc giao thiệp, rồi sai trái đi bắt dân, làm ồn ào cả lên, nào là đưa, là đón, là khai, là báo, nào là tiền phạt, tiền bút giấy, quan đã quơ quét được một số tiền to rồi. Phàm những việc sâu khổ ở dân gian, tức là những mối lợi to của quan lại. Không cứ

việc lớn việc nhỏ, việc hoãn việc cấp, hễ nắm được một mảnh giấy của quan Bảo hộ thì họ quý như hòn ngọc, coi như cái bùa hộ thân, vì nhờ đó mà thu được nặng túi!

Thậm chí các nha dịch¹⁶ và các tổng lý thấy béo bở quá cũng thêm mà tìm cách chাম mút đôi tí, đua nhau đem tiền bạc ra tỉnh lo chạy, cầu được một chức gì nhỏ nhỏ, nhai cái bã giả cũng đủ no béo rồi. Nghiệm thế thì cái tình trạng khốn nạn của dân cũng đáng thương thật, chỉ vì sợ uy khiếp thế quá mà không dám ho he¹⁷. Trong đám thân sĩ cũng nhiều người biết, vì mình ở ngoài vòng, sợ mang lấy hiềm nghi nên không dám nói đến. Các quan to cũng biết như thế cả, nhưng vì ăn của dút, rồi cũng giả diếc giả dui, còn các quan Bảo hộ thì vì ý tình không thông, không tài nào hiểu thấu được. Đến bây giờ dân cùng của hết, người giàu, người nghèo, đều khốn khổ cả; người nào cũng oán thán, trộm cướp nổi lung tung, sự thế thật là nguy cấp. Thân sĩ trong nước, người thì xuong ra học chữ Tây, người thì xin bỏ khoa cử, người thì góp vốn mở cửa hiệu buôn, ý cũng muốn cứu vớt lấy một vài phần trong trăm phần; quan lại ghét rằng làm thế là có ý muốn chống chọi với mình, thì lại bảo là điên cuồng, cho là âm mưu, những lời vu oan giá họa, chắc là ngày nào cũng nói đến tai các quan Bảo hộ.

Thôi ôi! Nước Nam không kể là nước dã man hay nước bán khai, nhưng mấy nghìn năm nay theo học chữ nho, sách vở hãy còn đó, đều lấy yêu dân là công, hại dân là tội, bọn quan lại đều là người có đọc sách, có biết chữ, mà dám lấy quan trường làm nơi bán hàng, coi nhân dân như cá thịt, bảo những lời thương dân là điên rồ, cho những việc hưng lợi là phản nghịch, làm cho đen trắng mập mờ, phải trái lẫn lộn, làm bậy làm bạ, nói càn nói rỡ, không còn chút kiêng dè sợ hãi gì, thế là bởi quan lại nhân cái tệ xa cách mà gây nên.

Ba cái tệ mới kể trên, đó là mới nói qua đây thôi, còn đến các thói nịnh hót, các cách tham bao của quan lại, cho các nhà kỹ xảo Thái Tây nghĩ mấy năm cũng không hiểu được; cái tình trạng đói rét sâu khổ của dân ngu, các nhà hội họa Thái Tây vẽ mấy mươi bức cũng không đúng được...

Nguyên văn chữ Hán của Phan Châu Trinh 1906

NGÔ ĐỨC KẾ dịch
PHAN TÂY HỒ di thảo

CHÚ THÍCH

Ngày 15 tháng 8 năm 1906, sau khi ở nước ngoài về và xác định đường lối hoạt động của mình là nhờ chính quyền Pháp đề sửa đổi bộ máy cai trị vua quan do chế độ cũ để lại và thực hiện đồng bào bước lên con đường duy tân tự cường, Phan Châu Trinh viết một cuốn thư dài (bằng chữ Hán) gửi cho toàn quyền Bô (Beau). Trong đó ông trình bày tình hình khổ cực của nhân dân, lòng bất bình của nhân dân đối với việc chính phủ dùng bọn quan lại để ngăn cách chính phủ trực tiếp với dân, trước việc người Pháp khinh rẻ ngược đãi người Việt nam. Ông cũng vạch rõ tư cách xấu xa, tình hình thối nát của quan lại Nam triều, đồng thời yêu cầu chính phủ Bảo hộ thực hiện cải cách để giúp nhân dân Việt nam tiến bộ.

Bức thư lời lẽ sắc bén, nghị luận chặt chẽ, thái độ của tác giả là thái độ của người có胆 lượng, khí phách, đầy nhiệt huyết vì dân vì nước. Đây cũng là một bức thư công khai viết ngay cho bọn cầm quyền Pháp mà lại vạch trần âm mưu, tội ác của chúng. Mục đích là buộc tội chúng nó, nhưng đồng thời cũng phải giữ mình. Do đó, nhất định không tránh khỏi lối hành văn khúc khuỷu, quanh co, khi tấn công khi rút lui, khi cõn khi buộc, rào trước đón sau, vừa tỏ bày vừa hăm dọa. Cho nên, kết hợp đường lối chính trị vốn đã có sai lầm của tác giả, bức thư công khai này có một số quan điểm không đúng khi nói đến những người hoạt động ở nước ngoài, nhất là khi nói đến nhân dân ta. Đọc bức thư này, chủ yếu là tìm hiểu tình thần yêu nước của tác giả nhưng không nên bỏ qua những hạn chế đó

1) *Thư trước tác*: tam lãnh hàm hân làm viên trước tác chỗ chưa thực thu hàm đó. (Tờ đời Minh Mạng, quan văn chia làm mười tám bậc, trước tác là bậc thứ tám từ dưới lên). *Hậu bỏ*: chức quan tạm thời như tập sự ở bộ hay ở tỉnh chờ ngày bổ dụng. (2) *Ăn dầm nằm dề*: cũng như ăn dầm nằm dề, ý nói: mãi miết ở một nơi, không rời đi nơi khác. 3) *Bốn triệu thước vuông*: tác giả tính không đúng. Cũng trong bức thư này có chỗ lại tính là bốn mươi sáu vạn dặm. Con số đúng hiện nay: 328.000km². 4) *Không lấy loài người đãi người Việt nam*: không coi người Việt nam là người trong khi đối xử. 5) *Nghiêng cổ*: nghiêng cổ. *Lại xét biết tri minh... suy xét kỹ càng vậy*: đoạn này tác giả ám chỉ những người có xu hướng cầu viện đế quốc Nhật để đánh đuổi thực dân Pháp, cho chủ trương như thế là sai. Ở đây đã thấy chủ trương của Phan Châu Trinh dựa vào thực dân Pháp để làm cho nước nhà văn minh lên. Chủ trương đó cũng sai lầm. 6) *Cố tức*: xem chú thích ở bài « Quang Trung đánh quân Thanh » (tập 1). 7) *Bỏ bản*: ở đây ý nói: bỏ đi làm quan. 8) *Can khoản*: bị can vào một khoản nào đó. Ở đây ý nói bọn quan bị dân kiện vì một việc tham nhũng, phi pháp nào đó. *Đại thần*: quan to. *Đại lại*: chỉ bọn đứng đầu trong hàng nha lại. 9) *Hội thương*: họp mặt với các quan Tây để thương nghị tức bàn bạc công việc (kỳ thật là để nghe mệnh lệnh). 10) *Lợi bệnh*: lợi hại. 11) *Lá lấp*: quên tất cả, năng khiếu như bị che lấp. 12) *Xúc phạm*: xúc phạm. 13) *Bị kỷ nhục*: bị xử phạt nhục nhã phi thường. 14) *Cấp bách về việc ẩm no*: bị thúc bách phải lo miếng cơm tấm áo. 15) *Gần trở*: Cản trở. 16) *Nha dịch*: bọn lính tráng ở các cửa quan. 17) *Không dám ho he*: im hơi lặng tiếng, không dám nói năng kêu ca gì.

ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LỒN

Làm trai đứng giữa đất Côn lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non,
Xách búa đánh tan năm bảy đồng,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chỉ sờn da sắt son.
Những kẻ vá trời, khi lỡ bước,
Gian nan nào sá sự con con!

PHAN CHÂU TRINH
(Trích *Thi tù tâng thoại*)

CẢM CẢNH CÔN LÔN

Biển dâu đời đời mấy thu đông,
Cụm núi Côn lôn đứng vững trờng.
Bốn mặt giầy vò oai sóng gió,
Một mình che chở tội non sông.
Cỏ hoa đất nầy cây trăm thước,
Rồng cá trời riêng biển một vùng.
Nước biếc non xanh thương chẳng nhẽ,
Gian nan xin độ khách anh hùng.

PHAN CHÂU TRINH
(Trích *Thi tù tâng thoại*)

HUỲNH THỨC KHÁNG

TIÊU-SỬ

Huỳnh Thức Kháng còn có tên là Huỳnh Hanh, biệt hiệu Minh Viên, sinh năm 1875 ở làng Thanh bình, huyện Tiên phước, tỉnh Quảng nam, trong một gia đình nhà nho nghèo. Ông đỗ tiến sĩ năm 1904 nhưng không ra làm quan, ở nhà đọc sách «tân thư» và nhờ đó tiếp thu được những tư tưởng cách mạng

tư sản. Ông là một trong những người đứng ra cổ động phong trào duy tân ở miền Trung. Năm 1908, vụ «xin râu» xảy ra, ông bị buộc tội chủ mưu, kết án xử tử, sau cải ra khổ sai chung thân đày đi Côn lôn. Năm 1921 được tha về. Sau đó, nhân dân tin nhiệm bầu vào viện dân biểu Trung kỳ làm viện trưởng. Khóa họp năm 1927, tên khâm sứ Trung kỳ đọc một bài diễn văn xác xược, khinh rẻ viện dân biểu... Ông phản đối và từ chức... Từ đó, ông chuyên làm báo và viết sách. Tờ *Tiếng dân* của ông là một tờ báo nhằm bênh vực quyền lợi cho nhân dân. Năm 1946, ông làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa và quyền Chủ tịch nước trong khi Hồ Chủ tịch đi Pháp. Trước kháng chiến toàn quốc Chính phủ biệt phái ông vào Liên khu V để củng cố đoàn kết, chuẩn bị cuộc kháng chiến trường kỳ. Ông mất ở Quảng Ngãi năm 1947.

Tác phẩm

Thi tù tâng thoại
Thi văn với thời đại

BÀI HÁT LƯU BIỆT¹

Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,
Người ở đời đâu khỏi tiết² gian nan,
Đấng trượng phu từng ngộ nhi an,
Tổ hoạn nạn, hành hồ hoạn nạn³.
Tiền lộ định tri thiên—hữu nhân⁴
Thâm tiêu do hứa mộng hoàn gia⁵
Bấy nhiêu năm cũng vẫn chưa già,
Nọ núi Ấn, này sông Đà⁶
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt.
Kia tụ tán chẳng qua là tiêu biệt,
Ngựa tái ông họa phúc biết về đâu⁷?
Một mai kia con tạo khéo cơ cầu⁸
Thấy bốn biển cũng trong bầu trời đất cả.

Ư bách niên trung tu hữu ngã⁹

Dầu đến lúc núi sụp, biển lồi, trời nghiêng,
đất ngã,

Tấm lòng vàng, tạc đá vẫn chưa mòn¹⁰.

Trăng kia khuyết đó lại tròn.

HUỲNH THÚC KHÁNG

1908

(Thi từ cùng thời)

CHÚ THÍCH

1) Tháng Tám năm 1908, nghe tin Huỳnh Thúc Kháng bị đày đi Côn lôn, nhưng chưa biết đi ngày nào, các nhà chí sĩ đang cùng bị giam trong lao Hội an có làm tiệc rượu tiễn biệt và làm thơ đưa tặng. Ông viết *Bài hát lưu biệt* này (bài hát kể ở người đi). Đây là bài hát nói đôi khổ (khổ đầu 4 câu, khổ thơ 4 câu, khổ đôi 4 câu, khổ xếp 3 câu). 2) *Tiết*: đốt, lóng (đốt tre) nghĩa rộng là một khoảng thời gian (tiết lập xuân, thời tiết), một đoạn đời (tiết gian nan). 3) Hai câu ý nói: kẻ trượng phu (tức là người có tiết tháo, nghèo nàn không đổi, giàu sang không ham, uy vũ không khuất), có chí khí vững, dù gặp cảnh ngộ nào cũng xử trí được, hễ gặp cảnh hoạn nạn thì phải xử theo cảnh hoạn, nghĩa là vẫn ung dung tự tại không nao núng, vẫn vui tươi. 4) Câu này nghĩa là: con đường phía trước biết chắc là trời sẽ có mặt; tức ý nói: sau này vận mệnh sẽ khá, nước nhà sẽ có ngày độc lập. 5) Đêm sâu còn có thềm mộng thấy trở về nhà. Ý nói: bây giờ đi đày nhưng trong lòng vẫn luôn luôn mong có ngày được trở về lo việc nhà việc nước. 6) *Núi Ấn*: tên chữ là Ấn sơn, tức núi Chúa hay núi Mỏ diều nằm giữa hai huyện Quế sơn và Duy Xuyên. *Sông Đà*: sông chảy qua Đà Nẵng tức là sông Cẩm lệ. Núi Ấn và sông Đà đều ở Quảng nam. 7) *Diền cũ*: một ông già ở một ai nọ (tái: cửa ai), một hôm mất ngựa, có người chia buồn, ông bảo: chưa chắc là điều dở. Hôm sau con ngựa quay về dẫn theo một con ngựa khác. Ông lại bảo: chưa chắc là điều hay. Sau đây, người con trai cưới con ngựa mới được, bị té ngã gãy chân. Cả câu ý nói: đi đày đày cũng chưa biết là điều dở hay điều hay. 8) *Cơ cầu*: tai ngược, khát khe. Thành ngữ có câu: *Bà già bạo ác cơ cầu*. 9) Trong cõi trăm năm phải có ta. Ý nói: ta sẽ còn sống trong cõi đời này. 10) Đây là câu gởi hạc trong khổ xếp.

NGÔ ĐỨC KẾ

TIÊU SỬ

Ngô Đức Kế, hiệu Tập Xuyên, sinh năm 1878 ở làng Trảo Nha, huyện Can lộc, tỉnh Hà tĩnh, đỗ tiến sĩ nhưng không ra làm quan. Nhờ tiếp xúc với các sách Trung quốc truyền bá các học thuyết Âu Tây, ông hấp thụ được những tư tưởng mới nên đối với tình hình chính trị nước nhà, ông rất lưu tâm. Chính ông là một người hăng hái bậc nhất trong việc cổ động bỏ khoa cử và đề xướng học mới ở Nghệ—Tĩnh hồi đầu thế kỷ. Năm 1908, thực dân khủng bố các phong trào cách mạng, ông bị bắt đày đi Côn lôn. Được thả năm 1921, ông về ở quê nhà ít lâu rồi ra Hà nội viết báo. Ông là một cây bút xuất sắc trong báo *Hữu thanh*. Năm 1927, ông mở « Giác quần thư xã » xuất bản sách. Ông mất ở Hà nội năm 1929.

Tác phẩm: *Phan Tây Hồ đi thảo*, một số thơ văn và một số bài báo.

HỎI GIA LONG

I

Ái về địa phủ¹ hỏi Gia Long
Khải Định thẳng này phải cháu ông?
Một lễ tứ tuần² vui lũ trẻ
Trăm gia ba chục³ khổ nhà nông
Mời rồi ngoài Bắc tai liền đến⁴
Năm ngoài qua Tây ỉa vãi cùng⁵
Bảo hộ trau giồi nên tượng gỗ:
Vua thời còn đó, nước thời không!

II

Nước thời không có, có vua chi ?
 Có cũng như không chả ích gì !
 Người vét dinh điền còn bạch địa ⁶
 Ta khoe dụ chỉ tự đàn trì ! ⁷
 Cấp tiền nguyệt bổng vinh nào có ⁸
 Ăn của quan trường tẻ lắm ri !
 Thọ lắm lại càng thêm nhục lắm
 Nhỏ cu li, lớn cũng cu li !

III

Cu li đành phận chớ ra oai,
 Chuyên chế ăn quen thói cũ hoài !
 Quân chủ cờ bay vui trước mắt
 Dân quyền trống đánh chán bên tai.
 Bài, Liêm giáo hiểm khoe tài trí,
 Huê, Thụ thông minh gọi bắt tài ⁹
 Cấm hết công môn tiền hối lộ,
 Ngoài ra tiếm đề mặc lòng ai ! ¹⁰

IV

Mặc lòng ai thảo với quân vương ¹¹
 Lóp đề xây lăng, lóp tau vườn
 Mặc kệ dân gian chìm nước lụt
 Trối thầy sĩ tử thiếu nhà trường
 Một mình mê mẩn nghề ca xướng,
 Các nước lằng xằng nghiệp phú cường ¹²
 Một lễ tứ tuần thu nặng túi,
 Ngọc ngà châu báu có trăm rương !

CHÚ THÍCH

Năm 1923, Khải Định tổ chức lễ « tứ tuần đại khánh ». Đây là dịp hân vơ vét của cải của nhân dân. Cụ Ngô Đức Kế làm bài thơ « Hồi Gia Long » đề vạch tội tên vua bù nhìn hại nước, hại dân đó. Bài thơ chỉ được lưu truyền bí mật mà đến với chúng ta.

1) *Địa phủ* : cùng nghĩa với âm phủ. 2) *Lễ tứ tuần* : lễ mừng bốn mươi tuổi; tứ tuần đại khánh (lễ lớn mừng thọ bốn mươi tuổi). 3) Năm 1923, thực dân Pháp cùng triều đình Huế ban hành nghị định tăng thuế 30%. 4) *Bắc bộ* bị nạn lụt liên miên, nhất là trong mấy năm 1922 — 1923. 5) Năm 1922, Khải Định đi dự đấu xảo ở Pa-ri làm nhiều việc ti tiện nhục đến quốc thể (đã từng bị Phan Châu Trinh vạch tội bảy điều). 6) *Người* : chỉ thực dân Pháp; *Đinh* : thuế đinh đánh vào đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi (còn gọi là sưu, hoặc thuế thân); *Điền* : thuế ruộng; *Bạch địa* : đất trắng, ý nói đánh thuế nặng quá, nông dân phải bỏ ruộng hoang. 7) *Ta* : chỉ Khải Định. *Dụ chỉ* : lời vua ban xuống cho quan và dân thi hành; *Tự* : từ; *Đan trì* : thêm son, chỉ chỗ vua ở. 8) Từ khi Pháp chiếm nước ta, bọn vua cũng phải theo chế độ ăn lương như quan lại công chức do chính phủ thuộc địa cấp. Hai đó, tương Khải Định một tháng một vạn đồng Đông dương cũ. Sáu tháng nhận một lần. Riêng năm tứ tuần, được tăng thêm một ít. 9) *Bài* : Nguyễn Hữu Bài, thượng thư bộ Lại, *Liêm* : Võ Liêm, thượng thư bộ Lễ, *Huê* : Thân Trọng Huê, thượng thư bộ Học, *Thụ* : Phạm Văn Thụ, thượng thư bộ Hộ. 10) *Tiếm đề* : chỗ Khải Định ở khi chưa lên ngôi, ở An Cựu, thường gọi là cung An định. 11) *Thảo với quân vương* : trung với nhà vua. 12) Khoa thi đình cuối cùng (1916), Khải Định ra bài thi có hỏi : « Các nước phú cường như thế, nước ta phải làm sao để cũng phú cường như họ ». Cụ Ngô Đức Kế nhắc lại cái thái độ « lằng xằng » làm ra vẻ của hắn đề đả kích.

HỮ HỒN THIẾU NIÊN

Ngồi gẫm chuyện năm châu trên trái đất,
Sóng văn minh dào dạt nổi phong trào.
Kìa như ai : người thời khôn, sức thời mạnh,
đất thời rộng, của thời nhiều
Giời có lẽ thương yêu riêng một cõi,
Sao ta cứ đã man quen thói,
Đem thân nô luồn cúi dưới cường quyền.
Hủ ba hồn các chủ thiếu niên,
Vi trở lực phải nên động lực,
Tuệ não, tận lòng tận học đắc,
Phương châm tu tự nhiệt thành lai¹
Dắt tay nhau lên chốn vũ đài,
Cho rõ mặt anh tài trong Á hải,²
Người thắng ưu ta đứng liệt bại,
Năm dân quyền kéo lại phương Đông,
Tạo thời mới gọi anh hùng...³

KHUYẾT DANH

(Văn thơ yêu nước và cách mạng)

CHÚ THÍCH

- 1) Ý hai câu thơ : trí não do nền tân học mà có. Phương châm nên ở lòng nhiệt thành mà ra. 2) Á hải : bờ Á tức là châu Á. 3) Do quan niệm xưa : anh hùng tạo thời thế.

ĐỀ TÍNH QUỐC DÂN CA 1

...
Ngồi mà nghĩ thêm sâu lại tủi ;
Nước Nam ta gặp buổi truân chiến,
Đã man quen thói ngu hèn,
Cũng như Minh trị dĩ tiền khác đâu.
Từ dị tộc mưu cầu bảo hộ,
Mở trí khôn chỉ độ một và.
Non sông then với nước nhà
Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu !
Việc dây thép, việc tàu, việc pháo,
Việc luyện binh, việc giáo học đường,
Việc kỹ nghệ, việc nông thương,
Việc khai mỏ khoáng, việc đường hỏa xa.
Dự các việc chẳng qua người nước,
Kể chức bồi, người trước cu li,
Thông ngôn, ký lục chỉ chỉ,
Mãn đời lính tập, cũng vì quan sang !
Các hạng thuế, các hàng tăng mãi,
Hết đình điền, rồi lại trâu bò
Thuế chó cũi, thuế lợn lò
Thuế diêm, thuế rượu, thuế đồ, thuế xe.
Thuế sản vật, thuế chè, thuế thuốc,
Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn,
Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền,
Thuế bè tre gỗ, thuế thuyền bán buôn.
Thuế đến cả phần sơn phờng phở,
Thuế những anh thuốc lợ gây mòn,
Thuế gò, thuế bãi, thuế cồn,
Thuế người chức sắc, thuế con hát đàn.
Thuế dầu, mật, thuế sơn mọi lối,
Thuế gạo rau, thuế muối, thuế bông.

Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
 Thuế chim, thuế cá khắp trong lưỡng kỳ.
 Các hạng thuế kê chi cho xiết
 Thuế xia kia mới thiệt lạ lùng !...
 Làm cho thập thất cứu không ²,
 Làm cho đau đớn khốn cùng không thôi.
 Lại nghe nói Lào cai, Yên bá,
 Mấy muôn người xẻ núi đào sông,
 Độc thay lam chương nghìn trùng,
 Nước sâu quảng xác, hang cùng chắt xương.
 Họa diệt chủng bề thương bề sợ,
 Nòi giống ta biết có còn không ?
 Nói ra ai cũng đau lòng,
 Cha con tủi nhục, vợ chồng thở than.
 Nghĩ lắm lúc bầm gan tím ruột,
 Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra :
 Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
 Cũng hồn máu đỏ con nhà Lạc Long.
 Thế mà chịu trong vòng trời buộc,
 Bốn mươi năm nhớ nhuốc lẫm than.
 Thương ôi ! Bách Việt hà san.
 Văn minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa,
 Hồn mê mẩn tỉnh chưa, chưa tỉnh ?
 Anh em ta phải tỉnh làm sao !

.....

(Trích *Đề tình quốc dân ca* — 1906)

CHÚ THÍCH

1) *Đề tình quốc dân ca* (bài ca đánh thức quốc dân) thường gọi tắt là bài ca *Á tế Á* (mấy chữ của câu đầu), xuất hiện khoảng 1906, hai năm sau cuộc chiến tranh Nhật — Nga. Tác giả hiện chưa biết là ai. Bài ca, do tính chất lưu hành rộng rãi, đã bị sửa chữa nhiều chỗ và nhiều lần, nên hiện nay có nhiều bản chép khác nhau. 2) *Thập thất cứu không* : Ý nói làm cho nhân dân ta điêu đứng, khổ đau cùng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

TIỂU SỬ

Nguyễn Ái Quốc tức Chủ tịch Hồ Chí Minh, sinh năm 1890. Quê Bác ở Kim Liên nay là xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Gia đình Bác là gia đình một nhà nho nghèo, cụ thân sinh là cụ phó bảng Nguyễn Sinh Huy.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc. Ở Pháp, nhân danh « một nhóm người Việt nam yêu nước », ký tên là Nguyễn Ái Quốc, Bác gửi *Bản yêu cầu của nhân dân Việt nam* đến Hội nghị Véc-xây và gửi đăng trên báo *Dân chúng* (Le peuple), cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội Pháp. Năm 1921, Bác tổ chức ra *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* và xuất bản tờ báo *Người cùng khổ*. Nhiều bài báo của Bác hồi đó, sau này được sưu tầm, dịch và in thành tập *Lên án chủ nghĩa thực dân*. Năm 1925, Bác còn viết cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Tháng 6-1923, Bác đi Mạc tư khoa tham dự Hội nghị nông dân quốc tế. Sau khi Lê-nin mất, Quốc tế cộng sản họp lần thứ V, Bác tham dự đại hội với tư cách là một đại biểu của Đảng cộng sản Pháp và đại biểu các thuộc địa Pháp.

Tháng 12-1924, Bác về Quảng châu chỉ đạo cách mạng Việt nam, cải tổ *Tâm tâm xã* thành *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*. Năm 1930, Bác về Hương Cảng triệu tập hội nghị thành lập *Đảng cộng sản Đông dương*.

Tháng 12-1940, Bác về Pắc bó, Cao bằng cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân vùng lên đánh đuổi Pháp — Nhật.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thắng lợi, từ đó đến nay Bác là Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa và Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt nam.

Bác mất ngày 3-9-1969.

Tác phẩm chính : *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) ; *Nhật ký trong tù* (1942 — 1943) ; *Những lời kêu gọi của Hồ Chí Minh* (4 tập : 1946 — 1960).

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

THUẾ MÁU

I — CHIẾN TRANH ĐỐI VỚI « NGƯỜI BẢN XỨ »

Từ năm 1914 trở về trước, họ chỉ là những tên da đen hèn hạ, những tên An-na-mit¹ hèn hạ, giới làm thì chỉ biết kéo xe và ăn roi vọt của các quan cai trị nhà ta. Cuộc chiến tranh² vui tươi vừa xảy đến, thế là họ liền biến thành những đứa « con cưng », những người « bạn thiết » của các quan cai trị nhân từ và hiền hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn bé nữa. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là « chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do ». Nhưng cái vinh dự ngọt ngào ấy, người bản xứ đã phải trả bằng một giá khá đắt. Bởi vì, để bảo vệ cho cái tự do và công lý mà chính họ không được hưởng lấy một ít nào ấy, họ phải đốt ngọt lia vợ, lia con, bỏ đàn cừ, bỏ mảnh ruộng, để vượt đại dương, đem xương phơi trên các chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, khối người đã được nếm cảnh biểu diễn thủy lôi kỳ diệu, rồi sau đó, xa chơi đáy biển để bảo vệ cho tổ quốc của Long vương. Một số khác thì bỏ thầy nơi sa mạc thớ mọng vùng Ban-căng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng Nước Mẹ³ muốn vào làm nguyên phi trong hoàng cung vua Thổ, — chả thế thì sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy ? Một số nữa thì hy sinh anh dũng trên bờ sông Mác-nơ⁴ hay trong bùn lầy miền Săm-pa-nhơ, đem máu mình tưới cho tươi những vòng nguyệt quế⁵ của các quan chỉ huy và lấy xương chạm tro những chiếc gậy phù hiệu cho các ngài thống chế.

Cuối cùng lại còn những người làm lưng vất vả trong các nhà máy thuốc đạn gồm guốc ở hậu phương, tuy không hít phải hơi ngạt của bọn « Bốt-sơ »⁶, nhưng lại thở hơi khói đỏ của quân Pháp; thì cũng thế, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng khắc ra từng miếng phôi, có khác gì mắc phải hơi ngạt⁷ độc.

Bảy mươi vạn người bản xứ đã bước chân lên đất Pháp và trong số ấy, tám vạn người đã không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước họ nữa.

II — MỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Đây là lời một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi : giai cấp vô sản bản xứ ở Đông dương từ bấy lâu nay bị bòn rút bằng thuế khóa, sưu dịch đủ mọi thứ, bị bọn quan lại cưỡng ép mua rượu và thuốc phiện; từ 1915—1916 tới nay, họ lại còn phải chịu thêm cái vạ bắt lính tình nguyện...

Cái việc mộ lính tình nguyện ấy tiến hành như thế này: vị « chúa tỉnh » — mỗi viên công sứ ở Đông dương quả là một chúa tỉnh — ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền ông ta trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào đấy cũng được. Các quan cứ việc tùy đấy mà xoay xở lấy. Mà cái ngón xoay xở thì còn phải nói, các ngài ấy tài lắm, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt đầu, họ tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ, những người này bị hy sinh đứt, không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, họ mới đòi đến con cái nhà giàu. Những người này mà cứng cổ, thế là người ta liền được dịp rất dễ dàng kiếm chuyện với họ hay với gia đình họ và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường : « Hoặc đi lính tình nguyện, hoặc đưa tiền ra ».

Những người bị tóm đi như thế tất nhiên là không hào hứng gì với cái nghề mà người ta cột vào cổ họ. Cho nên bước chân vào trại lính là họ đã rình mọi cơ hội để trốn.

Còn những người khác, thấy mình không thể nào tránh khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách làm ra bệnh nặng. Một trong những thứ bệnh họ hay làm nhất, là bệnh đau mắt chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt đủ thứ chất độc, từ vôi sống cho đến cả mủ bệnh lậu nữa.

Tuy thế, trong một bản hiệu triệu, sau khi đã hứa ban phẩm hàm cho những lính tình nguyện nào còn sống sót và truy tặng những người nào hy sinh « cho Tổ quốc », chính phủ Đông dương vẫn lớn tiếng tuyên dương như thế này :

« Các bạn đã đến đầu quân từng đoàn lũ lượt, các bạn đã không ngần ngại rời bỏ quê hương xứ sở mà các bạn vẫn trìn mền xiết bao ; là lính tập, các bạn nguyện hiến dâng xương máu ; là công nhân, các bạn nguyện hiến dâng cánh tay lao động của mình ».

Nhưng nếu quả thật người Việt nam phấn khởi đi lính đến thế, thì sao lại có cái cảnh tốp thì bị xích tay dẫn về tỉnh lý, tốp thì trong khi chờ đợi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài gòn, chung quanh có lính Pháp canh gác, lưới lê tuốt trần, súng lên đạn sẵn ? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao miên, những vụ biến động ở Sài gòn, ở Biên hòa và nhiều nơi khác nữa, phải chăng là để biểu lộ lòng sôi sảng đầu quân « từng đoàn lũ lượt » và « không ngần ngại » ấy ?

...

Bây giờ chúng ta thử xem các thuộc địa khác, việc mộ lính tình nguyện đã được tổ chức như thế nào.

Chúng ta lấy Tây Phi làm thí dụ :

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội đã kéo quân đi từng làng bắt bọn hào mục bản xứ phải nộp ngay lập tức số người chúng muốn tuyển mộ. Một viên chỉ huy đã được khen là khôn khéo vì đã nghĩ ra cách bắt những thanh niên Xê-nê-gan⁸ bỏ trốn phải trở về và nhận đội mũ lính, bằng cách bắt thân nhân của họ ra hành hạ. Hắn bắt các ông già bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng ra, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Minh trần truồng, hai tay bị trói ghì, những nạn nhân khốn khổ đó bị bắt buộc phải chạy nhanh qua các thôn xã dưới làn roi vọt không ngớt, để « làm gương » ! Một người đàn bà cống con trên lưng phải van xin mãi người ta mới cởi trói cho một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy, hai cụ già ngã xuống ngất đi vì lả đói, nhiều em gái vì bị khủng bố bằng những hành vi tàn ác đó, nên đã bật hành kinh tuy chưa đến tuổi, một người đàn bà có mang bị truy thai, con chết ngay khi đẻ ; một người đàn bà khác thì sinh đứa bé mù mắt.

...

Phương pháp bắt lính của họ thật là đủ cách.

Phương pháp sau đây thì đặc biệt mau chóng được việc :

Họ dùng dây chằng ngang ở hai đầu con đường chính trong làng. Thế là tất cả những người da đen ở vào khoảng giữa hai sợi dây đó đều bị coi là chính thức phải tòng quân.

Một người mắt được chứng kiến đã viết cho chúng tôi như sau : « Giữa trưa ngày 3 tháng ba 1915, bọn lính đến bao vây đường phố các bến cảng ở Ruy-phi-sơ và Đa-ca⁹, chúng tóm tất cả những người bản xứ làm việc trong đó. Dường như những anh chàng này không lấy gì làm sốt sảng lắm với việc đi bảo vệ văn minh, nên

người ta liền mời họ lên xe đưa về nhà lao. Họ phải ở đây, cho đến khi họ thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ từ nhà lao sang trại lính.

« Tại trại lính, sau khi dự những cuộc lễ chứa chan tinh thần ái quốc, 29 lính tình nguyện được tuyên dương là những anh hùng sau này trong trận cuối cùng sắp tới... Bây giờ thì tất cả họ đều đã nóng lòng muốn lấy lại miền Ruya¹⁰ cho nước mẹ.

« Có điều, theo lời tướng Măng-gianh¹¹ là người đã từng biết rõ họ, thì họ là những đội quân « dễ nường trước mùa đông ».

III — KẾT QUẢ CỦA HY SINH

Khi đại bác đã ngáy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố dăm thăm của các nhà cầm quyền nhà ta bỗng dừng cũng bất hãm, và người da đen lẫn An-na-mít cũng tự nhiên lại trở thành « giống người hèn hạ ».

Đề ghi nhớ công lao người lính Việt, trước khi đưa họ xuống tàu về nước, ở Mác-xây, người ta chẳng đã lột lấy tất cả những của cải của họ: nào quần áo mới họ đã bỏ tiền túi ra mua, nào đồng hồ, vật kỷ niệm đủ thứ v.v...đó là gì? Người ta chẳng đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó là gì? Người ta chẳng đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường chiếu, thiếu không khí, không ánh sáng đó là gì? Về đến xứ sở, họ chẳng đã được một quan cai trị biết ơn ra đón chào nồng nhiệt bằng bài diễn văn yêu nước như thế này: « Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, thôi đi về đi! ».

Thế là những cựu « chiến binh » — hoặc nói cho đúng là cái xác người còn lại của họ — sau khi đã dùng cảm bảo vệ « công lý » và « chính nghĩa » thì nay lại đem thân tàn ma dại trở về với cái chế độ bản xứ là chế độ không còn biết gì đến công lý và chính nghĩa cả.

NGUYỄN ÁI QUỐC

(Trích *Bản án chế độ thực dân Pháp*)
Bản dịch của Nhà xuất bản Sự thật, 1960

CHÚ THÍCH

Bản án chế độ thực dân Pháp là một tác phẩm viết bằng tiếng Pháp. Hồ Chủ tịch (bấy giờ tên là Nguyễn Ái Quốc) viết và cho in ở Pháp năm 1925. Với một giọng văn trào phúng thâm thúy, một tinh thần chiến đấu cách mạng sôi nổi, tác giả đã nêu ra những bằng chứng cụ thể, hùng hồn về tội ác mọi mặt của thực dân Pháp ở khắp các thuộc địa Pháp, trước hết là ở Việt nam. Bấy giờ là thời kỳ thực dân Pháp ở các thuộc địa đang đẩy mạnh cuộc khai thác của cải để bù lại những tổn thất trong chiến tranh. Một làn sóng cách mạng đang lan mạnh ở một số thuộc địa, kể cả ở Việt nam. Trong hoàn cảnh đó, cùng với những hoạt động của « Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri » và của báo « Người cùng khổ », « *Bản án chế độ thực dân Pháp* » ra đời là một đòn giáng vào chủ nghĩa thực dân Pháp, góp phần thức tỉnh giai cấp công nhân và quần chúng bị áp bức ở nước ta và các nước thuộc địa khác đứng dậy đấu tranh theo ngọn cờ của chủ nghĩa cộng sản.

1) *An-na-mít*: tiếng người Pháp thực dân dùng để chỉ người Việt nam, do tiếng An nam mà ra. 2) *Cuộc chiến tranh*: đây là chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 — 1918). 3) *Phải chăng Nước Mẹ muốn vào làm nguyên phi trong hoàng cung vua Thổ*: vua Thổ nhĩ kỳ nổi tiếng có nhiều cung nữ ở hậu cung để làm vợ. Cung nữ chia ra làm nhiều loại, trong đó *phi* là một. *Nguyên phi* là người thứ nhất trong loại *phi*. Ở đây tác giả mỉa mai « Nước Mẹ » tức nước Pháp. 4) *Sông Mác-nơ, miền Săm-pa-nơ*: hai nơi trên đất Pháp đã xảy ra những trận chiến đấu ác liệt. 5) *Vòng nguyệt quế*: vòng nguyệt quế tượng trưng cho

vinh dự của chiến thắng. 6) *Bát-sơ*: tiếng tục người Pháp dùng để gọi lính Đức một cách khinh bỉ. 7) *Hơi ngạt*: trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất quân phiệt Đức dùng cả hơi ngạt. *Khối đồ*: chỉ hơi độc trong các xưởng hóa chất chế thuốc đạn. 8) *Xê-nê-gan*: một xứ ở Tây Phi. 9) *Ruy-phi-sơ, Đa-ca*: hai hải cảng ở Xê-nê-gan. 10) *Miền Ruya*: miền thuộc nước Đức giáp với nước Pháp. 11) *Tướng Măng-gianh*: một tướng Pháp trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Dưới đề mục «Thuế máu» tác giả đã tố cáo trong bài báo này những chính sách dã man và thâm độc gì của bọn thực dân Pháp đối với dân bản xứ các nước thuộc địa?

Ở mỗi sự việc như thế tác giả đã khéo khai thác được khía cạnh mỉa mai của vấn đề như thế nào?

2. Tìm hiểu nghệ thuật trào phúng và tính chất chiến đấu của bài phóng sự này?

ÔNG MÉC-LANH

Vận mệnh hai mươi triệu con người Việt nam sung sướng là ở trong tay ông Mác-ti-an Méc-lanh nắm.

Các bạn sẽ hỏi tôi: «Cái ông Méc-lanh là ai vậy?». Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gam-bi-ê² sau giữ chức phó toàn quyền Tây Phi, cuối cùng lên làm toàn quyền xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm trong đời mình để nhét cái văn minh khai hóa của nước Pháp vào đầu người bản xứ.

Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông dương đến nắm vận mệnh Đông dương như thế là một trò hề lớn về Đông dương chứ gì.

Đúng đấy! Nhưng đó là một cái mốt. Một bạn đồng nghiệp cho biết rằng tại Bộ thuộc địa, giữ chức giám đốc vụ Tây Phi là một viên công sứ cũ ở Đông dương; trái lại một viên quan cai trị cũ ở Tây Phi lại phụ trách vụ châu Phi xích đạo; một viên chức cũ ở Xu-đăng đã được giao cho phụ trách những vấn đề về Ma-da-ga-sca, còn đại diện cho xứ Ca-mơ-run ở hội chợ triển lãm thuộc địa lại là một viên chức chưa hề bao giờ đặt chân lên đất Ca-mơ-run.

Thế nên, trước khi sang Đông dương khai hóa cho người Đông dương quan toàn quyền Méc-lanh định bắt đầu khai hóa những người Đông dương chết ở Pháp cái đã, những người chết vì Tổ quốc, vì công lý, vì văn minh ấy mà!

Cười trong nghĩa địa là một cái thú đối với những bậc vĩ nhân, nhưng cười một mình, thì chắc hẳn là không khoái.

Bởi vậy Méc-lanh đại nhân đã ra lệnh cho những thanh niên Việt nam có học bổng phải theo đại nhân đến nghĩa trang Nô-giăng-xuya Mác-nơ, ở đấy, trước sự chứng kiến long trọng của ngài, họ sẽ đọc một bài diễn văn. Nhưng bài diễn văn ấy phải đệ trình cho quan lớn toàn quyền kiểm duyệt trước khi đem ra đọc. Họ đã làm đúng như thế. Quan lớn toàn quyền xem bài diễn văn, cho là quá ư quá khích, thế là ngài bỏ phải đi và thay vào bằng một bài khác do ngài tự tay làm dàn bài.

Dĩ nhiên bài diễn văn được xào nấu trong bếp các quan phải nức mũi trung thành và quỵn luyến.

Nếu người chết mà nói được, như bọn phù thủy thường bảo, thì hồn ma của những người Việt chôn ở Nô-giăng hẳn đã nói rằng: «Quan lớn toàn quyền ôi! Xin c...ảm ơn quan lớn! Nhưng xin quan lớn làm ơn...xéo đi cho!»...

NHỮNG NHÀ KHAI HÓA

Một nhà du lịch viết : « Đời sống ở thuộc địa chỉ làm cho những tật xấu di truyền của cá nhân phát triển. Đối với những kẻ đã nếm mùi chiến tranh, thì đời sống ở thuộc địa càng làm cho họ không còn gì là ý thức đạo đức, họ trụy lạc, bất lương và độc ác, bọn con buôn và những tay phiêu lưu khác thì càng quen mui trộm cướp, vơ vét. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và cảnh sát đáng sợ hơn ! Ở đây, thường thường thì bọn đó chỉ một mình đối diện với năm, bảy người bản xứ, trên một con thuyền hay trong vài thôn xóm ; vì vậy họ có điều kiện cướp bóc, vơ vét hơn là người châu Âu trên thị trường, và họ càng đối xử tàn nhẫn với những nông dân nào phản đối họ ».

Một nhà du lịch nữa nói : khi đặt chân đến thuộc địa, tất cả những người Pháp đều nghĩ rằng người Việt nam là hạng người dưới và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người Việt nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt. Tất cả mọi người đều quen tự cho mình là thuộc một tầng lớp quý tộc mới, có đặc quyền. Dù là binh sĩ hay là thực dân, họ đều cho rằng giữa họ và người bản xứ, không có cách đối xử nào khác hơn là sự đối xử giữa chủ và tớ. Hình như đối với họ, người bồi là đại biểu của cả chủng tộc da vàng. Phải nghe người Pháp ở Đông dương nói về người « da vàng » mới thấy họ có cái lối khinh bỉ ngu xuẩn đến thế nào ! Phải xem một người Âu đối xử với người bản xứ mới thấy cái cục cằn thô lỗ của hãn đến thế nào !

Kẻ đi chinh phục rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bị chinh phục. Người Việt nam

ở thành thị cũng như ở nông thôn đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt người Âu.

Một viên mật thám đánh đập tàn nhẫn những người Việt nam nào không gọi hãn bằng quan lớn. Một nhân viên nhà đoan ra lệnh cho những người đi qua cửa nhà hãn phải ngả mũ hoặc xuống xe. Một hôm nhà khai hóa đó đã đánh đập tàn nhẫn một phụ nữ Việt nam vì chị này tuy chào hãn, nhưng không gọi hãn là quan lớn. Chị ấy đang có mang. Viên đoan đá một cái rất mạnh vào bụng chị làm cho chị trụy thai, mấy ngày sau thì chết.

Các quan bảo hộ buộc người Việt nam phải tôn kính, ngoan ngoãn dễ bảo, lễ phép, còn chính các quan thì trái lại, các quan đã « làm đủ trò khả ố để cho không một ai chịu nổi chúng ta cả », như lời một nhà văn sang thăm Đông dương đã nói. Nhà văn ấy còn nói : « Ở châu Âu người ta coi giống người da vàng như là chứa đựng tất cả những thói điều ngoa xảo trá. Tuy thế, chính người da trắng chúng ta cũng rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng thành thật ».

Có những sĩ quan đã túm râu những thầy chùa mà giật ngay trong lúc họ đang làm lễ. Một cậu ấm người Pháp đã đánh như đòn một viên chức Việt nam trên một chiếc xe hàng vì ông này không chịu nhường chỗ cho hãn, mặc dầu hãn đến sau.

Một vị toàn quyền Đông dương vừa về tới Mác-xây; người ta mời ông dự tiệc và đề nghị để cho mấy vị quan Nam triều hiện có mặt tại Mác-xây cùng dự. Vị toàn quyền đáp : « Nếu các ông mời các quan An nam ấy đến dự tiệc, thì tôi cũng xin đưa tên bồi của tôi đến luôn »...

VIỆC BÓC LỘT NGƯỜI BẢN XỨ

Những người Việt nam nói chung, đều phải è cổ ra mà chịu những công ơn bảo hộ của nước Pháp. Những người nông dân Việt nam nói riêng, lại càng phải è cổ ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách thảm hại hơn : là người Việt nam, họ bị áp bức ; là người nông dân, họ bị người ta cướp đoạt. Chính họ là những người làm mọi việc lao dịch, chính họ là những người làm ra cho lũ người ăn bám, lũ người đi khai hóa và những bọn khác nữa hưởng. Mà chính họ thì lại phải sống cùng khổ, trong khi những tên đao phủ của họ sống rất thừa thãi ; hễ mất mùa thì họ chết đói. Đó là vì họ bị ăn cắp khắp mọi phía bằng mọi cách, do Nhà nước, do bọn phong kiến tàn thời, do nhà thờ. Xưa kia, theo chế độ Việt nam thì ruộng đất xếp thành nhiều hạng tùy theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, tất cả những cái đó đều thay đổi. Khi cần kiếm tiền, các quan cai trị Pháp chỉ việc bắt thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất một cách giả tạo bằng cách rút ngắn đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Điều đó chưa đủ để thỏa mãn lòng tham không đáy của Nhà nước bảo hộ cứ mỗi năm lại tăng mãi thuế lên. Thí dụ, từ năm 1890 đến năm 1896, thuế đã tăng gấp đôi, từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên một nửa và cứ như thế mà tăng lên mãi. Người Việt nam cứ chịu cho người ta róc thịt như thế mãi và các quan lớn bảo hộ nhà ta thì quen ăn bết mùi cứ tiếp tục giở trò bóc lột mãi.

Năm 1895, viên công sứ một tỉnh ở Bắc kỳ đã tước mất của một làng nọ hàng bao nhiêu mẫu ruộng đất để đem cấp cho một làng khác là một làng di đạo. Những người mất ruộng khiếu nại thì người ta bắt bỏ tù. Các ban dùng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ có như thế thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải nộp thuế cho mãi đến năm 1910, mặc dù ruộng đất của họ đã bị tước đoạt từ năm 1895.

Hết các quan cai trị ăn cắp, đến bọn chủ đồn điền ăn cắp. Người ta cấp những đồn điền cò bay thẳng cánh nhiều khi quá 20000 éc-ta cho những người Âu chỉ có cái bụng phệ và cái màu da trắng.

Những đồn điền ấy phần nhiều được lập ra bằng lối ăn cắp hợp pháp hóa. Trong thời kỳ xâm lược, người dân cày Việt nam cũng như người An-dát-xơ năm 1870 đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi họ trở về thì ruộng đất của họ đã « thành đồn điền » mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt đi như thế, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa phong kiến tàn thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cơ khuyến khích việc khai khẩn thuộc địa, người ta miễn thuế đồn điền cho rất nhiều chủ đồn điền lớn.

Đã được không ruộng đất rồi, bọn chủ đồn điền lại còn được không hoặc gần như được không cả nhân công nữa. Bọn quan cai trị cung cấp cho một số tù khổ sai làm không công hoặc dùng uy quyền để mộ cho bọn chủ đồn điền những nhân công làm việc với một đồng lương chết đói. Nếu những người làm công đến không đủ số hoặc không bằng lòng thì người ta dùng đến vũ lực: bọn chủ đồn điền liền bắt bọn hương lý, nện vào cổ họ, hành hạ họ cho đến khi những kẻ khốn khổ này chịu ký giấy cam đoan nộp đủ số nhân công cần thiết mới thôi...

CÔNG LÝ

Đông dương là một cô gái cứng, xứng đáng làm con của nước mẹ Pháp. Mẹ có cái gì, con có cái ấy : Đông dương cũng có chính phủ, có nợ, có tòa án, có cả âm mưu phiến loạn nữa. Dưới đây chúng tôi chỉ nói về hai cái loại sau :

Công lý thường được tượng trưng bằng một người đàn bà uy nghi, một tay cầm cái cân, một tay cầm thanh kiếm. Vì đường đi từ Pháp qua Đông dương quá xa, quá xa đến nỗi sang được tới Đông dương thì cái cân đã mất thăng bằng ; đĩa cân đã chảy ra và biến thành những hộp thuốc phiện hoặc thành những chai rượu ty³, cho nên bà công lý tội nghiệp kia chỉ còn độc chiếc gươm trong tay để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, mà nhất là người vô tội.

Còn như âm mưu phiến loạn thì lại là một chuyện khác nữa.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại những vụ biến động lừng danh năm 1908 và năm 1916, là những vụ đã khiến vô số dân bảo hộ của Pháp được ném ơn mưa móc của công cuộc khai hóa trên đoạn đầu dài, trong nhà tù hay nơi đầy ải. Những vụ phiến loạn ấy đã quá cũ rồi, chỉ còn in lại dấu vết trong trí nhớ của người bản xứ thôi.

Chỉ nói vụ vừa xảy ra gần đây nhất. Vì ở nước mẹ xảy ra vụ phiến loạn bôn-sê-vích làm chấn động dư luận, nên các ngài thực dân ở Đông dương — y như con nhái trong truyện ngụ ngôn — cũng muốn mình có một vụ phiến loạn, các ngài bèn cố phình bụng lên và cuối cùng nặn ra được một vụ.

Các ngài đã làm như thế này.

Một quan lớn Pháp (Công sứ nước Đại Pháp đây, thưa ngài), một viên tri huyện và một lý trưởng đã được giao nhiệm vụ chế ra cái vụ đó.

Bộ ba hành chính này phao tin là một bọn phiến loạn đã chôn giấu hai trăm năm mươi quả bom để làm nổ tung toàn cõi Bắc kỳ.

Nhưng ngày 16 tháng hai, Hội đồng đề hình Hà nội lại công nhận rằng tuyệt đối không có một bằng chứng nào để kết luận là có một tổ chức cách mạng có khi giới phá hoại, không những thế mà còn tuyên bố rằng vụ mưu loạn đó chẳng qua chỉ là một vụ giả tạo ra có tính chất gây chuyện của một số nhân viên chính phủ muốn được khen thưởng mà thôi.

Chắc bạn tưởng rằng sau khi tòa án tuyên bố như thế thì người Việt nam bị giam giữ sẽ được thả ra. Không ! Dù sao cũng phải bảo vệ uy tín cho các nhà đi chinh phục chứ. Muốn thế, không phải người ta chỉ gài huấn chương cho những kẻ đã khéo chế tạo ra vụ án mà thôi, người ta còn kết án 12 người Việt từ 2 đến 5 năm tù, những người này phần lớn là nhà nho, và trên cửa nhà lao giam giữ họ, người ta đọc thấy những chữ này : Tự do, bình đẳng, Bác ái — dĩ nhiên là bằng tiếng Pháp.

Thế rồi những tờ báo gọi là thân với người bản xứ vội vã ca tụng cái sự quang minh chính đại, cái trò hài hước về công lý ấy !

Xin hãy đọc tờ *Tin điện thuộc địa* (Dépêche coloniale) tờ báo giữ giải vô địch về chủ nghĩa bài Việt :

« Tòa án Pháp đã tuyên án. Một nửa số can phạm được tha bổng, số còn lại được kết án nhẹ. Những người bị án là những thầy đồ nho can tội làm thơ cảm hứng lãng nhãng đề ca tụng tự do ».

Các bạn thấy không, đối với người Việt nam mà ca tụng tự do thì quả là một tội ác, nên người ta tống cho họ 5 năm tù cũng chỉ vì ca tụng tự do mà thôi !

Cũng vẫn tờ báo ấy viết tiếp : « chúng ta nên lấy làm vui mừng khi thấy bản án tốt bậc vô tư ấy của các quan tòa, các hội thẩm của chúng ta v.v... ».

NỖI KHỔ NHỤC CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ BẢN XỨ

Ái đọc những trang trên đây cũng đã thấy người phụ nữ Việt nam đã được các nhà khai hóa của chúng ta « bảo hộ » như thế nào. Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược của mọi người xâm lược : Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, ở đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của các quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Mắng một phụ nữ Việt nam là con đĩ, con bú dù là một việc thường đối với người Pháp. Ngay giữa chợ Sài gòn — mà người ta bảo là một thành phố Pháp — những người gác chợ cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh người đàn bà bản xứ để bắt họ tránh cho khỏi nghẽn lối !

Những chuyện đáng buồn như thế, chúng tôi có thể kể mãi không bao giờ hết được, nhưng chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho các chị em ở chính quốc nhìn thấy người phụ nữ Việt nam sống quẩn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức như thế nào rồi. Bây giờ chúng ta hãy xem người phụ nữ ở các thuộc địa khác — cũng ở dưới sự bảo hộ của nước Mẹ — có được tôn trọng hơn không.

Ở Phết-mơ-da-la⁴ (An-giê-ri) một người bản xứ bị kết án một năm tù vì tội ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một viên quan hai chỉ huy, đi bao vây thôn ấp người vượt ngục. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm ra người tù xổng. Họ bèn tập trung 35 phụ nữ thuộc gia đình anh ta và những gia đình bà con với anh ta. Trong số 35 người ấy, có những em gái mới 12 tuổi, những bà cụ già 70 tuổi, những bà đang có mang, những người mẹ còn đương cho con bú. Lúc ấy viên quan cai trị cũng vừa đến. Dưới con mắt che chở của ngài và của viên quan hai, mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Những hào mục, bang trưởng trong làng cũng bị bắt phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo là để cho họ nhớ mà sợ. Xong đâu đấy, chúng phá nhà cửa, chúng bắt súc vật, chúng nhốt những người đàn bà bị hăm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ này canh gác và tiếp tục mọi việc ở nhục ấy cho đến hơn một tháng sau.

Người ta nói : « Chế độ thực dân là chế độ ăn cướp ». Chúng tôi xin nói thêm, chế độ hăm hiếp đàn bà và giết người...

CÁCH MẠNG NGA VỚI CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra.

Cách mạng Nga rất hiểu rõ điều đó. Vì thế nó không vừa lòng với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và đưa ra những nghị quyết nhân đạo để ủng hộ các dân tộc bị áp bức, mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh. Cách mạng Nga giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất như Lê-nin đã tuyên bố trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa. Cách mạng Nga đã triệu tập Đại hội Ba-cu, hai mươi một dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự đại hội đó. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước phương Tây đi xâm chiếm và giai cấp vô sản các nước bị xâm chiếm ở phương Đông đã thân mật nắm tay nhau và cùng nhau tìm cách đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ một cách hiệu quả.

Sau cuộc đại hội lịch sử ấy, mặc dầu đang vấp phải những khó khăn trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc bị áp bức mà nó đã thực hiện bằng cuộc cách mạng anh dũng và thắng lợi. Một trong những việc làm đầu tiên của nó là thành lập trường đại học phương Đông.

Việc thành lập trường đại học phương Đông đánh dấu một kỷ nguyên mới, và tập hợp những thanh niên hoạt động, thông minh của các nước thuộc địa lại, đang tiến hành một công cuộc vĩ đại là:

a) Giáo dục cho các chiến sĩ tương lai ấy nắm được nguyên lý đấu tranh giai cấp là nguyên lý mà một mặt những cuộc đấu tranh chủng tộc, mặt khác những tập tục của chế độ gia trưởng đã làm mờ hồ lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để

đón đường cho một sự hợp tác thực sự sau này : chỉ có sự hợp tác này mới có thể đảm bảo cho giai cấp công nhân thế giới giành được thắng lợi cuối cùng.

c) Làm cho các dân tộc thuộc địa—từ trước đến nay rời rạc với nhau—hiểu biết lẫn nhau thêm và đoàn kết với nhau, do đó gây cơ sở cho một khối liên hợp tương lai giữa các nước phương Đông, khối liên hợp đó là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản.

d) Nêu lên cho giai cấp vô sản ở những nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa một tấm gương về những điều họ có thể và phải làm đối với những anh em của họ đang bị áp bức.

CHÚ THÍCH

Bài trên đây gồm một số đoạn trích rải rác trong các chương III, V, VII, VIII, XI, XII của *Bản án chế độ thực dân Pháp*. 1) Méc-lanh toàn quyền Đông dương những năm 1922—1925. 2) Gam-bi-ê (quần đảo Tây Phi). Xu-dăng (xứ ở Đông Phi). Ma-da-ga-sca (đảo ở Đông Phi), Ca-mơ-run (ở Trung Phi), Nô-giăng-xuya Mác-nơ (một địa điểm trên sông Mac-nơ ở Pháp). 3) Địa cân đã chảy ra và biến thành những hộp thuốc phiện hoặc thành những chai rượu ty : tác giả mỉa mai cái gọi là công lý của thực dân Pháp ở Đông dương và liên hệ đến chính sách của chúng nhằm đầu độc nhân dân Đông dương bằng thuốc phiện và rượu. 4) Phết-mơ-da-la (thuộc An-giê-ri).

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tác giả đã vạch trần bản chất của bọn thực dân như thế nào? (Chúng có những âm mưu, thủ đoạn, tội ác gì?).
2. Dưới ách thống trị của bọn thực dân xâm lược, người dân thuộc địa đã chịu những nỗi khổ nhục như thế nào?
3. Phân tích nghệ thuật châm biếm của tác giả (biểu hiện trong việc lựa chọn chi tiết, cách hành văn).

HÀNH HÌNH KIỀU LYN-SƠ

*Một hiện tượng hiếm có
của nền văn minh Mỹ*

Ái cũng biết giống da đen là giống bị áp bức và bóc lột nặng nề nhất trong giống người. Ái cũng biết sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và việc tìm ra Tân thế giới đã gây ra hậu quả trực tiếp là làm sống lại chế độ nô lệ, chế độ ấy trải qua nhiều thế kỷ, thật đã là một tai nạn đối với người da đen và là một điều bất hạnh đẫm máu đối với nhân loại. Điều mà mọi người có lẽ còn chưa biết là người da đen châu Mỹ, tiếng rằng đã được giải phóng từ 65 năm rồi, nhưng vẫn còn chịu đựng bao nhiêu thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất, mà tàn ác nhất và ghê tởm nhất là tục hành hình kiểu Lyn-sơ.

Lối hành hình ấy, tiếng Pháp là Lynchage, do chữ Lynch (Lyn-sơ) mà ra. Lyn-sơ là tên một chủ đồn điền ở bang Viéc-gi-ni-a, vừa là địa chủ vừa là quan tòa. Lợi dụng tình hình rối ren trong cuộc chiến tranh giành độc lập¹, hắn nắm lấy toàn bộ quyền hành trong quận. Hắn trừng phạt những đảng phái và những người thân Anh rất dã man, không cần xét xử, không cần án từ gì cả. Do bọn chủ nô tổ chức Ku-klux-klan và những tổ chức bí mật khác, nên việc thực hành trái phép và man rợ lối hành hình này đã trở thành phổ biến và kéo dài ở các bang trong liên bang Mỹ. Từ khi giải phóng người da đen, lối hành hình đó càng trở nên vô nhân đạo, và đặc biệt là nhắm đối xử với người da đen.

Các bạn hãy tưởng tượng xem. Các bạn hãy tưởng tượng một đám đông cuồng dại. Quả đấm nhăm nhăm, mắt đỏ ngầu, miệng sùi bọt, la ó, chửi bới, nguyên rủa. Đám đông ấy đang bị lôi cuốn vì cái thú say mê được tha hồ nhúng tay vào tội ác. Họ mang theo gậy gộc, đuốc, súng lục, dây thừng, dao, kéo, nước lưu toan, dùi, tóm lại là bất cứ thứ gì có thể dùng để giết người hoặc làm bị thương người được. Các bạn hãy tưởng tượng giữa làn sóng người ấy bập bênh một xác người da đen bị xô đẩy, đánh đập, giày xéo, xâu xé, chửi rủa, bị đá từ góc này sang góc khác như một quả bóng, dẫm dĩa máu me, rồi chết.

Đám đông ấy, chính là những kẻ hành hình. Cái xác người bị xâu xé nát như một tấm giẻ rách kia, chính là người da đen, nạn nhân của tục đó.

Trong cơn sóng hận thù và thú vật ấy, những kẻ hành hình lôi người da đen đến một khu rừng hay một chỗ công cộng nào đó. Họ trói người đó vào gốc cây, tưới dầu lửa vào người, lấy những chất dẫn lửa phủ lên người. Trong khi chờ châm lửa, họ bẻ dần từng chiếc răng của người đó. Rồi móc mắt người đó. Từng mớ tóc xoắn xoăn bị đứt khỏi đầu, lột theo từng mảng da, để lộ ra chiếc sọ người đẫm máu. Từng miếng thịt vụn rơi khỏi cái thân mình đã tím bầm vì đánh đập.

Người da đen không kêu được nữa : lưỡi đã sưng phồng lên vì một thanh sắt nung đỏ dí vào. Toàn thân người ấy quằn quại như một con rắn bị đánh đập nửa mình đang dở sống dở chết. Một nhát dao thế là rụng một tai. Ái già, nó mới đen làm sao ! Nó mới đáng tởm làm sao ! Thế là những mụ đàn bà cào cấu cho nát mặt người đó ra...

đề bảo thủ lấy tính mạng gia tài; thế thời quan cha mẹ ở đâu?

Thưa rằng: Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dầu nước to hơn thế nữa, cũng không việc gì.

Trong đình đèn thấp sáng trưng; nhà lệ linh tráng, kẻ hầu người hạ đi lại rộn ràng. Trong sập mới kê ở gian giữa, có một mình quan phụ mẫu uy nghi chễm chệ ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho một tên người nhà quỳ ở dưới đất mà gãi. Một tên linh lệ đứng bên, cầm cái quạt lông chốc chốc khẽ phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay, chực hầu điều dóm. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn để trong khay khảm, khói bay nghi ngút; tráp đồi mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rễ tía²; hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuỗi ngà, nào ống vôi chạm, ngà tay, vôi thuốc, quần bút, tám bông³ trông mà thích mắt.

Chung quanh sập, bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu quan, thì có thầy đề rồi lần lượt đến thầy đối nhất, thầy thông nhì⁴ sau hết, giáp phía tay tả ngài thì đến chánh tổng sở tại, cùng ngồi hầu bài.

Ngoài kia tuy mưa gió âm âm, dân phu rồi rít, nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch nghiêm trang lắm, trừ quan phụ mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. So với cái cảnh trăm họ đang vất vả lấm láp, gọi gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thì ở trong đình rất là nhàn nhã đường bệ, nguy nga, nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới, người nhà linh lệ khoanh tay sắp hàng, nghi vệ trang nghiêm như thần như thánh. Thỉnh

thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi: « Điều mầy! », tiếng tên linh thừa: « Dạ! », tiếng thầy đề hỏi: « Bẩm bốc? », tiếng quan lớn truyền: «Ừ!». Kẻ này: «Bát sách! ăn!», người kia: «Thất văn⁵! phổng!» lúc mau lúc khoan, ung dung, êm ái; khi cười khi nói, vui vẻ dịu dàng. Thật là tônkinh xứng đáng với một vị phúc tinh...!

Than ôi! Cứ như cách quan ngồi ung dung như vậy, mà hai bên tả hữu nha lại nghiêm trang, linh hầu rầm rập, thì đồ ai dám bảo rằng: gần đó có sự nguy hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sầu muôn thảm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến mà chẳng động tâm, thương xót đồng bào huyết mạch.

Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc⁶, bỗng nghe ngoài xa, tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy quan vẫn điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù tó.

Có người khẽ nói:

— Bẩm, đề có khi vỡ!

Ngài cau mặt gắt rằng:

— Mặc kệ.

Rồi ngài xếp bài lại, quay gối dựa sang bên tay phải, nghiêng mình, bảo thầy đề lại:

— Có ăn⁷ không thì bốc chứ!

Thầy đề vội vàng:

— Dạ, bẩm bốc.

Vừa lúc đó, thì tiếng người kêu rầm rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào ào như thác chảy xiết; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò kêu vang tứ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình, đều nôn nao sợ hãi.
Thốt nhiên, một người nhà quê, mình mẩy lấm láp,
tất tả xông vào, thở không ra lời:

— Bầm... quan lớn... Đê vỡ rồi!

Quan lớn đỏ mặt tía tai, quay ra quát rằng:

— Đê vỡ rồi!... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng
mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không!... Lính
đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xông xọc vào đây
như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?

— Dạ, bầm...

— Đuổi cổ nó ra!

Ngài quay vào, hỏi thầy đề:

— Thầy bốc quân gì thế?

— Dạ, bầm con chưa bốc.

— Thì bốc đi chứ!

Thầy đề, tay run cầm cập, thò tay vào đĩa nọc, rút
một con bài, lật ngửa, xướng rằng:

— Chi chi.

Quan lớn vỗ tay xuống sập kêu to:

— Đây rồi!... Thế chứ lại!

Rồi ngài vội vàng xóc bài, miệng vừa cười, vừa nói:

— Ủ, thông tôm⁸, chi chi nầy⁹... Điều may...

Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp
mọi nơi miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực
sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết: kẻ sống không
có chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước,
chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết!

PHẠM DUY TỐN
Nam phong số 18, 1918

CHU THỊCH

1) *Sang hộc*: thay thế giúp đỡ nhau. 2) *Cau đậu*: cau khô không long
hạt (hạt vẫn còn đậu lại), có nơi gọi là cau dính; *tía*: một thứ cây,
rễ dùng để ăn với trâu. 3) *Tầm bông*: tầm xỉ rừng, đầu chẻ xò như
bông cho đẹp. 4) *Đội nhất thông nhì*: ở nhà môn có nhiều đội trưởng
(võ) và thông lại (văn) giúp việc tri huyện, người chức lớn hơn gọi
là đội nhất, thông nhất, thứ đến đội nhì, thông nhì... 5) *Bát sách*,
là đội nhất, thông nhất, thứ đến đội nhì, thông nhì... 6) *Đĩa nọc*: đĩa
thất văn, chi chi, tên quân bài trong cổ bài tổ tôm. 7) *Bốc*,
đề những con bài còn lại, đề gỡ lần lượt trong khi đánh. 8) *Bốc*:
hạ, chờ, ăn, phỗng: từ dùng trong khi chơi tài bàn và tổ tôm. *Bốc*:
bắt quân bài trong đĩa nọc ra; *chờ*: bài đã đủ điều kiện, chờ bắt
trúng một quân đề cho thành phu hết là được ván; *hạ*: đề tay bài
xuống chiếu; *à*: bài đã vào phu xuất trình đề lấy tiền; *ăn*: bắt quân
bài của người khác đánh; *phỗng*: bắt một quân bài lên đề ghép vào
một đôi sẵn có của mình. 9) *Thông tôm*: một lối ù được tiền to hơn
ù thường. 9) *Nầy*: tiếng lóng đề nói con bài bốc trong đĩa nọc ra đúng
với sự mong muốn của mình.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Phân tích sự đối lập giữa hai cảnh được mô tả trong truyện
ngắn này.

Tác giả đã khéo khai thác mâu thuẫn của sự việc đề làm nổi bật
tính bi kịch của câu chuyện như thế nào?

2. Nhận xét về tính chất hiện thực phê phán của tác phẩm.

TẢN ĐÀ

TIỂU SỬ

Tản Đà tên là Nguyễn Khắc Hiếu sinh năm 1888 ở làng Khê
thượng, huyện Bất bạt, tỉnh Hà tây, trên sông Đà, dưới chân
núi Tản viên (Ba vi). Thuở nhỏ, ông học chữ Hán nhưng thi
không đỗ.

Lên đến một thời gian, ông quay sang nghề văn. Ông làm thơ, viết văn, làm báo, xuất bản sách, đi khắp Bắc, Trung, Nam, nhưng vẫn nghèo túng. Những năm cuối đời phải làm thêm nghề tướng số để kiếm ăn. Ông mất năm 1939 ở Hà Nội. Tác phẩm chính có: *Giấc mộng con*, *Giấc mộng lớn*, *Thề non nước*, *Khởi tình con*.

THỀ NON NƯỚC 1

- Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi, không về cùng non,
Nhớ lời «nguyện nước thề non».
1. Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.
8. Xương mai² một năm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây ngả bóng tà dương,
Càng phơi vẽ ngọc nét vàng phôi pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
12. Non sao nhớ nước, nước mà quên non.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước vẫn còn thề xưa.
Non cao đã biết hay chưa?
16. Nước đi ra bề lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.

TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU

CHÚ THÍCH

1) Bài thơ này rút ở truyện ngắn *Thề non nước*, kể lại cuộc gặp gỡ giữa một cô đầu tên là Văn Anh với một người khách đi nghe hát. Theo trong truyện, thì hai người đã cùng nhau làm bài thơ này để lên một bức tranh sơn thủy.

Thề non nước, nguyện nước thề non: nước non tiêu biểu cho những cái bền vững như không bao giờ đổi dời, tiêu tan được, trai gái yêu nhau lấy non nước mà thề với nhau suốt đời gắn bó tâm lòng không bao giờ đổi dời, phai nhạt; do đó mới có những thành ngữ trên đây.
2) *Xương mai*: trên bức tranh nói trong truyện có vẽ cây mai cũng như dòng suối: cành mai vốn gầy như xương; gầy nhưng thanh, nên gọi là *xương mai*; cho nên, khi muốn nói vóc người mảnh dẻ, thanh nhã, người ta cũng dùng *vóc mai*, *hình mai*, *xương mai*. Ở đây vừa tả cây mai vừa lấy cảnh non tượng trưng cho con người đang chờ mong người bạn tình của mình.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Dưới hình thức những lời thề nguyện của đôi tình nhân, tác giả đã gói gắm vào bài thơ này tâm sự gì của mình?
Tình cảm toát lên trong bài thơ là tình cảm gì?
2. Tìm hiểu tính chất lãng mạn của bài thơ này (đề tài, cách dùng hình ảnh, nội dung tình cảm, v.v...).

CHƯƠNG VI

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

SÓNG GẦM

NGUYỄN HỒNG

... Tôi phải viết về những con người và cuộc sống ấy của Hải phòng... Những con người và cuộc sống ấy ở Hải phòng là những con người và cuộc sống của quần chúng làm cách mạng. Trong cách mạng, họ đã đi đến, mỗi người với một sự đau xót, với một niềm khao khát không thể nào xóa nhòa được. Nhưng cũng trong cách mạng, mỗi người đã phải, cũng vẫn với máu thịt của mình, đánh đổi lấy tự do, hy vọng, tin tưởng và tương lai cho mình, đã phải chiến đấu một sống một chết với giai cấp thống trị đã đàn áp họ bằng tất cả những sức mạnh tàn bạo nhất, dã man nhất » (Nguyễn Hồng — Hải phòng với tác phẩm Cửa biển của tôi và tôi viết Sóng gầm — Tạp chí Văn nghệ số 67 tháng 12-1962).

Đó là mục đích viết Sóng gầm của tác giả, đồng thời cũng là nội dung tác phẩm. Sóng gầm đã phản ánh khá rõ nét đời sống của những người dân nghèo thành thị như gia đình Thanh, gia đình chị em Dâng, gia đình mẹ Xim, mẹ La, cụ Cam ở xóm Cầm của Hải phòng trong những năm 1936 — 1939. Họ là những người lao khổ, nạn nhân của bọn thực dân, địa chủ, tư sản kiểu như Đờ-vanh-xi, Thy San, Đức Sinh. Cho nên, họ sẵn sàng tìm đến với Đảng, đi theo cách mạng. Được giác ngộ, Cam, Xim, Thanh, cùng a h chị em công nhân Hải phòng vùng lên đấu tranh. Bị đế quốc bắt, họ vẫn tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng, trung thành với cách mạng.

Sóng gầm đã đánh dấu một bước tiến mới của Nguyễn Hồng. Ông đã thành công trong việc xây dựng những hình ảnh về những người dân nghèo thành thị.

MỘT NGÀY GIỖ

... Khi hai người đến, nhà cụ Cam đã đông. Khách ngồi cả ở chõng ngoài hè và ở bên nhà Dâng. Mẹ con bà Gái đều chít khăn xô. Thằng Côn cũng một cái khăn dài thướt. Cụ Cam cũng khăn trắng, nếp khăn to, quần cao như mũ *đậu mậu*¹. Bàn thờ bày đủ cả vàng hương, hoa nến và ngũ quả. Bài vị quất do chính tay người cha già viết bằng chữ nho lèn miếng giấy trắng lồng trong tờ giấy vàng. Mùi hương vòng sức cả mấy gian nhà. Ngọn đèn ba dây sáng choang treo trước bàn thờ làm nhấp nháy thêm những mắt kính ở cổ vàng và những lọ hoa, chân nến đồng.

Cụ Cam ngồi ở tấm phản ngựa giữa nhà với bọn Chấn, Lương. Hai người đã xin ngồi sang giường bên mà không được. Một cụ ở xóm trong và bác Sấm ngồi tiếp chuyện hai người. Tuy Chấn chỉ đến nhà bà Gái lần thứ hai, nhưng thằng Côn đã quen rồi. Nó đứng lọt vào hai bắp đùi Chấn, có lúc còn ngồi hẳn lên đầu gối Chấn, hơn hơn cái mặt nghe chuyện. Tin cha Gái cha Cam mất, cho đến hôm mẹ con Gái đến sở mật thám hỏi những anh em được tha mới biết đích xác. Nhưng ngày tháng Quất chết thì khi Lương đến thăm nhà Quất, vợ con Quất mới biết.

Đúng ngày hôm nay đây Quất mất và như thế là đã ba năm. Bà Gái lấy hôm nay làm ngày giỗ hết, nhà phát *phục*² cũng vừa đoạn tang. Tuy cụ Cam ngồi với khách nhưng ông cụ vẫn lẳng lẳng như hàng ngày ngồi một mình lúc nhà vắng vẻ. Chuyên chè, rót nước, lấy thuốc lá giàu cau mời đều do Gái đen. Ngọt cũng tiếp khách giúp Gái. Gái đen gọi Chấn và Lương bằng bác. Một điều thừa bác... hai điều thừa bác. Cụ Cam cũng gọi như thế. Luôn luôn ông cụ kéo đĩa chén mời hai bác xơi nước. Gái đen chỉ quanh quẩn ở sau lưng ông và bọn khách

nọ. Dưới dải khăn xô, nét mặt Gái đen lặng lẽ trông vừa già vừa đáng thêm. Mỗi lần rót nước mời Chấn và Lương, Gái đen cúi đầu nhưng vẫn đưa mắt nhìn trộm hai người.

Gái đen lại càng tủi và xót xa cho bố.

Lương thì chỉ được cái người cao nhưng da dẻ búng bột, mặt mũi hốc hác thế kia. Còn Chấn vừa gầy vừa xanh trông hao hao giống Thanh. Chỉ có khác cặp mắt Chấn không sáng, không sắc—không hiểu Chấn bị đau mắt hột hay lông quặm nên thỉnh thoảng Chấn lại lấy khăn tay chấm chấm—nhưng cũng quặm quặm như mắt ông Gái. Những khi Chấn đưa nhìn thì mắt Chấn loáng lên và khi Chấn có vẻ để ý việc gì thì mắt găm lại, cương quyết vô cùng. Sức vóc Chấn so với bố Gái lại càng thấy yếu! Nhưng sao bố Gái lại không sống mà về dịp này! Bố Gái còn vạm vạp chắc người hơn cả chú Sáu; công việc nặng nhọc, khó khăn không ai làm được bố Gái cũng coi như không; ăn khỏe lại dễ ngủ nữa cơ mà! Từ ngày Gái lớn lên, Gái chưa thấy bố phải xông nồi nước lá tre, bôi tí dầu bạc hà, hay ăn bát cháo hành bao giờ. Lần mẹ Gái phải chạy thuốc cho bố Gái là ngày bố Gái ở sở mặt thăm lấy cung xong giải sang đề lao chờ *đăng đường*³. Mẹ Gái cắt thuốc bắc luyện giả làm chè kho vào phép cho bố Gái. Chuyển đưa quà bánh, thuốc men cho bố Gái ấy là lần thứ nhất và cũng là lần cuối cùng vợ chồng, bố con nhìn thấy mặt nhau trong chốn lao tù.

Thêm mấy bọn khách nữa đến. Có cả khách trẻ con. Bọn thằng La, thằng Nghĩa và mấy đám trẻ ở xóm trong. Thấy các ông tướng ấy mắt cứ như mắt *long thần*⁴ xấn xấn xô xô định rút thuốc lá, Cam phải đến hai tay xoắn lấy hai tai hai tướng, kéo vào cái giường ở gian trong. Mâm cơm cúng đã bày xong. Bà Gái bưng lên, Gái đen đỡ tay cho mẹ, đặt mâm trước bài vị. Đủ cả thịt gà,

thịt lợn. Đồ nấu có cả mực, bóng, chim hăm măng miến. Củ cải, cà rốt, hành cũng tía thành hoa lá, vừa nấu độn, vừa làm dưa góp. Lương, Chấn vừa ngạc nhiên vừa đứng đưng cả tâm trí thấy cạnh đĩa chả quế, giò lụa có một đĩa đậu phụ luộc và chén con mắt tép trên rắc hành củ chế tư và gừng thái nhỏ như chỉ.

Món ăn thích nhất của Quất.

Hồi kỳ còn ở tù, trong những cuộc tuyệt thực, những buổi tối chuyện gẫu, mỗi người kể một món lạ và ngon thì ai ai cũng có một món. Nào chim sẻ rán. Nào lợn bung. Nào lợn sữa quay. Nào chả chó. Nào cá quả nấu cháo ám. Nào giò gà. Nào chả cá mực. Nào tái dê. Nào thịt bò băm viên bọc xương xông, quạt than hồng nướng. Quất không góp món gì cả. Nhưng một lần Quất cười, rủ rủ với Lương món Quất thấy tuyệt nhất đối với Quất là đậu phụ luộc bẻ từng miếng chấm muối, hay ăn với mắt tép! Ngoài ra Quất còn cho biết thêm mấy món Quất thích như những rang diêm tía lá chanh ăn với bánh đa nướng, hay mùa rét thì hành nén đá ăn với giò thủ, mùa bức thì canh cua rau muống diêm vài nhánh ngổ dả với cà pháo mắt tôm.

— Thế phải thêm tí « tửu » chứ! Lương nắm quặp lấy Quất thích thích đầu gối vào lưng Quất, hỏi.

— Máu tao nóng thế nào ấy, động đến một tí rượu chỉ bằng giọt nước dãi nhện là đổ bưng đổ tía cả mặt. Năm *thuở mười thì*⁵ ở nhà bố con vui lắm, nể ông bố già uống một chén *móng*⁶ rượu ngang ngậm thuốc của ông ấy, thì ngứa ngáy lục xục cả đêm... vợ nó cầu véo đến khổ!

Quất cặp chặt nữa lấy đầu gối Lương, cười khi khi...

Quất ra Côn lôn sau Lương. Khi Lương đi làm ngoài, Quất còn ở trong *banh*⁷. Đạo ấy đương thời kỳ khủng bố mà tổ chức anh em thì chưa được chặt. Cơm

gao mục chỉ người đã sợ vì nồng vì đắng, cả mầm xác ra toàn những giòi, thể mà chúa ngục vẫn không phát cho đủ suất. Nước để tắm rửa thì vàng nhờn như nước ở những mả cải táng. Còn nước ăn cả ngày mỗi người chỉ được một lon sữa bò nước uống. Ai không bị lở ghẻ thì kiệt lý. Mấy tháng sau thì nhiều người mất lòa đi, lợi mềm ra, chỉ lấy tay nhỏ khế cũng rụng ra hai ba chiếc răng. Rau má, rau chua me mọc ngoài sân *banh* và những búp bàng và cả cỏ nũa cũng ăn hết. Có người đến giờ mở cửa *banh* ra sân liêu xiêu đi không được, anh em phải khiêng ra. Phần vì lòa, phần vì yếu gối quá! Và có anh em được xốc ra sân thì chỉ ngồi rù một chỗ, tay phát phiền như người hấp hối, bóc cả vẩy lở vẩy ghẻ ăn.

Quất, Chấn cũng bị lòa, bị bại liệt như thế. Chấn bị nặng hơn. Trước Chấn phụ trách cơ quan « ấn ». Lúc còn đi học, mắt đã kém sẵn, giờ lại phải hàng tuần ở lì trên trần nhà và viết bản in, sao chép các tài liệu, nên mắt Chấn càng kém hơn. Lúc Chấn bị bắt, mật thám đặc biệt truy Chấn lấy ở đâu ra các tài liệu chữ Pháp mà mực in, và truy về việc thể giả, căn cước giả. Chúng không những nhốt Chấn ở xà lim rồi mà còn bịt mắt Chấn nữa. Chúng vừa quấn dạ đen vào mắt Chấn vừa cười khẩy.

— Một là khai hai là mù, hoàn toàn ở đồng chí tự quyết định lấy.

Mười lăm ngày chân cùm tay xích trong xà lim. Bỗng một hôm chúng tháo cùm, tháo xích cho Chấn, Chấn lại chuẩn bị tinh thần theo chúng đi chịu những trận tra tấn mới. Chúng vừa đi bên Chấn vừa hỏi Chấn có khai không. Chấn vẫn không đáp nhời. Chúng bảo Chấn ra sân. Chấn đương ngạc nhiên vì thấy chúng khác hẳn mọi lần không dấm đá và chửi bới gì cả mà cứ đề Chấn đi thông thả, thì Chấn rùng mình thấy đỉnh đầu

hai thái dương, gáy và trước mặt có một cảm giác nóng nóng. Ừa một cái, thằng Tây lại giựt miếng dạ bịt mắt Chấn ra. Nó đập mạnh vào khoeo chân Chấn, Chấn khuyu xuống. Nó kéo giãn mặt Chấn ngửa lên vàng mặt trời đương chói lọi giữa trưa. Chấn ngã vật ra, mắt và đỉnh óc như bị xé.

Ra đến Côn lôn có những buổi chiều Chấn không thể đọc được chữ. Những ngày ăn đói và kiệt quệ thiếu sinh tố nọ, Chấn là người trước nhất bị lòa và lòa nặng. Chấn đi phải có anh em dắt. Anh em khổ sai đi làm ngoài phải hết sức kiểm chanh, kiểm sấu, chua me cho Chấn; Quất thì bị lòa sau Chấn hơn tuần lễ, nhưng chiều chiều nhìn vẫn còn thấy. Quất nhẹ cái mắt thì lại bị bại liệt nặng. Quất đi kiệt lý nhiều quá. Đạo Quất còn ở mật thám, chúng nó tra tấn Quất bằng chày cao su dẫn vào hai đầu gối liên mấy ngày đêm, vừa bắt Quất nhịn đói. Lúc chúng cho ăn, Quất phải ăn một nắm cơm mà một phần tư là muối, và không được uống nước. Ăn cơm xong một lúc thì thằng Tây mật đồ đưa cho Quất một cốc vại nước thuốc tẩy muối. Quất uống cốc vại nước thuốc tẩy này, vừa đi ỉa vừa ngâm người trong bể nước, vừa uống nước cho thằng Tây nọ vừa dận lên bụng lên ngực vừa hỏi cung.

Ra đến Côn lôn, Quất cũng như nhiều anh em, bệnh đã nặng lại nặng hơn. Hai ống chân Quất tóp lại còn nhỏ hơn chân trẻ con. Vịn vai anh em, Quất đứng cũng không vững. Số anh em bị lòa và kiệt lý càng tăng. Rau má, rau chua me phải chia nhau từng mấy lá rồi cũng không sao kiếm được. Một hôm, không hiểu Lương mò ở đâu ra năm búp ổi đem về. Chấn và Quất được mỗi người năm búp. Chấn không ăn vội, để dành đến khuya thì nhấm nháp. Lúc mọi người đã ngủ, Chấn gỡ gói búp ổi ra thì thấy những mười lá gói cồm cồm cả tay. Chấn bật kêu lên. Quất trấn vội người bịt lấy miệng Chấn:

— Chấn này ! Chấn này ! Tao cho mày phần tao đấy. Mắt mày sắp trông được rồi thì mày ăn đi...

... Cả Chấn và Lương không bảo nhau mà cùng nhìn vào đĩa đậu phụ, chén mắm tép, rắc hành hoa và gừng, bày giữa những giò chả măng miến đầy ắp trên mâm cơm cúng. Răng Lương đã cắn chặt lấy môi mà vẫn cứ lo tiếng nước nổ bật lên. Nghĩ đến Quất một phần, còn một phần thì nghĩ đến những anh em còn ở lại, nhất là những « thằng » từ ngày bị bắt đến lúc anh em về không có được một cái « phép » hay một lá thư của gia đình gì cả. Từ lúc thấy nét mặt Lương lại nhần nhần, mắt quầng quắc cứ chực ứa nước mắt, Chấn càng thấy ghen ngào.

Từ ngày Quất đi làm ngoài thì Chấn, Quất không nằm cạnh nhau nữa. Quất luôn luôn bị phạt « ca-sô »⁸. Cuộc đấu tranh nào Quất cũng làm đại biểu. Cuối cùng, bọn xếp ngục tách Quất và một « thằng » nữa ra khỏi anh em : Tô gầy. Chúng đẩy Quất và Tô vào hầm xay thóc...

... Vào hầm rồi Quất vẫn còn tuyệt thực hưởng ứng cuộc đấu tranh của anh em. Trong một trận khủng bố bị xếp ngục hãm cả uống nước, Quất phát sốt mê man. Hai hôm sau Quất tỉnh lại vừa lúc buổi sáng bọn gác-điêng⁹ cho khiêng thùng nước uống thường lệ vào. Quất được tháo cùm đi ỉa, vội bò đến thùng nước. Khi đó Chấn ở hầm ngoài. Nhác trông thấy vẻ mặt gác-điêng khang khác, Chấn vội nhìn vào thùng nước. Không phải thứ nước uống thường mà là thứ nước váng rêu chỉ để rửa ráy, ghê như nước a-xít hay nước dưới má. Chấn liền kêu lên :

— Các đồng chí ơi ! Khoan hãy uống !

Chấn chưa kịp hết tiếng kêu thì Quất đã gục đầu xuống thùng nước, hừng nực uống.

Chấn hét lên :

— Thôi chết rồi !

Chấn nhào đến giăng Quất ra nhìn vào miệng Quất sều rãi rớt. Chấn cắn đứt hẳn miếng môi mà nước mắt vẫn ràn ra. Ngay trưa hôm ấy Quất kêu đau bụng. Rồi mấy ngày sau Quất không ăn gì được. Tổ chức của anh em không còn thứ thuốc gì đưa vào cho Quất ngoài lọ dầu quất thần. Chính ngày hôm nay đây, Chấn nhìn khiêng xác Quất trần truồng trong hầm đi ra, bộ quần áo gói đầu, hai tay bắt vào nhau chặt chẽ, bình di ở trên bụng. Đồ của Quất để lại là gói đường phen, cam thảo và bộ quần áo của cứu tế gửi cho, nhưng Quất không mặc, không ăn mà dành cho anh em.

Từ ngày Côn lôn có chi bộ, Quất đều ở trong chi ủy. Cả những ngày nằm không nhấc nổi người lên và cả khi bị phạt « ca-sô », Quất đều được cử vào chi ủy cùng với Tô gầy.

... Tuần nhang thứ ba trên bàn thờ đã gần tàn. Những mâm cỗ đã ươm lên cả ở dưới bếp. Cụ Cam đứng dậy, khua chân xỏ vào đôi dép quai ngang dưới chỗ ngồi. Ông cụ rờ rờ lên cạnh cái đỉnh trầm lấy bao hương. Ông cụ kéo kéo lại cổ áo, vuốt vuốt tà áo, sắp sắp lại cho chặt những nếp khăn quần đầu, đoạn ông cụ rút ba thẻ hương châm vào ngọn đèn, cắm vào bát nhang trước bài vị. Đã đứng đứng giữa trước bàn thờ, ông cụ còn sắp sắp vuốt vuốt lại lần nữa khăn áo, rồi hai tay nắm vào nhau, ông cụ cúi đầu khấn. Tiếng khấn tuy thì thầm nhưng mọi người chung quanh nghe rất rõ. Rõ nhất là Chấn, Lương đứng ở mé trái sau lưng ông cụ.

— Lê Văn Quất con ơi ! Hôm nay bố cúng cơm con đây *tạp nhất bàn, phù lưu, thanh thủy*¹⁰. Con về mà ăn uống với bố, với vợ con, với anh em đồng chí và bà con xóm lân. Lê Văn Quất con ơi ! Con chết bố không

biết, vợ con không hay, nằm xương tăn cũng mất. Nhưng con chết vì dân vì nước, giữ trọn được đạo thủy chung với đồng chí anh em, bố cũng không ân hận nào. Có chăng bố chỉ tiếc cho con, bốn mươi hai tuổi đầu, nghĩa lớn chưa thỏa, nợ xã hội chưa xong. Hô hô hô, Quất ơi! Quất ơi!...

Tiếng nức nở của người cha già vỡ ra giữa những tiếng sụt sùi ở chung quanh và mùi hương mùi trầm.

CHÚ THÍCH

1) *Mũ đầu mâu*: mũ của quan võ, đôi khi ra trận, trên đầu có mũi nhọn. 2) *Nhà phát phục*: khi người chết bỏ vào áo quan thì làm lễ phát phục, người trong gia đình bắt đầu đề trở. 3) *Đặng đường*: ra tòa án đề xử. 4) *Long thần*: tên ông thần giữ chùa có đôi mắt rất sáng, rất dữ. 5) *Năm thuở mười thì*: thỉnh thoảng. 6) *Chén mỏng*: loại chén nhỏ, nông một hớp. 7) *Banh* từ mượn, biến âm chữ Pháp (baigne), nhà tắm. 8) *Ca-sô*: phiên âm tiếng Pháp, hăm gam. 9) *Gác-diêng*: linh gác ngực. 10) *Tạp nhất bản, phủ lưu, thanh thủy*: một mâm cỗ, coi trâu, bát nước (nước lã).

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Qua việc miêu tả buổi giỗ tác giả cho ta thấy khá rõ nét tình cảm cha con, tình đồng chí. Hãy phân tích ý nghĩ của Gái, lòng thương xót của cụ Cam đối với Quất, tình đồng chí giữa Chấn và Quất.

2. Phân tích nghệ thuật kết cấu đoạn trích giằng (câu chuyện được dẫn dắt một cách tự nhiên, hợp lý như thế nào?)

3. Tác giả miêu tả bàn thờ, khách người lớn, khách trẻ con, mâm cơm cúng rất đạt. Nêu một vài dẫn chứng về sự quan sát tinh vi của tác giả.

4. Câu chuyện kể rất sống, một phần là vì vốn sống của tác giả phong phú. Em có đồng ý với nhận xét đó không? Nêu lý lẽ.

VỖ BỜ

NGUYỄN ĐÌNH THỊ

Vỗ bờ là một truyện dài 2 tập. Tập I nói đến những sự kiện xảy ra ở nước ta bắt đầu từ lúc cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ (mùa thu năm 1939) tới khi phát xít Nhật vào Đông dương (cuối năm 1940). Tác giả mượn câu tục ngữ «Tức nước vỡ bờ», đặt tên tác phẩm là *Vỗ bờ*, ý nói quần chúng cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông dương đã nổi dậy mạnh mẽ như nước vỡ bờ, đập tan chế độ thực dân và phong kiến, làm Cách mạng tháng Tám thành công.

Tiêu thuyết *Vỗ bờ* đã giới thiệu với chúng ta trên dưới năm mươi nhân vật thuộc đủ các thành phần giai cấp, các tầng lớp, các nghề nghiệp và các lứa tuổi khác nhau, sống ở thành thị và ở nông thôn trên ba địa điểm tiêu biểu: Hà nội, Hải phòng và hai thôn Gành, thôn Chấm thuộc tỉnh Hải dương.

TRONG XÃ LIM

Tập đi được buổi chiều, đêm ấy hai chân Khắc đau dữ dội, làm anh không lúc nào nhắm mắt được. Trong đêm tối, Khắc nằm mở mắt trừng trừng, suốt hai chân từ nửa người trở xuống như có những lưỡi dao cứa rạch đi rạch lại. Có những lúc Khắc muốn ngắt đi, mồ hôi vã ra đầm đìa. Anh lại rên lên mấy tiếng và cắn chặt môi đến bật máu.

Hôm nay, hôm sau nữa, Khắc lại tập đi. Mỗi lần được vài chục bước, anh lại nằm vật xuống thở hổn hển. Hai chân anh mỗi buổi một sưng to hơn. Đặt chân xuống như hàng nghìn cái kim châm buốt lên đến óc. Nhưng Khắc vẫn không nản. Bây giờ nó đang tấy, nhưng hết

con tấy, nó sẽ xẹp xuống. Những lúc nằm nghỉ, anh giở quyển Kiều đã rách nát đọc đi lại đọc lại. Buổi trưa ấy, Khắc ngâm mãi đoạn Kiều ở lầu Ngưng Bích... Về non xa tám trăng gần ở chung. Bốn bề bát ngát xa trông, Cát vàng còn nọ bụi hồng dặm kia. Chà chà. Hay thật. Bể bàng mây sớm đèn khuya, Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng. Ôi chao! Cụ Nguyễn Du tài quá. Giọng Khắc ư ử ngân nga to mãi lên.

— Này, cái gì mà cao hứng thế?

Có tiếng hỏi bên ngoài vọng vào. Khắc nhồm dậy, lần ra đứng dòm qua lỗ cửa xà lim. Ngoài hành lang, một ông già đang ngồi cời trăn, bắt rận ở cái áo cánh nâu rách như tổ đĩa. Đó là một ông cụ từ⁽¹⁾ ở Hưng yên, bị bắt với cả hai người con trai. Ba bố con đã xong cung từ lâu, nhưng vẫn bị giam. Ông từ vì già yếu, được đám gác ngục thả lỏng hơn. Ông cụ cũng rất thú ngâm Kiều.

— À, con có cái này biếu bố.

Khắc vo viên cái áo cánh nâu An gửi cho, vút qua lỗ cửa xà lim cho ông cụ.

— Ở đâu thế này, cảm ơn anh quá.

Khắc vui vẻ hỏi sang chuyện khác.

— Thế nào, bố hôm nay có thuốc Lào hút chưa?

Ông cụ nghiện thuốc Lào nặng, rất khổ, xin ai được một vè là hút đi hút lại hai ba lần trong tờ giấy cuộn lại như ống sáo kèn. Mỗi lần hút cũng ngậm một hụm nước trong miệng rít lọc xọc rất say sưa.

— Chuyển này tôi bỏ đấy anh ạ.

— Thế kia à.

Ông cụ cười khà.

— Mình vào đây cũng phải bỏ dần các tật xấu đi, cho nó mới con người lên chứ. À anh có biết kể Kiều theo giọng cổ không? Tôi kể lại cho anh nghe mà học lấy nhé

— Vâng, nhưng con buốt chân lắm rồi, phải đi nằm đây. Bố cứ kể đi, con nghe đấy.

Khắc lại lần vào nằm trên ván xà-lim². Tiếng ông cụ kể truyện Kiều theo lối ngày xưa, mộc mà khỏe, như khắc nổi lên từng ý từng chữ. Khắc nghĩ thầm: «Ông cụ mà chưa được thuốc Lào thì mình phải đi được».

Nhưng cái chân Khắc đau thêm mãi. Đến một lúc, Khắc hiểu là không thể tiếp tục tập đi được nữa. Buổi sáng ấy anh lại ho ra ít máu. Khắc nằm nghĩ miên man. Chỉ còn có sáu ngày nữa thì đến 20 ta, ngày Khắc đã hẹn trong thư. Từ hôm nay đến hôm ấy, khó lòng mà chân Khắc tạm lành được. Bây giờ chỉ còn hai cách: một là tìm cách báo ra ngoài hoãn ngày lại. Và còn một cách thứ hai là tổ chức cho Gái trốn thay. Còn Khắc thì sẽ phải đợi đến chừng nào đi lại được bình thường... sẽ tìm cách khác vậy. Buổi trưa ấy, Khắc tìm cách gặp được chị Gái, và nói cho chị biết kế hoạch trốn.

Chiều thẳng Lút-dơ xuống xà lim. Nó nhún vai, một bên mắt luôn nhấp nháy đã thành tật.

— Hôm nay mày khỏe rồi phải không? Tối tao sẽ hỏi mày. Thằng Lê bị bắt ở Bắc giang rồi, mày biết chưa?

Khắc lặng hẳn người. Thằng Lút-dơ mắt lại nhấp một cái.

— Voa-la³! Chúng mày có thể họp xú ủy trong này được đấy!

Nó cười ha há, đập khế vào má Khắc như tát yêu rồi đi lên.

Chín giờ đêm, chánh cảm La-néc, và Lút-dơ sai đem hòm điện xuống xà-lim của Khắc. Một tên a-giang⁴ khúm núm đưa cái ghế vào. La-néc, cả người thơm phức nước hoa, kéo ghế ngồi, và ngọt ngào dỗ:

— Anh rất can đảm, nhưng thật là vô ích, anh có thấy không? Anh hy sinh cho Đảng, nhưng thượng cấp của

anh đã bán cả các anh cho chúng tôi. Sở mật thám đã biết hết mọi việc, vậy mà anh cứ khẳng khẳng không nhận, như vậy không phải là thông minh. Một người có học như anh phải tự nghĩ trước thì hơn. Chẳng Lê bị tra ngay tại chỗ đã nhận hết. Ngày mai sẽ giải nó về tới đây, và khi ấy thì anh muốn chối cũng không được nữa. Chúng tôi muốn để cho anh một con đường ra, anh hãy khai trước đi thì hơn. Anh biết những gì về hoạt động của xứ ủy, của thằng Lê, anh đã hoạt động những gì từ khi đi trốn, nên nói thật hết. Như vậy, chúng tôi khỏi phải đánh anh. Tôi không muốn anh chết, mà sức anh thì chắc không chịu nổi một tua điện nữa. Khắc ngồi tựa lưng vào tường. Qua khung cửa lúc này mở rộng, ánh đèn điện ngoài hành lang chiếu chéo vào đến quá nửa xà-lim, tới chỗ Khắc ngồi. Mắt Khắc lấp lánh trong bóng tối nhìn tên chánh cầm đã già đời trong nghề đánh giết những người cách mạng. Cái mặt trắng nục, đầy những thịt của nó chôn vùi, lúc im không động, lúc gât gù lắc lư. Anh nghĩ: «Quản chó ác quý quyết mà lại ngu! Nó sắp giết mình đây». Thấy Khắc im lặng, La-néc càng ôn tồn hơn:

— Tôi tiếc anh còn trẻ, lại là người có học thức nên tôi muốn cứu anh. Tôi thương hại anh vì anh sẽ chết một cách vô ích. Hoặc là thế này cũng được, không cần anh phải khai nhiều, chỉ cần anh khai một sự thật, chẳng hạn tên Lê đã hẹn gặp anh ở đâu, hoặc cơ quan của nó đặt ở chỗ nào, những điều đó bây giờ không còn gì quan trọng lắm vì chúng tôi đã bắt được tên Lê rồi. Nhưng anh có khai thật thì tôi mới có thể lấy đó làm cơ, coi là anh đã xong cung rồi tôi cho anh đi nhà thương. Anh hãy nghĩ đi, tôi xem anh yếu lắm rồi, nếu anh muốn uống sữa, hay ăn uống cái gì tôi sẽ bảo đem đến cho anh.

Trong lúc La-néc nói với Khắc, thì thằng Lút-dơ đi đi lại lại ngoài cửa xà-lim, thỉnh thoảng lại ghé cổ dòm vào. Khi Khắc bắt đầu trả lời, nó đứng lại để nghe, thân hình nó lù lù gần lấp cả cửa xà-lim, làm bên trong tối hẳn lại. Khắc nói nhỏ, giọng anh đã yếu, nhưng nghe rõ từng câu trong cái xà-lim im lặng.

— Tôi không có gì để nói thêm với các ông cả. Ở hàng ngũ cách mạng, cũng có một vài kẻ hèn nhát hoặc phản bội. Nhưng các ông đừng lầm tưởng như vậy là các ông thắng. Chúng tôi là đảng viên cộng sản, chủ nghĩa chúng tôi cho chúng tôi thấy rõ tương lai. Các ông sẽ không còn, nhưng đất nước chúng tôi thì sẽ độc lập, chủ nghĩa cộng sản sẽ được thực hiện vì đó là mong muốn của hàng triệu người. Các ông bắn giết những người cách mạng nhưng một giọt máu rơi xuống lại làm mọc lên mười người. Chính mắt các ông đã thấy điều đó. Cho nên chính việc làm của các ông mới là vô ích. Cuối cùng, chắc chắn chúng tôi sẽ thắng.

Khắc nói, mặt hèn hèn rồi anh ho một cơn dài, rũ người xuống.

Thằng cầm La-néc đứng dậy:

— Thôi đủ, mày không phải tuyên truyền chúng tao. Tao cho mày năm phút nữa, thằng Lê hẹn gặp mày ở đâu, mày không nói, tao sẽ đập chết mày như con chó.

Hai tên a-giăng vào dẫn ngựa Khắc ra. Trong mắt anh lóe lên một tia sáng. À, nó chưa bắt được Lê đâu!

Thằng Lút-dơ cầm lấy ma-ni-ven⁵ hòm điện:

— Nói đi... thằng Lê hẹn mày về gặp nó ở chỗ nào?

Mắt Khắc vẫn lóng lánh trong góc xà-lim nửa tối nửa sáng. Đứng rồi, nó chưa bắt được Lê!

— Nói đi!

Mắt Khắc vẫn im lặng nhìn thằng mật thám đang lồng lộn quát to.

— Mẹ mày, thằng Lê ở đâu?

Lút-dơ găm như điên nắm cổ Khắc dựng dậy lắc một hồi. Cái mũi khoằm của nó dí vào tận mắt Khắc, nó nhe răng rít lên: « Thằng Lê đâu? Nó ở chỗ nào? ». Vẫn chỉ có hai con mắt Khắc nhìn lóng lánh. Thằng Lút-dơ quật Khắc dúi vào tường và quay ma-ni-ven như muốn phá vỡ cái hòm gỗ. Rồi nó vứt cái hòm điện xuống, đập cái ghế bần vào góc xà-lim, mắt nháy lia lịa như động kinh, sầm sầm bước ra.

Thằng La-néc khẽ nhún vai, tiến tới bên cạnh Khắc. Anh nằm sổng sọt, không thấy động đậy gì nữa.

— Có nói không?

La-néc cúi xuống, bấm đèn pin vào mặt Khắc. Trong vệt sáng, hiện rõ những đám máu ộc từ miệng Khắc chảy vũng quanh đầu anh. Máu đỏ sẫm nóng hổi rỏ giọt từ trên sàn gỗ xuống nền xi-măng. Khắc đã tắt thở.

Ngày hôm sau, ông từ già và một người từ thường phạm bó xác Khắc vào một cái chiếu, túm hai đầu, khiêng lên một cái xe ô-tô hòm sơn đen. Họ chôn anh ở một góc nghĩa địa làm phúc mé Giáp bát, ngoại thành. « Ông từ già » tìm một thanh gỗ, dẽo vát một góc để làm dấu, cắm ở đầu năm đất thay cho mộ chí.

Không bao lâu, cỏ mọc lên xanh loang lổ trên những hòn đất đỏ. Năm mộ bị mưa nắng làm lún xuống, lún vào hàng trăm năm đất không tên tuổi bên đường.

(Trích *Vỡ bờ*, tập I)

CHÚ THÍCH

- 1) Ông cụ từ: người trông nom đền, miếu. 2) Xà lim: phiên âm tiếng Pháp chỉ nhà giam. 3) Voa-la: phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là: đây! 4) A-giăng: phiên âm tiếng Pháp, một nhân viên giúp việc. 5) Ma-ni-ven: phiên âm tiếng Pháp, cái tay quay máy phát điện.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Bị địch đánh đập tra tấn tàn nhẫn, Khắc vẫn luôn luôn giữ vững tinh thần bất khuất của người chiến sĩ cách mạng như thế nào? Có những chi tiết nào trong bài đã thể hiện rõ sức sống mãnh liệt ấy?

2. Trong đoạn văn này tác giả luôn luôn theo dõi miêu tả đôi mắt của nhân vật Khắc. Chúng ta hãy tìm hiểu dụng ý của tác giả ở chi tiết này?

3. Trước sự bình tĩnh gan dạ của người chiến sĩ cách mạng, bọn địch lại càng hung dữ điên cuồng. Em suy nghĩ gì về sự tương phản ấy?

ĐỌC THÊM VỀ VỠ BỜ

MỘT ĐÁM MA

Câu chuyện xảy ra nhanh quá làm cho Nghị Khanh còn ngẩn người, chưa hiểu ra sao. Lão nhấp tách cà phê điểm tâm sáng, rồi lại giờ tờ nhật trình lên, đọc lại một lần nữa mấy dòng cáo phó đóng khung đen. Không thể nhầm được nữa, tên người chết in bằng chữ đậm:

« ... Ông Trần Văn Lợi, tức Quảng Lợi, hưởng thọ 52 tuổi ». Và dưới bài cáo phó lại còn mấy câu của nhà báo nữa « ... Ông Quảng Lợi là một nhà doanh nghiệp quen biết ở Hải phòng, Hà nội. Bản báo xin có lời chia buồn cùng tang gia ». Kỳ lạ thật! Nghị Khanh không khỏi rùng mình. Vừa mới chiều hôm kia, hẳn ta còn ở đây, nói chuyện với mình. Mà hẳn to béo, khỏe mạnh thế! Xem hẳn được mấy con. Nghị Khanh đọc lại những tên người dưới bản cáo phó¹.

« ... Tang lễ sẽ cử hành vào hồi mười giờ sáng ngày... tại nhà riêng của chúng tôi số... phố... Hải dương. Bà quả phụ Trần Văn Lợi. Con trai... con trai... con gái... con trai... con gái... con gái... con trai... con rề ». Chà, bây giờ đưa, được một đứa con gái nhớn đã lấy chồng. Sao cái lão ấy lắm con thế! Cả một lũ lau nhau thế này thì đến đi ăn mày thật! Hẳn chết ở Hải dương à? Hay là chết ở đâu rồi mới đưa về nhà vợ cả ở Hải dương! Trong cáo phó không thấy nhắc gì đến cô vợ bé ở Hải phòng. Gọi là vợ bé nhưng có phải là vợ chính thức của hắn đâu... Nghị Khanh nhìn đồng hồ tay. À, về Hải dương còn kịp đây. Nghĩa tử là nghĩa tận, thôi cũng kiếm bức trướng đến phúng hẩn một cái. Nghị Khanh cầm cái chuông trên mặt bàn ăn lắc gọi tài xế ô-tô.

Xe đến Hải dương, còn vừa kịp giờ cho Nghị Khanh đến một cửa hàng cầu đối mua bức trướng làm sẵn bằng lụa trắng viền đen chỉ phải đề thêm mấy dòng lạc khoản². Khi đến nhà vợ cả Quảng Lợi, ở một phố ngách đầu tỉnh thì đã thấy cái xe tang hai ngựa đợi ở trước cửa. Một đám vừa ăn mày, vừa trẻ con, vừa những kẻ lang thang rách rưới, đang ngồi túm tụm quanh cửa, kẻ thì tò mò đến xem, kẻ thì đợi đến lúc cất đám may ra xin được đồng trinh hoặc được thuê mang cái vòng hoa, tấm trướng nào chẳng. Thấy cái ô-tô của Nghị Khanh đỗ lại, họ ủa đến chung quanh, dòm ngó. Cái nhà một tầng tồi tàn ngày thường là một ty rượu, lúc này đóng cửa, treo màn đen, nhưng dưới mái hiên còn lủng lẳng cái biển có sơn hai chữ R.A³. Không ai ngờ, đến lúc nằm xuống, cái cơ nghiệp thực của « nhà doanh nghiệp » Quảng Lợi để lại chỉ có từng này! Nhưng ngay cả cái nhà lụp xụp cuối cùng này cũng sẽ không còn nữa. Chỉ trong vài hôm, tin Quảng Lợi chết lan ra, các chủ nợ phát đơn kiện, và tòa tuyên bố Quảng Lợi vỡ nợ, thì mõ tòa sẽ đến niêm phong cả cái nhà này để đợi

ngày đem bán đấu giá, cùng với mọi tài sản khác còn lại của lão ta. Đám vợ con người chết bấy giờ sẽ phải đuổi ra đường.

Ồ e...e...i i...e. Tiếng kèn đám ma inh ỏi từ trong nhà đưa ra. Gian buồng chính, ngay cửa vào, đã đẹp hết đồ đạc, chỉ còn một cái bàn thờ khói hương nghi ngút, và ở giữa nhà là cái quan tài gỗ sơn đỏ, kê trên hai cái mễ. Dựa vào hai bên quan tài, xếp năm sáu vòng hoa. Tấm ảnh nửa mình của người đã khuất, lấp lánh trong khung kính, nhìn ra với hai con mắt trịnh trọng qua những làn hương bay. Dưới chân quan tài ngồi xếp người vợ góa, quần áo vải xô trắng, tóc bỏ xỏa, cái mũ mấn che kín nửa mặt. Thấy khách bước vào, người đàn bà khóc to lên, và đám con gái, cũng áo xô, mũ mấn trắng, hòa theo mà khóc lên như rì. Nghị Khanh đến vài trước tấm áo quan. Người quả phụ vừa sụp xuống lạy trả, vừa khóc, tiếng gàn như khản đặc.

Đám người trong họ và khách đến đưa đám, khoảng hai ba chục người, kẻ đứng, người ngồi, vương nhau trong gian phòng chật chội mù lên khói hương và khói thuốc lá. Thấy Nghị Khanh, một người nhà vội bưng đến chiếc ghế mây và mời thuốc.

Bốn người phu bần quần áo đen, nẹp trắng, đã bước vào quanh quan tài. Mấy người thồi kèn càng thồi to hơn. Tiếng kèn xoáy như ốc. Ồ ồ...e...e...i...i...i. Mọi người đứng cả dậy. Ngoài cửa, đám người xem cũng chen nhau bâu kín, lấp cả lối ra vào. Gian phòng càng chật và nhộn nhạo. Ồ...i...e... Tiếng kèn gào lên. Vợ con người chết cũng gào thảm thiết « Ôi ông ơi, ông ơi... », « Hu... Hu... Cha ơi, cha... » — « Đi, đi kia! Đàng đâu khiêng cao lên tí nữa. Đi ». Bốn người phu vừa i ạch khiêng cái quan tài nặng vừa i ới gọi nhau nhích dần ra cửa. Theo đúng tục lệ, người vợ góa vừa gào khóc vừa lặn dưới đất, niu lấy chân những người phu khiêng

quan tài. Trong cái quang cảnh ồn ào hỗn độn ấy, tiếng kèn, tiếng khóc làm cho Nghị Khanh cũng phải mũi lòng. Ra cái lão Quảng Lợi này chết thật rồi.

Đám ma đi từ đầu tỉnh vào phố chính cho mọi người hàng phố xem. Đằng sau cái xe linh cữu sơ sài, gia đình người quá cố cùng bạn bè mấy chục người lựa thưa, bước đi chậm chạp. Người vợ góa hai bên có hai bà con trong họ xốc nách, thỉnh thoảng lại lặn xuống đất, gào khóc giãy giụa. Cậu con trai lớn, trạc mười ba, mười bốn, đội mũ rom, chống gậy, che miệng đi theo, đã có cái vẻ chững chạc của một cậu trưởng nam. Đằng sau đám người, cái xe ô-tô sang trọng của Nghị Khanh rì rì lặn bánh thông thả. Có lẽ nó là cái vật được người xem hai bên đường chỉ trỏ nhiều nhất.

Nghị Khanh nhiều lúc đã muốn bỏ ra về. Lão thấy đi ở đây có cái gì vô duyên mà lại chẳng được « tích sự » gì. Nhưng lão vẫn im lặng bước đi. Hình như một tiếng nói nào đó đang thăm thẳm, bảo cho lão biết là lão có dính dáng đến cái sống và cái chết của người nằm trong cái quan tài phủ khăn đen kia... Ồ...e... íí...e...ò... Tiếng kèn vẫn cất lên phía đằng trước. Bung... bung... bập bung... cái trống còm đều đều điểm nhịp. Trời nắng chang chang. Cái xe tang vẫn đi chậm chạp. Mồ hôi mồ kê đã nhễ nhại trên mặt mọi người. « Ồi ông ơi... ». Tiếng khóc khản đặc của người vợ góa lâu lâu lại cất lên. Nghị Khanh rút khăn lau mồ hôi trán. Một tên người nhà của lão lúc này đã đến đi kèm theo sau, cầm cái ô che nắng cho « quan chủ ». Nghị Khanh ngược mắt nhìn cái quan tài trong xe. Hừ, làm gì rồi ai cũng đến một lúc như vậy mà thôi ! Ông cả bà lớn nào rút cuộc cũng đến nằm giữa sáu miếng ván là hết ! Giàu có mà chi, vợ đẹp con khôn mà làm chi ! Chạy vạy, trầy da, sứt trán, những thứ ở trên đời này, rút cục có ai

đem theo đi được đâu ! Chẳng qua là hão huyền cả ! Cái kiếp người sao mà buồn vậy !

... Ồi... hừ... hừ... Người quả phụ xem chừng một quá không khóc ra tiếng được nữa. Bà ta rũ rượi, chân không nhấc lên nổi. Hai người bạn xốc nách hai bên, mắt đỏ hoe, ghé vào tai bà, đang nói gì.

— Chào quan Nghị.

Một người tóc hoa râm, đeo kính, mặc cái áo lương cũ tàng đi sát lại bên Nghị Khanh, cất tiếng chào khẽ rồi nói tiếp :

— Chắc quan bác không nhớ em. Ngày bé, em có được đi học với quan một năm ở trường Đông triều.

Nghị Khanh lơ đãng nhìn người nọ.

— ...À, vàng... ông bây giờ làm gì ?

— Cám ơn quan bác, em cũng buồn bán xi xăng. Giờ đất này làm ăn khó lắm.

Nghị Khanh bỗng chợt nhớ ra.

— À, ông Phú !

— Vàng chính em đây.

Ông Phú là em trai Quảng Lợi. Ngày còn nhỏ, học lớp ê-lê-măng-te⁴ với Khanh, thằng Phú bé con bấy giờ hay đánh thằng Khanh, bắt mỗi ngày nộp một xu để nó mua bánh tây chấm giấm. Nghị Khanh thoáng mỉm cười với cái kỷ niệm thời thơ ấu đã xa lắc, rồi hỏi.

— Ông Quảng Lợi mất vì bệnh gì mà nhanh thế nhỉ ?

Ông Phú khép nép nói lí nhí :

— Dạ bác cháu có bệnh gì đâu. Bẩm quan Nghị, chắc là bác cháu có việc gì lo nghĩ quá, thành ra quần tri nên mới uống thuốc ngủ tự tử... Nghĩ thật là ai oán.

Nghị Khanh bỗng hoa mắt, tai không nghe rõ cái tiếng nói lí nhí bên tai lão đang nói gì thêm.

— Tôi... tôi có việc. Xin phép bác nhé.

— Vàng, quan Nghị đưa đến đây là quý hóa lắm rồi.

Nghị Khanh không nghe nổi, chia bàn tay mềm nhũn cho ông Phú bắt, rồi vội vã quay lại đằng sau. Bước đến bên ô-tô, lão còn nghe tiếng kèn đám ma đưa lại...
Ồ...ồ...e ồ... Bung...bung...bập bung...

(Trích *Vỡ bờ* tập I)

CHÚ THÍCH

1) *Bản cáo phó*: bản báo tin buồn về việc người chết. 2) *Dòng họ*: dòng dõi tên họ, chức vị người phụng. 3) *R.A*: do tiếng Pháp Régie Alcool, nghĩa là ty rượu, cơ quan độc quyền bán rượu của thực dân Pháp. 4) *Lớp ê-lê-măng-te*: phiên âm tiếng Pháp, lớp sơ đẳng, tương đương như lớp ba của ta ngày nay.

CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI PHU MỎ

Khác với dưới Hồng gai, Cẩm phả, những mỏ than vùng này đều nằm sâu trong ruột đất. Ở đây người ta không thấy cái cảnh những tầng than chất ngất lưng trời với những dòng người như từng đàn kiến hồi hã. Trái lại, đi ngoài đường nhìn vào chỉ thấy lớp lớp đồi lại núi trơ trọi một màu xám buồn khô khan.

Mọi công việc khai thác ở đây đều phải làm trong những đường hầm, thợ mỏ gọi là lò. Những đường hầm ấy đào xuyên vào sâu hàng cây số, chia thành nhiều góc ngách chỉ chít chạy theo các vỉa than, chẳng khác một cái tổ mối ngậm trong ruột núi. Thỉnh thoảng ở một sườn núi, đen hoắm một lỗ tròn lẫn vào những lớp cỏ giang: đấy là một cửa lò.

Có lẽ sau này chỉ vài chục năm, con cháu chúng ta sẽ không còn hiểu tại sao người thợ mỏ thời Tây lại gọi là phu mỏ. Nhưng đời chúng ta thì chưa quên được. Mỏ than, đồn điền cao-su, đấy là những cơ sở khai thác lớn nhất và sớm nhất của bọn tư bản thực dân trên đất thuộc địa, đấy cũng là những địa ngục ngày ngày hút máu hút mủ hàng chục vạn con người bản cùng, bị bắt hàng loạt bằng cách này hoặc cách khác ở các làng xóm nghèo khổ và đông đúc, bị đem bán cho các công ty than hoặc cao-su, bọn thực dân gọi là cu-li, và dân ta gọi là phu. Nhưng cũng chính từ những lớp người không còn được coi là con người ấy, đã hình thành những đội ngũ đầu tiên của giai cấp công nhân Việt nam.

Ở cái mỏ Đèo khế bé nhỏ này, lúc thịnh vượng nhất cũng có đến năm sáu nghìn phu. Khi mới lập mỏ, còn khai thác những vỉa than ở ngoài rìa núi, tất cả chỉ có vài đường goòng, những người cu-li cuốc than rồi công ra, đổ vào các gầu xe, tré con ngày được tám xu, một hào, người lớn ngày hai hào, hai hào rưỡi. Qua mấy chục năm, sở mỏ đã có một đường xe lửa nhỏ chạy ra bến sông, một xưởng sửa chữa cơ khí và một nhà sàng than. Nhưng cái công việc chính của mấy nghìn phu vẫn là ngày ngày chui vào các đường hầm trong núi, cuốc than bằng hai cánh tay và gò lưng đầy goòng ra đến cửa lò. Sở mỏ không cần gì đến các thứ máy móc; vì không thứ máy nào cạnh tranh nổi với sức người rẻ mạt ở đây. Thậm chí thỉnh thoảng sập một lò, chết vài chục người không moi ra được, sở cũng không phải đền gì, vì đối với cu-li làm gì có bảo hiểm xã hội!

Mấy nghìn phu đàn ông đàn bà ấy ăn ở chui rúc trong những túp lều, dãy lán, tự họ vào núi chặt tranh cắt cỏ gánh về dựng lấy, dần dần cũng thành từng xóm rải rác trên những quả đồi hoang, bên những khe suối, những

xóm lâu dần cũng thành tên; xóm cổng trắng, xóm nhà bò, xóm chín hạ, xóm nhà thờ, xóm chợ con, xóm sở Tuynh... những tên gọi nhiều khi người ta đã quên cả nguồn gốc, những tên lam lũ, tối tăm, buồn tẻ cũng như cuộc đời những người ở đây.

Từ những túp lều ấy người phu mỏ dây ăn cơm bên đèn dầu từ lúc còn tối đất, rồi ra đi. Đèn ông cũng như đèn bà chỉ có cái nón rách trên đầu, cái bị còi trên vai đựng năm cơm, gói muối. Quần áo họ chỉ có manh áo vá, mảnh quần xơ, bàn chân họ bốn mùa chẳng bao giờ biết đến đôi dép, nói gì đến giày. Từ khắp các ngã, trong bóng đêm còn chưa tan, họ kéo nhau đi qua những dãy đồi cỏ tranh ướt đầm sương, theo những con đường mòn chữ chi, leo lên các cửa lò. Ở đây họ chen nhau đến những nhà kho. Trên những khoảng sân chật hẹp, họ giẫm chân rậm rịch trên mặt đất đầy những dăm gỗ và phoi đất đèn, để đợi cái thau phát cho đèn đất, búa, chèo, cuốc, xẻng. Rồi đèn, xách tay, cuốc xẻng trên vai, dầu, bịt chiếc khăn đen hoặc chiếc mũ nồi khâu bằng vải, họ bắt từng cặp, lần lượt chui vào các cửa lò tối hun hút, âm vang sinh sịch tiếng máy chạy quạt gió.

Cái lò vừa hẹp vừa thấp, chống bằng cột gỗ, bề ngang chỉ vừa cho một chiếc xe goòng, đi phải cúi lom khom mới khỏi va đầu vào những xà ngang, xà dọc, những đường ống dẫn hơi ép lủng củng bốn bề. Vừa vào khỏi cửa lò đã thấy nóng hầm hập chung quanh mặt. Tay người phu mỏ sờ vào bình đèn đất đã thấy nó vã mồ hôi, ướt nham nháp như sương. Càng bước vào càng tối bùng lấy mắt. Trong ánh sáng lắt lư của ngọn đèn đất cháy phù phù, người phu mỏ theo con đường goòng bước đi dò dẫm trong một lớp nước bùn lộn nhồn sào sào những đất và đá, có quãng toàn đá nhọn sắc cửa chảy máu dưới bàn chân. Tiếng máy quạt đã xa đi dần,

âm âm ở tận đâu, bóng tối đen kịt lặng tờ, chỉ nghe những bước chân lững lờ, những giọt nước trên nóc và bên vách lò rỏ xuống tí tách. Những người phu vẫn lặng lẽ đi vào sâu mãi, bóng họ chập chờn trên những vách lò tối om.

Bỗng từ bóng tối đen kịt phía trước đưa lại những tiếng bánh sắt rít ken kết, đốm sáng của một ngọn đèn đất tiến nhanh lại, những tiếng kêu, tiếng thét, người phu nhảy vội sang bên, đứng dãn mình vào sát vách lò để tránh những xe goòng than đang được đẩy ra. Những chiếc goòng nặng lặn ào ào trong ánh đèn chập choạng, những chị phu đẩy goòng lưng trần cong mình thở hồng hộc, mặt mũi đen nhẻm lặn vào bóng tối, chỉ thấy những con mắt thoảng nhìn vội sang. Đoàn goòng chạy qua, tắt cả lại tối mịt, im lặng.

Người phu cứ vào sâu mãi trong ruột núi, năm trăm, tám trăm, một ngàn hay ngàn rưởi thước rồi không biết, cái hơi nóng trong lò cứ mỗi lúc càng như từ hàng trăm chiếc chảo rang bốc ra, cái nóng của ruột trái đất âm ỉ, lại cộng thêm cái ngột vì thiếu khí trời. Mồ hôi đầm đìa trên mặt trên cổ, mồ hôi chảy ròng ròng trong lưng, trên cánh tay, người phu qua một ngã ba, lại một ngã ba khác, từ lò cái rẽ sang những lò chợ góc ngách cứ càng vào càng hẹp lại, càng thấp xuống, lúc leo dốc, lúc xuống dốc, những vách lò hai bên cứ như khép dần vào mãi, những cột, những xà càng vương vít, bước đi mỗi lúc càng phải cúi xuống, cho đến lúc tới vỉa than, nơi làm việc. Đến đây thì cái lò còn bằng cái cũ lộn, chỉ vừa chui. Và đến đây là cũng hết đường không đi xa được hơn nữa.

Người phu dừng lại bám lấy một cột gỗ trong cái lò dốc ngược. Bây giờ anh ta chẳng khác một con dũi đang ở trong lòng đất, bốn bên sát mặt là than đen óng ánh.

Mồ hôi vẫn tỏa ra mờ cả mắt, vuốt đi không kịp, cái nóng ngọt ngạt hơi mồ hôi người và tanh lợm cái mùi buồn nôn của những mụn sâu quảng kinh niên mà phu mỏ không có cách gì chữa khỏi. Ở đây không cần gì áo quần nữa, người nào người nấy lột hết, nhét vào bị cói, rồi đèn đất móc lên cột, cái bị úp cái nón treo lủng lẳng bên cạnh, có người còn giữ mảnh quần đùi, có người truồng như nhộng, họ ngồi, họ quì, họ bò, họ nằm ngửa ra, tới tấp cuốc vào những vách than ở bốn bên người họ. Phút chốc người nào người nấy đã đen sì từ đầu đến chân, bụi than quyện vào mồ hôi trát kín khắp thân thể mặt mũi, nhìn nhau chỉ còn trông thấy những con mắt trắng dã. Những cục than rơi xuống rào rào, lộc cộc, cuốc một hồi, người ta dừng tay, lấy chân đạp than vào cái máng sắt bóng loáng lát ở nền lò. Thế là lại gọi, lại thét, cho người cuốc bên dưới biết mà tránh ra, những tảng than theo máng dốc trôi rào rào xuống mãi thẳm thẳm bên dưới, cho đến lúc nghe im bặt đi, đấy là than đã xuống đến lò cái dưới, chảy vào những xe goòng.

Trong ruột núi nóng âm ỉ và tối mịt, những người phu chui rúc và cuốc như thể liên trong mười tiếng, mười hai tiếng, có những thời phải làm đến mười lăm tiếng. Buổi trưa, họ chỉ được nghỉ một lúc, có khi phải ở ngay trong lò, có khi được ra đến cửa lò, họ rửa tay bằng nước lò, ăn vội nắm cơm với dấm muối, uống một ngụm nước khe rồi lại trở vào cuốc than. Tan tầm, đến khi họ loạng choạng trở ra cửa lò, thì trời đã sẫm sẫm tối, nhưng đối với họ thì lại là từ đêm đen mà ra buổi chiều, từ âm phủ mà trở về trần gian. Trả đèn, trả cuốc, họ tìm đến một cái khe để tắm rửa, ít khi anh nào dám dùng xà phòng, bụi than quanh năm ngày tháng đã ngấm vào da thịt thành những đám như những vết chàm trên người, phu mỏ không ai không một

nước da xám đen mai mái. Rồi bụng đói cồn cào, chân tay rời rã, người phu lại cái nón trên đầu, chiếc bị cói rỗng không đeo vai, thất thểu đi về túp lều của mình ở một sườn đồi, gặp lại vợ con cũng mới đi đội than, hoặc đi đầy goòng suốt ngày về. Ăn xong bữa cơm thứ hai cũng lại bên đèn dầu, người phu chỉ còn lăn ra ngủ như chết để từ chưa sáng lại đây ăn cơm bên đèn và nón bị ra đi lên lò.

(Trích *Vỡ bờ* tập II)(1)

CÁI SÂN GẠCH

ĐÀO VŨ

Cái sân gạch của Đào Vũ phản ánh cuộc sống ở nông thôn trong phong trào hợp tác hóa. Lão Am là một người nông dân trước đây đã từng lặn lội kiếm sống và ước mơ xây một cái sân gạch nhưng chưa xây được. Phong trào hợp tác hóa đến, lão vẫn muốn làm ăn riêng lẻ để xây dựng cơ đồ, làm cho được cái sân gạch. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường làm ăn tập thể và làm ăn riêng lẻ đã xảy ra ngay chính trong gia đình lão. Lão dần dần tiến bộ và tiếp thu tư tưởng mới, gia nhập hợp tác xã.

Cái sân gạch là một tác phẩm tốt đã phản ánh được một mặt quan trọng của cuộc sống xây dựng chủ nghĩa xã hội ở đất nước ta. *Cái sân gạch* cũng đã xây dựng thành công hình ảnh một lớp người mới ở nông thôn nhất là trong thế hệ trẻ. Các nhân vật như Quyên, Chấm, Trọng... là hình ảnh tiêu biểu cho những thanh niên mới ở nông thôn trong phong trào hợp tác hóa. Nhân vật lão Am cũng cho ta thấy hình ảnh một lão nông

(1) *Vỡ bờ* tập II, tiếp tục *Vỡ bờ* tập I, nói về những sự kiện xảy ra từ khi quân Nhật chiếm đóng Đông dương cho đến ngày Tổng khởi nghĩa và Cách mạng tháng Tám thành công.

còn giữ lại được nhiều đặc điểm truyền thống của nông dân Việt nam lại vừa có tính cách mạng, đang cố gắng vươn lên khắc phục những nhược điểm của bản thân để theo kịp với yêu cầu của cuộc sống mới.

CON TRÂU NHÀ LÃO AM

Trên đường từ khu nhà ngói về nhà, đầu lão cứ nặng trĩu xuống đến nỗi hình như lão không ngẩng lên được nữa, xuýt đâm cả vào ông Nhuận.

— Kia, ông Am cũng đi họp đấy à. Mỗi ngày một thêm vui thật!

Ông Nhuận không đề ý tới nét mặt lão Am, nói một câu bâng quơ như vậy. Lão Am vẫn cúi đầu cất bước, hỏi lại ông Nhuận, nhưng lại như tự nhủ:

— Mỗi ngày một thêm vui hay mỗi ngày một thêm khó hử ông?

Hai người ngược chiều nhau, ông Nhuận đã đi xa, không nghe tiếng lão Am hỏi. Lão tự nhiên thấy ông này đâm khó hiểu. Cũng ruộng tốt, trâu khỏe sao vào họp tác xã nhẹ nhàng như vậy được? Hay là hẳn không biết tính, không phải, ai chứ tay ấy còn đôn nổi gì? Mà chẳng riêng tay ấy, còn khối những nhà khá giả khác, cả chị Chờ nữa kia, ngần ngừ là thế đến lúc vào làm ăn họp tác cũng cứ như được của nả gì ấy không bằng! Lão vừa khó hiểu, vừa thấy cái số mình giới sinh ra để phải cả nghĩ, phải chịu nặng nề, lại vừa thêm thường sự thành thoi của những người ấy.

Về đến nhà vẫn chưa ai đi ngủ.

Người chào đón lão đầu tiên là thằng Đà:

— Thầy cũng đồng ý a hả thầy? Công hữu hóa thế hơn thầy nhỉ? Chăn trâu cũng được năm điểm cơ mà!

Thì ra nó tán thành công hữu hóa là vì như vậy. Trước đây, ít việc lò, nó vẫn về chăn trâu. Nhưng nhiều lúc nó vẫn bị chửi là ăn hại. Nó cũng chẳng biết có ăn hại hay không? Bây giờ chăn trâu có điểm, đến mùa còng lại có thóc, nó thấy rõ ràng là hơn.

Lão Am trả lời bằng một sự im lặng nặng nề. Lâu lâu sau lão mới nói:

— Đồng ý, hôm nay đồng ý bán trâu cho hợp tác, ngày mai bán ruộng cho hợp tác, rồi còn cái nhà đây bán nốt cho hợp tác ra rệ dê mà ở!

Cả nhà đã thấy sự gì khác ý, thấy lão tối nay có nhiều thay đổi đột ngột. Bấy nay có ai nghe thấy lão kêu ca gì về vấn đề công hữu đó đâu?

— Một nhà ba cái mồm đi họp, sao không nói lấy nửa lời bây giờ lại bảo thầy đồng ý! Thằng Trọng không biết giá mua, chứ u mày cũng không biết hay sao mà lúng búng như ngậm hột thị ấy không trả lời được một câu?

— Thì tôi cũng đã đồng ý đâu.

Bà Am chống đỡ một cách yếu ớt, và trong bụng, qua việc đêm nay bà càng thấy chồng gần đây khác tính khác nết. Lão đã bớt chửi bới to tiếng, bố con đã có lúc bàn được với nhau câu chuyện, nhưng lại hay chỉ chiết, có những lúc như chán đời, « phó mặc cho mẹ con mày đấy, xem bay nhảy đến đâu ». Bà lúc nào cũng chỉ muốn gia đình yên vui, thấy chồng con gắng, bà đầu diu ngay:

— Hay bây giờ mình không đồng ý công hữu hóa thì thôi.

Lão Am đang nằm trên võng, rướn người ngồi dậy nói:

— Bà nói mới dễ nghe! Mang người mang của vào hợp tác, trâu trong tay người ta, bây giờ không đồng ý mà được? Chỉ còn mỗi cách là phải nèo đủ hăm sáu vạn như giá mua mới xong.

Trọng nghe bố nói « trâu trong tay người ta » thấy chời chời tai, định cãi lại, nhưng việc sút mất năm vạn kia tự nhiên đánh thẳng vào tính tò mò của Trọng. Trọng muốn hỏi, nhưng giữ ý không hỏi, và cũng không cãi nữa. Lão Am tiếp:

— Hăm sáu vạn, còn mấy bữa cơm gà cá gỏi cho lái nữa chứ không đâu! Đã vậy bây giờ tiền không được cầm một đồng, đóng vốn sản xuất, còn đâu trả dần mấy vụ. Chỉ thỉnh thoảng sang chợ mua lá chè cũng hết con trâu!

— Ô hay, bàn vào chả bàn lại cứ bàn ra! Thế công hữu hóa có lợi bao nhiêu cho sản xuất sao thầy không tính?

Trọng vẫn ngồi im, chính Chấm lại lên tiếng bảo vệ trước. Nửa năm gần đây, Chấm có nhiều đổi khác. Ngày trước ở tổ đội công, Chấm vốn năng đi hợp, nhưng hợp chỉ bàn chuyện làm, chuyện điếm, có được học tập gì mấy! Từ ngày vào hợp tác xã, Chấm thấy đầu óc mở mang ra nhiều, lại thấy lòng dạ cũng như hồ hởi, thanh thoát hơn. Nhất là trong lao động, hợp tác xã càng đẩy việc khoán công tiến tới thì Chấm càng lập những thành tích mới. Ở tổ khu nhà ngói, Quyện là ngọn cờ đỏ thì ở tổ 6 này, ngọn cờ ấy chính là Chấm. Chấm được nhiều điếm, lại được nhiều lần bình bầu xuất sắc, những sự thật ấy càng ngày càng làm cho Chấm thấy ghét câu nói của vợ Khang hôm nào: « Hai đứa mình có vào hợp tác xã để ngày không được mười điếm chắc! ».

Hôm nay gia đình bàn chuyện công hữu hóa trâu, Chấm thấy sao chẳng bàn những cái lợi như đã học tập ở tổ, lại cứ bàn đi đâu ấy.

— Ừ thì lợi cho sản xuất, còn nhà mình thì bỏ không chứ gì!

Lão Am thủng thủng trả lời con gái. Chấm chẳng chịu:

— Không, nhà mình cũng có lợi cơ. Con tính thầy nghe nhé. Trâu vào hợp tác thì vẫn là trâu của mình chứ của ai? Chăn dắt mình được điếm khá nhá, điếm là thóc chứ thầy bảo là gì? Thừng chảo mình lại không mất, phân là của mình, ô hô, thầy đồ có biết bằng con!

Trọng thấy Chấm như vậy, hùa theo:

— Với lại cái chính là phải thấy lợi ích của sản xuất...

Trọng phân tích về việc hợp lý hóa điều động trâu khỏe trâu yếu, điều động lao động chính, lao động phụ. Nhưng lão Am không chú ý đến những điều đó, lão thấy như là chuyện đầu đầu ấy, lão quay lại ý kiến của Chấm:

— Mày tưởng hợp tác người ta không biết tính. Chúng bay có biết người ta sắp sửa làm chuồng trâu công cộng không? Bao nhiêu trâu dồn vào đấy tất, chăn tập trung, phân tập trung. Để mày ăn gì?

Chấm tức anh ách, thấy bố cứ coi hợp tác xã như là của ai ấy không phải của mình, như là lúc nào cũng muốn ăn thịt mình ấy; nhưng lúc nghe bố bảo « để mày ăn gì » thì Chấm không nhịn được phì cười:

— Thế ra thầy bảo con ăn phân trâu à? Con hỏi câu này nữa thầy nghe thì nghe không nghe thì thôi nhé. Người ta góp ruộng góp trâu, mình cũng góp, chứ còn nhiều lao động nhất định là nhiều thóc, lao động nhà mình hỏi kém ai, muốn gì thì gì, con không sợ là một...

Mọi người im lặng. Chấm thủng thỉnh nói tiếp:

— Trâu với bò, mười năm nữa thay trâu sắt cơ mà. Thôi u con ngủ gật rồi kia kia.

Cả nhà đi ngủ. Lão Am bảo tắt đèn nhưng vẫn nằm nguyên trên vông. Đối với Trọng và Chấm, cũng suy tĩnh thể thôi, nhưng quả là trẻ người non dạ, họ không thể sao hiểu được nỗi lòng của lão Am lúc này.

Từ ngày gia đình vào hợp tác xã, càng ngày lão càng thấy mình như mất mát những gì nhiều lắm. Ở chợ về đến nhà, lão thấy mình xa lạ, lẻ loi. Mấy mẹ con cứ toàn những chuyện hợp tác, lão không thú vị gì, cũng không am hiểu mấy. Dần dần có việc này, việc khác lão không biết nữa, người ta cũng không cần hỏi lão, lão càng thấy mình mất quyền ăn quyền nói trong cái nhà này. Đồng áng bây giờ không như ngày còn ở tổ đình công, ban quản trị đã có kế hoạch cả, mấy mẹ con Trọng chỉ đi làm đều đặn để lấy diêm, các sự hiểu biết và khôn khéo của lão trong mảnh khốe làm ăn đâm ra thừa. Ruộng của mình rành rành ra kia, bây giờ có những buổi lão muốn đi làm thêm cặp vào với vợ với con cũng không được. Nào ai cấm lão đâu, nhưng lão không bao giờ chịu cái cảnh để người ta nhìn lão như một kẻ quy hàng, lão vẫn nhớ đình ninh mình là người ngoài hợp tác xã. Các thứ đồ dùng trong nhà, lão thấy chỗ này cái cần của hợp tác xã, chỗ kia cái giường của hợp tác xã, mớ đến cái gầu thấy ba chữ H.T.X... nhìn vào chỗ để cây bừa, toàn cây 51 và bừa cái tiến kỳ hình dị tượng!

Đến bây giờ chỉ còn con trâu, lão sẽ mất nốt ư? Thế thì còn giới đất nào nữa! Con trâu lão có ăn không ăn hỏng của ai đâu, chính do mồ hôi nước mắt của cả gia đình lão trong bao nhiêu năm trời mới có được. Ngày trước, nhà lão chỉ có nửa con, làm gò gắng qua vụ. Hồi tạm chiếm, hôm nay giặc quây, mai giặc bắn, bao nhiêu lần xuýt đời mạng người để giữ lấy hai chân trâu ấy. Hòa bình lập lại, lão tính thời cơ làm ăn đã tới, vét vông trong nhà có

cái gì bán được ra tiền, lão đem bán bằng hết, cộng với hai chân trâu kia, tậu được cả con trâu đực này. Nay nó không còn là của lão, nó phải ra chuồng tập trung, cái chuồng kia của nhà lão cao ráo là thế mà đề không ư? Lão thấy một sự lạnh lẽo đến ghê rợn. Mọi tối chỉ quên đi, muợn cho trâu vào chuồng, nhìn cái chuồng không, lão đã giật mình, nay cái chuồng ấy mãi mãi bỏ không, thật là một sự thiếu thốn kinh khủng. Nhà nông mà không có thửa ruộng, con trâu, lão thấy hoàn toàn không có gì đảm bảo cả, như cây không có rễ. Cứ bảo bỏ chung vào hợp tác xã chứ đi đâu mà mất, nhưng chỉ biết hiển nhiên những cái đó không phải là của mình nữa, mình không có quyền muợn bắt nó thế nào nên thế ấy nữa.

Lúc ký đơn cho gia đình vào hợp tác xã, lão không ngờ đến nông nỗi này. Vào thì vào, lão vẫn cho rằng cha chung không ai khóc, cung cách ấy không cấy được nên hột thóc mà ăn, chỉ năm tháng ba tháng là tan, hoặc ít nhất gia đình lão, vợ con lão cũng phải xin ra. Có ngờ đâu, đường càng đi càng xa, bây giờ bỏ nốt con trâu vào ngộ nhờ mình không theo được đến đầu đến đũa, phải xin ra, chẳng hóa ra lúc vào có ruộng có trâu, lúc ra hai bàn tay trắng hay sao? Ruộng năm đấy còn để, chứ con trâu chuyển dịch đi, thiên biến vạn hóa, khi nào về lại được cái chuồng kia nữa? Chẳng nhẽ bây giờ đã thế giới đại đồng rồi hay sao?

Nằm trên vông, lão càng nghĩ càng sa lầy.

Dưới chuồng trâu, không biết hay là diêm gì, hôm nay nó lại đánh chuồng khỏe thế. Những tiếng thình thình của đôi sừng va vào những gióng gỗ trong đêm khuya, nghe rõ mồn một như tiếng trống ngực của lão lúc này đang đập gấp. Lão không thể nằm yên, lão xuống chuồng trâu, vun rơm cho nó ăn. Ánh trăng mờ mờ hắt vào cửa chuồng, lão định thần mới nhìn thấy bột trắng

nhỏ xuống dài dài từ mép nó, hàm dưới của nó trệu đi trệu lại uể cỏi như chán đời. Lão nắn nắn cái vai của nó — làm gì được mềm nhũn như mọi năm ! Việc hợp tác xã thì nhiều, cái thằng Trọng ngày ngày làm xong lại không chịu đãi một bữa bốp cho vai trâu nên mới bì bì như thế này. Lão vuốt cái cổ nó. Thật là cổ cò, lại thất quân, mấy trâu được đẹp dáng như thế. Đôi gối thật dày của nó tự dưng nhúng nhính, toàn thân lớp da bóng nhẫy rung rung lên như rừng mình sợ hãi. Bỗng nhiên lão thấy đôi mắt đỏ đòng đòng của nó trừng trừng nhìn lão. Tội nghiệp nó không biết nói, chắc nó muốn nói với lão điều gì đây !

Ngồi như thế hàng hồi lâu, lúc trở lên giường nằm, lão không sao chợp mắt được. Nước đời đã đến đây, còn biết tính làm sao ? Lão cũng biết cái thế của hợp tác xã đang « tiến lên » bằng bằng như vậy, một mình lão không thể có gì khác được chỉ còn làm sao để thu về cho được hòa vốn lại.

Nghĩ đi nghĩ lại, lão quyết định bị một đánh trâu đi.

Gà gáy nửa đêm lâu rồi, cái đầu óc quá căng thẳng của lão mệt đừ ra. Lão mơ mơ màng màng rồi thiếp đi lúc nào không biết.

Lúc lão bừng tỉnh dậy, có lẽ đến ba bốn giờ sáng.

Lão không nghĩ ngợi gì thêm nữa, lặng lẽ bước xuống chuồng trâu : lão không lấy chày gỗ cái đòn chêm mà chỉ lấy tay lắc đi lắc lại thật mạnh rồi rút ra. Lão dắt trâu ra khỏi chuồng, bốn móng của nó dọi xuống sân đất giữa đêm khuya kêu lộp cộp, nhưng dẫu sao cũng không bằng dọi xuống sân gạch. (Lần đầu tiên trong đời, lão thấy cái sân đất không đáng ghét). Lão nghĩ bụng, có làm gì ai mà phải vụng trộm, nhưng lão vẫn ngẩn gót chân lên bước đi rất nhẹ. Người và trâu ra khỏi ngõ,

lão không áo không nón mắt nhắm mắt mở, bước thấp bước cao... Gió thu trong đêm khuya lạnh lạnh. Sương đã ướt đầm lá cỏ. Trăng lấp sau mây, bầu trời càng thêm u ám huyền ảo. Làng mạc không một tiếng chó sủa. Chợt chỉ thấy tiếng con mèo già nhà ai kêu ngoao ngoao như tiếng người. Lão đã gióng trâu ra khỏi xóm, qua khu chuồng lợn, mùi phân ủ bốc lên hăng hăng, thum thum.

Lúc lão dắt trâu qua sân cũng là lúc thằng Đà tỉnh giấc. Nó nghe rõ ràng tiếng chân trâu bước xuống thêm, qua sân, rồi qua ngõ. Nó quờ quờ trên giường không thấy bố, với sang vông, cũng không, nó biết ngay đúng là bố nó dắt trâu, nhưng giữa đêm này, dắt đi đâu. Chắc là ra rệ ao cho trâu uống nước. Nó không đánh tiếng, sợ đánh tiếng bố nó lại giao cho nó. Nó nằm đợi. Nhưng sao lâu thế không thấy dắt về. Linh tính nó cho biết có sự bất thường. Nó bò xuống giường, hai đầu gối cùi mềm nhũn ra. Nó còn đủ minh mẫn để thấy rằng cần phải gọi người lớn. Nó mất cả phương hướng, mắt còn dip lại, nó lần lần chẳng biết vào giường ai.

Lão Am và trâu đi không ung dung gì lắm giữa cánh đồng lúa đã bắt đầu hoe hoe. Lão vẫn nói cứng trong bụng, nhưng đến lúc ấy đã cảm thấy có cái gì không phải. Lão không muốn gặp ai lúc này. Lão mong trời lâu hãy sáng để đi cho trót lọt, nhưng lại mong trời sáng mau lên để nhớ gặp ai người ta chỉ coi như cho trâu đi chăn sớm.

Lão vừa lên đến chân đê thì nghe thấy tiếng chân người huỳnh huých chạy tới. Rồi người ấy tới nơi. Đó là Chấm. Tóc tai tung tóe ra. Chấm chạy sấn ngay lại giằng lấy thùng trâu ở tay bố, cầm lấy quần thêm mấy vòng vào tay. Chấm thở không kịp, đứng sững trước mặt bố từ

này vẫn chưa nói được câu gì. Lão Am bụng thường trau, ngồi bệt xuống chân đê, hai tay chống lấy cái đầu tóc tai rũ rượi. Lão thấy trong lòng như có cái gì đang rã rời ra, không sao gắn bó lại cho được. Con gái lão ra ngăn lão dắt trâu đi hình như có phần nào lại làm cho lão thấy là may. Lão vẫn ngồi như pho tượng chẳng nói chẳng rằng. Chấm nhìn bố vừa tức vừa thương, không biết nghĩ sao, Chấm òa lên khóc, vừa khóc vừa nói:

— Không ai như thầy, thầy không thương chúng con, thầy tai ác ngang ngược nhất làng này... Thầy bán được con trâu để chúng con phải bỏ hợp tác xã này mà đi à, bỏ làng này à... Thầy không sợ người ta bảo thầy là chống chính sách hay sao... Một mình thầy phá hoại hợp tác xã...

Lão thấy bị oan ức, thấy con gái không hiểu mình, nhưng chẳng buồn thanh minh. Nó muốn nói thế nào mặc nó, ai muốn nói thế nào mặc ai. Nói gì nhiều bằng hỏi cái cách kia cũng còn chẳng làm gì nữa là? Miễn sao cái lòng lão không như vậy là được. Lão chỉ định nhân hôm nay chính phiên chợ trâu trên huyện, lão đánh lên độ giá xem sao. Nếu quả thời giá mỗi lúc một khác thì hăm hai hăm một cũng ừ một tiếng cho xong, còn nếu bỗng dưng một lúc hoạn đứt của lão dăm sáu vạn thì thế nào lão cũng phải nói cho ra nhẽ. Lão lại có ý đi lúc chưa sáng, cố về vào lúc trưa để không ai biết! Vậy mà con lão lại bảo lão như thế, lại buộc cho lão « một mình thầy phá hoại hợp tác xã ».

— Ừ, một mình tao phá hợp tác xã. Tao là phản động. Hợp tác mang tao đi mà bỏ tù.

— Giờ đất ơi, sao thầy ngoan cố, thầy bảo thủ thế... Thầy điên mất rồi... Người ta mà biết thế này thì nhà mình còn ra làm sao nữa... Con can cổ con lay thầy, thầy cho chúng con làm chúng con ăn...

Lão không nói gì nữa. Bình tĩnh này, Chấm biết bố không cưỡng dắt trâu đi chợ huyện nữa đâu. Chấm lau nước mắt nằn nì:

— Thầy về đi, thầy về ngay đi với con.

Lão vẫn ngồi im. Một lát lâu sau, lão mới đứng dậy nói mấy tiếng nặng nề.

— Tao đi mấy hôm.

Lão đã quay người đi.

— Áo xống thế thầy đi đâu?

Lão không đáp, cũng không quay lại.

Chấm biết can không được, chạy theo quàng vào vai bố cái khăn vuông của mình, rồi quay lại giữ lấy thùng trâu.

Trên con đường đê cao in giữa ngang trời, bóng lão một mình đi cô đơn, lủi thủi dưới ánh trăng lạnh lẽo. Bóng lão nhỏ đi, mờ dần rồi mất hút. Chấm vẫn đứng trông theo, nước mắt giàn giụa.

(Trích tiểu thuyết « Cái sân gạch »
Nhà xuất bản Văn học)

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Phân tích tâm trạng của lão Am trước chủ trương công hữu hóa trâu của hợp tác xã: những suy tính, những hành động? Những mặt tốt, mặt xấu trong con người lão Am?

2. Phân tích thái độ đấu tranh của Trọng và Chấm trước những chiều hướng tự tưởng lạc hậu của bố (lão Am). Tính chất tiên bộ ở những lớp người mới này là ở chỗ nào?

3. Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện sinh động của đoạn văn này (cách sử dụng ngôn ngữ, cách miêu tả tâm lý nhân vật v.v...).

CÁI SÂN GẠCH (tập II)¹

ĐÀO VÕ

ĐÓN MÁY CÀY 2

Khoảng hơn chín giờ, bãi soi đã đông nghịt những người. Dễ thường trong làng chỉ còn bà Tảo Long vẫn ngồi ở quán nước, bà chả vui thú gì cảnh đình đám người, mẹ con ta. Ngoài bãi soi này, chỉ có ông lão chăn bò vẫn đứng một cách miễn cưỡng với đàn bò của ông ở xa xa kia. Có lẽ ông tưởng ai cũng sẽ phải nghĩ: quả là việc chăn bò quan trọng thật, không thể rời lấy một lúc. Còn thì già trẻ lớn bé ở cái làng Cầu quay này đều đã có mặt. Họ tản mát tứ tung: xem ớt, xem chuối, ra bờ sông, vào chỗ ủ phân bò v.v...

Khu chuẩn bị làm lễ nằm trơ trọi ở đó với mấy ông già. Anh Trà ngắm nghía mãi lễ đài. Cái bàn chính giữa phủ tấm áo chần vải hoa, đằng sau căng mấy khẩu hiệu kẻ sẵn: «Đảng Lao động Việt nam muôn năm!», «Hồ Chủ tịch muôn năm!», «Hoan nghênh đội cày máy!», «Công nông liên minh muôn năm!». Anh những tưởng bà con ra sẽ phải xúm vào mà xem, chẳng dè quang cảnh bây giờ lại thế này! Nhân danh ban tổ chức, anh cứ a-lô «mời về tập trung, cuộc lễ đón cày máy sắp bắt đầu». Nhưng vẫn chưa ai về. Anh dậm gắt: «Đã quy định hạn chế số người dự lễ thôi, các tổ không chấp hành nghiêm chỉnh, bây giờ ùn cả làng ra, đến là mất trật tự». Thực tình thấy bà con ra đông đủ hoan nghênh cày máy, thâm tâm anh rất thích. Anh cảm thấy như chính mình lập công đầu trong việc xin được cày máy về đây.

Bỗng có tiếng động cơ. Rồi cày máy xuất hiện. Nó bồm bồm ngòm xuống bãi soi. Ban tổ chức cố duy trì trật tự để bà con đứng tại chỗ đợi cày máy đến hoan hô. Nhưng không sao được. Mọi người như sóng biển chạy ủa về phía con trâu sắt khổng lồ kia. Lễ đài lại vẫn chỉ còn có mấy ông già. Họ chạy tới cứ thế vây tròn lấy cái máy, kéo theo về đến chỗ chuẩn bị đón tiếp. Anh đội trưởng công nhân đứng trên máy, miệng cười không ngớt, tay hết vẫy bên trái lại vẫy bên phải. Họ vừa đi vừa chạy mới kịp cái máy cứ kêu lên hồng hộc như con hùm trúng đạn. Họ thấy lạ mắt quá, nhưng người nọ chen người kia, chưa ai nhận kỹ được xem hình thù nó ra làm sao?

Lúc bắt đầu cuộc lễ, anh Trà trịnh trọng bước lên trước bàn:

— Kính thưa đồng chí Tỉnh ủy, kính thưa đồng chí Ban công tác nông thôn, kính thưa đồng chí ty nông lâm, kính thưa đồng chí chủ tịch xã, các đồng chí đảng ủy, kính thưa ban quản trị hợp tác xã, kính thưa đồng chí đội trưởng và các đồng chí công nhân, kính thưa các cụ, kính thưa các xã viên — anh Trà đưa mắt nhìn khắp một lượt, nét mặt lộ vẻ chưa an tâm...nói tóm lại tôi xin thưa với các vị khách và toàn thể đồng bào. Hôm nay hợp tác xã Cầu quay làm lễ đón máy cày về giúp đỡ làm vụ chiêm thắng lợi, tôi xin giới thiệu chỉ phó chủ nhiệm lên phát biểu ý kiến.

Lúc anh Trà mới bước lên bắt đầu «kính thưa» bà con còn im lặng được một tí, sau thấy «kính thưa» hàng thôi chưa hết thì ai nấy dậm sột ruột không nín được nữa, họ lại xô đẩy nhau đến sát cái cày máy, bàn tán rầm rả lên như chợ vỡ. Ai nấy đều muốn lách vào sờ cho được cái máy một tí. Phụ nữ kêu oai oái, trẻ em thì cứ luồn như chuột. Anh Trà thấy mất trật tự quá

hội ý với các đồng chí dân quân, anh em giang tay bà con đứng xa rời khỏi máy.

Ban tổ chức chỉ muốn làm sao cho ra « cuộc lễ đón tiếp ». Nhưng trái lại, bà con xã viên lại muốn đón tiếp cây máy với thực lòng mình. Từ ngày thành lập Hợp tác xã, họ đã từng đón tiếp theo nghi lễ cũng nhiều rồi. Hôm nay không ai bảo ai, họ đều không vừa lòng với các thứ nghi lễ thông thường ấy nữa, họ muốn sờ tận tay, nhìn tận mắt « người khách quý » ai cũng thường nói tới bấy nay. Vì vậy, anh em dân quân có giang tay kéo được chỗ này ra, thì chỗ khác lại xô vào.

Chị Hiền đã đứng trước bàn từ lúc nãy, đôi mắt chị nheo nheo lại, nhìn bà con như cùng chung với nỗi lòng bà con.

—...Hôm nay là ngày vui mừng của hợp tác xã chúng ta, tôi đề nghị các đồng chí đừng đuổi bà con như thế, hãy cứ để bà con xem nữa đi, xem cho chán đi. Bao nhiêu lâu nay, chúng ta mơ ước cây máy, nhưng có biết mặt mũi nó thế nào, hôm nay mới được biết.

Ở dưới có tiếng bàn tán : « Lù lù như cái xe tăng của thằng Tây ấy nhỉ ».

—...Không giống xe tăng của thằng Tây đâu, các chị ạ, nó hoàn toàn khác hẳn. Xe tăng của thằng Tây là loài độc ác của bọn cướp của giết người mang về làng ta, nó giẫm nát đường làng, đồng ruộng cả mồ mả ông cha chúng ta. Còn đây là cây máy Đảng đưa về đỡ đần bà con ta làm lụng. Toàn thể nông dân xã viên cả làng chúng ta xin tỏ lòng biết ơn Đảng, biết ơn Cụ Hồ. Chúng tôi xin cảm ơn Tỉnh ủy, cảm ơn các đồng chí công nhân. Bãi soi này bấy lâu nay chúng tôi khai phá chưa hết còn bỏ cả khu cỏ hoang đây kia, nay nhờ các đồng chí về cây giúp cho vụ đầu, từ vụ sau chúng tôi xin tự cây lấy.

Lại có tiếng từ đám đông vọng lên : « Thế chỉ cây bãi thôi à ? ».

—Vụ này các đồng chí cây giúp cho mấy chục mẫu bãi soi. Vụ sau, chúng tôi mong các đồng chí lại về, cây ruộng giúp bà con chúng tôi, những con trâu của chúng tôi phải kéo cây sâu quá, chúng nó kham không nổi rồi. Nhưng mà năm sau có về... A, máy này của nước nào các đồng chí nhỉ?... của Trung quốc ạ. Vâng, năm sau có về, mong các đồng chí mang theo cả máy do các đồng chí đúc ra, và giao hẳn cho chúng tôi. Hợp tác xã chúng tôi đã cử ba anh chị em theo học các đồng chí từ bây giờ, mong các đồng chí hết lòng chỉ bảo.

Dưới lại có tiếng hỏi nhau sẽ sẽ : « Những ai, những ai ? ». Chị Hiền đưa mắt nhìn thẳng vào mấy người đang hỏi đó, họ ngượng nghịu đứng yên không hỏi nữa.

— Một lần nữa chúng tôi xin cảm ơn Đảng, xin hứa quyết đi theo Đảng đến cùng. Vụ chiêm này, chúng tôi xin cố gắng hết sức để đảm bảo thắng lợi. Đề nghị bà con vô tay cảm ơn Tỉnh ủy, hoan nghênh các anh em công nhân, hoan nghênh cây máy !

Hoan hô ô ô... Trẻ con nhảy lên, tung mũ nón lên. Người lớn giơ cả các thứ nông cụ đang cầm ở tay, các cụ già mân mê bộ râu. Chị Hiền bước xuống. Lời phát biểu của chị chốc chốc lại cứ bị ngắt ra như thế, nhưng bà con thấy chị nói những điều như họ nghĩ ai nấy đều nghe tất cả ? Và, tự nhiên những người đang trước ngồi xuống, những người đứng vòng ngoài cũng không lộn xộn nữa.

Đồng chí Tỉnh ủy lên phát biểu ý kiến, rồi đến đồng chí đội trưởng công nhân, mấy đại biểu khác nữa, cuối cùng anh Trà thay mặt cho cả anh Cán và Quyện, ba người được cử theo học máy cây, lên hứa quyết tâm học tập. Anh nói rất dài, những nào xã hội chủ nghĩa,

công nông liên minh, chuyện Liên xô, chuyện Trung quốc, những nào nghề nông cơ giới hóa, quân sự hóa. Bà còn nghe rất thích, toàn những điều hay lẽ phải cả, nhưng nhiều danh từ mới quá, chẳng ai biết đảng nào mà nhớ. Chấm ở dưới nghe ngáy cả người, Tía đứng cạnh phải huých một cái: «Nhìn gì mà nhìn khiếp thế». Vợ Khang cũng ở gần đấy nghe Tía nói vậy quay lại ngoắt nhìn Chấm một cái rất nhanh.

Lúc ban tổ chức tuyên bố bế mạc buổi lễ đón tiếp máy cày, thì cũng vừa trống tan tầm họp tác xã. Ban quản trị còn phổ biến chiều nay nhất thiết các xã viên người nào phải vào việc ấy, để đảm bảo kế hoạch sản xuất, ai muốn xem cày máy chỉ nên tranh thủ buổi trưa buổi tối, vì các đồng chí công nhân sẽ chia làm ba kíp làm liên cả ngày lẫn đêm, suốt hăm bốn tiếng đồng hồ.

Bà con kéo nhau về với những lời bàn tán sôi nổi, chẳng khác gì sau một buổi chiếu phim. Nhưng người ở lại không chịu về cũng không ít. Đó là trẻ con, những người già rồi rã hơn, hoặc những người còn thắc mắc điều gì muốn được giải quyết.

CHÚ THÍCH

1. Vợ lúa chiêm tiếp tục *Cải sản gạch* nên cũng gọi là *Cải sản gạch* tập II. Vợ lúa chiêm kể tiếp chuyện lão Am, các con, và con dâu lão: Chấm, Trọng, chị Hiền cùng tập thể nông dân xã viên hợp tác xã Cầu quay phần đầu sản xuất giành vụ chiêm thắng lợi. Vì trận bão lốc, nên vụ chiêm không bội thu, song cũng không thất bát quá nhiều. Điều đó khẳng định sự thắng lợi của phong trào hợp tác hóa. Vụ chiêm không bội thu, nhưng lão Am vẫn xây được sân gạch, cái mà lão suốt đời mơ ước, thế mà trước đây đã không thực hiện được, kể cả những năm được mùa.

2. Đoạn trích trên đây kể lại việc hợp tác xã Cầu quay được Tỉnh cho mượn máy cày về cày bãi soi để giành vụ chiêm thắng lợi. Nó ghi một biểu hiện mới của sinh hoạt nông thôn Việt nam trên con đường hợp tác hóa.

HÒN ĐẤT

ANH ĐỨC

Hòn Đất, cuốn tiểu thuyết của nhà văn Anh Đức, giải thưởng văn nghệ miền Nam Nguyễn Đình Chiểu năm 1960 — 1965 kể lại cuộc chiến đấu và chiến thắng của quân dân vùng *Hòn Đất*. «*Tại Hòn Đất trên một ngàn quân địch với những phương tiện đầy đủ đã bỏ cuộc sau ngót mười ngày đụng với mười một người của ta, trong đó có hai em bé 7 tuổi và 13 tuổi, ba phụ nữ...*

Với tiểu thuyết *Hòn Đất*, Anh Đức đã thành công ở chỗ chứng minh thế nào là sức mạnh thực sự của những người có lý tưởng, sôi sục căm thù, giàu nhiệt tình chiến đấu không hề khiếp sợ trước một lũ đầu trâu mặt ngựa đông về số lượng, dồi dào về bom đạn, nhưng lại thiếu một cái cực kỳ quan trọng là tinh thần » (Trần Bạch Đằng. *Mấy lời giới thiệu Hòn Đất*, Nhà xuất bản Văn học năm 1968).

Với tiểu thuyết *Hòn Đất*, Anh Đức cũng đã thành công trong việc phản ánh cuộc tiến công địch bằng ba mũi giáp công: đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và binh vận của đồng bào miền Nam.

Cũng ở tiểu thuyết *Hòn Đất*, Anh Đức đã phản ánh những quan hệ tình cảm và cách giải quyết đúng đắn những quan hệ tình cảm đó của nhân dân miền Nam trong những năm đấu tranh chống giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

Hòn Đất, bài ca sôi nổi tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược và bẻ lũ tay sai.

Dám đánh và đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bẻ lũ tay sai, quân dân miền Nam Việt nam, trong những

năm sáu mươi của thế kỷ, mỗi người, mỗi xóm ấp, mỗi ngọn núi, dòng sông, đều có những sự tích anh hùng. Anh Đức đã kể lại trong *Hòn Đất* một sự tích có ý nghĩa điển hình. Và qua sự tích có ý nghĩa điển hình đó, bình ảnh một tập thể quân dân anh hùng chiến đấu và chiến thắng hiện lên thật rực rỡ. Cũng như dưới ngòi bút hiện thực của nhà văn, bình ảnh bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai dã man và chiến bại hiện lên thật thảm hại. Qua việc khắc họa hai tuyến nhân vật đối lập triệt để như lửa với nước, như bóng tối với ánh sáng, tác giả đã biểu dương, đã ca ngợi một tập thể quân dân vững như thành đồng lũy thép, sáng ngời tinh thần quyết chiến quyết thắng với ba mũi giáp công đã đánh và đánh thắng bọn địch có số lượng quân đội và vũ khí nhiều hơn mình gấp bội. Tinh thần quyết chiến quyết thắng ấy là vũ khí vô địch của họ trong cuộc chiến tranh cứu nước vĩ đại. Những người lãnh đạo như anh Hai Thép, anh Tâm Chấn, nghe tin địch cần là chủ động sắp đặt kế hoạch đánh địch. Và đội du kích sau khi đánh địch ở ngoài xóm rút lui vào hang dù địch giở nhiều thủ đoạn như bỏ thuốc độc vào nước suối, tiến quân xung phong vào cửa hang, ném lựu đạn, un khói, lấp hang và đốt thuốc nổ cho sập cửa hang vẫn ung dung, tỉnh táo đánh lại địch những đòn địch đáng. Bà con ở ngoài xóm đã chủ động tấn công địch về mặt chính trị, biểu tình ban đêm, đòi chúng bồi thường khi chúng chặt tre, và vận động binh lính địch tham gia biểu tình, đào ngũ. Trước sức tiến công của đội du kích và của bà con, chính miệng thằng thiếu tá Sảng đã phải thốt ra: «Đ. mẹ, đánh giặc kiểu này thì Ngô tổng thống đánh cũng phải thua nữa chớ đừng nói gì tôi. Đánh phía trước động rần rần ở phía sau thì thắng mẹ gì được. Hồi mới xuống tôi đã nói là phải giữ kỷ chừng cho dân chúng họ đẩy lên, rút cuộc cũng không giữ nổi...».

Miêu tả cuộc tiến công địch và chiến thắng chúng, với vài nét phác họa thời, nhà văn Anh Đức đã để lại trong bạn đọc những hình ảnh khá đậm về nhân dân ta anh hùng, nhất là hình ảnh những người phụ nữ. Bà mẹ Sáu trong một cuộc đấu tranh chính trị, khi thằng Xăm chĩa súng vào ngực vẫn tiến lên và cùng với bà Cà Xơi bắt thằng Xăm phải ghếch mũi súng lên trời. Cà My đã đi đầu trong những người mang cơm và thức ăn tiếp tế cho những người trong hang. Chị Sứ dù bị địch bắt, đã dùng mi-crô của địch để nói những lời tâm huyết với đồng chí và lần sau chị đã đập đổ mi-crô của chúng. Những người du kích và cả những em bé cũng hiện lên trong *Hòn Đất* sao mà đáng yêu, đáng kính. Chú Ba Rèn với khẩu súng ngựa trời ngay từ đầu trận đánh đã xung phong đi cản hậu và giết được mấy thằng địch. Thằng Út cũng tìm cách lấy được lựu đạn của địch. Chị Ba Ú và cả ông Tư Đòn cũng đã chủ động tích cực tham gia đánh địch rất tốt với vũ khí của mình là lời nói, tiếng hát và sợi tơ đàn. Tất cả quân dân *Hòn Đất* đều chủ động tiến công địch và sáng ngời tinh thần quyết chiến, quyết thắng.

Vì đâu họ lại có tinh thần ấy? Trước hết, đó là những con người có lý tưởng và lý tưởng cụ thể trước mắt họ là giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Họ yêu nước, yêu bà con làng xóm và căm thù giặc sâu sắc.

Đối lập với họ là một lũ đầu trâu mặt ngựa rất nhiều súng, đạn, nhiều thuốc nổ, nhưng lại thiếu tinh thần và rất dã man. Từ bọn Mỹ, đến tên thiếu tá Sảng rồi thằng Xăm và bè lũ bọn chúng là những con người thú đã từng bắn chết và bỏ xuống biển những người lính bị thương, khoét thủng đít để cho những người bị chúng hành hạ chạy và lòi ruột ra. Nhưng chúng đã thất bại thảm hại: bị chết, bị thương và rút lui không kèn không trống.

Hòn Đất, bài ca đạt dào những tình cảm trong sáng, lành mạnh.

Hòn Đất rất giàu chất trữ tình. Hòn Đất đã ngợi ca tình bạn, tình yêu, tình vợ chồng, tình mẹ con, tình đồng chí, tình yêu đất nước, yêu Bác Hồ đậm đà và sâu nặng. Qua Hòn Đất, đời sống tâm hồn của quân dân miền Nam mới đẹp làm sao. Và đẹp hơn hết vẫn là tâm hồn người phụ nữ Việt nam mà tiêu biểu là Sứ. Sứ yêu chồng, yêu con, yêu em, yêu mẹ, yêu bà con làng xóm. Chị thủy chung với chồng, chờ chồng dù trong bảy năm trời thư từ bị thất lạc. Hãy nghe chị tâm sự với hình ảnh chồng trong tâm tưởng lúc chị bị địch trói bên bờ suối : « Được rồi, em sẽ làm theo lời anh, anh ơi ! Bây giờ em vững tâm lắm rồi... Chắc lần này em không gặp anh nữa. Vậy khi trở về anh cũng đừng buồn. Em thương cho anh lắm, vì em biết bảy năm qua anh vẫn nhớ tới mẹ con em. Em biết ngày trở về, không có em chắc anh sẽ buồn nhiều... » và những lời chị nói với mẹ Sáu, với em Quyên, với con Thúy, đưa con gái yêu của chị. Cũng trong đêm trăng và bên bờ suối ấy. Người đọc thật khó mà cầm được nước mắt vì thương cảm. Nhưng người đọc cũng thấy mình như được cao lớn hơn trước một tâm hồn trong sáng của một người phụ nữ thủy chung mà anh dũng tuyệt vời. Đây là lời chị tự nhủ : « Bữa nay có lẽ mình chết. Nhưng mình chỉ thấy tiếc chứ không ân hận, mắc cỡ gì cả. Tới phút này đối với Đảng, mình vẫn y nguyên, như chị Minh Khai, như Võ Thị Sáu... nên từ phút này trở đi, mình cũng phải được như vậy ». Chị yêu chồng, yêu con, yêu em, yêu mẹ, yêu bà con làng xóm, nhưng trên hết vẫn là tình yêu nước, yêu lý tưởng. Dưới ánh sáng của lý tưởng, của tình yêu nước, đời sống tình cảm của chị ánh lên như ngọc.

Cũng như chị, bà mẹ Sáu, Quyên và mọi người dân ở đất Hòn đều cả những người như bà Cà Xơi, Cà My sống trong những bi kịch của tình cảm vẫn biết cách giải quyết đúng đắn những mối quan hệ tình cảm dưới ánh sáng của tình cảm đối với cách mạng, đối với lý tưởng nên bao giờ đời sống tâm hồn cũng trong sáng dù hoàn cảnh có éo le.

Hòn Đất, cuốn tiểu thuyết có nhiều thành công về mặt nghệ thuật

Hòn Đất ghi lại nhiều thành công về mặt nghệ thuật viết tiểu thuyết của Anh Đức. Nhà văn đã xây dựng thành công hai tuyến nhân vật đối lập. Với ngòi bút hiện thực giàu chất trữ tình, tác giả đã đi sâu phản ánh đời sống nội tâm của nhân vật. Nhân vật chị Sứ, mẹ Sáu, bà Cà Xơi là những nhân vật phụ nữ được tác giả khắc họa khá thành công : vừa có tính điển hình lại vừa có cá tính, có cái chung của người phụ nữ Việt nam mà lại rất Nam bộ. Và hình ảnh bọn thằng Xăm, thằng Săng và bè lũ chúng hiện lên cũng khá đậm, có những nét giống nhau mà vẫn mỗi đứa một vẻ. Do tác giả biết đặt nhân vật trong hoàn cảnh điển hình, tính cách nhân vật trong Hòn Đất vì thế hiện lên rất rõ rệt.

Ngôn ngữ « Hòn Đất », một ngôn ngữ miền Nam trong sáng giàu chất thơ, nhiều đoạn văn xuôi của tiểu thuyết rung động người đọc thấm thía, sâu xa như những trang thơ nhất là đoạn viết về Sứ lúc bị giặc bắt cho đến lúc bị hy sinh. Gấp cuốn sách lại rồi mà mái tóc đen dày của chị như vẫn còn ngời ngời ánh trắng và thơm mùi hoa bưởi. Trong cuốn tiểu thuyết, về phía ta tuy có người bị địch giết hại, có người bị thương và về mặt tình cảm có người gặp những hoàn cảnh hết sức éo le, nhưng cách kể chuyện, cách tả cảnh, tả người của tác giả lại gieo vào lòng bạn đọc một cảm giác ấm áp, đầy

lạc quan của tình yêu thương và lòng tin tưởng bởi ngòi bút của tác giả biết trân trọng những cái cao đẹp của tình cảm con người gắn liền với cái tươi đẹp của thi n nhiên đất nước.

Hòn Đất ghi thêm một thành công cho văn học yêu nước và cách mạng miền Nam, ghi thêm một thành công cho văn học của cả nước hiện nay.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Chủ đề của Hòn Đất là gì? 2) Ý nghĩa điển hình của Hòn Đất là ở chỗ nào? 3) Nhân vật chị Sứ trong Hòn Đất có những đặc điểm gì? Thành công của Anh Đức trong việc khắc họa nhân vật chị Sứ là ở chỗ nào? 4) Hòn Đất ghi những thành công gì về nghệ thuật viết tiên thuyết của nhà văn Anh Đức? 5) Tại sao lại nói Hòn Đất giàu chất chữ tình?

TÔI LÀ SỨ ĐÂY

Sợi dây dù thắt chặt hai bắp tay trần của chị Sứ vào cây cọc. Cứ mỗi lúc, Sứ có cảm giác sợi dây ấy càng thắt chặt bắp tay mình hơn. Chị quỳ trên đất sỏi, mái tóc ướt đầm sau lưng chị rủ dầy, xoa che kín phủ cả hai gót chân. Đêm bỗng nhợt dần, vì trăng sắp lên. Từ chỗ bị trói, Sứ có thể nhìn ra biển cả. Trước đó một chút thì chị chẳng thấy gì đâu, nhưng bây giờ chị đã nhìn thấy biển trước mặt mình. Chị tự nhủ: «Trăng lên rồi!» và mở to đôi mắt, chị nhìn sóng biển chợt hiện ra, lao xao. Bây giờ, hầu như chị đã quên phắt ngay lưỡi dao của thằng Xăm, quên mình đang bị trói, quên cả tên lính gác đang đi đi lại lại kia. Giờ chị chỉ trông thấy có mỗi mặt biển đang nhấp nhô sáng rộng ra đó, chị chỉ

trông thấy cái ánh biếc ngời như tự trong lòng biển thẳm đang xô dấy trên đầu các ngọn sóng đó.

Vàng trắng mười tám ngói lên, vàng rực. Rồi trắng treo cao lên mãi. Đến lúc màu trắng đọng lại vàng ối, Sứ liền thấy mặt trăng giống hệt trái xoài Hòn chín, không có cuống, treo lơ lửng giữa không trung xanh nhạt.

Đêm nay trời lặng. Sóng biển rì rầm như kể những chuyện không bao giờ hết. Thỉnh thoảng, gió biển từ ngoài khơi lùa qua bờ bãi, thổi vào hơi thở ẩm ẩm mang vị muối. Tấm áo lụa mỏng ngăn tay của Sứ se se khô lại. Tóc chị rối cũng dần dần được gió biển vuốt cho ráo đi. Ánh trăng đổ tràn trên bờ suối, làm nổi rõ bóng Sứ đang quỳ, nổi rõ cây cọc nhú lên quá đầu chị độ một gang tay. Lát sau, tóc Sứ chợt vờn nhẹ. Thế rồi mái tóc ấy bỗng lên, bay xỏa theo chiều gió. Chẳng còn thấy đầu cây cọc kia đâu nữa. Chỉ có ánh tóc tằm ánh trắng của Sứ đang bay lượn. Đêm càng khuya, gió thổi càng nhiều. Sứ không nhìn vàng trắng nữa. Chị ngoảnh về Hòn Đất đen sẫm một vòm, ở sát kề bên chị. Lòng chị rối bời lên vì không biết sự thế trong đó bây giờ ra sao. Có lẽ anh em đồng chí đều bị trúng độc cả rồi cũng nên. Đang khát mà gặp cà-om nước của Năm Nhớ đem về ai lại không uống! Trời ơi, anh em có biết đâu nước trong cà-om có thuốc độc. «Năm Nhớ ơi, chúng nó giết em rồi!» Sứ kêu lên trong lòng, và rùng mình nhớ lại ban nãy chính chị cũng đã định vốc nước đó lên uống. Nhìn xuống dòng suối đang loang loáng chảy xiết, Sứ giật mình sức nhớ lại quang suối nước ban nãy hình như không chảy. Phải rồi, nước ở đó không chảy như ở đây. Chúng nó ngăn lại để bỏ thuốc độc mà! «Anh San ơi, anh ở ngoài đó có thấu không, tụi Mỹ – Diệm nó ác độc thế đó, anh có biết không?»

Trong đêm thâu bàng bạc ánh trăng, chị Sứ gọi chồng mà nói. Chị nói với chồng từ xa, lòng đau đớn không

ngờ mình lại nói ra những lời ấy tại lòng suốt mà tâm năm về trước đã có lần chồng chị đứng dưới khoát nước lên cho chị gội đầu. Rồi chính tay anh ấy cầm lược chải gỡ từng mớ tóc rối cho chị. Tại bên bờ suối này đây, chị đã từng có những phút giây sung sướng. Bây giờ, thì trái ngược hẳn. Bây giờ, sợi dây dù buộc chặt đến đôi từ bắp tay chị trở xuống đã tê đi không còn có cảm giác gì nữa. Lưng chị loi loi thốn đau vì cái báng súng thẳng thiếu úy đánh chị ban nãy. Nhưng bây giờ cái làm chị khổ sở nhất vẫn là nỗi lo đang vò xé lòng chị. Chị lo cho mình thì ít mà lo cho anh em đồng chí trong hang, lo cho em gái và nhất là đứa con bé nhỏ thương yêu của chị.

Suốt đêm, Sứ mở mắt trao tráo. Vầng trăng lên cao đến đỉnh đầu, rồi khuất ra sau lưng chị, mà nỗi lo của chị vẫn không vơi.

Gần sáng, mỗi một, Sứ ngoẹo đầu ngủ thiếp đi, trong lúc dòng suối bên dưới vẫn chảy, reo lên khe khẽ. Và gió biển khơi vẫn lùa vào, thổi bay tóc chị ra phía sau như những làn sóng...

... Màu tím nhạt trên bầu trời biển đã ngả sang màu hồng sen, phơn phớt. Buổi sáng mát rượi mở ra cho Sứ nhìn thấy tất cả những gì đêm qua chị còn chưa thấy rõ. Ban mai như kể tục cái đêm trăng thanh, òa vào lòng chị, an ủi thêm chị bằng những sắc màu của nó. Và chính nó đã cho chị nhìn thấy toàn cảnh Hòn Đất.

Chị Sứ yêu biết bao nhiêu cái chốn này, nơi chị oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt trái sai đã thấm hồng da dẻ chị. Chính tại rẻo đất này, mẹ chị đã hát ru chị ngủ, và đến lúc làm mẹ, chị lại hát ru con những câu hát ngày xưa. Chính tại đây, chị đã giờ nắm tay nhỏ nhắn lên chào lá cờ Đảng, nên từ đó chị càng biết yêu thêm cha mẹ, chồng con, anh em, đồng chí. Chị Sứ

yêu Hòn Đất bằng cái tình yêu bầu như là máu thịt. Chị thương ngôi nhà sàn lâu năm có cái bậc thang nơi mà bất cứ lúc nào đứng đó chị cũng có thể nhìn thấy sóng biển, thấy xóm nhà xen lẫn trong vườn cây, thấy ruộng đồng, thấy núi Ba thê vôi vôi xanh lam cứ mỗi buổi hoàng hôn lại hiện trắng những cánh cò.

Có lẽ chưa lúc nào Sứ yêu Hòn Đất oằn lòng như buổi sáng hôm nay. Lúc quý trước cái chết lại là lúc chị thấy yêu hơn sự sống, yêu hơn mảnh đất chôn nhau mà bình minh giờ đang trải ra một ngày mới.

Ánh nắng lên tới bờ cát, lướt qua những thân tre nghiêng nghiêng, vàng óng. Nắng đã chiếu sáng lòa cửa biển. Và xóm lười cũng ngập trong nắng đỏ.

Sứ nhìn những làn khói bay lên từ các mái nhà chen chúc của bà con làm biển: Sứ còn nhớ thấy rõ những vật lười đan bằng sợi ni-lông óng ánh, phất phơ, bên cạnh những vật lười đen ngăm, trụi trụi.

Nắng sớm đâm chiếu người Sứ. Ánh nắng chiếu vào đôi mắt chị, tắm rợp mái tóc, phủ đầy đôi bờ vai tròn trịa của chị.

Nhưng tất cả những ánh nắng đó bất thần như động dây lên cả một lúc. Một loạt súng nổ ran ở phía hang Hòn, Sứ giật mình ngoảnh lại. Súng nổ mỗi lúc một dữ dội. Chỉ nghe tiếng tiểu liên, tôm-xông bắn ngắt quãng và tiếng súng trường «bầm bầm» nhịp từng phát một. Bọn lính chạy ủa cả ra bờ suối, ngóng về hang Hòn. Mắt Sứ vụt sáng rực. Ban đầu, chị ngỡ là tiếng súng của giặc, nhưng giờ thì chị nhận rõ là tiếng súng của anh em trong hang bắn ra. Chị lắng tai nghe thấy giữa những loạt súng nổ, dậy lên tiếng la chói lói, vang vẳng. Mừng quá, Sứ muốn tung cả dây trời mà nhảy lên vỗ tay hoan hô thỏa mãn. Sứ sung sướng nghĩ: «Vây là anh em còn sống. còn chiến đấu...»

Tiếng súng trong hang đã ngớt.

Tâm linh Sứ bỗng như báo trước một điều gì ghê gớm sắp xảy đến. Chị chuẩn bị tinh thần sẵn sàng chịu đựng. Lời nói của anh San chợt văng lên rất rõ bên tai chị : « Chuyện gì mình có lường tính trước thì tới lúc xảy ra mình vẫn vững tâm hơn ».

Và Sứ bắt đầu thầm nói với chồng :

— Được rồi, em sẽ làm theo lời anh, anh ơi ! Bây giờ, em vững tâm lắm rồi... Chắc lần này em không còn gặp anh nữa. Vậy khi trở về, anh cũng đừng buồn. Em thương cho anh lắm, vì em biết bảy năm qua anh vẫn nhớ tới mẹ con em. Em biết ngày trở về không có em, chắc anh sẽ buồn nhiều. Tha lỗi cho em, nghe anh ! Nhưng nếu còn con Thúy, thì anh hãy coi đó là sự đền đáp của tình em. Anh hãy nhìn con, tức là anh nhìn thấy em rồi... Tới giờ phút này, em cũng chưa biết con ra sao, nhưng em tin là con mình còn sống, vì các đồng chí trong hang đều còn nắm chặt tay súng...

Sứ thầm nói và chị cảm thấy như có chồng đứng bên cạnh mình thực. Rồi chị thủ thủ với mẹ và em gái :

— « Má, bây giờ má đang làm gì ? Má đang dọn vườn hay cho heo ăn ? Ba ngày rồi con không thấy mặt má... E con cũng không còn thấy má được nữa ... Nếu con chết, má nuôi con Thúy cho con, ghen má ! Má hãy coi con Thúy như là con Sứ của má hồi nhỏ. Vậy thì con cũng còn ở với má hoài chờ con không chết ... Em Quyền ơi, em xây dựng với Ngạn là phải đó. Ngạn là một thanh niên tốt, một đảng viên tốt. Chị chắc không dự được đám cưới của em. Nhưng không sao, chị vui và tin rằng đời em sẽ sung sướng. Em ráng công tác, thay chị săn sóc má, săn sóc con Thúy. Em thương con Thúy nhiều nhiều cho chị, nghe em út !... ».

Thở lộ câu này, Sứ cũng có cảm tưởng rằng mẹ và em gái đang nghe mình nói. Nhớ tới con Thúy, chị khẽ

kêu : — « Thúy ơi, con đừng chết, ghen con... » và rồi chị âu yếm với con trong tưởng tượng. Chị ôm ghì lấy đầu con và vuốt ve, hôn hít. Nhưng đều là trong tưởng tượng.

Quả nhiên, Sứ lường tính không sai. Việc chị ngờ đến đã đến.

Giữa lúc chị còn mãi mê âu yếm với đứa con trong trí tưởng thì mấy tên lính chạy từ trong hang Hòn về đến suối, lội gấp qua, chạy thẳng đến trước chị. Một thằng mở phăng sợi dây trói buộc ngang mình chị :

— Đừng dây !

Sứ tỉnh đứng lên, nhưng đứng không được. Quỳ suốt đêm qua tới giờ, chân chị tê hết cả. Tên lính xốc tay chị lôi đi. Hai chân chị bị kéo lê trên sỏi. Xuống tới mé suối chị vùng vằng :

— Buông tôi ra, để tôi đi !

Tên lính buông tay chị.

Sứ co co chân một lúc mới nhón đi được. Chị chậm rãi lội qua. Đến bờ bên kia, một tên lính khoát tay chỉ vào hang Hòn. Rồi nó đi xốc lên trước. Tên lính đi sau nói :

— Nè, chị biết dắt chị đi đâu không ?

— Không.

— Thiếu tá chỉ huy kêu đem chị về trồng dấy. Số mạng chị còn lớn lắm !

Nghe tên lính nói, Sứ nghĩ : « Nó tính làm gì mình ? Chắc có âm mưu gì đây. Được, cứ để coi, làm gì thì làm, tội mày vẫn là tội mày, tao vẫn là tao... »...

.

— A lô ! Nghe đây, nghe đây !...

Tất cả đều nín im. Tiếng loa vọng vào hang ồm ồm :

— Quân đội Việt nam cộng hòa loan báo cho các phần tử Việt cộng trong hang được rõ, cô Nguyễn Thị Sứ là đồng bọn với các người, nay đã lọt vào tay quân

đội và đã quy thuận chánh nghĩa quốc gia. Sau khi đã quy thuận, nay cô Sứ có lời nói chuyện với các người.

Tiếng loa ngừng lại. Máy nói kêu khọt khẹt. Trong hang, mọi người sững sốt ngó ra. Nhưng họ không thấy gì cả. Bọn giặc đặt cuộc nói chuyện ấy ở một nơi mà tầm súng trong hang không thể bắn ra được. Cặp mắt người này nhìn người kia, như hỏi nhau rằng có cái tiếng loa ấy thật không, hay tai mình nghe lầm. Không ai tin ở tai mình nữa. Nhưng sự thực là ai cũng nghe thấy. Không thể có sự ngộ nhận về tiếng loa ấy được. Lúc đó, Quyên mới vốc một vốc gạo rang định đưa cho Ngạn là người cô phân phối sau cùng, thì chợt nghe tiếng loa. Tay cô lẩy bầy buông xòa vốc gạo đổ xuống lòng bàn tay Ngạn. Mặt cô tái hẳn lại. Cô đứng im, mắt mở to đầy vẻ kinh hoàng, môi dưới cử cô giựt giựt luôn mấy cái, tưởng chừng như cô sắp òa lên khóc. Nhưng không, cô cắn chặt lấy môi dưới đang giựt giựt đó, hai bàn tay từ từ nắm lại, và vẫn đứng im. Cô lặng người đi mà đợi một sự việc ghê gớm xảy đến. Chưa bao giờ Ngạn thấy Quyên như thế. Chưa bao giờ anh trông thấy mặt Quyên hoảng sợ run rẩy đến tội nghiệp như thế. Bất giác Ngạn nhớ đến sự hiền lành của Quyên trước kia đối với anh, và anh tưởng như thấy lại được phần nào cái dáng dấp vật vã đau đớn của Quyên dạo nọ.

Anh Hai Thép cau mày nhìn ra cửa hang. Anh cũng không nhìn thấy gì. Anh nghĩ : « Rõ ràng là Sứ bị cưỡng ép, nhưng lẽ nào Sứ lại nghe theo sự cưỡng ép của tụi nó. Không, không bao giờ Sứ lại như thế... Nhưng biết đâu được... Cô ta còn trẻ, còn con nhỏ, còn mẹ, còn nhiều cái ràng buộc với sự sống. Nếu cô ta nghe theo tụi nó mà nói những lời phản bội thì thật hết sức tai hại. Chắc chắn sẽ ảnh hưởng không tốt tới cuộc chiến đấu đang giữa lúc gay go. Nhất là

Sứ, người mà ai cũng thương, cũng quý. Lời nói của một người như Sứ giữa lúc này rất hệ trọng... ».

Tiếng khọt khẹt phát ra từ cái mi-crô kia đã dứt. Giọng nói ồm ồm của tên giặc giờ lại hăm hờ sủa vào máy :

— Các người trong hang chú ý, chú ý ! Đây, tiếng nói của chị Nguyễn Thị Sứ...

Mọi người trong hang đều nhìn ra. Đây cũng là những phút giây chờ đợi căng thẳng, thử thách. Nhưng mọi người không phải đợi lâu. Ngoài kia đã vọng vào tiếng nói hết sức quen thuộc, ai cũng nhận ra ngay là tiếng nói của Sứ :

— Thưa các đồng chí, tôi là Sứ đây...

Tiếp đó, bỗng chị vụt nói rất nhanh :

— Các đồng chí đừng tin, tụi nó nói dối, tôi không bao giờ đầu hàng. Các đồng chí ơi, đừng uống nước sôi, đừng bỏ súng. Trong đó còn mạnh giỏi hết không, con tôi còn sống không? Nếu còn thì bắn một phát súng cho tôi mừng!

Mấy lời cuối cùng chị Sứ nói sao mà vội vã, sao mà dồn dập, khẩn thiết! Tiếng chị như gào lên trong máy cấp bách, dữ dội.

Mọi người trong miệng hang đều ngẩn mặt, đứng hết cả dậy. Trên những khuôn mặt ấy bỗng chảy ròng nước mắt. Anh Ba Rền nhảy phắt ra giữa hang. Anh xạc chân đưa khẩu ga-răng lên vai, bắn chĩa ra ngoài luôn bà phát « bầm, bầm, bầm »...

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Phân tích tâm trạng của nhân vật chị Sứ trong những giờ phút thử thách này (trong đêm khuya thanh vắng, trước âm mưu xảo quyệt của địch)? Tình cảm của chị Sứ ở đây đã có những nét gì cao quý đẹp đẽ?

2. Nhận xét về nghệ thuật tả tình và tả cảnh của tác giả trong đoạn văn trích này? Đoạn tả cảnh này có tác dụng gì đối với nội dung ý nghĩa của đoạn văn không?

MỸ NGUYỄN GIẾT NGƯỜI

... Tại cái trường học mà ngay từ hôm đầu tiên bọn chúng đã vứt tất cả bàn ghế ra sân, tên thiếu tá đứng trước một cảnh tượng khủng khiếp. Trên những tấm vải bạt xám trải đất, bọn lính bị thương nằm chật hết không còn một chỗ trống. Những thân hình xám xịt, hơi hám buộc đầy bông băng cứ ngoay tay chân, quờ qua quờ lại. Trên vải bạt vương đầy những miếng bông dãn máu khô sẫm và những lớp vải băng tuột ra lòng thông, giầy máu, giầy đất trông rất bẩn. Bọn lính bị thương chửi rủa luôn miệng và rên rỉ đủ kiểu khác nhau tùy theo thương tích của từng tên. Chúng rên hừ hừ như trẻ con khóc. Chúng chắc lưỡi hoặc rít dài. Có tên thở hộc hộc và có những tên từ cuống họng chột phát ra tiếng ồ ồ như người nằm mơ gặp mộng dữ, muốn rú lên mà không rú được.

Tại đây chỉ còn lại bọn lính bị thương nặng. Bọn bị thương nhẹ có hy vọng tiếp tục cầm súng đã được chở đi hồi trưa hôm qua, cùng chuyển trực thăng đồ xuống lấy xác tên Mỹ.

Tên thiếu tá chau mày trước những hình hài lẫn lộn, đang rên rỉ và chửi rủa. Mấy tên nằm ở góc ngoài chẳng biết có thấy thiếu tá của chúng đang đứng đấy hay không, mà chúng cứ lôi tên thiếu tá ra chửi. Nghe chửi một lúc, tên thiếu tá nóng mặt hất hàm bảo bọn lính :

— Tụi bây biểu nó cầm miệng đi, không thôi tao xô cho một băng đạn bây giờ !

Một tên lính chạy sấn vào nạt lớn :

— Im đi, làm gì mà cứ rống lên vậy. Thiếu tá bắn chết mẹ hết bây giờ !

— Đ. mẹ, thiếu tá, thiếu tá đâu ? Thiếu tá đâu ?

Mấy tên lính càng chửi dữ rồi chồm tới phía cửa, muốn chụp chân tên lính vừa nói. Tên lính hoảng sợ rút chân, lui lại. Bọn bị thương gào lên như xé họng. Chúng bỏ nhoài ra phía cửa hông ngôi trường, chửi xối xả vào mặt tên thiếu tá, bảo rằng chính hắn đã bắt chúng đi chết bỏ vợ bỏ con. Tên thiếu tá đứng yên cúi nhìn mấy tên lính bị thương đang chồm về phía mình. Hắn thét :

— Câm, tao biểu câm miệng !

Nhưng bọn này cũng không ngớt lời nguyền rủa. Chúng còn hăm, nếu chúng mà chết, chúng sẽ bắt hồn tên thiếu tá đi theo.

Một bàn tay dài ngoẵng của tên lính đã vói lên tới mũi giầy da đen cao cổ bắm đầy bụi của tên thiếu tá. Tên thiếu tá nháy mắt bảo tên lính mang tôm-xông đứng gác tại cửa :

— Bắn nó cho tao !

Tên lính kéo khẩu tôm-xông ra khỏi vai. Nhưng rồi tên lính ấy cứ đứng trơ ra, miệng há hốc, ngón tay đặt nơi cò súng cứ run lẩy bẩy. Nó không bắn được. Tên thiếu tá không đợi nữa. Hắn thò tay mở bao súng, rút khẩu « côn 12 » chĩa xuống cái đầu băng bó đỏ lôm dười chân mình bắn « đẹt » ngay một phát. Người lính bị thương chúi đầu xuống, hai bàn tay đang ôm lấy ống giầy tên thiếu tá từ từ buông rơi ra.

Sau khi giết chết tên lính, tên thiếu tá quay mũi súng sang tên lính cầm tiểu liên tôm-xông, nghiêng hàm răng vàng lóa :

— Ê, sao biểu bắn mày không bắn mày ?

Tên lính không đáp. Nhưng khẩu tôm-xông trong tay tên lính tự nhiên cũng chĩa vào người tên thiếu tá. Hai họng súng đều run run. Tên thiếu tá bỗng tái mặt. Hắn

thấy đôi mắt tên lính bấy giờ đỏ ngầu, và bàn tay trái của tên lính nắm chặt lấy băng đạn tôm-xông còn đầy ắp. lát sau, tay súng ngắn tên thiếu tá từ từ hạ xuống. Hắn vừa đưa mắt nhìn tên lính, vừa cho súng vào bao. Tên lính thì vẫn chĩa họng súng vào người hắn. Đến mấy giây sau, tên lính mới chúc mũi súng, khoắc mạnh vào vai.

Rời cái trường học cứ vắng vắng tiếng rên la, tên thiếu tá nghĩ : « Mình phải giết thằng này mới được. Nếu không, nó sẽ bắn mình ».

Tên lính cũng mấy lần liếc nhìn tên thiếu tá : « Thế nào nó cũng trả thù. Có dịp là mình phải bắn hạ nó trước ! ».

Trên đường đi, hai tên cùng một lúc đoán đúng bụng dạ và ý định của nhau.

Tới gần bốn giờ chiều, một chuyến máy bay trực thăng của giặc đến Hòn Đất. Giữa tiếng sóng biển, động cơ trực thăng vẫn vọng rõ, nghe hừ hừ, ở bên trên tiếng sóng. Đến lúc người Hòn Đất nghe tiếng động cơ ầm ầm thì ngược mắt lên, họ đã trông thấy tất cả có sáu chiếc từ phía biển bay vào. Gồm có bốn chiếc trực thăng hai động cơ mà bấy giờ bà con đã quen gọi là « sâu róm » và hai chiếc loại một động cơ được gọi là « cán gáo ». Cái hình thù của những chiếc trực thăng này nom rất quái đản. Nó gieo cho bà con nông dân thuần phác cái ấn tượng về sự bất lương, vừa thô bạo lại vừa rất dối ma mị.

Trên vòm trời xanh ngắt ngất, những hình thù đó hiện ra ngo ngoay lúi tới, đe dọa mọi người. Khi chúng bay qua khỏi bờ biển trào sóng, lập tức cả sáu chiếc đều sà xuống thấp. Những cái chong chóng to lớn ở gần đầu và gần đuôi chúng quay tít, kêu lạch cạch, tưởng chừng như chúng sắp sủi đổ xuống đến nơi. Nhưng không, chúng vẫn đang bay. Có điều là chúng bay thấp, nên

vườn lá liền chuyển động. Những tàu lá dừa gấp phải trận gió cuộn lốc, lúc oằn xuống, lúc cong vút lên. Vườn vú sữa, vườn măng cụt, vườn li-ki-ma bỗng rào rào, vật vã. Tất cả mọi chiếc lá còn đâm ánh mặt trời bị thổi riết, bay lật ngược ra sau thân cành.

Đàn trực thăng nặng nề sà qua những vườn quả đỏ, nơi màu xanh mượt mượt của cây lá tiếp giáp với màu xanh sẫm của biển chiều. Những con quái vật này rít rống, rền rĩ bay qua trên đầu những trái măng cụt nâu râm, trái vú sữa tím ửng, trái măng cầu ta xanh phơn phớt và như có rắc phấn. Chúng bay qua Hòn Đất nín lặng, bấy giờ ở miệng hang còn lơ lửng vài làn khói rơm yếu ớt, mong manh như những sợi chỉ.

Đàn trực thăng bay qua khỏi Hòn Đất một đôi vòng trở lại ruộng trồng. Lần này đầu máy bay trực thăng nhúi xuống. Tiếng động cơ nổ ầm ầm, vang rền. Trông chúng giống như những con cá lóc bơi vội, mà những chong chóng trên thì lại giống như những cái vây cá đang quạt. Cửa hông sáu chiếc máy bay đều đã mở hoác và bắc sẵn thang. Mấy tên Mỹ lộ đầu ra các cửa sổ ấy, ngó xuống. Tên Mỹ nào cũng đeo kính đen lớn, mặt đỏ gay.

Sáu chiếc trực thăng lần lượt hạ xuống mặt ruộng. Những gốc rạ liền vật vã, cơ hồ như sắp bị nhổ bật cả gốc lên.

Khi những chong chóng trực thăng lạch bạch quay chậm lại thì bọn lính trong vườn chạy ủa ra. Hai tên Mỹ từ trên máy bay bước xuống thang, đi về phía chúng. Hai tên Mỹ xi xỏ nói gì, rồi có mấy tên lính chạy trở vào ven vườn. Bọn lính còn lại đi đến chỗ các máy bay đậu, leo lên thang. Chúng khua trong máy bay ra rất nhiều bao xi-măng, một số thùng sắt sơn xám, và cuối cùng là một cái chân máy chiếu bóng cùng những cái loa lớn...

...Chúng hè bụi khiêng vác đồ đạc vô vườn. Bọn này đi vô tới vườn thì gặp số linh bị thương cũng được vồng ra tới. Tất cả có đến ngót năm mươi tên, mình mẩy băng bó, dựa nằm cong mình như con tôm, dựa nằm ngoẹo đầu trên mặt vồng. Những chiếc vồng ấy đi tới đâu là đem theo mùi hôi thối và tiếng rên la tới đó. Trên mặt ruộng ngả chiều, bọn linh khiêng vồng đi xồng xộc. Vồng bố cứ oạt òa oạt oeo dựa đầy thân hình các tên linh đang oằn oại kia không chút thương xót. Trong bọn linh càng vồng có những tên ngòm ngòm cặp một trái mãng cầu ta hoặc một trái vú sữa mà chúng nhặt được trong vườn. Mặt các tên linh đó coi hăm ăn, hau háu. Trông chúng mới thản nhiên làm sao, trông chúng vẫn như thường. Dấn thân vào con đường đi đánh giặc mườn, tình đồng loại trong chúng đã chai đi.

Nhưng dù thế, chúng cũng còn ra sức khiêng vác bọn bị thương. Chỉ có bọn Mỹ mới thực là lạnh nhạt. Phần lớn chúng đều ngồi trên máy bay đã đậu im. Chỉ có hai tên xuống lúc này, giờ đứng trên khoảng đồng, miệng ngậm điếu thuốc dài non gang tay, phì phèo. Cả hai đều đứng xoạc chân, một tay khoanh nơi ngực, một tay thỉnh thoảng lại giật phất điếu thuốc ra khỏi mép.

Khi những chiếc vồng oạt oeo tiến tới, chúng khẽ nhắc cặp kính đen đeo mắt xuống để nhìn. Rồi cả hai tên như cùng một lúc đứng nánh ra, đưa bàn tay phẩy ngang mũi. Từng chiếc vồng một cứ thế nặng nề đi qua, cùng với tiếng rên và mùi hôi thối. Ở một vài chiếc vồng thấy nhều xuống những giọt gì, không rõ là máu hay là mủ, hay là nước rỉ vàng. Hai tên Mỹ ngoảnh mặt chỗ khác, rit thuốc, khạc nhổ lia lịa xuống ruộng.

Đám linh khiêng vồng lần lượt đi qua. Những tên đi đầu sau khi trút bọn bị thương lên sàn máy bay, giờ đã quành lại. Chúng kéo lê bết đôi chân giày của chúng và lôi xệch những chiếc vồng không trên ruộng ra.

Sáu chiếc trực thăng bắt đầu nổ máy trở lại. Đầu tiên động cơ gầm gù làm cho máy bay như rung mình nhất loạt. Sau đó, chúng mới gầm lớn hơn, lớn hơn nữa. Những cái chong chóng gỗ ép nẩy giờ rũ cụp xuống, nẩy lại đứng lên, từ từ quay. Chong chóng quay nhanh dần, nhanh dần rồi sau cùng chỉ thấy vun vút, loang loáng và phát ra tiếng ù ù, lách bạch.

Lúc máy bay sắp cất cánh, tên thiếu tá ra tới. Hắn bắt tay hai tên Mỹ đứng dưới ruộng, nói chuyện với chúng. Trong câu chuyện, đôi khi hắn cau mày. Mặt hai tên Mỹ thì cứ khinh khỉnh. Thăng trung úy Mỹ vừa nói bằng cái giọng như nghẹt mũi vừa hút thuốc, hút hết điếu này hắn lại mỗi điếu khác. Về sau một tên Mỹ trên máy bay thò tay ra cửa sổ ngoắc và la:

— Quick, quick! (1)

Hai tên Mỹ quay lưng chạy về phía máy bay. Tên thiếu tá chạy theo đến bên chiếc máy bay « cán gáo » mà hai tên Mỹ vừa leo lên. Tên trung úy Mỹ thò đầu ra, vẫy tay chào hắn. Hắn đứng khựng, mái tóc chải ộp sùng lên, cứng còng trước cơn gió cuộn của các cánh quạt trực thăng. Sau cùng hắn giơ cả hai cánh tay ra, nói lớn:

— If you please, if you please (2).

Tên trung úy nhếch miệng cười, gật gật đầu. Hắn khoát tay ra ý bảo tên thiếu tá lùi ra. Tên thiếu tá vội đi giật lùi.

Máy bay bắt đầu nổ máy mạnh hơn. Cặp thứ nhất bốc thân mình khỏi mặt đất. Chúng bay lên từng cặp một.

Tên thiếu tá giờ như đứng giữa trận đông khô. Đồng ra dưới chân hắn chấp chới muốn bứt gốc bay lên hết cả. Lúc những bụi rạ ấy đứng yên lại như cũ thì lạ

(1) Mau lên, mau lên!

(2) Thôi thì tùy các ngài, tùy các ngài.

thay, có những bụi không cất lên được nữa. Màu rá mới trước vàng tươi, nay chợt xám ngoét.

Không phải chỉ có chỗ trực thăng hạ, cũng không phải những bụi rá này bị sức gió thô bạo của những cái chong chóng trực thăng kia xô bẹp. Đây là do những mùi-máu hôi thối từ các vũng nhều xuống ban nãy, cộng thêm ánh nắng hắc của ngày tàn, nên mấy bụi rá đó mới sinh thối lây, rủ nhẹp xuống. Tên thiếu tá theo các lối mòn rá rủ đó mà đi vô vườn, trong lúc sáu chiếc trực thăng một lần nữa âm ỉ chờ những tên lính hấp hối sà ngang vườn cây Hòn Đất, bay ra biển.

Tên trung úy ngồi ló đầu ra cửa sổ máy bay. Sau làn kính râm màu xám nhạt, hắn nhìn thấy sóng biển chạy trườn vào bờ, rồi sóng ấy sủi trào, giạt trở lại. Hắn còn nhìn bãi cát dọn lên lặn tẩn, dấu vết của nước triều cùng ngày tháng. Và kia, những cọc nỏ nhô khỏi mặt biển không ngớt bị sóng vỗ vả. Một cái nhà trai cất trên những cột gỗ phơi đầy lưới, chung quanh bông bành vài chiếc ghe và xuồng.

Trại nỏ với hàng rào cách khoảng ấy gọi tên trung úy nhớ tới những cái tháp đèn và những phù tiêu trên một cửa biển nào đó mà hắn đã có dịp đi qua. Đây là ranh giới cuối cùng đã đặt cái hòn xanh thắm rất đối xa lạ kia ở lại sau lưng hắn.

Những chiếc trực thăng bay tới với tốc độ mau hơn. Giữa tầng không, bấy giờ chợt hiện ra mấy cụm mây khói đen trĩu nước và biển bên dưới hình như đã bắt đầu sôi sục. Sóng biển trong nháy mắt chuyển từ màu xanh mênh mông trở thành màu chì xám xịt.

Tên thiếu úy rút đầu vào, hạ tấm cửa kính dày xuống, lằm bằm :

— Trời xấu rồi !

— Có lẽ sắp mưa. Tên thượng sĩ ngồi bên nói.

Tên thượng sĩ nói xong đứng bật dậy khỏi ghế da, ghé mắt dòm xuống mặt biển chao sóng, miệng thì thảo, run run:

— Thừa trung úy, chúng ta ra tay đi thôi!

— Còn gần bờ lắm!

Tên trung úy đáp và đưa tay lên xem đồng hồ. Hắn bảo :

— Năm phút nữa.

Cánh tay đeo đồng hồ của tên trung úy đặt lên tấm kính cửa sổ, rờ rờ. Mấy ngón tay múp míp mọc đầy những sợi lông vàng xoắn của hắn lướt trên mặt kính, ngo ngoay, bồn chồn.

Từ khi bốc lên khỏi mặt đất, thân máy bay rung chuyển không ngớt. Những người lính bị thương nặng nằm trên sàn máy bay càng thêm vật vữa. Tiếng rền rĩ của họ bị động cơ âm ỉ lấn át đi không còn nghe thấy nữa.

Thân máy bay rung chuyển bắt máu từ các vết thương họ chảy ộc ra. Trường hợp chấn thương này mới ghê gớm hơn cả mọi trường hợp chấn thương khác. Nó không va xóc mạnh, nó chỉ đánh động từ từ, với nhịp độ đều đều mà không dứt. Nó là sức máy, vì vậy nó lâu bền một cách độc ác. Máu của từng người lính bị xóc cho chạy ra, lúc đầu còn rỉ rỉ, về sau cứ tuôn ồng ộc. Sàn máy bay làm bằng chất nhựa đỏ râm mặt sần bây giờ ướt sũng máu. Và máu đó tìm chỗ chảy. Qua các đường hở nơi bậc thang, máu nhều giọt, hòa vào cơn mưa đã bắt đầu giăng kín bầu trời, bay xiên xuống mặt biển trắng mịn như sương, như khói.

Tên trung úy Mỹ đứng dậy bỏ chân bước ngang mình bốn lính bị thương nằm nơi sàn. Hắn rẽ ngoặt vào buồng đặt máy vô tuyến điện thoại. Lát sau hắn trở ra, bước vụt qua mình các tên lính. Hắn bảo tên thượng sĩ:

— Bắt đầu đi!

Tên thượng sĩ cởi áo, rón gót giày bước tới sát vách máy bay. Hắn rún chân nắm chặt lấy một cái vòng sắt coi giống như cái « vô-lăng » xe có quần dây dây cáp, thò ra nơi vách. Tên thượng sĩ đưa mắt liếc nhìn bọn lính nằm dưới sàn nhựa lần nữa, rồi nghiêng răng xoay mạnh cái vòng sắt. Dây cáp tuồn tuột tháo ra. Lớp sàn bỗng nhiên trượt hẳn xuống, trống hoác một lỗ vuông vức độ hai thước cạnh. Bầy tám tên lính bị thương vụt chuôi người theo khoảng sàn nhựa vừa hé ra đó, bay hắt đi. Còn vài tên không nằm đúng trên khoảng sàn, lập tức bị tên trung úy Mỹ co giày đạp hất xuống. Có tên chỉ kịp kêu « trời ơi ! » rồi lộn thối xuống ngay. Tên sau rốt, lộn cả người xuống rồi, nhưng hai tay vớ kịp, cố bám rít lấy thành sàn. Thằng trung úy co giày định hất đôi tay ấy ra. Nhưng không biết nghĩ sao, hẳn lại khom lưng cúi nhìn bàn tay người lính đang cố bấu víu lấy mép sàn. Đôi bàn tay của người lính lóng cồng, các đốt ngón tay rã rời buông dần, buông dần từng phần sàn nhựa. Cuối cùng không cưỡng nổi sức gió bên dưới, mấy ngón tay đo buông hẳn.

Đám lính đầu bị thương nặng mấy, lúc rớt xuống biển họ cũng chợt tỉnh lại. Vì nước biển chiều mưa âm ỉm đã lay dậy sức sống cuối cùng trong ngót năm mươi cái cơ thể dờn đau. Chính làn nước biển đã giúp họ hiểu ra những cái phút giây khốn đốn nhất của đời họ. Khi biết rằng đây là cái chết thật sự, những con người đó bơi lội giẫy giụa một cách tuyệt vọng trong sóng. Máu hòa vào với nước biển. Và nước biển mặn lại xát vào các vết thương trên người họ. Không mấy chốc họ đều đuối sức. Những lớp sóng màu chì lần lượt nhận họ chìm xuống. Những người cổ vùng vẫy nhất rốt cuộc cũng bị sóng đánh gục. Tất thấy bốn mươi sáu người lính bị thương đều chìm ngấm xuống mặt biển chiều hôm đang găm gào, xám xịt mưa giông.

NỘI GIỎ

(Kịch hai hồi năm cảnh của Đào Hồng Cầm)

NHÂN VẬT

Chị Vân	Vợ anh Hoài.
Má Năm	Mẹ anh Hoài.
Anh Hoài	Cán bộ kháng chiến cũ.
Bà Quế, Bà Tư	Hàng xóm
Mai	Con gái bà Tư.
Đồng chí Bảy	Cán bộ Mặt trận dân tộc giải phóng.
Phương	Em ruột chị Vân, sĩ quan "quân đội quốc gia miền Nam".
Đuyn-lơ	Đại úy trong quân đội xâm lược Mỹ.
Thất Linh	Trưởng ban tổ cộng, sau là đại úy, trưởng phòng chiến tranh tâm lý.
Bác sĩ Trọng	
Chị Thúy	Y sĩ.
Sáu, Chung	Lính "quốc gia miền Nam".
Tịch	Hạ sĩ.
Hương chính 1	
Hương chính 2	
Một số binh lính.	

Kịch xảy ra tại một vùng thuộc Nam bộ vào khoảng giữa năm 1957, thời kỳ địch đã trấn áp xong các lực lượng giáo phái đối lập. Ở vùng này đã xảy ra nhiều cuộc mít-tinh, biểu tình đòi hiệp thương tổng tuyển cử và địch đang ráo riết khủng bố trắng.

HỒI MỘT

TÓM TẮT CẢNH I

Đêm khuya, trời oi bức, thỉnh thoảng những tia chớp lóe lên. Mây đen phủ đầy trời. Trong nhà, chị Vân đang ngồi khâu tã lót chuẩn bị cho đứa con sắp ra đời. Ngoài đường bọn bảo an đi tuần đèn pin lấp loáng, một vết sáng lọt qua khe cửa. Vân giật mình... Một lát sau có tiếng gõ cửa.

Anh Hoài về báo cho chị Vân biết là đã tìm ra địa chỉ của Phương (em ruột chị Vân) mà mười năm nay biệt tin tức. Giữa lúc hai vợ chồng đang chuyện trò vui vẻ và chị Vân đang đau đẻ thì Thất Linh, một tên địa chủ, một tên Việt gian trong thời giặc Pháp còn chiếm đóng ở đây, nay là trưởng ban tổ cộng bước vào. Hắn lợi dụng hoàn cảnh khó khăn bắt ép anh Hoài ký vào « bản tổ cộng và tình nguyện trở về với quốc gia ». Anh Hoài nhất định không chịu ký. Hoài bị xích tay và đưa đi không kịp chạy tìm bà đỡ cho vợ... Bên ngoài gió rít mỗi lúc một mạnh.

Nửa tháng sau chị Vân, má Năm đang sống trong cảnh lo âu thì Phương từ Sài gòn về thăm. Gặp nhau, chị em mừng mừng tủi tủi nhắc lại những kỷ niệm cũ : Ba má họ mất từ lúc hai chị em còn nhỏ tuổi. Họ lần hồi nuôi nhau. Về sau chị phải gửi em nhờ người bà con. Không ngờ Tây nó can bắt cả hai bác cháu về Sài gòn. Thế là từ đó chị bắt tin em... Mười năm xa cách chị em gặp nhau biết bao quyến luyến. Thế nhưng khi biết tin anh Hoài là cộng sản, anh Hoài bị bắt, Phương sợ liên lụy vội vã bỏ đi và khuyên chị thu xếp về Sài gòn. Còn chị Vân khi biết em mình vừa mới tốt nghiệp ở trường sĩ quan Đà lat ra thì lấy hết tình nghĩa chị em khuyên can.

Nỗi đau khổ vì đưa em đã đi làm đường cùng đến một lúc với tin chồng chị bị xử tử xé nát tim gan chị. Giữa lúc đó Thất Linh lại đến bắt chị Vân và đưa con mới sinh vào trại tập trung.

HỒI HAI

TÓM TẮT CẢNH II

Giữa năm 1962. Tại ngã ba đường, cạnh một gốc cây to gần khu vực sân bay, Phương đang vẽ sơ đồ. Sáu đứng gác gần đấy.

Trung úy Phương đang vẽ sơ đồ. Sáu ca ngồi Phương đã có công trạng lớn đã vào sinh ra tử có lần cứu thoát một ngài cố vấn Mỹ. Phương cau mặt quay đi. Thoáng có bóng người xuất hiện. Sáu vội đi lung bắt. Chung vào trao cho Phương một bức thư. Phương đọc đi đọc lại thư và đau khổ vì Lê Thủy đã bỏ anh. Phương lấy gương ra soi thấy vết sẹo xấu xí trên mặt, anh giận giữ đập tan cái gương xuống mặt đường. Hai anh lính thắc mắc về hành động của Phương và mĩa mai Phương phải vác cái sẹo trên mặt. Chung báo với Phương : bóng người xuất hiện lúc này là người đàn bà điên. Có tiếng ô-tô. Phái đoàn thanh tra gồm đại úy Duyn-lơ, trưởng đoàn thanh tra phái bộ Mỹ, và Thất Linh, đại úy, trưởng phòng chiến tranh tâm lý đến kiểm tra kế hoạch bảo vệ khu vực đặc biệt dành riêng cho phái bộ Mỹ. Ba người trao đổi công việc. Phương có vẻ gượng gạo khi tiếp chuyện Duyn-lơ. Duyn-lơ chú ý đến những mảnh gương vỡ trên mặt đường, Duyn-lơ và Thất Linh nhận xét Phương. Hạ sĩ Tịch đi mô-tô đến báo có người lạ mặt đến khu vực cấm, Thất Linh ra lệnh bắt.

Chị Vân xuất hiện và nói những lời điên dại. Phương bàng hoàng khi nghe chị Vân gọi đến tên mình. Chị Vân biết mình quá xúc động nên lại nói những lời điên dại. Em Mai đến tìm chị Vân. Phương hỏi thăm lai lịch người đàn bà điên. Tên Tịch đến bắt chị Vân. Phương sai lính cản lại.

TÓM TẮT CẢNH III

*Tại nhà chị Vân trong «ấp chiến lược».
Má Năm bôn chồn hết đứng lại ngồi...*

Bà Tư vào hỏi thăm tin tức chị em Vân, Mai. Hương chính vào bắt má Năm khai lại bản lai lịch để chuẩn bị «tổ cộng». Má Năm, bà Tư lo lắng sợ bị lộ. Phương đến nhà má Năm dò xét tình hình thực hư. Chú Bảy, thầy thuốc chữa bệnh điên cho chị Vân đến nhà má Năm. Phương hỏi chú Bảy cách chữa bệnh điên. Lệnh của Thất Linh đòi Phương về. Chị Vân về và trao đổi tình hình dịch với đồng chí Bảy (đồng chí Bảy giả đóng vai thầy thuốc). Đồng chí Bảy báo tin, tổ chức quyết định đưa mẹ con chị Vân ra vùng giải phóng. Đồng chí Bảy vừa đi khỏi, Thất Linh, hương chính, Tịch xông vào. Thất Linh nhận ra chị Vân, hân cưỡi nham hiểm.

TÓM TẮT CẢNH IV

*Trong đồn dịch, tại phòng làm việc của
Thất Linh.*

Thất Linh đang trao đổi tình hình với Duyn-lơ qua dầy nói. Phương bước vào. Thất Linh hỏi nhân x t của Phương về con mụ điên. Tịch bắt má Năm vào cho

Thất Linh hỏi cung trước mặt chị Vân. Má Năm kiên quyết không khai. Phương can ngăn Thất Linh. Tịch lôi má Năm đi tra tấn. Vân chửi vào mặt Thất Linh và vụt bỏ chạy... Phương lo lắng cho số phận của má Năm, chị Vân, nhưng không để lộ. Đồng chí Bảy bước vào đột ngột để trình diện. Đồng chí Bảy đã dùng lời lẽ khôn ngoan trả lời các câu hỏi của Thất Linh. Bác sĩ Trọng và y sĩ Thúy theo lệnh đến khám bệnh cho chị Vân để xác định điên thật hay giả. Bác sĩ khám và biết Vân giả điên. Chị Vân nói rõ sự thực với bác sĩ. Y sĩ Thúy cảm phục tình thần dũng cảm của chị Vân. Bác sĩ tri hoãn việc chẩn đoán bệnh. Bác sĩ và Thúy vừa ra thì Duyn-lơ vào. Hắn nói cho Thất Linh biết chính hắn đã trực tiếp đốt cả mười đầu ngón tay chị Vân nhưng chị đã có một bản lĩnh phi thường. Cả hai tên này nghi ngờ Phương và tên Mỹ nói rõ sự thực về vết sẹo trên mặt Phương. Vết sẹo đó là do hắn đã bắn Phương trong một trận đánh khi Phương không nghe lệnh hắn. Hắn âm mưu nhân dịp này giết Phương để trừ hậu họa. Phương bị Thất Linh lắng nghe khi Phương đề nghị thả chị Vân. Tên Duyn-lơ lại còn ra lệnh cho Thất Linh để đồng chí Bảy tiếp tục đến chữa bệnh cho Vân hồng giảng mẽ lưỡi bắt hàng loạt, giết sạch.

Sau đây là đoạn cuối của cảnh năm.

..

VÂN — Anh Sáu.

SÁU (chạy ra cửa) — Ai?

VÂN — Tôi gọi anh.

SÁU — Ai thế nhỉ?

VÂN — Tôi đây... tôi gọi anh... đừng sợ...

SÁU — Trời!

VÂN—Chớ kêu ầm lên! Tôi chỉ có một mình, tay không.

Anh còn có cả súng kia mà!

SÁU—(vội vã quay súng lên đạn) Giờ tay lên!

VÂN—Tôi có làm gì đâu.

SÁU—Điên!

VÂN—Điên mà tôi biết nói chuyện với anh như thế này à?... Anh cứ bình tĩnh...

SÁU—(hạ súng) Đứng rồi! Việt cộng rồi!

VÂN—Tôi biết thâm tâm các anh không muốn cầm súng bắn lại bà con ruột thịt mình... Tôi muốn nhờ anh một việc... Anh cố giúp tôi.

SÁU—Việc gì?

VÂN—Tôi cần gặp trung úy Phương... Anh đừng lo. Tôi không trốn đâu. Mà trốn làm sao được! Chung quanh hết vọng gác này đến vọng gác khác, lại còn mấy lần hàng rào dây thép gai nữa. Nếu anh không tin thì đây anh cứ tạm trú tôi lại... Có cần không?... Không à...

SÁU—Dạ.

VÂN—Cảm ơn anh. Thôi, anh đi đi (Sáu đi... một lát sau, tên lính 4 xuất hiện).

LÍNH 4—Chị Vân... Chị Vân... chị theo em mau! Không thoát được đêm nay thì ngày mai họ sẽ giết chị... Trung úy đã biết trước cả rồi... Kia, chị Vân, chị không tin em ư?... Có lệnh của trung úy Phương... Mau lên chị... Mau lên không lộ hết bây giờ! (Phương tới, anh dừng lại trước cửa). Trung úy đã ra lệnh cho em là phải đưa ngay chị ra thoát khỏi nơi này... Em là người thân tin của trung úy... Chị đừng ngại...

PHƯƠNG (rút súng) — Giờ tay lên! (lính 4 giết mình với giờ tay).

LÍNH 4 — Dạ thưa ngài...

PHƯƠNG — Mà đang làm gì thế?

LÍNH 4 — Dạ...

PHƯƠNG — Muốn ăn đạn hả?

LÍNH 4 — Dạ. Thưa ngài, con là nhân viên của phòng chiến tranh tâm lý!

PHƯƠNG — Tao biết, nhưng ai đã ra lệnh cho mày?
(lên đạn) Nói!

LÍNH 4 (sợ hãi) — Dạ... dạ... thưa trung úy... ngài... ngài cố vấn đã... đã ra lệnh cho con.

PHƯƠNG — Ngài cố vấn à?

LÍNH 4 — Dạ...

PHƯƠNG — Có thật không? (Thất Linh vào)

THẤT LINH — Có chuyện gì thế?

LÍNH 4 — Dạ thưa ngài...

THẤT LINH — Kia, sao mày lại ở đây? Cút!

PHƯƠNG — Không được, nó là một tên phạm pháp!

THẤT LINH — Sao?

PHƯƠNG — Ai cho phép nó lấy danh nghĩa tôi để cứu người đàn bà này?

THẤT LINH — Có thật không?

PHƯƠNG — Chính tôi đã bắt được quả tang.

THẤT LINH — Ai đã ra lệnh cho mày?

LÍNH 4 — Dạ... thưa ngài...

THẤT LINH — Ai?

LÍNH 4 (đáp ứng) — Dạ... Không... không có ai ra lệnh cho con cả...

PHƯƠNG — Tao phải cho mày ăn đạn.

LÍNH 4 — Dạ... dạ... con xin ngài...

PHƯƠNG — Mà vừa nói gì?

THẤT LINH — Nói gì ?

LÍNH 4 — Dạ... dạ...

THẤT LINH (quát) — Bức (tên một vụ thừa lúc Phương sơ hở vọt bỏ chạy).

PHƯƠNG — Dừng lại ! (Phương định đuổi theo, nhưng Thất Linh đã giữ lại).

THẤT LINH — Không cần thiết, tôi sẽ xét xử việc này.

PHƯƠNG — Có phải chính ngài đã ra lệnh cho nhân viên của ngài làm như thế không ?

THẤT LINH — Sao ?

PHƯƠNG — Tôi phải đưa việc này ra tòa án binh !

THẤT LINH — Tòa án binh à ? Nhưng rất tiếc đây không phải là lệnh của tôi, mà đây chính là lệnh của ông Dulle, cha đỡ đầu của trung úy !

PHƯƠNG (bàng hoàng) — Ông Dulle !

THẤT LINH — Không có gì đáng ngạc nhiên cả, nhất là đối với ngài ! Hơn nữa, chắc trung úy cũng thừa hiểu rằng mọi việc có quan hệ đến sinh mệnh của chúng ta đều do người Mỹ quyết định !

PHƯƠNG — Vâng, tôi hiểu.

THẤT LINH — Tôi biết trung úy cũng đã hiểu cả rồi. Người đàn bà này là vợ một tên cán bộ đỏ đã bị tử hình ! Mụ ta đã từng bị bắt vào trại tập trung, và lợi dụng việc con mụ mắc bệnh chết, mụ đã giả điên, giả dại để được tha về. Từ đó đến nay mụ đã ngang nhiên hoạt động chống lại chế độ cộng hòa ! (Hắn quay ra gọi) Tịch !

TỊCH (vào) — Dạ.

THẤT LINH — Dẫn mụ ta đi !

PHƯƠNG — Đi đâu ?

THẤT LINH — Trung úy chưa hiểu là đi đâu à ? (hắn dẫn giọng) Đi !

PHƯƠNG — Không.

THẤT LINH — Sao ?

PHƯƠNG — Không có một bằng chứng nào có thể buộc tội người ta như thế được !

THẤT LINH — Trung úy cứ yên tâm. Đi !

VÂN — Chúng mày lại muốn chôn sống tao như đã từng chôn sống chồng tao có phải không ?

THẤT LINH — À ! Tao tưởng đến lúc chết mày vẫn còn điên ! Thì ra bà vẫn còn sợ chết ?

VÂN — Chính chúng mày mới đáng run sợ trước cái chết !

THẤT LINH — Được ! Nói đi ! Cứ nói ! Tao cho phép tha hồ nói ! Mày tưởng tao sợ chết à ? Không.

VÂN — Dù có cố tình nhắm mắt lại, chúng mày cũng đã phải thừa nhận rằng hàng chục triệu đồng bào của tao đã vùng dậy. Tao có bị giết thì rồi bão táp cách mạng cũng sẽ quét cô chúng mày xuống !

THẤT LINH — Ha ha ha ! Thế nào trung úy Phương, không còn một bằng chứng nào hùng hồn hơn nữa ? Bây giờ thì rõ ràng đây không phải là một người đàn bà yếu đuối, một linh hồn đã bị tê dại vì những đau thương tang tóc trên đường đời ! Có đúng thế không ạ ? Kìa sao trung úy lại hoảng hốt như vậy ? Hay là vì quan hệ ruột rà, vì tình nghĩa chị em mà trung úy đã cố tình che chở cho tên cộng sản lợi hại này ?

VÂN — Không, không phải, em tao là một thanh niên có lý tưởng, tiền bạc không thể mua chuộc, hư danh không thể mờ ám lương tâm.

THẤT LINH — Gớm chưa ! Lời lẽ của một kẻ điên !

VÂN — Em tao biết trọng danh dự, biết quý nhân cách làm người, không lẽ nào nó lại chịu cúi mình làm

nô lệ! Không lẽ nào nó lại không biết ai là những kẻ đã mượn chiêu bài chống cộng mưu toan chia cắt đất nước, bán rẻ Tổ quốc mình!

THẤT LINH—Câm ngay!

VÂN—Không lẽ nào nó lại phải thừa nhận kẻ đã bắn vào bà con ruột thịt của nó, đã bắn vào chính bản thân nó là ân nhân. Không lẽ nào mỗi lần soi gương, em tao lại không nhìn thấy vết nhục mất nước đã hằn vết trên mặt mình!

THẤT LINH—Tao cấm mày không được nói nữa!

VÂN—Mắt em tao sáng, không lẽ nào nó lại không nhìn thấy kẻ đang tô son trát phấn cho nó chính là kẻ đã từng bắn vào nó, hiện đang âm mưu tìm cách giết nó, mà kẻ thực hiện âm mưu đó chính là mày!

THẤT LINH—Đưa đi ngay (Tịch văn động trơ ra) Lệnh!
(Bỗng một tiếng nổ rung trời).

VÂN—Kia, bọn xâm lược Mỹ đã phải đền tội rồi! (Tiếng bên ngoài: «Việt cộng đánh vào khu phải bộ Mỹ! Chạy rồi! Chạy rồi!») (Thất Linh hoảng hốt định chạy ra, nhưng Phương đã rút súng bắn hằn ngã gục).

PHƯƠNG—Chị...

VÂN—Em...

PHƯƠNG—Chị đã soi sáng đường cho em... Em sẵn sàng đợi lệnh chị.

(Lúa đỏ rực, trên nền trời cờ của Mặt trận xuất hiện và bài ca «Giải phóng miền Nam» nổi lên hùng tráng).

MÀN HẠ

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Đọc vở kịch và tìm hiểu xem tác giả đã phản ánh được tình thần đấu tranh của đồng bào ta ở miền Nam như thế nào?

Kịch tính của vở kịch này là ở chỗ nào? Tác giả đã thành công trong việc phát triển mâu thuẫn và giải quyết vấn đề ở đây như thế nào?

2. Tìm hiểu xuất xứ và vị trí của đoạn trích trên đây. Tính cách của các nhân vật đã được bộc lộ trong cảnh này như thế nào? Thái độ và lời lẽ của nhân vật Vân ở đây đã có tác dụng phân hóa hàng ngũ đối phương như thế nào?

3. Chú ý đến: cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả trong đoạn kịch này (chọn lọc, ngắn gọn và thích hợp với tâm lý nhân vật như thế nào?).

NGƯỜI ĐI TÌM HÌNH CỦA NƯỚC

Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác
Khi bờ bãi dần lui làng xóm khuất
Bốn phía nhìn không bóng một hàng tre.

Đêm xa nước đầu tiên, ai ngủ ngủ
Sóng vỗ dưới thân tàu đâu phải sóng quê hương
Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở
Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương.

Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp
Giấc mơ con đè nát cuộc đời con²
Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp
Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn

Trăm cơn mơ không chống nổi một đêm dài
Ta lại mặc cho mưa tuôn và gió thổi
Lòng ta thành con rối
Cho cuộc đời giắt dây

Quanh hồ Gươm không ai bàn chuyện vua Lê
Lòng ta đã thành rêu phong chuyện cũ
Hiều sao hết những tấm lòng lãnh tụ
Tìm đường đi cho dân tộc theo đi.

Có nhớ chăng hồi gió rét thành Ba-lê
Một viên gạch hồng³ Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân-đôn, người có nhớ
Giot mồ hôi⁴ Người nhỏ giữa đêm khuya.

Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi
Những đất tự do, những trời nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm đi.

Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa.

Ngày mai dân ta sẽ sống sao đây?
Sông Hồng chảy về đâu? và lịch sử?
Bao giờ dải Trường sơn bừng giấc ngủ
Cánh tay thần Phù Đổng sẽ vươn mây?

Rồi cờ sẽ ra sao? Tiếng hát sẽ ra sao?
Nụ cười sẽ ra sao?

Ôi độc lập

Xanh biết mấy là trời xanh Tổ quốc
Khi tự do về chói ở trên đầu.

Kìa mặt trời Nga bừng chói ở phương Đông
Cây cay đắng đã ra mùa quả ngọt
Người cay đắng đã chia phần hạnh phúc,
Sao vàng bay theo liềm búa công nông.

Luận Cương đến Bác Hồ⁵. Và Người đã khóc.
Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lê-nin
Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp
Tưởng bên ngoài, đất nước đợi mong tin.

Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc
« Cơm áo là đây! Hạnh phúc đây rồi! »
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười.

Bác thấy :

dân ta bưng bát cơm mồ hôi nước mắt
Ruộng theo trâu về lại với người cày
Mỏ thiếc, hầm than, rừng vàng, bể bạc
Không còn người bỏ xác bên đường ray.

Giặc nước đuổi xong rồi. Trời xanh thành tiếng hát
Điện theo trăng vào phòng ngủ công nhân
Những kẻ quê mùa đã thành trí thức
Tăm tối cần lao nay hóa những ánh hùng,

Nước Việt nam nghìn năm Đinh Lý Trần Lê
Thành nước Việt nhân dân trong mát suối
Mái rạ nghìn năm hồng thay sắc ngói.
Những đời thường cũng có bóng hoa che.

Ôi! Đường đến với Lê-nin là đường về Tổ quốc...
Tuyết Mát-xơ-va sáng ấy lạnh trăm lần :
Trong tuyết trắng như đọng nhiều nước mắt
Lê-nin mất rồi⁶. Nhưng Bác chẳng dừng chân

Luận cương của Lê-nin theo Người về quê Việt
Biên giới còn xa. Nhưng Bác thấy đã đến rồi
Kìa, bóng Bác đang hôn lên hòn đất⁷
Lắng nghe trong màu hồng, hình đất nước phôi thai.

CHẾ LAN VIÊN

CHÚ THÍCH

Hình của nước: hình ảnh mới cho Tổ quốc, hình thức mới cho sự sống, hình thái mới cho chính quyền mai sau... 2) Con: đây là bé nhỏ. 3) Viên gạch hồng: vì trời rét, Bác đốt nóng viên gạch rồi bọc vào giấy để sưởi. 4) Giọt mồ hôi: ở nước Anh, Bác có làm nghề cào tuyết. Nghề này làm rất vất vả, mặc dầu trời lạnh mà mồ hôi vẫn ra. 5) Luận cương đến Bác Hồ: theo lời Bác, đọc Luận cương cách mạng vô sản của Lê-nin, Bác cảm động quá khóc và reo lên: « Cơm áo và hạnh phúc của dân tộc đây rồi! ». 6) Lê-nin mất rồi: ngày 21 tháng 1 năm 1924, Lê-nin mất, đạo đông Mát-xcơ-va rất lạnh, có ngày rét đến 42 độ dưới không. 7) Hôn lên hôn đất: có người kể lại năm 1940, sau nhiều năm ở nước ngoài, khi trở về nước, tới biên giới, Bác hôn lên hôn đất của Tổ quốc.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm hiểu tư tưởng chủ đề và bố cục của bài thơ.
2. Trong phần đầu tác giả đem đối lập hai cảnh (cảnh Bác ra đi và cảnh một số người sống yên phận thủ thường lúc bấy giờ) với dụng ý gì? Em có suy nghĩ gì khi đọc phần này?
3. Phân tích tâm trạng của Bác những ngày bên ba ở hải ngoại mà tác giả đã ghi lại trong bài thơ này (Những nỗi băn khoăn lo lắng không nguôi đến vận mệnh sống còn của dân tộc, của đất nước. Những nỗi niềm sung sướng khi tìm thấy ánh sáng của Cách mạng qua luận cương của Lê-nin...).
4. Nhận xét về nghệ thuật của bài thơ trong việc lựa chọn những chi tiết điển hình, trong cách sử dụng cấu trúc của câu thơ v.v...

BÁC ƠI

Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...
Chiều nay con chạy về thăm Bác
Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!

Con lại lần theo lối sỏi quen
Đến bên thang gác, đứng nhìn lên
Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?
Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn

Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội
Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười

Trái bưởi kia vàng ngọt với ai
Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài!
Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm
Quanh mặt hồ in mây trắng bay...

Ôi, phải chi lòng được thành thơ
Năm canh hốt nạng nỗi thương đời
Bác ơi, tìm Bác mệnh mông thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người.

Bác chẳng buồn đâu, Bác chỉ đau
Nỗi đau dân nước, nỗi năm châu
Chỉ lo muôn mối như lông mẹ
Cho hôm nay và cho mai sau...

Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già.

Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà
 Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha
 Bác nghe từng bước trên tiền tuyến
 Lắng mỗi tin mừng, tiếng súng xa.

Bác vui như ánh buổi bình minh
 Vui mỗi mầm non, trái chín cành
 Vui tiếng ca chung hòa bốn biển
 Nâng niu tất cả, chỉ quên mình.

Bác dễ tình thương cho chúng con
 Một đời thanh bạch, chẳng vàng son
 Mong manh áo vải, hồn muôn trượng
 Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.

Ôi Bác Hồ ơi, những xế chiều
 Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu!
 Ra đi, Bác dặn: «Còn non nước...»
 Nghĩa nặng, lòng không dám khóc nhiều.

Bác đã lên đường, theo tổ tiên
 Mác - Lê-nin, thế giới Người Hiền
 Ánh hào quang đỏ thêm sông núi
 Dắt chúng con cùng nhau tiến lên!

Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn
 Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn
 Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi
 Vững như muôn ngọn dải Trường sơn.

6-9
 TÔ HỮU

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Bài thơ này có thể chia làm mấy phần? Nói rõ nội dung từng phần.

2. Tình cảm của tác giả trong 4 khổ thơ đầu là gì? Những hình ảnh nào và những hình thức diễn đạt nào giúp tác giả diễn đạt những tình cảm ấy một cách thành công? Phân tích vai trò của cảnh vật trong việc diễn đạt những tình cảm ấy.

3. Hình ảnh cao quý và thiêng liêng của Bác hiện lên trong 6 khổ thơ của đoạn giữa như thế nào? Nỗi đau cũng như niềm vui và tình yêu thương cùng đạo đức giản dị cao cả của Bác được diễn đạt bằng những hình ảnh nào? Phân tích từ *ôm* trong câu *ôm cả non sông mọi kiếp người*, từ *mòn* trong câu *hơn tượng đồng phơi những lối mòn* và ý nghĩa khái quát của hình ảnh thơ *chỉ lo muôn mối như lòng mẹ*, *vui mỗi mầm non trái chín cành*, và *nâng niu tất cả chỉ quên mình*.

4. Giải thích ý nghĩa mấy câu thơ trong đoạn cuối: — *nghĩa nặng, lòng không dám khóc nhiều* và *yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn*.

ĐỌC THÊM VỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

BỐN NĂM SAU

NGUYỄN HUY TƯỚNG

TIỂU SỬ

Nguyễn Huy Tưởng sinh ngày 6 tháng 5 năm 1912, trong một gia đình nho học, ở làng Dục tú, huyện Đông anh (nay thuộc ngoại thành Hà Nội). Ông là một trong những người đầu tiên tham gia Hội Văn hóa cứu quốc (năm 1941). Trước Cách mạng tháng

Tám, ông chuyên viết về truyện ngắn và kịch lịch sử. Trong kháng chiến, ông tham gia nhiều chiến dịch và viết ký sự, kịch, truyện ngắn.

Ông mất ngày 25 tháng 7 năm 1960 ở Hà Nội.

Tác phẩm chính của ông có: *Vũ Như Tô* (Kịch lịch sử, đăng ở tạp chí Tri tân, 1941), *Bắc sơn* (Kịch — 1946). *Những người ở lại* (Kịch — 1948), *Ký sự Cao Lạng* (1950), *Bốn năm sau* (tiểu thuyết — 1959), *Sống mãi với Thủ đô* (tiểu thuyết — 1960).

∴

Bốn năm sau kể chuyện Doan, một chiến sĩ quân đội, một đảng viên cộng sản cùng với đơn vị trở lại Điện biên phủ, bốn năm sau khi hòa bình được lập lại, để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên mảnh đất lịch sử chằng chịt những vết thương chiến tranh. Các chiến sĩ quân đội ta đã phát huy truyền thống anh dũng trong kháng chiến xây dựng nông trường, gỡ mìn, lấp hào, cấy lúa, trồng cam, trồng rau, làm sân bay...

Thông qua việc miêu tả quá trình lao động sản xuất trên đây, tác giả cho ta thấy mối tình thân thiết giữa Doan với một gia đình đồng bào ở địa phương (bà Diêu, cô Ngân) và mối tình bạn đằm thắm giữa Doan và Cường. Trong chiến dịch Điện biên phủ, Doan đã cứu Ngân thoát khỏi tay giặc. Bây giờ gặp lại, bà Diêu muốn gả Ngân cho Doan mong đền đáp lại người đã cứu sống đứa con gái một của mình. Nhưng Doan đã có vợ ở miền xuôi và mặc dầu Đào (vợ Doan) đã theo trai và đẻ con hoang, Doan vẫn chủ trương xây dựng lại với Đào. Doan chỉ coi Ngân như một em nuôi và làm mối Ngân cho Cường. Không may, sau một buổi đi gỡ mìn về, Cường bị mìn nổ làm cụt chân, phải rời Điện biên phủ. Cường khuyên Doan lấy Ngân...

Bốn năm sau là một tác phẩm hấp dẫn và lạnh mạnh, khắc sâu vào lòng ta một số hình tượng đẹp về người chiến sĩ quân đội trong hòa bình.

TRÊN SÂN BAY

Ở sân bay, tim Cường đập mỗi lúc một mạnh, hòa nhịp với tiếng động cơ mỗi lúc một gần. Được vào sân bay chỉ có ít người. Ngoài các thủ trưởng đơn vị, các cán bộ, các nhân viên quân y, và một số chiến sĩ thi đua, còn có vị đại biểu châu, và bà chủ tịch người Mèo về dự hội nghị châu, và là người đã vận động nhân dân giúp thóc giống cho nông trường. Mọi người đều chạy ra khỏi cái lều gianh dựng tạm bên cái chòi chỉ huy. Cường cũng chống cặp nạng tập tễnh theo ra. Vừa ra khỏi lều thì máy bay đã lại vút đi. Mọi người đang giơ tay che bụi. Một cán bộ cục hàng không, mặc quần áo xanh công nhân, đỡ Cường đi và nói:

— Hôm nay là nhờ có các đồng chí đây.

Cường ứa nước mắt. Từ khi bị thương, Cường dễ bị xúc động. Cường khẽ hỏi, vẻ lo lắng:

— Báo cáo, sao nó lại không xuống?

— Rồi nó xuống. Nó xuống chứ. Đồng chí cứ vào nghỉ. Tội gì ra nắng.

Đã mấy lần, máy bay lao tới, nhưng rồi lại loạng choạng bay lên, như trợn trợn cái sân bay mới làm trên những bãi mìn. Cái sân bay nằm dài rộng bát ngát trước mặt Cường, to bằng mấy cái sân vận động bên đồi A1. Nền đất đỏ phẳng lì, đầm đi đầm lại hàng tháng nay rồi. Mặt nền rải những phen sắt lộ chỗ những mắt tròn, bắt vào nhau đều tăm tắp, trông như một tấm da báo dày căng thẳng bọc lấy cái nền. Trên nền kẻ những vạch trắng ngang dọc như bùa. Từ đầu sân bay và ở chính giữa, chạy dài theo chiều dọc, một vệt trắng lớn. Mắt mọi người bị thu hút vào cái vệt này. Bánh máy bay phải đặt vào đúng đấy. Bốn bề chung quanh sân bay là những bãi gianh đã cắt trông như những cánh đồng rộng phẳng chỉ còn trơ gốc rạ, mà những xác xe tăng

là những gò, những đồng châu vào cái sân bay. Ngoài nữa, vẫn là rừng gianh bao la. Mùa khô, cỏ gianh và lau lách đã bắt đầu vàng úa và tàn lụi, trông đỡ âm u. Lấp ló trong các bụi gianh, bụi lau đặng cuối sân bay xa xa, những người bạn công binh của Cường vẫn đang tiếp tục lao xẽng gờ mìn. Họ chỉ bé như những đứa trẻ đang chơi nghịch. Nhưng từng động tác quen thuộc thì Cường đều nhận thấy. Chắc bọn nó đang cười đùa với nhau, và cũng đang hồi hộp như Cường. Cường thêm được tới đây tiếp tục làm việc và chuyện trò với anh em. Lúc này, Cường được lãnh lặn thì vui biết mấy! Cường muốn tung tăng chạy trên cái nền giát sắt, muốn chạy vòng quanh cái bãi phẳng phiu. Cường vốn là một chân chạy và đá bóng giỏi của đơn vị. Chao ơi, được tha hồ bay nhảy trên cái bãi mênh mông vuông vắn này, mà mấy tháng trước đây, Cường chỉ được nhích từng bước một! Cường chống nạng tựa vào một cái bánh xe lăn cao lều lều, gần đài chỉ huy. Cường đã thấy mới. Cường chưa quen chống nạng. Gió ấm thả sức lùa trên cái sân bay mới tinh. Những tấm phên sắt phản chiếu ánh sáng mặt trời lấp ló như mặt nước. Không còn dấu vết của một lối đi chân rết mà bọn Cường đã mở ra để vào đây gờ mìn. Con hào giao thông cắt ngang sân bay hồi chiến dịch cũng đã được lấp lại. Tất cả đều sạch sẽ như lau như li. Nhưng Cường vẫn nhận ra được cái chỗ ác nghiệt mà mình đã cắt lìa nửa bàn chân trái của Cường. Nửa bàn chân ấy đã lặn vào cỏ và đất, trong cái bãi phẳng ở ngoài rìa nền đất đỏ, vào khoảng giữa cái sân bay chạy dài tới xa xa tit tấp. Ngay chính cái chỗ ấy, bây giờ người ta tập trung những cái đầm bằng vỏ đại bác, và mấy đồng phên sắt mới thu về chưa dùng đến. Cường đứng ngay ra nhìn cái sân bay rộng thênh thang.

im lìm, đang chờ máy bay xuống thử. Cái sân bay mà Cường đã góp phần xương máu, hôm nay Cường được đến xem, và ngày mai Cường đã phải xa rồi!

Tiếng động cơ vẫn làm náo động sân bay. Mọi người vẫn ngửa mặt lên trời. Mấy cán bộ pháo binh chạy đi chạy lại, cái ống nhòm không rời mắt. Đỉnh chòi chỉ huy, lá cờ vẫn phấp phật, căng lên như cánh bướm. Một cán bộ hàng không đứng trên chòi, nói trong máy không lúc nào ngắt tiếng, những tiếng chuyên môn mà Cường không hiểu, những độ gió, độ mây. Nhưng Cường có cảm tưởng rằng những người ngồi trên cái máy bay sáng lóng lánh lượn xa xa cũng đang nói tới đây. Ông quân y sĩ đã cưa chân cho Cường ngồi một mình trong lều hí hoáy viết thư, chắc là viết thư cho vợ mới để đưa con gái đầu lòng. Máy bay xuống thử rồi lại trở về Hà nội ngay, chỉ chiều nay là vợ ông ấy nhận được thư rồi. Đời bây giờ cứ như con chim. Mấy đồng chí đứng gác ở ngoài sân bay mãi nhìn lên trời, quên khuấy mất nhiệm vụ lúc nào không biết. Những đứa trẻ chăn trâu người Thái nhảy ùa ùa vào sân bay không ai ngăn cản nổi. Một đứa nghiêm nhiên giơ cái xâu cá của nó chỉ lên trời. Nhiều đồng chí nhiếp ảnh của đơn vị chạy tìm chỗ đứng chụp cái giây phút đầu tiên máy bay đổ xuống. Chân đi đất, bụng chân quăn xà cạp trắng, bà chủ tịch Mèo đứng nhìn trời nhìn đất. Một cán bộ đến giải thích cho bà, miệng nói tay ra hiệu. Bà gật đầu cười, chỉ trỏ lung tung, ừ ừ luôn miệng. Một *com-măng-ca*¹ xồng xộc chạy vào, lượn trên cái bãi rộng rìa sân bay. Hai chị nhân viên *căng-tin*² nhảy xuống, khiêng một hòm bia, chắc là để thiết phi công. Tất cả mọi người đều tíu tít, chẳng ai biết đến cái nắng là gì. Cường cũng chống nạng bước đi mấy bước. Mắt Cường bỗng gặp mắt ông chính ủy. Xem ý thì chính ủy lo lắng chứ không được vui như mọi người.

Bỗng tất cả im bất. Người nào đứng nguyên chỗ nấy. Máy bay đã xuống thấp lắm. Nó như sắp va vào cái dải liệt sĩ trắng trắng chỉ nhỏ bằng cái cốc. Nó nghiêng cánh như chào đời A1. Tiếng reo của người cán bộ hàng không: Xuống đây. Xuống đây. Máy bay im tiếng lao xuống, lao xuống, như con chim dờ cánh, cái cánh quạt xoay tít, bốc hơi. Hai cái cánh dài như chiếm hết cả bề ngang sân bay. Bóng máy bay bay vun vút, rợp những bụi gianh đầu sân bay. Tiếng máy nói trên chòi chỉ huy như kêu, như giục, hối hả, mỗi lúc một gấp gấp. Máy bay đã bay ngang trước mặt Cường, đầu chúc xuống, hai cánh căng ra, quạt gió mát lạnh như trời sắp đổ cơn mưa. Những đám bụi bốc lên xoáy như lốc. Những cánh tay trong cửa sổ máy bay đã chia ra vẩy vẩy. Chẳng khác ngồi trên ô-tô vẩy ra. Những cánh tay ở dưới vẩy lên đã như vòn sát cái thân dài của máy bay. Những cái bánh nghêu ngao như chân cào cào. Mắt Cường như bị hút vào cái bánh đầu đã tới đường biên sân bay. Nó đã sát mặt đất lắm rồi, cái bánh đen đen cũng giống như bánh ô-tô. Khói cuộn cuộn phụt về đằng sau đuôi. Bụi tạt bắn sang hai bên. Nhưng cái bánh xe vẫn chưa tới mặt đất. Chỉ cách một đốt ngón tay thôi. Cường ghen đến không thở được. Cái bánh như có mắt nhìn đã sà vào đúng cái vệt trắng. Tim Cường đập ghê quá. Nền đất sân bay liệu có bung lên không? Còn có quả mìn nào sót nữa không? Nó đâm vào những bãi mìn còn đang gỡ chung quanh thì làm thế nào? Cường đứng như người lò khò. Mắt Cường giương lên đến rách đuôi mắt. Bánh đã gần sát các vạch rồi, nhưng vẫn chưa tới đất. Vai Cường chống nạng chưa quen đã tê nhức. Cường nghiêng chặt răng. Xuống đi. Xuống đi, còn chờn vòn gì nữa! Bỗng có những tiếng reo vang lừng. Cường cũng nhảy lên vỗ tay. Cường loạng choạng suýt ngã. Cái bánh xe đã chạm vào cái vệt trắng. Bánh

máy bay như hôn lấy cái sân bay đợi chờ từ bấy lâu nay. Mắt Cường hoa lên trong cái lúc trời đất gần liền vào nhau ấy. Cường vui đến khóc được. Cái bánh đã lăn trên vệt trắng, đè nặng xuống những tấm phen sắt kêu rit rit, bánh như bị bẹp đi. Cả cái máy bay đã chạy trên sân bay bằng những bánh xe của nó. Khói vẫn phụt. Bụi vẫn bốc. Nhưng nó đã nằm thoải mái trên sân bay, hai cánh duỗi ra vì nhọc mệt. Chính ủy và một số cán bộ chạy tới. Cửa máy bay mở toang. Những người trên máy bay nhanh nhẹn nhảy xuống, tươi cười, vung lên những cái cặp xách tay. Người nào cũng mặc lu-dông³ da gọn ghẽ. Người trên trời, người dưới đất ôm lấy nhau dưới bóng cánh máy bay. Cái đuôi ngồng lên như đuôi công, rực rỡ màu vàng đỏ. Người ta đã chạy cả về cái lều. Một cán bộ vừa ở trên máy bay xuống, giơ một tập báo, nói như gào:

Báo mới toanh của Hà nội sáng hôm nay, các đồng chí ơi!

Cường cầm bầm một mình:

— Chồng thật!

Một ông cán bộ trong đơn vị Cường, đang bóc một bức thư, bức thư mà Cường biết chắc là của người vợ sắp cưới của ông ta ở Hà nội. Mặc dầu nắng chói, ông ấy đọc thư mê man, thỉnh thoảng dừng lại, cười một mình. Cường chấp choạng bước tới đầu sân bay, nước mắt Cường còn rỏ rờng rờng trên má. Tiếng cười, tiếng nói vẫn râm ran. Bụi khói đã tan đi. Bóng cái máy bay làm rợp cả một vùng rộng của sân bay. Một đầu cánh như chỉ vào đúng cái chỗ mà Cường đã gặp nạn. Xa xa, đằng cuối sân bay, anh em vẫn đang lao xẻng gỡ mìn. Trên đầu Cường, trời xanh lồng lộng, êm ả lạ lùng. Cặp nạng của Cường gõ lộc lộc, lanh canh trên những tấm phen sắt. Cường mồm miệng, chào người đi cho

nhANH, đến gần người cán bộ hàng không. Vai Cường
lệch xuống một bên, Cường rút bức thư mang sẵn
trong túi. Mặt Cường đỏ bừng. Cường ngượng ngập,
nói ấp úng. Nhờ thế này có phải là cá nhân không.
Cường tự hỏi mình. Người cán bộ cầm lấy lá thư xem,
mỉm cười nhìn Cường và gật gật đầu. Cường rơm
rớm nước mắt. Đây là bức thư Cường muốn gửi thật
nhANH về đến tay mẹ.

CHÚ THÍCH

1) *Com-măng-ca*: phiên âm tiếng Pháp, một loại xe ô-tô. 2) *Căng-tin*: phiên âm tiếng Pháp, nơi bán những thứ cần thiết cho cán bộ, công nhân viên. 3) *Lu-dông*: phiên âm tiếng Pháp, một thứ áo ngắn mặc ở ngoài.

ĐỌC THÊM VỀ THƠ VĂN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

LỬA ĐÈN

I

ĐÈN

Ánh cùng em sang bên kia cầu
Nơi có những miền quê yên ả
Nơi có những ngọn đèn thấp trong kẽ lá
Quả cây chín đỏ hoe;
Trái nhót như bóng đèn tín hiệu
Trở lối sang mùa hè,

Quả cà chua như cái đèn lồng nhỏ xíu
Thấp mùa đông ấm những đêm thâu,
Quả ớt như ngọn lửa đèn dầu
Chạm đầu lưỡi chạm vào sức nóng...
Mạch đất ta dồi dào sức sống
Nên nhành cây cũng thấp sáng quê hương.
Chúng nó đến từ bên kia biển
Rủ nhau bay như lũ ma trời
Từ trên trời bảy trăm mét
Nhìn thấy lửa que diêm sáng mặt người;
Một nghìn mét từ trên trời
Nhìn thấy ngọn đèn dầu nhỏ bé;
Tám nghìn mét
Thấy ánh lửa đèn hàn chớp lóe
Mà có cần đầu khoảng cách thấp cao
Chúng lao xuống nơi nao
Loe ánh lửa
Gió thổi tắt đèn, bom rơi máu ứa.
Trên đất nước đêm đêm
Sáng những ngọn đèn
Mang lửa tự nghìn năm về trước,
Lấy từ thuở hoang sơ,
Giữ qua đời này đời khác
Vui trong tro trong trấu nhà ta
Ồi ngọn lửa đèn
Có nửa cuộc đời ta trong ấy!
Giặc muốn cướp đi
Giặc muốn cướp lửa tim ta đấy

TẮT LỬA

Ảnh cùng em sang bên kia cầu
 Nơi có những miền quê yên ả
 Nơi tắt lửa đêm đêm khiến đất trời rộng quá

Không nhìn thấy gì đâu
 Bóng tối che rồi
 Cây trúc làm duyên phải nhờ gió thổi
 Cô gái làm duyên phải dùng giọng nói,
 Bông hoa làm duyên phải lụy hương bay...
 Bóng tối phủ đầy
 Che mắt địch.

Nơi tắt lửa là nơi vang rền xe xích
 Kéo pháo lên trận địa đồng cao
 Tiếng khẩu đội trưởng ở đầu
 Đây là đuôi khẩu pháo
 Tiếng anh đo xạ điểm đều như đếm nhịp chày
 giã gạo

Vang ở đầu, đây là giữa trận đồ
 Nơi tắt lửa là nơi in vết bánh ô tô,
 Những đoàn xe đi như không bao giờ hết,
 Chiếc sau nối chiếc trước i ầm
 Như đàn con trẻ chơi u chơi âm
 Đứa này nối hơi đứa khác.
 Nơi tắt lửa là nơi dài tiếng hát
 Đoàn thanh niên xung phong phá đá sửa đường;
 Dầu hổ bom kề bên còn bay mùi khét
 Tóc lá sả đầu đó vẫn bay hương
 Đêm tắt lửa trên đường
 Khi nghe gần xa tiếng bước chân rậm rịch

Là tiếng những đoàn quân xung kích

Đi qua

Từ trong hốc mắt quầng đen bóng tối tràn ra
 Từ dưới đáy hố bom sâu hun hút
 Bóng tối dâng đầy tỏa ngợp bao la,
 Thành bức màn đen che những bào thai chiến dịch
 Bóng đêm ở Việt nam
 Là khoảng tối giữa hai mèn kịch
 Chứa bao điều thay đổi lớn lao

Bóng đêm che rồi không nhìn thấy gì đâu
 Cứ đi, cứ đi nghe lắm âm thanh mới lạ.

III

THẮP ĐÈN

Ảnh cùng em sang bên kia cầu
 Nơi có những miền quê yên ả
 Nơi đêm ngày giặc điên cuồng bắn phá
 Những ngọn đèn vẫn cứ thắp lên
 Chiếc đèn chui vào ống nứa
 Cho em thơ đi học ban đêm,
 Chiếc đèn chui vào lòng trái núi
 Cho xưởng máy thay ca với vợ,
 Chiếc đèn chui vào chiếu vào chăn
 Cho những tốp trai làng đọc lá thư thăm...

Ta thắp đèn lên trên đỉnh núi
 Gọi quân giặc đem bom đến giới
 Cho đá lở đá lăn
 Lấy đá kê cầu. Lấy đá sửa đường tàu
 Ta bật đèn pha ô tô trong chớp lờ ánh đạn
 Rồi tắt đèn quay xe
 Đánh lạc hướng giặc rồi ta lại lái xe đi...

Ngày mai. Ngày mai hoàn toàn chiến thắng
Anh dắt tay em, trời chỉ chít sao giăng
Thắp đèn ta sẽ chơi trăng ngoài thềm⁽¹⁾
Ta thắp đèn lồng, thắp cả đèn ông sao năm cánh

Ta dẫn nhau đến ngôi nhà đèn hoa lấp lánh
Nơi ấy là phòng cưới chúng mình
Ta sẽ làm cây đèn kéo quân thật đẹp
Mang hình những người những cảnh hôm nay
Cho những cuộc hành quân nào còn trong bóng tối
Sẽ hiện muôn đời trên mặt ngọn đèn xoay.

1967

PHẠM TIẾN DUẬT⁽²⁾

ĐẤT QUẢNG

PHẦN I

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Đất Quảng nam chưa mưa đã thấm
Rượu hồng đào chưa nhắm đã say

(Ca dao xứ Quảng)

Nguyễn Trung Thành lấy câu ca dao trên làm đề từ cho cuốn sách của mình. *Đất Quảng* (phần I) phản ánh cuộc sống đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng

(1) Một câu hát cũ trong tổ khúc múa đèn dân gian Thanh hóa.

(2) Trong cuộc thi thơ do báo *Văn nghệ* tổ chức, Phạm Tiến Duật—hiện công tác và làm thơ trong quân đội—đã được giải nhất. Bài *Lửa đèn* là một trong những bài thơ dự thi và được giải thưởng của Phạm Tiến Duật.

nam từ năm 1954—sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết—cho đến những ngày đồng khởi và những ngày giặc Mỹ kéo quân ồ ạt vào miền Nam nước ta. Cuốn sách là một thiên anh hùng ca ca ngợi sự nghiệp anh hùng của các đảng viên, cán bộ và quần chúng cách mạng. Các nhân vật như chị Sáu Thắm, ông già sông Trúc, con Xuyên, anh Thiệt, anh Quế... là những con người bình thường mà rất anh hùng đã đứng trụ với giặc, đánh lui chúng từng đợt này đến đợt khác để giành dân, giữ đất làm cho huyện Hòa thanh trở thành đất lửa, đất thép của cách mạng. *Đất Quảng* (phần I) cũng cho ta thấy hình ảnh bọn giặc Mỹ và lũ tay sai như bọn thằng Hứa, thằng Min rất dã man, tàn bạo, quỷ quyệt, nhưng bất lực và chiến bại.

CON XUYẾN

...Thằng Á-nè-lô không còn chịu nổi cái nóng nhiệt đới trưa tháng sáu có ngọn gió nam hiu hiu lại thêm cái lười đấm lưng êm ru của con Xuyên. Hắn bắt đầu ngủ gật rồi. Hắn ngồi như vậy mà ngủ, tấm lưng dài thượt ra cong vồng xuống như lưng gấu, tóc đổ xuống trán che lấp cả hai con mắt riu riu, khẩu AR 15 gác ngang trên hai bắp vế, cây bút chì và cuốn sổ tay lăm lăm mồ hôi ướt nhòe rơi ra trên mặt giường, chiếc ảnh màu gió thổi bay xuống đất. Bà già tóc bạc, con mũ tóc vàng hoe đeo cái tạp dề trắng trước ngực và con bé ngờ ngác trong chiếc ảnh cũng say nắng sững sờ. Thằng Mỹ ngủ vừa kỳ quặc vừa thảm hại. Nước bọt nó rệu ra ở hai bên mép, chốc chốc nó gật một cái, lại lều phều chảy dài xuống trên ngực áo, trên bắp vế, ướt mềm cả

khẩu súng. Nó ngủ giống hệt cái lối ngủ của loài thú ăn thịt trong rừng, mệt nhọc, nặng nề, ngáy dài mà dữ tợn... Nó bắt đầu ngáy, tiếng ngáy nghẹn tắc trong cuống họng. Nó ngủ say lắm rồi.

Còn con Xuyến thì vẫn tỉnh như sáo. Đôi mắt con bé long lanh như mắt chim. Tai nó chong lên, đếm từng chuyển trực thăng đến rồi đi, phân biệt từng loại. Đầu tiên khoảng nửa buổi sáng là mấy chiếc vịt bầu lác lác sà xuống sát mặt ruộng đồ từng tràng đạn dài từng tọc như những thẳng đầu bụng đi lỏng, rồi tới các loại vịt đực ốm nhom hót hơ hót hải quần mãi hàng chục vòng chưa dám xuống lấy thương. Quá trưa, lúc thẳng A-nê-lô bắt đầu ngủ gà ngủ gật lại nghe có tiếng máy nặng trịch của bốn, năm chiếc sâu đo hai chong chóng ỉ ạch mò tới. Chắc nó đổ thêm quân. Nó đổ thêm quân nữa tràn vô xóm thì mình đưa cháo xuống hầm cho chú Việt càng gay — con Xuyến nghĩ thầm — phải tranh thủ làm ngay bây giờ mới được. Nhưng thẳng Mỹ ngủ đã mùi hung chưa? Lỡ nó tỉnh dậy nửa chừng thì nguy. Mình phải quạt thêm cho nó mấy cái nữa mới được.

Con Xuyến sẽ sẽ thông từng chân một xuống đất, sẽ sẽ đứng dậy, nhón chân bước lại gần bếp, với tay lấy cái quạt mo mẹ vẫn treo trên cây cột tre. Nó liếc nhìn ra trước ngõ. Mấy thẳng Mỹ đứng trước ngõ đã bỏ đi đâu rồi, chắc chúng nó đi tìm chỗ bóng mát. Nó lại liếc nhìn ra sau vườn. Vẫn yên tĩnh. Hai vợ chồng con chim chia với vẫn đậu trên nhánh tre đó nhưng không ngỗng hai cái đuôi nửa trắng nửa đen lên kêu choành choạch choành choạch nữa. Một con đứng im lặng mơ màng, một con quẹt quẹt cái mỏ đen lên ngón chân, mà đi mãi lại mãi. Chắc chúng nó đi ăn về đã no rồi. Chỉ tội chú Việt, chắc chú đã đói lắm, lại khát nước nữa. Nó nghe nói người bị thương thì khát nước lắm, nhưng không được uống nước nhiều. Thôi nó cho chú ăn cháo

sền sệt cũng được rồi... Cái quạt mo mẹ treo cao quá, nó nhóm chân với mãi mới tới. Tay nó vừa chạm tới cái quạt bỗng nó giật mình quay lại. Một tiếng súng chát ngắt nổ ngay trước ngõ. Một lô hơn mười thẳng Mỹ không biết ở đâu đến xông xộc xông vào ngõ. Thằng A-nê-lô choàng dậy, quờ quạng chụp khẩu súng và cuốn sổ tay, hồi hả chạy vụt ra, nhập vào tốp bọn Mỹ mới đến. Chúng nó dừng lại cả giữa sân, nói xi lô xi la với nhau những gì đó một lúc, rồi kéo thẳng vào nhà. Đi đầu là một thẳng sĩ quan mắt xanh lè, áo quần nó mới toanh, sạch sẽ chưa lấm chút bụi đất nào. Bọn theo sau đứa nào cũng cầm súng lăm lăm trong tay, mặt hầm hầm.

Con Xuyến biết có chuyện không hay rồi. Nó chợt nghĩ đến con chó diên của bác Mai. Rồi nó nghĩ ngay đến hai trái lựu đạn nó lượm được ở xóm ga tuần trước đem về chôn ở gốc cột ngay dưới chỗ nó đang đứng bây giờ đây...

Không được! — nó khẽ lắc đầu. Nó lại nghĩ tới mẹ. Nếu có mẹ ở nhà, mẹ sẽ ra cản tụi Mỹ lại, mời tụi nó vô nhà, mẹ sẽ tìm cách giữ không cho tụi nó ra vườn. Giữ những con chó diên này không dễ, nhưng mẹ biết cách, nhứt định mẹ làm được. Bây giờ mẹ đi công tác rồi, làm răng? Thôi, nó phải thay mẹ.

Nó bước mấy bước tới trước cửa, đứng chắn ngang con đường bọn Mỹ đang kéo vào, và nó cười. Nó chào.

— Hê-lô!

Thằng sĩ quan Mỹ mắt xanh không trả lời. Con Xuyến chào lại lần nữa:

— Hê-lô! Uống nước không, nước nóng?

Không, thằng Mỹ nào trả lời. Thằng sĩ quan Mỹ đã đứng trước mặt con Xuyến. Nó cao to cồng kềnh. Lưng nó đeo một khẩu súng ngắn, nòng súng lòi ra ngoài bao, sáng trắng. Tay nó cầm một con dao găm. Nó bắt đầu

ra hiệu chỉ vào nhà. Nó muốn vô nhà. Được, cứ vô nhà đã. Con Xuyên quay đi vô nhà, đứng lại cạnh chiếc giường. Thằng sĩ quan Mỹ lại đứng trước mặt con Xuyên, bộn linh Mỹ vây quanh. Thằng sĩ quan chợt cười, cái cười làm méo xệch cả khuôn mặt nó. Nó hỏi :

— Nhỏ, hằm ? Hằm vi-xi¹ .

Con Xuyên lắc đầu :

— Nô² ! Không có hằm !

Nó nghĩ : Rằng nó biết có hằm ? Không, nó hỏi bừa thôi, nó biết thì nó đã không hỏi.

Thằng Mỹ nhắc lại :

— Hằm ? Hằm ?

Nó đưa con dao găm tới trước mũi con Xuyên :

— Hằm ?

Con Xuyên vẫn lắc đầu :

— Nô ! Không có !

Thằng Mỹ lại cười, nhưng chợt nó im bặt.

Hằm ? — Nó găm lên.

Con Xuyên không thèm trả lời nữa. Nó cũng không thèm ngẩng lên nhìn thằng Mỹ. Nó nhìn thẳng tới trước, trân trân. Nó thấy lưỡi dao găm trước mặt nó từ từ hạ xuống một chút, dừng lại ở ngang cổ nó. Rồi nó nghe mũi dao nhọn lạnh tanh chạm vào cổ nó, đúng chỗ cái trũng dưới trái khế.

— Hằm ? — Lần này thằng Mỹ nói nhỏ hơn, như thì thào.

Con Xuyên nghĩ thầm: Đừng lùi lại, lùi lại nó tưởng mình sợ, nó làm già. Con chó của bác Mạ cũng rủa thôi, hễ mình chạy thì nó đuổi, mình đứng lại nắm lấy hòn đất trong tay nó lại thụt lùi.

Mũi dao nhích tới một chút, đau nhói ở cổ. Con Xuyên cắn răng lại. Mũi dao nhích tới chút nữa. Đau quá !

— Nhứt định không lùi !... Cũng như tiêm kim là cùng — con Xuyên nghĩ. Nó cảm thấy rất rõ một giọt máu đã ứa ra ở cổ nó.

— Con không nói đâu chú Việt, chú đừng lo. Con không sợ đâu ! — Nó gọi thầm chú Việt.

Mũi dao ấn sâu vào một chút nữa. Một dòng máu đã chảy dài trên cổ con Xuyên. Nó vẫn đứng vậy, trân trân, hai mắt mở to.

Thằng Mỹ mắt xanh bỗng phá lên cười. Cả bọn Mỹ xung quanh cũng cười ồ, xôn xao. Con dao găm đã được rút ra. Thằng sĩ quan Mỹ cúi xuống đưa tay chùi vết máu trên cổ con Xuyên, rồi cũng với bàn tay vấy máu ấy nó rút vào túi quần lấy ra hai cái kẹo bọc giấy bóng đỏ chia cho con Xuyên. Con Xuyên lắc đầu :

— Không thèm !

Bọn Mỹ bỏ con Xuyên đó quay lại kéo ra vườn. Chết, không được ! Con Xuyên gạt bọn Mỹ ra, chạy vượt lên trước. Nó lại đứng trước mặt thằng sĩ quan mắt xanh, hai chân nó dang ra, đầu nó ngẩng lên. Nó nói lớn :

— Không được ra vườn, không được. Giâm nát hết rau của tau !

Nó dang hai tay ra, cản tụi Mỹ lại. Hai cánh tay nó nhỏ quá. Tụi Mỹ gạt nó qua một bên mà đi. Làm rằng ? Thôi được, nó ra vườn cũng chưa chắc nó đã tìm được hằm. Mình cứ bám riết thằng chỉ huy. Nghĩ vậy nó bước theo sát thằng Mỹ mắt xanh. Bọn Mỹ không để ý gì đến nó nữa. Chúng nó tùm tùm lại bàn tán xì xồ một lúc. Thằng chỉ huy nói một câu gì đó rất dài. Bọn lính giãn ra, rồi mỗi đứa đều tháo một quả mìn trắng đeo ở lưng ra cầm tay.

Chúng nó làm gì thế này ? Giật mìn à ? Con Xuyên niu lưng thằng chỉ huy, hét to :

— Không được giật mìn !

Thằng chỉ huy quay lại nhìn nó, rồi quay đi. Bọn Mỹ đã sắp thành một hàng dài. Đứng đầu là thằng Mỹ mắt thau, thằng A-nê-lô. Thằng A-nê-lô liếc nhìn thằng chỉ huy một cái, rồi tách ra khỏi hàng, đi thẳng lại phía đầu hàng tre. Chết rồi, nó giật mình phá tre. Cuối hàng tre đó là hăm chú Việt.

Con Xuyến không kịp suy nghĩ gì nữa. Nó bỏ thằng chỉ huy, chạy đuổi theo thằng A-nê-lô. Thằng A-nê-lô đã ngồi xuống ngay cạnh bụi tre đầu cùng. Nó tháo xẻng bắt đầu đào đất. Con Xuyến bước lại, dậm chân đứng ngang trước mặt thằng A-nê-lô, nói to :

— Không được, đào hư tre, không được !

Thằng A-nê-lô ngẩng lên cười :

— Không cười chi hết, đi đào chỗ khác, không được !

Thằng Mỹ lại cúi xuống đào. Con Xuyến hét :

— Không được !

Nó giằng cái xẻng trong tay thằng A-nê-lô vút ra một bên. Thằng Mỹ từ từ đứng dậy, miệng nó nói : « A... a ». Nó chống nạnh đứng nhìn con bé. « Hấn điên rồi » — con Xuyến nghĩ — nhưng nó không hề sợ, không sợ một chút xíu. Nó đưa chân đá luôn quả mìn ra. Nó vênh mặt lên nhìn thằng Mỹ. Thằng Mỹ bước tới một bước. Con Xuyến cứ đứng nguyên. Đột ngột thằng Mỹ đưa cánh tay gạt mạnh một cái. Con Xuyến ngã nhào ra đất. Nó giận quá rồi. Nó chửi :

— Cha bay, Mỹ !

Nó nhồm dậy. Thằng Mỹ lại giơ chân đạp dúi nó ngã tiếp một cái nữa. Một thằng Mỹ khác chạy lại, chân cứng nó xuống, hai thằng bẻ quặt tay nó ra sau lưng, dùng cái thắt lưng vãi cột bốn năm vòng. Con Xuyến nhe răng cắn vào tay thằng A-nê-lô. Thằng A-nê-lô kêu lên một tiếng, nó rút cái khăn tay trong túi quần ra nhét đầy miệng con bé. Rồi hai đứa nắm hai chân con bé lôi xềnh xệch ra, vút ở cạnh bụi môn bên ảng nước.

Con Xuyến mệt quá, nó nằm lịm đi một lúc. Cái khăn Mỹ hơi rình, nhét đầy miệng làm cho nó ngạt thở. Tiếng xẻng thằng A-nê-lô đào gốc tre nghe càng cách. Con Xuyến cố quay mặt lại liếc nhìn. Mặt thằng A-nê-lô đỏ gay đầm đìa mồ hôi. Sao bây giờ nó giống tướng con vợ nó trong ảnh, dữ chẳng. Nó đã đào được một cái ục nông choèn. Nó đặt trái mìn trắng vào đó. Nó sắp giật rồi !

Con Xuyến cố hết sức, lật được người lại. Vừa lúc đó, tiếng mìn nổ vang. Đất đá tuôn rào rào như mưa, bụi tre lớn đổ gãy rã rạc. Con Xuyến nhắm nghiền mắt lại. Khi nó mở mắt ra thì thằng Mỹ thứ hai đã cầm quả mìn trắng khác tiến lại phía hàng tre.

Con Xuyến hất mạnh đầu ra phía sau. Nó rần rần nghiêng người lại. Cách nó nằm thước là cây mít già, mẹ nó bảo ông ngoại trồng từ hồi chưa đẻ nó. Nó phải bò cho tới cây mít đó, rồi nó sẽ tìm cách đứng dậy. Nó đứng dậy được thì phải biết ! Nó co một chân lại, đập vào cái ảng nước, trườn tới được nửa thước. Quả mìn thứ hai nổ. Mặc ! Nó lại co chân lại, rờ rẫm bấu được một cái rễ cây mít. Mìn cứ nổ. Nó rần hết sức, hết sức. Mả nó cọ vào rễ cây trên mặt đất chảy máu ròng ròng. Không cần ! Nó trườn tới, trườn tới. Bọn Mỹ đứng quay mặt hết về phía hàng tre không để ý đến nó. Nó trườn tới nữa. Đầu nó đã gối được lên gốc cây mít lớn. Nghỉ một chút, chỉ một chút thôi, lấy sức, nó lại co chân, bấu chặt vào rễ cây mít, đập một cái thật mạnh. Vai nó đã dựa được lên thân cây mít. Bây giờ thì từ từ, rất cẩn thận, nó đạp dần, từng chút từng chút, trườn dần cả người lên theo thân cây. Tóc nó dính vào vỏ cây đứt từng chùm đau điếng. Nó vẫn trườn lên, trườn lên. Nó đứng dậy được rồi ! Nó muốn kêu lên một tiếng :

— Mẹ ơi ! Con đứng dậy được rồi !

Nhưng miệng nó nghệt cứng cái khăn tay của thằng A-nê-lô.

Một trái mìn lại nổ. Khói đen từ từ tan dần. Thằng Mỹ mắt xanh lại hét lên mấy tiếng. Một thằng lính Mỹ lại ôm một trái mìn trắng bước về phía hàng tre đã bị đánh gục, xới tung lên hơn một nửa. Còn chừng ba mươi thước nữa thì chúng đánh tới hầm chú Việt.

— Được rồi, tau đã đứng dậy được rồi, bay không giết nổi được chú Việt của tau đâu !

Con Xuyên bước đi một bước, lão đảo. Ngã xuống bây giờ thì nguy. Nó dừng lại hít một hơi dài lấy sức, rồi nó cúi đầu xuống, đột ngột xông bừa tới trước ủa luôn hai thằng Mỹ đứng trước mặt nó ngã giạt ra hai bên. Nó chạy phóng lên, vượt qua thằng Mỹ đang ôm mìn lò dò bước tới. Thằng này dừng lại, sửng sốt. Con Xuyên loạng choạng thêm mấy bước nữa. Rán tí nữa, tí nữa. Tới rồi ! Nó bước tới thêm một bước nữa. Nó đã nhìn thấy ngay trước mặt nó, dưới một gốc tre, một cái ục nông choèn bọn Mỹ vừa đào. Thằng Mỹ sẽ đánh một quả mìn nữa vào cái ục đó. Rồi chúng sẽ đánh tiếp hàng chục, hàng chục quả nữa, bắn tung hàng tre này lên cho tới khi chúng nó tìm ra hầm chú Việt. Con Xuyên ngã người nằm lên cái ục đất đó. Rồi nó lật mình, nằm ngửa ra, nhắm mắt lại.

Con Xuyên bỗng nghe bốn bề đều im lặng. Thật ra thì lúc này bọn lính Mỹ đang la hét rồi rít, và ngoài đường bà con chòm xóm nghe mìn nổ liên tiếp ở vườn chị Thắm biết là có chuyện không hay đang ùn ùn kéo tới, xôn xao. Nhưng con Xuyên không nghe thấy tất cả những tiếng động ồn ào đó. Nó chỉ nghe một sự yên tĩnh mênh mông. Nó không biết rằng chính vì trong lòng nó bây giờ đã hoàn toàn yên tĩnh nên mọi sự xôn xao, náo động bên ngoài đều không quấy rầy được nó chút

nào nữa. Nó thấy người nó nhẹ nhõm, bình thản và rất vui. Nó biết nó đã làm tròn nhiệm vụ.

Nó mở mắt ra. Nắng chói chang. Trên đầu nó, một bầu trời trong xanh vô tận. Có hai khuôn mặt chợt hiện ra trước mặt nó. Khuôn mặt thằng A-nê-lô. Đôi mắt thau của thằng A-nê-lô mở to ra, sợ hãi, khủng khiếp. Và khuôn mặt thằng sĩ quan mắt xanh. Thằng này nhìn nó gườm gườm. Mày cứ gườm, tau không sợ !

Con Xuyên thấy rõ thằng A-nê-lô lùi lại bỏ chạy. Còn thằng sĩ quan thì đã vụt con dao găm đi đâu rồi, bây giờ đang rút cây súng ngắn chĩa thẳng nòng súng vào giữa ngực nó.

Nó mở mắt tròn tròn nhìn thẳng vào đôi mắt xanh của thằng Mỹ. Mày bắn đi, không chết nổi tau đâu ! Con Xuyên không còn nghe được tiếng súng nổ. Nó cũng không nghe được tiếng hét dữ dội của đồng bào đã xé toạc hàng rào lính Mỹ trước ngõ ủa và tiếp viện cho nó. Mắt nó vẫn mở to mãi mãi. Nó gọi :

— Mẹ !

Đó là tiếng gọi cuối cùng của con bé.

GIA ĐÌNH MÁ BẦY

PHAN TƯ

Gia đình má Bầy của Phan Tư là một cuốn truyện dài phản ánh cuộc đấu tranh giành chính quyền và giữ chính quyền của đồng bào miền Nam trong những năm 1960 — 1961, qua câu chuyện của một gia đình nông dân sống trong một xã nhỏ thuộc vùng đồng bằng Trung Trung bộ.

Cuốn truyện đã miêu tả và phản ánh cuộc đấu tranh cách mạng của mấy ngàn đồng bào xã Kỳ bùng trong đó có những người tiên tiến như má Bảy, út Sâm, ông Nhâm, Hai Ngọ, Tư Sỏi. Cũng có những người còn rụt rè như cô Mai, chị Đa. Cuộc đấu tranh còn lôi cuốn, cảm hóa được cả những người lầm đường, lạc lối như trung sĩ Huỳnh. Những người cán bộ tiêu biểu cho phong trào như các anh Chín Chuyền, anh Đông, anh Bá, chị Năm là những con người bình thường mà rất anh hùng đã xốc cả phong trào đi tới những thắng lợi ngày một rực rỡ.

Bên cạnh hình ảnh cán bộ và nhân dân ta anh hùng, hình ảnh bọn Mỹ, ngụy chiến bại bất lực và điên khùng hiện lên trong cuốn truyện cũng rất rõ nét.

Gia đình má Bảy là một cuốn truyện tốt. Qua cuốn truyện, Phan Tứ tự chứng tỏ có một vốn sống phong phú và một nghệ thuật viết truyện khá thành công.

ÚT SÂM ĐI VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG

... Anh Đông dẫn Sâm rủ một số bạn đến gặp anh trong dãy gò Chà là nằm ven sông Nhơn. Đồng bào Kỳ bùng quanh năm vào đây kiếm củi, cắt lá, róc vỏ sim bán cho dân chài nhuộm lưới, và đến mùa hè thì giữ chà là chín ở đây từng nón ngựa đầy có ngon.

Tất nhiên Sâm chọn ngay Hai Ngọ, bạn thân nhất. Rồi đến Trấn, cô gái gầy và mặt lấm tẩm tàn hương có cha và anh đi tập kết. Hai cô mừng muốn nhảy lên.

Sâm rủ Mai nữa. Cha Mai mới mở quán hàng xén bên đường ô tô. Mai vừa may máy vừa bán hàng. Nghe Sâm nói, Mai tái mặt ngay :

— Sợ má mình không vui lòng.

— Má mày mới kêu mày làm biếng, không chịu cắt lá bỏ chuồng trâu kia mà.

Mai phải thú thật :

— Mình đa cảm lắm, Sâm biết đó. Ba mình mới rút roi, mình đã run muốn xỉu. Mình thích đi với Sâm quá, mà sợ chịu đòn không nổi, lỡ mình khai bày...

Sâm ngó ra một lát. Chưa bao giờ Sâm ngờ người ta có thể ngần ngại khi được cách mạng gọi. Sâm sùng sộ :

— Mày tinh tổ giác tao lấy thưởng hả ?

— Chết, Sâm đừng nghi mình, tội lắm. Hễ mình hở ra với ai thì... thì sét đánh chết lập tức. Mình nói có mặt trời soi vô miệng đây nè.

Sâm hơi mũi lòng vì Mai đã dấn dấn nước mắt. Vội lại nó thề rồi. Cả nhà Mai quanh năm cùng vái, mỗi tháng ăn chay tám ngày đủ lệ bát trai, nó không dám thề bày đầu. Sâm nuốt câu mắng « đồ tồi » vào bụng, ầm ức bỏ đi. Mai chạy theo run rẩy :

— Để mình đi, mình đi. Sâm đừng giận, mình đau dớn lắm.

Lúc nào Mai cũng nói như đào cải lương. Sâm dịu lại :

— Mày cứ ở nhà. Tao giận năm phút thôi. Cho tao mượn cái xe đạp.

Sâm đạp xe xuống Đồng trầu. Hết bức rồi. Giữa Sâm và Mai có cái tình bạn lạ vậy đó, không bình đẳng từ cách xưng hô trở đi. Nhưng Mai rất bằng lòng chịu nước lép, vừa thương vừa sợ Sâm một phép, tuy nhà

Mại khá giả hơn. Mại học trên Sâm hai lớp và lớn hơn Sâm một tuổi. Ở ngoài nhìn vào ai cũng ngạc nhiên.

Sâm đến nhà ông Rạng thợ rèn, định rủ thêm cậu Chuân. Chuân cùng tuổi với Sâm, là bạn học và bồ chẵn trâu của Sâm từ nhỏ. Gần đây cả hai cùng lớn lên, có bề ý tứ hơn một chút, nhưng vẫn thân nhau. Có cậu Chuân đi, lỡ gặp du côn ghẹo hay trâu lông đuôi cũng đỡ lo.

Nhưng Chuân với cha đã đi rừng kiếm cây làm cán rựa. Sâm lúc cóc đập về. Hút liền tiếp hai đứa, chán kinh. Lại thêm ông già say tùm yên xe đạp níu Sâm lại, hỏi Sâm có phải vợ thằng Rân không, nếu chưa làm dâu ông Hạnh thì có ưng con ông không. Sâm thừa gửi mấy câu, lừa lừa khi ông buông tay ra là nhảy lên xe phóng một hơi.

Trả xe, về nhà, Sâm ăn vội củ sắn luộc để sắp sửa ra bãi cuốc đất khoai với má. Vừa lúc ấy có ai gọi đóng dả ngoài rào:

— Út Sâm có nhà không?

Sâm vội ra cửa:

— Vô đây chị Năm!

Sao Sâm có thể quên chị Năm Tân được nhỉ? Có lẽ vì Sâm chỉ nhớ lời anh Dong dặn rủ bạn, nên không nghĩ đến các anh chị lớn tuổi.

Chị Năm Tân cao dong dong, có đôi mắt bồ câu trẻ hơn tuổi 35 của chị. Hai hàm răng lúc nào cũng nhuộm đen như, chứ không cạo trắng, cũng không để luôm nhuộm như các bà già. Quanh năm chị mặc áo vá, nhưng các mảnh vá đều điệp màu rất khéo, mũi chỉ nhỏ rút. Các bà mẹ trong làng mỗi lần mắng con gái vụng may vá đều nhắc đến chị, người thường nhắc nhất là má Bảy. Chồng chị đi bộ đội không mấy khi về nhà, sau tập kết

ra miền Bắc, để lại cho chị một mẹ già và hai con dai, cùng với cha mẹ để mà chị vẫn phải đỡ đàn. Lặng lẽ không một lời than, không một nét buồn trên mặt, chị tươi tỉnh đưa đôi vai gầy ra gánh hai gia đình, tay bồng tay dắt hai đứa con, đi tới giữa bầy chó sói.

Sau mỗi trận đòn như tử, chị về nhà giam, uống hớp nước, lau máu trên mặt, giỡn ngay:

— Hết thằng đánh đau tới đứa mau đánh. Sao bị đòn à? Họ biểu tôi lộn chồng, tôi không lộn, họ động viên chút đỉnh... Gà nào có thứ gà luộc hai lần.

Khi nói vậy, đôi mắt rất đẹp của chị lấp láy những tia lệ, và chị cười. Có thể chị cảm giận đến độ chỉ cười gằn chứ không cười được nữa, mà cũng có thể chị đang vui với một ý nghĩ nào đây. Ít người hiểu được tiếng nói của đôi mắt có hàng nài dài đậm ấy.

Từ con người chị toát ra một sức mạnh kín đáo. Bà con thương và phục chị đã đành, đến bọn ác ôn cũng phải nể. Cuối cùng chúng thả chị về để công tác viên công an theo rình. Rình mãi không được gì, chúng tạm để chị yên. Chúng xem chị như một người đàn bà cứng đầu nhưng hơi dở người.

Sâm biết chị mấy năm trước có liên hệ với anh Dong, cũng như má mình. Dù không biết, Sâm vẫn tin chị. Sâm nghĩ hễ chị đã chung thủy với người chồng cách mạng ắt phải chung thủy với cách mạng. Sâm kể tổng tổng hết những điều anh Dong nói, cả những người nhận và không nhận đi với Sâm. Đúng hơn là Sâm khoe những hiểu biết đầu tiên của mình.

Chị Năm ngờ ngạc:

— Tao tính rủ mày cấy cho tao vài công. Mạ già rồi.

— Cấy chưa gấp bằng phong trào cách mạng đâu chị.

— Ủa, mày lên làm cán bộ « Phong trào cách mạng quốc gia » rồi à?

Sâm bực mình.

— Chị kỳ lắm. Giỡn có hồi, có chặp. Chị đi hay không thì nói.

— Lỡ tao đi rồi tao báo cáo với hội đồng, làm sao?

— Đời nào!

— Mà dám chắc vậy à?

— Chị cầm như em con nít lắm. Em biết coi người chớ. Hay chị mất tinh thần rồi, nói trớt đi!

Chị Năm cười to, đưa tay che hàm răng đen như một cô gái hay xấu hổ:

— Chưa chi đã đỏ mặt như gà chọi! Thôi chị nể em quá, chị rần đi coi thử mấy ông Việt cộng mặt ngang mũi dọc ra sao. Nghe chị dặn đây, bấy nhiêu thôi, đừng rủ thêm, mà từ nay đến mai dứt khoát khóa miệng. Nhớ chưa?

— Dạ nhớ.

Bây giờ Sâm lại thấy vàng lời chị Năm là điều rất tự nhiên.

Tối hôm ấy, Chuân đi rừng về đến tìm Sâm. Chuân cao hơn Sâm một chút nhưng trông non hơn cô bạn bởi chân tay còn lòng không chưa nôi bắp thịt và giọng chưa vỡ hẳn nghe nửa trống nửa riải. Chuân trao cho má Bảy một chai nhỏ mật ong:

— Ba cháu mới lấy được hồi sáng, kính bác một ít.

Rồi Chuân rút túi ra một gói lá chuối băng quả cam đưa cho Sâm:

— Phần ông đây.

— Gì đó?

— Coi thì biết. Mình lượm được hai trái, cho ông một trái.

Má Bảy cất chai mật ong, quay lại thấy Sâm đang mân mê dưới ánh đèn một quả lựu đạn mở vệt, da láng

xanh. Má hoảng hồn chụp lấy lựu đạn, đem vùi ngay vào mùng trấu. Chuân lắc đầu:

— Không nổ đâu bác. Phải rút chốt...

— Im đi cháu. Lát nữa cháu đem về chôn kỹ đi, để lộ thì cả nhà tan xương hết.

— Bọn dân vệ đi phục kích làm rớt cháu lượm được, đâu phải ai đưa.

— Thôi đừng nói. Ngồi xuống ăn cơm với bác.

Chuân ngồi xuống ăn luôn. Ông Rạng hay dạy con không được khách sáo và hai gia đình quen nhau đã lâu. Chuân với Sâm, sau khi bỏ những tiếng mày tao hồi nhỏ, đã nói trống không với nhau một dạo trước khi chọn kiểu xưng hô « mình, ông » hiện nay. Có mấy đứa xấu bụng bày đặt những chuyện mất dạy về đôi bạn, bị Chuân « cho lỗ mũi ăn trầu » cả. Trông như con nhện nước, nhưng Chuân khỏe và gan lì ra trò.

Chuân hỏi Sâm:

— Thắng Rần về thăm nhà, đi đâu cũng nói ông ưng nó mà nó chưa ưng ông, thiệt vậy không?

Sâm buông dưa, hăm hăm:

— Sao ông không nện cho nó ít bịch tai giùm mình?

— Nó xuống thị xã hồi trưa. Để hôm sau đánh.

Má Bảy chen vào:

— Đánh nó rồi ở tù mục xương đó cháu.

— Dạ không sao. Cháu bôi mật phục kích chỗ truông, bừa vài đòn gánh là xong. Cho nó sợ thôi, không đánh chết.

Sâm gật đầu:

— Ông đánh nhớ đừng la hét gì hết. Ông mở miệng thì cách một cây số người ta cũng biết con bác Rạng.

Má Bảy sững sờ nhìn cả hai đứa. Má không ngờ chúng liều đến như vậy. Trong khi thắng địch có thể giết mấy

mạng người vì một câu hớ miệng, lửa trẻ này đem cho nhau lựu đạn, bàn việc đánh con lão phó đại diện nghe ngon lành. Mà cả con gái má nữa chứ ai đâu xa lạ. Má bắt đầu hiểu vì sao anh Đồng lại giao những việc lớn cho Sâm. Nó ngờ nghệch, nhưng đã nói là làm. Đành vậy, tre già măng mọc, việc cách mạng bây giờ phải giao cho thanh niên, chứ cứ dựa vào lớp già của má thì chỉ những tính trước toan sau cũng hết trăm tuổi thọ. Má nghĩ vậy, và chợt thấy ngậm ngùi.

CHIẾN CÔNG CỦA ÚT SÂM

... Một cô du kích, một quả mìn, một chiếc xe, thế là có chiến công. Cô du kích chỉ cần chôn mìn ở một khúc đường vắng, đợi chiếc xe nhà binh lẽ nào chạy qua là giật, mìn nổ xuống ruộng mà liên hoan với cá rô. Sau đó cô còn thi giờ cuốn dây mìn và hát nghêu ngao trên đường về. Chỗ vương cuối cùng là cô nên uống dừa nạo ở nhà nào và ăn cháo gà ở nhà nào khác, để bà con khỏi trách.

Thế nhưng cũng có những lần đánh xe rất khó. Sâm và Trấn đang gặp khó.

Khi nguy hiểm hiện lên trước mặt, hai cô gái đều thấy cả người mình vụt tê đi trong một chớp loáng. Óc ngừng nghĩ, tim ngừng đập, chân tay khựng lại ở một tư thế dở dang nào đó. Sau cái tích tắc ấy, ý nghĩ nào đã từng nằm lâu nhất trong đầu mỗi cô bỗng vọt ra trước tiên, rất mạnh, cuốn con người theo nó. Trấn định bỏ mìn chạy vào xóm và Sâm giữ bạn lại.

Đứng trong cái hố tròn, hai cô thấy đất rung đều đều dưới xích xe, nghe trọng liên nổ thẳng hướng mình

thành tiếng đập sắt chát chúa. Sâm dán mắt vào chiếc xe trên đường đang lết tới ăn mìn. Trấn thụp xuống lại nhô lên, hồn hèn :

— Nó tới sát rồi !

— Đâu, còn xa.

— Chiếc bên này nè.

Sâm quay đầu. Chiếc xe lội ruộng còn cách chừng hai chục thước. Xích nó ngoạm đất hồi hả. Cái mặt bóng nhẫy thêm muống của nó ngược lên, gục xuống, sắp há miệng tấp. Mặc nó, Sâm lại nhìn chiếc kia.

Một quả 105 mới tinh quý lắm. Và quý hơn nữa là chiếc xe phải diệt để làm quả dâng Đảng, chiếc xe trả thù. Sâm không thể bỏ mìn, bỏ chiến công. Ánh mắt của Sâm quán lấy nó. Vái trời vái đất cho nó chạy mau tí nữa ! Chạy mau lên mày ! Rán chút xiu ... Sâm nắn nắn trái thủ pháo trên tay. Một lựu đạn lửa, một lựu đạn nổ MK II. Sâm bó lại như đòn bánh tét. Mìn nổ xong mới đánh thủ pháo được. Ném thủ pháo trước thì lộ chỗ nấp, xe dừng lại, không giật mìn được.

Hai má lấm tấm tàn hương của Trấn lúc này tái nhợt, càng nổi rõ bộ râu nhọc nhời :

— Chạy Sâm ơi, chạy !

Sâm gắt :

— Ngu, nó chưa thấy mình. Sắp sửa rồi !

Trấn lại quán đầu dây điện thoại vào bàn tay. Sâm hồi hộp quá. Mắt nẩy dóm dóm nhưng ít thôi, còn thấy rõ. Năm thước. Bốn thước... Sâm không thở nữa. Trời đất biến hết. Ba thước. Chiếc xe chồm lên, dừng lại. Sâm muốn khóc thét lên. Tức quá. A, nó lại chạy hùng hục.

Sâm gọi ngút hơi :

— Giật.

Trấn nhào ngửa ra sau. Sợi dây mìn rạch đứt nhảy tung lên cao. Một cục khói tròn, trắng, đặc sánh phỉ dưới bụng xe. Rất từ tốn, nó nghiêng mình nhấc một bên xích lên mở lối cho khói thoát, đứng một chân như thế vài giây, rồi buông mình phủ phục xuống. Đắt nẩy rùng rùng. Bầy tám cái bóng chân tay vung vẩy bay ra khỏi vầng khói, cắm đầu xuống ruộng.

Sâm chỉ kịp trông thấy bấy nhiêu. Xoay mình lại, Sâm vung tay ném luôn trái thủ pháo vào chiếc xe lội ruộng đang rờ máy chạy chậm lại, giờ cái mặt lý lý cách Sâm bảy thước. Nó vẫn chưa thấy miệng hầm che lá rất kín.

Đòn bánh tét nửa đen nửa xám bay loảng ngoảng tới đập vào mũi xe, rơi xuống. Con vật thép rít một tiếng, dừng lại, nhún nhún trên dãy bánh xe. Chắc thắng lái chưa hiểu gì cả.

Sâm lắp bắp:

— Chết cha!

Trấn đã bớt sợ, hỏi dồn:

— Bị... bị thương...

Sâm rên trong họng. Không đòi hỏi, Sâm đạp chân vào thành hố, vọt lên, Sâm chạy ào tới trước đầu xe, ngồi thụp xuống, chụp trái thủ pháo như bắt con heo sống chuồng.

Trên trận địa, sau lưng và trước mặt Sâm, cùng bật lên những tiếng kêu hốt hoảng. Súng ta súng địch lạng đi một chút, lại nổ túi bụi. Du kích xả đạn qua đầu Sâm, vây quanh Sâm, giữ cho cái bóng nhỏ ngồi xồm trước quả núi gầm rống. Lính địch ở các xe khác đang chạy lắt lư cũng tưới đạn vào Sâm.

Sâm không để ý đến những tiếng chiu chiu chốc chốc và những luồng bụi trắng phụt quanh mình. Sâm không thấy thằng Mỹ bắn trọng liên chục họng súng xuống

quét một tràng sau lưng mình, rồi trúng đạn rơi lệt thồm vào buồng lái. Sâm không biết thằng Mỹ lái xe luống cuống trong mấy giây, không cho xe chồm lên nghiêng Sâm, cũng không kịp chạy lui tránh thủ pháo.

Chung quanh Sâm loảng thoảng một bức tường xanh xám vẩy bùn, mùi dầu cháy rất nóng, tiếng máy và súng gào đầu đó.

Sâm chụp trái thủ pháo, rút chốt, tổng nó xi xi vào gầm xe, nhảy về hầm, nhảy ào trên lưng Trấn. Tất cả mất chừng mười lăm giây.

— Rút! Trấn!

Hai cô xách súng chạy khom lưng dọc khúc hào nhỏ, luồn qua lũy tre, lệt vào con hào lớn trong xóm. Thoát rồi.

Trấn tóm tay Sâm lắc mạnh:

— Sao nhảy lên?

Sâm để tay lên ngực, hít mấy hơi mới nói được:

— Quên... rút chốt...

Ngoài kia, chiếc xe bị đánh đang giạt lùi. Một cây khói đen mọc trên thân nó, lớn lên vòn vọt, màu đen có ánh xanh của thép. Thỉnh thoảng một cái lưỡi đỏ xuyên khói thè ra liếm gió, thụt vào. Bọn lính ở trên thùng xe nhảy áo xuống ruộng, ngã chới với. Chúng xóc chông, trúng đạn. Một tiếng « bup » không to lắm. Những luồng lửa nhọn xi ra túi bụi. Thùng xăng hay súng phun lửa gì đó đã nổ. Cả khối thép vuông bốc cháy rùng rục như cái nhà giấy.

...

MỤC LỤC

Chương V

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN NĂM 1930

	Trang
+ Khái quát về văn học sử	3
+ Phan Bội Châu	9
— Trùng quang tâm sử	13
— Tô một anh thư	13
Đọc thêm về Trùng quang tâm sử	25
— Hào kiệt ăn thề	25
— Văn tế Phan Châu Trinh	27
Đọc thêm về Phan Bội Châu :	34
— Tiếng nói của người sắp chết	34
— Bài ca chúc tết thanh niên	38
— Lưu biệt khi xuất dương	39
— Cảm tác trong nhà tù Quảng đông	40
— Hải ngoại huyết thư	41
+ Thơ Đông kinh nghĩa thực	43
— Chiêu hồn nước	43
+ Phan Châu Trinh	46
— Thư đưa chính phủ Đông dương	46
— Đập đá ở Côn lôn	57
— Cầm cảnh Côn lôn	58
+ Huỳnh Thúc Kháng	58
— Bài hát lưu biệt	59

	Trang
+ Ngô Đức Kế	61
— Hồi Gia Long	61
— Hủ hồn thiếu niên	64
— Đề tình quốc dân ca	65
+ Nguyễn Ái Quốc	67
— Bản án chế độ thực dân Pháp	68
Thuế máu	68
Ông Mắc-lanh	74
Những nhà khai hóa	76
Việc bóc lột người bản xứ	78
Công lý	80
Nỗi khổ nhục của người dân bà bản xứ	82
Cách mạng Nga với các dân tộc thuộc địa	83
Đọc thêm về một bài báo của Bác trước năm 1930	86
— Hành hình kiều Lyn-sơ	86
+ Phạm Duy Tồn	89
— Sống chết mặc bay	89
+ Tản Đà	94
— Thề non nước	94

CHƯƠNG VI

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

+ Sóng gấm	96
— Một ngày giỗ	97
+ Võ bờ	105
— Trong xà lim	105
Đọc thêm về Võ bờ	111
— Một đám ma	111
— Cuộc sống của người phu mỏ	116

	Trang
+ Cái sân gạch	121
— Con trâu nhà lão Am	122
Đọc thêm về Vụ lúa chiêm	132
— Đón máy cày	132
+ Hòn Đất	137
— Tôi là Sứ đây	142
Đọc thêm về Hòn Đất	150
— Mỹ nguy giết người	150
+ Nồi gió	159
+ Người đi tìm hình của nước	169
+ Bác ơi	172
Đọc thêm về văn học hiện đại	
+ Bốn năm sau	175
Trên sân bay	177
Đọc thêm về thơ văn chống Mỹ, cứu nước	182
+ Lửa đèn	182
+ Đất Quảng	186
— Con Xuyên	187
+ Già đình má Bảy	195
— Út Sâm đi vận động cách mạng	196
— Chiến công của Út Sâm	202

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

Lớp Chín — Tập II

Trình bày bìa : TRỊNH THÁI

1a 31.000 cuốn, khổ 13×19 tại Nhà in báo Nhân Dân — Hà Nội

Số in 17-S. Số XB. 43C-III

Xong ngày 16 tháng 11 năm 1975. Nộp lưu chiểu tháng 11-1975

ĐÍNH CHÍNH

Trích giảng văn 9 tập II

Trang	Dòng	In sai	Đọc lại là
21	13 dl	rồi xụp xuống	rồi sụp xuống
31	4 dl	ra tay xin với	ra tay vịn với
38	15	bao chua với sót	bao chua với xốt
41	4 dl	ngu sao	Ngư sao
97	6	quất	quất
102	12	tra nước mắt	tra nước
118	21	các cửa lò	cái cửa lò



huongmaitruongxua.v

Giá : 0,47đ